



ANDREW LANG

truyện thần tiên



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

ANDREW LANG



Truyện thần tiên

Người dịch:
HỒNG VÂN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Truyện Thần Tiên

(Andrew Lang)

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN & CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG
NAM

PHỐI HỢP THỰC HIỆN



Lời nói đầu

Các em thân mến.

*Nhiều nhà văn lớn trên thế giới cũng đồng thời là những nhà sưu tầm truyện cổ dân gian. Nổi bật nhất là nhà văn Đan Mạch – Hans Christian Andersen, sau đó là Anh em Grimm – người Đức; Charles Perrault – người Pháp, Frank Baum – người Mỹ; Oscar Wilde – người Ireland... Trong số này có một nhà văn người Scotland nổi tiếng trên thế giới nhưng lại ít được biết đến ở Việt Nam, tên ông là Andrew Lang (1844-1912). Ông là một nhà bác học có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về văn học dân gian, tôn giáo, trong đó giới học giả đặc biệt ghi nhận công lao của ông trong việc dịch các bản trường ca của Homer ra tiếng Anh và những công trình nghiên cứu chuyên sâu về Homer. Ông cũng đồng thời là một nhà thơ tài năng, nhưng ông được trẻ em biết đến nhiều nhất với 12 tập truyện thần tiên trên thế giới do ông gia công sưu tầm tuyển chọn từ những năm 80 thế kỉ XIX cho đến lúc cuối đời, bắt đầu bằng cuốn Truyện thần tiên màu xanh (*The Blue Fairy Book* – 1889) và kết thúc bằng Truyện thần tiên màu đỏ tía (*The Lilac Fairy Book* – 1910). Những tập truyện này hằng năm được tái bản bằng nhiều thứ tiếng trên thế giới và gần đây được đưa lên mạng để bất cứ ai cũng có điều kiện hưởng thụ di sản văn học dân gian này.*

Nhà Xuất bản Hội Nhà Văn và Công ty Văn hóa Phương Nam tuyển chọn một số truyện trong bộ sách của ông, chia làm nhiều tập, với những mô típ truyện vừa có những nét đặc sắc vừa có nét khác biệt với những truyện cổ quen thuộc với ta để các em có thể làm quen với một thế giới thần tiên mà Andrew Lang đã dày công sưu tầm, tái hiện lại. Chúng tôi hi vọng các em bước vào thế giới thần tiên này rút ra được nhiều bài học thiết thực không chỉ về thi pháp của văn học dân gian mà còn là những bài học thú vị, bổ ích về những ước mơ cao đẹp, niềm tin và những hành động cao thượng để biến những ước mơ đó thành hiện thực, để từ đó có một cách nhìn so sánh

với những truyện cổ dân gian mà các em nghe ông bà kể lại hoặc được học trong chương trình Ngữ văn. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp, phê bình và động viên của bạn đọc gần xa.

Công chúa Bella-Flor

Xưa có một người đàn ông có hai người con trai. Khi họ lớn lên người anh lớn bỏ nhà đi tìm vận may ở một vùng đất xa xôi và trong nhiều năm trời không ai nghe được tin gì về chàng. Trong khi đó người em ở lại nhà với cha già. Một thời gian sau ông cũng mất vì bệnh già, để lại toàn bộ của cải cho con trai út.

Người em út thả sức phung phí số của cải mà người cha đã chặt bóp cả đời, anh ta tin rằng mình có thể một mình ung dung hưởng lộc. Nhưng một hôm, trong lúc xuống lầu, anh ta rất đỗi ngạc nhiên khi thấy một người lạ bước vào nhà, đàng hoàng cứ như thể người ấy đang bước vào nhà mình.

“Em đã quên anh rồi sao?” Người lạ mặt hỏi.

“Tôi không thể quên cái người mà tôi không biết là ai.” Người em đáp lại giọng lạnh nhạt.

“Anh là anh trai của em đây,” người đàn ông đáp, “anh trở về nhà mà không có món tiền mà anh hi vọng kiếm được. Và thật là tệ hại, người làng báo với anh rằng cha chúng ta đã chết. Nếu có thể gặp được cha một lần nữa, anh nguyện mất tất cả vàng bạc của mình.”

“Ông ấy chết đã được 6 tháng rồi,” người em giàu có đáp. “Phần gia tài mà anh được hưởng chỉ là một cái rương gỗ cũ kỹ để ở góc xép. Tốt nhất, anh hãy đến đó mà coi, tôi không có thời gian để lãng phí với anh đâu.” Nói đoạn người em quay lưng bỏ đi.

Thế là người anh lang bạt lâu ngày chẳng còn biết làm gì hơn ngoài việc bước lên gác xép trên nóc nhà kho, ở đấy chàng thấy một chiếc rương gỗ cũ đến nỗi trông như thể nó sắp rời ra từng mảnh.

“Cái vật cũ kỹ này thì có ích gì cho mình kia chứ?” Chàng tự nhủ. “Ồ họa chẳng chỉ đáng ném vào bếp lò để sưởi ấm cho mình trong chốc lát. Sau cùng mọi việc lại trở nên tồi tệ như thế này sao?”

Đặt cái rương lên vai, người anh tên là Jose quay về quán trọ hỏi mượn một cái rìu và bắt đầu bổ rương ra. Khi làm thế chàng phát hiện ra một ngăn kéo bí mật, trong đó có một phong thư. Không hiểu nó là giấy tờ gì, chàng mở ra đọc và rất đỗi ngạc nhiên khi thấy đó là một văn tự của một người nợ cha chàng một khoản tiền lớn. Cho tờ giấy quý giá đó vào trong người, chàng vội vã hỏi người chủ quán trọ xem có thể tìm người kí tên trong tờ giấy nợ ở đâu và chàng lên đường đi tìm người đó ngay.

Con nợ nổi tiếng là một lão già keo bẩn sống ở rìa làng. Nhiều tháng qua lão hi vọng là tờ giấy mà lão viết đã bị mất hoặc bị thiêu hủy và khi cầm trên tay tờ biên nhận lão không hề muốn móc hầu bao ra trả món nợ đó. Tuy vậy khi chàng trai dọa sẽ lôi lão đến trước mặt nhà vua để vua phân xử thì lão thấy là không còn cách nào khác, đành phải xót xa đếm từng đồng trả nợ. Chàng trai bỏ tất cả tiền vào túi rồi quay lại quán trọ, cảm thấy mình đã là một người giàu có.

Mấy tuần sau trong lúc đi dạo ngoài đường phố ở một thị trấn gần nhà, chàng gặp một bà già đau khổ đang khóc rấm rứt. Chàng dừng lại hỏi bà lão xem có chuyện gì xảy ra. Bà lão trả lời giữa hai tiếng nức nở rằng chồng bà đang hấp hối và dường như để cho mọi việc còn tồi tệ hơn, chủ nợ còn nóng lòng muốn giải người bệnh đến cửa quan vì chồng bà không có khả năng trả nợ.

“Thôi bà lão đừng lo lắng nữa,” chàng dịu dàng nói, “người ta sẽ không tống ông lão vào tù cũng như họ sẽ không bán đồ đạc của bà đâu. Cháu không chỉ trả nợ cho bà mà nếu ông nhà có mệnh hệ gì thì cháu cũng sẽ lo trả các phí tổn. Bà cứ về nhà đi, về mà chăm sóc ông nhà trong khả năng của bà.”

Bà lão làm theo nhưng mặc cho sự chăm sóc của bà, người chồng vẫn qua đời và được chàng trai lo ma chay tử tế. Nhưng việc lo cho một người mô yên mả đẹp tốn kém hơn là chàng nghĩ và khi mọi việc đã xong xuôi chàng chỉ còn lại 3 đồng vàng.

“Bây giờ mình phải làm gì đây?” Chàng tự hỏi. “Có lẽ sẽ tốt hơn nếu mình đến kinh kì, vào cung xin hầu hạ nhà vua.”

Đầu tiên chàng làm công việc chuyên múc nước tắm cho nhà vua và tận mắt nhìn thấy long sàng của vua được làm rất đặc biệt. Chàng trai phục vụ vua chu đáo đến mức chẳng bao lâu nhà vua cũng nhận ra và chỉ trong một thời gian ngắn chàng đã trở thành người hầu hạ trong phòng ngủ của vua.

Vào lúc đó, người em giàu có đã phung phí hết số tiền mà anh ta được hưởng từ cha già và không biết phải làm gì để nuôi sống bản thân. Hay tin anh ruột mình đã trở thành người hầu cận tâm phúc của nhà vua, hẳn bèn tìm đến cung điện, cầu cứu người anh mà hẳn đã xử rất tệ. Người anh trai bao giờ cũng sẵn lòng giúp đỡ người khác, đã đích thân cầu xin nhà vua và ngay ngày hôm sau người em đã được vào làm trong cung.

Thật không may, người em lại là một kẻ xấu tính và đố kị, hẳn không thể chịu đựng được khi có bất cứ ai may mắn hơn hẳn. Nhờ nghe lén qua các lỗ khóa và các cánh cửa mà hẳn biết được rằng ông vua tuy già và xấu xí này lại đem lòng yêu say đắm công chúa Bella-Flor người chẳng có tình cảm gì với vua, và hiện nay nàng đang sống ẩn dật trong một tòa lâu đài ở sâu trong núi và không ai biết rõ là ở đâu.

“Đúng là một cơ hội tốt,” người em đều cáng nghĩ, múa tay trong bị. “Không có gì khó trong việc xúi nhà vua phái hẳn đi tìm công chúa và nếu hẳn trở về mà không có cô nàng thì cái đầu của kia rớt xuống đất là cái chắc. Dù thế nào thì hẳn cũng không cản đường mình được.”

Thế là hẳn liền tìm đến viên thị thần trông nom cung cấm yêu cầu được gặp mặt nhà vua vì có những tin tức tối quan trọng muốn bẩm báo với thánh thượng. Vua đồng ý cho hẳn được gặp mặt ngay lập tức, bảo hẳn hãy nói ngay những điều muốn nói và phải nói thật ngắn gọn.

“Muôn tâu thánh thượng! Công chúa Bella-Flor...” gã đàn ông láu cá thốt lên rồi dừng lại như e sợ điều gì.

“Công chúa Bella-Flor làm sao?” Vua sốt ruột kêu lên.

“Hạ thần nghe có lời xì xào trong cung rằng bộ hạ muốn biết chỗ công chúa đang ẩn náu...”.

“Trẫm sẽ cắt một nửa vương quốc này cho kẻ nào đưa nàng về đây cho trẫm,” ông vua già hấp tấp kêu lên: “Nói mau, có phải có con chim nào trên không trung mách bảo cho người biết điều gì về nàng?”

“Tâu bộ hạ không phải là kẻ nô bộc này mà là anh trai Jose của hạ thần,” người em giáo quyết nói, “nếu bộ hạ hỏi anh ấy...”.

Nhưng trước khi hẳn có thể nói hết câu thì vua đã vung cây quyền trượng đập vào một cái đĩa bằng vàng treo trên tường.

“Đòi Jose vào chầu ngay lập tức,” vua ra lệnh và một thị vệ đứng gần ba chân bốn cẳng chạy đi thi hành mệnh lệnh. Tiếng động mà nhà vua gây ra to thế đấy!

Khi Jose bước vào điện, chàng tự hỏi không biết có chuyện gì kinh thiên động địa đây bởi lẽ vua gần như không nói lên lời vì giận dữ và kích động.

“Mang ngay công chúa Bella-Flor về đây cho trẫm,” vua lặp bập, “nếu người quay về đây mà không có công chúa đi theo, trẫm sẽ chìm người xuống nước cho đến chết.” Rồi không phí thêm một lời nào nữa vua bỏ đi để Jose ở lại, hai mắt tròn tròn vì ngạc nhiên và kinh hãi.

“Làm sao mình có thể tìm ra công chúa Bella-Flor khi mình chưa bao giờ thấy mặt nàng? Nhưng ở lại đây cũng chẳng có ích gì bởi vì mình sẽ bị khép vào tội chết.” Nghĩ thế, chàng chậm rãi đi về phía chuồng ngựa chọn cho mình một con.

Có biết bao nhiêu con ngựa tuyệt đẹp nhất trong chuồng, tên chúng được khắc bằng vàng treo ngay cửa chuồng. Jose đi qua hết con này đến con khác mà không biết nên chọn con nào thì có một con ngựa bạch già nua ngẩng đầu lên và thở dài khi chàng đi qua.

“Chọn tôi đi,” nó thì thầm bằng giọng nhẹ như gió thoảng, “rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp thôi.”

Jose vẫn còn bàng hoàng cả người trước lệnh vua ban nên chàng không còn khả năng ngạc nhiên khi nghe một con ngựa nói tiếng người. Một cách máy móc, chàng đặt tay lên dây cương và dẫn con ngựa trắng ra khỏi chuồng. Chàng đang định nhảy lên lưng ngựa thì con vật lại cất tiếng nói lần nữa:

“Nhặt lấy ba ổ bánh mì mà cậu thấy ở đây cho vào trong túi.”

Jose làm theo lời ngựa nói và vì nóng lòng muốn đi ngay, chàng không hỏi thêm một câu, vội nhảy phắt lên lưng ngựa.

Người và ngựa đi một thoi đường mà không gặp chuyện gì, chợt họ trông thấy một tổ kiến ở một chân đồi. Ngựa dừng lại:

“Hãy bẻ vụn những chiếc bánh mì tung ra cho bầy kiến,” ngựa nói. Nhưng Jose ngập ngừng.

“Sao lại làm thế? Chúng ta cũng cần cái ăn cơ mà.”

“Đừng thắc mắc nữa, cho bầy kiến ăn cũng như ta ăn thôi. Đừng bỏ lỡ cơ hội giúp đỡ người khác.”

Khi bánh mì được bẻ vụn và rải trên đường, con ngựa bắt đầu phi nước đại.

Chẳng bao lâu sau họ đến một con đường đá nằm giữa hai dãy núi và ở đây họ gặp một con đại bàng trúng phải bẫy của người thợ săn.

“Nhảy xuống đất đi và cắt lưới thả con chim tội nghiệp ra.” Ngựa lại nói.

“Nhưng làm thế mất công lắm và chúng ta có thể sẽ không còn cơ hội tìm thấy công chúa.”

“Đừng lo lắng và đừng bao giờ để lỡ dịp giúp đỡ người khác,” ngựa đáp. Thế là khi chiếc lưới bị cắt, đại bàng trở về với trời xanh, con ngựa lại tiếp tục lên đường.

Họ đi qua nhiều dặm đường, cuối cùng cũng đến trước một con sông, ở đây họ trông thấy một con cá đang nằm chờ chết trên bãi cát. Ngựa lại nói:

“Cậu thấy không, con cá nhỏ sẽ chết nếu cậu không thả nó về lại dòng sông.”

“Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ tìm thấy công chúa nếu cứ lãng phí thời gian vào những việc như thế này.” Jose kêu lên.

“Thời gian giúp đỡ kẻ khốn sẽ không bao giờ lãng phí đâu,” ngựa đáp và chẳng bao lâu sau con cá nhỏ đã vui vẻ vẫy vùng trong dòng nước rồi bơi đi xa.

Lại một đoạn đường nữa và họ thấy trước mặt một tòa lâu đài được dựng lên giữa một khu rừng rậm. Đứng trước cửa lâu đài là công chúa Bella-Flor đang cho đàn gà ăn.

“Bây giờ thì nghe đây,” ngựa nói. “Tôi sẽ biểu diễn tất cả các nước đi và điệu nhảy hòng làm cho công chúa thích mê đi. Nàng sẽ đề nghị cậu cho nàng cưỡi một đoạn và cậu phải giúp nàng ngồi lên lưng tôi. Khi nàng đã yên vị rồi tôi sẽ lồng lên, đá hậu, lúc đó cậu phải bảo rằng tôi chưa bao giờ mang trên lưng một người con gái và rằng tốt nhất cậu phải nhảy lên đằng sau để điều khiển tôi. Một khi hai người đã ngồi trên lưng tôi rồi chúng ta sẽ đi nhanh như ngọn gió về cung điện của nhà vua.”

Jose làm theo lời con ngựa và mọi chuyện diễn ra đúng theo lời con ngựa đã đoán trước. Thế là chỉ đến lúc ngồi trên lưng con ngựa chạy chân không bén đất trên con đường dẫn về cung điện công chúa mới biết là nàng đã bị bắt cóc. Tuy vậy, nàng không nói một lời mà lặng lẽ mở tạp dề trong có đựng cám cho bầy gà con và trong một loáng cám rơi đầy mặt đất. “Ôi, tôi đánh rơi hết cám rồi, làm ơn hãy xuống ngựa và nhặt cám cho tôi.”

“Chúng ta sẽ có rất nhiều cám ở nơi chúng ta sắp đến,” Jose đáp và con ngựa lại phi nước đại như cũ.

Khi họ phóng qua một khu rừng, công chúa lấy ra một chiếc khăn tay, ném về phía trước, chiếc khăn mắc vào một ngọn cây cao.

“Trời đất ơi, thật ngốc làm sao, tôi để chiếc khăn bay mất rồi. Chàng có thể trèo lên cây lấy khăn xuống cho tôi không?”

“Chúng ta sẽ có vô khối khăn ở nơi chúng ta sắp đến,” Jose đáp và con ngựa lại tiếp tục đường đi như bay của nó.

Đi khỏi cánh rừng họ đến một con sông, công chúa tháo chiếc nhẫn ra khỏi ngón tay và để nó rơi xuống dòng nước.

“Ôi tôi mới đoảng làm sao,” nàng thảng thốt kêu lên cùng với những tiếng thốn thức não nùng. “Tôi đánh mất chiếc nhẫn quý nhất, xin hãy dừng lại một lúc xem xem có thể tìm thấy nhẫn không.”

“Nàng sẽ có vô số nhẫn quý ở nơi nàng sắp đến,” trước sau Jose chỉ nói một câu và con ngựa vẫn tiếp bước.

Cuối cùng họ cũng về đến cổng cung điện, trái tim của nhà vua đập loạn lên vì vui mừng khi trông thấy người mà mình ngày đêm mong nhớ. Nhưng công chúa đã xua nhà vua sang một bên như thể ông chỉ là một con ruồi. Nàng tự nhốt mình vào một căn phòng ở gần cổng nhất, nhất định không mở cửa trước những lời cầu xin của nhà vua.

“Nếu mang đến cho ta ba vật ta đánh mất dọc đường thì họa may ta mới nghĩ lại chuyện này.” Đó là tất cả những điều công chúa nói và trong lúc tuyệt vọng vua chỉ còn cách tìm đến sự giúp đỡ của Jose.

“Trăm chẳng còn phương sách gì hết, nhưng người là kẻ biết những vật đó rơi ở đâu vậy người hãy đi đến đấy tìm bằng được những thứ đó và mang về đây. Nếu người về tay không trăm sẽ chìm người xuống hồ nước cho đến chết.”

Jose đáng thương quá sợ hãi trước mệnh lệnh mới này. Chàng nghĩ mình phải thực hiện những yêu cầu này thì mới có thể sống an toàn được. Thế là chàng cúi chào nhà vua thật thấp rồi đi ra chuồng ngựa tìm lời khuyên của người bạn ngựa bạch.

“Đừng tự làm khổ mình nữa,” ngựa nói sau khi nghe xong câu chuyện. “Nhảy lên yên đi, chúng ta sẽ đi tìm những thứ này.” Nghe thế, Jose lập tức nhảy lên lưng ngựa.

Họ cứ đi cho đến khi gặp ngọn đồi có tổ kiến hôm trước, ngựa dừng lại hỏi:

“Cậu có muốn nhặt cám về không?”

“Nhưng làm sao có thể lượm lại được tất cả những hạt cám ấy?” Jose hỏi lại.

“À, cứ gọi bầy kiến đến bảo chúng tìm cho cậu, nếu có những hạt theo gió bay rải rác đi xa thì chúng cũng sẽ mang về cho cậu, trả công cho những mẫu bánh mì mà cậu đã cho chúng ăn hôm nào.” Jose lấy làm ngạc nhiên lắm khi nghe ngựa nói và chàng không dám tin tưởng vào kế hoạch này nhưng chàng cũng chẳng nghĩ ra được cái gì khác hơn. Thế là chàng gọi bầy kiến đến và đề nghị chúng nhặt cám về giúp mình.

Sau đó chàng đứng đợi dưới một gốc cây, trong khi con ngựa thò cổ gặm những ngọn cỏ non.

“Nhìn kìa,” chợt con vật nói, ngẩng đầu lên và Jose nhìn ra phía sau thấy một đồng cám đùn trên mặt đất, chàng bỏ cám vào trong bao và vắt bao lên yên ngựa.

“Giống tốt sẽ cho quả ngọt, chẳng chóng thì chầy,” ngựa thủng thẳng nói, “nhưng hãy lên đường ngay, chúng ta còn phải đi một chặng đường dài.”

Rồi họ đến một cây đại cổ thụ, trông thấy chiếc khăn tay bay phấp phới như một lá cờ tít trên ngọn cây cao. Jose lại mất hết mọi hi vọng.

“Làm sao tôi có thể lấy được chiếc khăn đây? Chắc tôi phải dùng đến chiếc thang của Jacob thôi.” Nhưng con ngựa đáp.

“Đừng sợ, hãy gọi con đại bàng mà cậu đã cứu đến, nó sẽ lấy chiếc khăn cho cậu.”

Jose lên tiếng gọi đại bàng và con chim bay lên ngọn cây, cặp chiếc khăn trong mỏ mang xuống cho chàng. Jose cảm ơn con chim rồi nhảy lên ngựa, họ đi đến dòng sông nọ.

Đêm hôm trước có một trận mưa lớn nên dòng sông thay vì trong vắt đến tận đáy lại dâng nước lên tràn bờ và ngầu đục.

“Làm sao tôi có thể vớt nhẫn lên từ dưới lòng sông trong khi tôi không biết nó rơi chỗ nào, thậm chí cũng không thể nhìn thấy nó?” Jose hỏi.

“Đừng hoảng sợ,” ngựa nói, “hãy gọi con cá nhỏ mà cậu đã cứu lên đi. Nó sẽ mang nhẫn lên cho cậu.”

Thế là Jose cất tiếng gọi nhờ cá và cá lặn xuống tận đáy, trườn sau những tảng đá lớn, di chuyển qua những tảng đá nhỏ với cái đuôi quẫy quẫy cho đến lúc nó tìm thấy chiếc nhẫn, ngậm vào mõm và đưa lên cho Jose.

Không gì có thể làm chàng trai sung sướng hơn và Jose trở về cung điện, nhưng khi vua đem những món đồ quý giá đó cho Bella-Flor, nàng tuyên bố nàng sẽ không mở cửa cho đến khi người ta cho cái kẻ đã bắt cóc nàng đến đây vào vạc dầu sôi.

“Trẫm rất lấy làm tiếc Jose ạ,” nhà vua nói với chàng, “trẫm không muốn làm thế nhưng khanh thấy đấy, trẫm không còn cách nào khác.”

Trong khi dầu đang nóng lên trong vạc dầu lớn, Jose đi ra chuồng ngựa hỏi người bạn ngựa thân yêu xem có cách gì giúp chàng trốn thoát không.

“Đừng quá hoảng sợ như vậy,” ngựa nói, “hãy nhảy lên lưng tôi và tôi sẽ lồng lên cho đến khi cả người tôi ướt đầm mồ hôi. Sau đó cậu hãy lấy mồ hôi xoa lên khắp người, dù dầu có nóng đến đâu cậu cũng không hề hấn gì.”

Jose không hỏi thêm một câu nào, vội vã làm theo lời ngựa dặn. Bọn đao phủ ngạc nhiên khi nhìn thấy khuôn mặt tươi cười của chàng khi họ thả chàng vào vạc dầu sôi. Chàng ở trong chảo cho đến lúc Bella-Flor kêu lên rằng chàng bị nấu như thế đã đủ như lắm rồi. Nhưng từ trong vạc dầu sôi

bước ra lại là một chàng trai thật cường tráng, thật đẹp đẽ đến nỗi ai trông thấy cũng phải đem lòng yêu mến và nàng Bella là người say mê hơn cả.

Ông vua già thấy mình đã thua cuộc và trong lúc tuyệt vọng ông đã nhảy vào vạc dầu và bị nấu chín thay cho Jose. Sau đó Jose lên ngôi vua với điều kiện chàng được sánh duyên cùng công chúa. Nhưng điều đầu tiên chàng tha thiết muốn làm là đi đến chuồng ngựa, tìm người bạn ngựa và nói: “Tôi nợ ân nhân cả cuộc sống và chiếc vương miện này. Vì lẽ gì mà bạn đã làm tất cả những điều đó cho tôi?”

Và ngựa đáp: “Tôi chính là linh hồn của người đàn ông bất hạnh mà cậu đã bỏ tất cả tiền bạc ra làm ma chay và trả nợ. Khi thấy cậu trong cơn nguy hiểm tôi đề nghị được giúp đỡ cậu như cậu đã không nề hà khi làm tất cả cho tôi. Bởi vì như tôi đã từng nói với cậu, hạt giống của việc làm tốt đẹp sẽ cho ra quả ngọt.”

Cuốn sách pháp thuật

Xưa thật là xưa có một cặp vợ chồng già tên là Peder và Kirsten. Họ chỉ có một cậu con trai độc nhất tên là Hans. Từ lúc cậu còn bé người ta đã tiên đoán rằng vào lúc 16 tuổi cậu sẽ phải xa nhà tìm kế mưu sinh. Vì thế mà vào một sớm mùa hè tươi đẹp, cậu lên đường tìm kiếm vận may chỉ với một tay nải đựng quần áo đeo trên vai.

Suốt mấy giờ liền cậu vui vẻ đi trên đường, thỉnh thoảng lại dừng lại uống nước từ một dòng suối trong lành hoặc ăn trái cây chín mọng trên cành. Những con thú hoang bé nhỏ liếc nhìn cậu từ dưới các lùm cây, cậu mỉm cười và gật đầu chào lại: “Chào buổi sáng!” Sau khi đi được một đoạn đường dài, cậu gặp một ông già râu tóc bạc phơ đang đi trên con đường mòn nhỏ. Cậu bé không tránh sang một bên mà ông già cũng không nhường bước, thế là họ đâm sầm vào nhau. “Ta nghĩ” ông già nói, “một đứa bé phải nhường đường cho người già chứ.”

“Con đường dành cho tôi cũng như dành cho ông,” cậu bé đáp một cách ngỗ ngược bởi vì cậu chưa học được phép lịch sự.

“Ồ, điều đó nghe cũng có lí,” ông già nhẹ nhàng đáp. “Dám hỏi công tử đi đâu vậy?”

“Tôi đi tìm việc làm.”

“Nếu vậy cậu có thể đến làm việc cho tôi.”

“Ồ, Hans sẵn lòng lắm, nhưng còn công xá thì sao?”

“Hai bảng một năm, và cậu chẳng phải làm gì ngoài việc giữ cho mấy căn phòng được sạch sẽ.”

Có vẻ như việc đó cũng không khó khăn gì đối với Hans thế là cậu đồng ý đến làm việc cho ông già và họ cùng quay về nhà ông lão. Trên đường đi họ qua một thung lũng sâu rồi đi đến một ngọn núi cao. Ở đấy, ông già mở

một cánh cửa sập sập mặt đất rồi bảo Hans đi theo mình và cả hai cùng đi xuống một cái cầu thang rất dài. Khi hai người đặt chân xuống đất, Hans nhìn thấy hàng dãy phòng san sát, sáng trưng bởi vô số ngọn nến và phòng nào cũng chứa đầy những món đồ đẹp đẽ. Trong khi cậu tò mò nhìn quanh, ông già nói: “Bây giờ cậu biết mình phải làm cái gì rồi đó. Cậu phải giữ cho những căn phòng này lúc nào cũng được sạch sẽ và ngày nào cũng phải rải cát lên sàn nhà. Ở đây có một cái bàn, bao giờ cũng đầy ắp đồ ăn và thức uống, còn kia là giường dành cho cậu. Có nhiều bộ quần áo treo trên tường, cậu có thể mặc bất cứ bộ quần áo nào cậu thích nhưng nên nhớ không bao giờ được mở cánh cửa khóa kia. Nếu cậu cố tình mở ra, tai họa sẽ giáng xuống đầu cậu. Thôi, bây giờ thì tạm biệt vì tôi phải đi ngay và không thể nói trước bao giờ tôi mới trở về.”

Sau khi ông già biến mất, Hans đã ngồi vào bàn đánh một bữa thật ngon miệng, rồi lên giường ngủ một giấc cho đến lúc trời sáng bạch. Khi mới thức giấc, cậu không thể nhớ nổi chuyện gì đã xảy ra nhưng rồi cậu nhảy xuống giường đi vào hầu hết các phòng xem xét, sờ mó.

“Thật là ngớ ngẩn khi bắt mình rải cát lên sàn trong khi chẳng có ai ngoài mình! Chà, mình sẽ không làm chuyện đó đâu”. Thế là cậu nhanh nhẹn đóng tất cả các cánh cửa lại và chỉ quét dọn căn phòng của chính mình. Nhưng chỉ vài ngày sau cậu nhận thấy cả việc này cũng không cần thiết bởi vì chẳng có ma nào lộ mặt đến xem các căn phòng ở đây có sạch sẽ hay không? Cuối cùng cậu chẳng làm gì hết mà chỉ ngồi bần thần, tự hỏi không biết có cái gì trong căn phòng cấm kia cho đến lúc cậu quyết định tự mình sẽ mở ra xem xét.

Chìa khóa nhẹ nhàng xoay trong ổ và cánh cửa mở ra. Hans bước vào, không khỏi có phần lo sợ với việc mình đang làm và vật đầu tiên đập vào mắt cậu là một đồng xương người. Trong phòng chẳng có gì đáng xem, cậu đang định bước ra thì đôi mắt cậu dừng lại ở một giá sách. Đây cũng là một cách tốt để giết thời gian, cậu nghĩ, bởi vì cậu rất mê sách vở và cậu rút ra một cuốn. Đó là một cuốn sách dạy pháp thuật, chỉ dẫn cho bạn cách thức

biến mình thành bất cứ cái gì mà mình thích trên đời này. Còn gì thú vị và có ích lợi hơn không? Thế là cậu cho quyền sách pháp thuật vào túi và vội vã chạy khỏi nơi nguy hiểm theo một cánh cửa nhỏ để ngỏ.

Khi cậu về đến nhà, cha mẹ gắng hỏi cậu đã làm những gì và làm sao mà có được những bộ quần áo đẹp đến thế.

“Ồ, con tự kiếm được đấy chứ.”

“Mày không thể kiếm đâu ra trong một khoảng thời gian ngắn như vậy,” người cha giận dữ nói. “Cút ngay, tao không chứa mày nữa. Tao sẽ không cho quân trộm cắp bước vào nhà này.”

“Nhưng con chỉ quay về để giúp cha thôi mà,” cậu bé phụng phịu đáp. “Bây giờ con sẽ bỏ đi như cha muốn, nhưng sáng mai khi thức dậy cha sẽ thấy một con chó to đứng ngoài cửa. Đừng đuổi nó đi, cha hãy dắt nó đến tòa lâu đài mà bán cho ngài công tước, người ta sẽ trả 10 bảng, chỉ có điều cha hãy mang sợi dây cổ chó về nhà.”

Quả nhiên sáng hôm sau người cha thấy một con chó lớn đứng đợi ngoài cửa. Ông rất sợ, không muốn dính líu vào những chuyện rắc rối, nhưng bà vợ giục giã ông mang con chó đi bán như cậu con trai đã nói. Thế là ông dắt chó đến lâu đài của ngài quý tộc bán được 10 bảng. Ông không quên chuyện sợi dây cổ chó và mang nó về nhà. Về đến nơi ông đã thấy bà vợ già Kirsten đứng đợi ngoài cửa.

“Thế nào rồi Peder, ông đã bán con chó rồi chứ?”

“Rồi và tôi mang về 10 bảng như thằng Hans đã nói.”

“Thế thì tốt quá!” Bà vợ thốt lên. “Bây giờ thì ông thấy rõ cái mà người ta có thể có được bằng cách làm theo lời khuyên của vợ như thế nào. Nếu không có tôi thì ông đã đuổi con chó đi và chúng ta sẽ mất toi món tiền trên. Sau nữa, chẳng phải tôi bao giờ cũng biết cái gì là tốt nhất sao?”

“Vớ vẩn!” Ông chồng nói, “đàn bà bao giờ chẳng tưởng rằng họ cái gì cũng biết. Tôi đã bán con chó như bà muốn. Bây giờ thì cất tiền vào chỗ an

toàn và đừng có bép xép gì về chuyện này.”

Ngày hôm sau Hans quay về nhưng mặc dù mọi việc đã diễn ra như cậu dự đoán, cậu thấy cha mình vẫn không có vẻ hài lòng.

“Thôi biến đi đâu thì biến, mà chỉ làm cho cha mẹ gặp rắc rối thôi.”

“Con còn chưa giúp được gì nhiều cho cha mẹ mà,” cậu con trai đáp. “Ngày mai sẽ có một con bò sữa béo mập to như cả ngôi nhà này. Cha hãy đưa nó đến cung điện và cha sẽ kiếm được đến 1000 bảng. Chỉ có điều cha hãy mang sợi dây thừng xỏ mũi nó về nhà và cha đừng đi đường cái quan mà hãy đi theo con đường mòn trong rừng.”

Sáng hôm sau khi cặp vợ chồng già thức dậy họ thấy có một cái đầu thật lớn nhòm vào cửa sổ phòng ngủ. Úi cha, đó là một con bò cái to gần bằng túp lều của họ. Bà lão Kirsten sung sướng phát điên lên, nghĩ ngay đến số tiền bán con bò.

“Nhưng làm sao ông có thể xỏ dây thừng vào mũi nó được.”

“Cứ đợi đấy rồi sẽ thấy, mẹ nó ạ,” ông chồng đáp.

Đoạn ông bê cái thang vẫn dùng để trèo lên gác xép dựng rơm, dựng thang vào cổ bò. Ông trèo lên thang, xỏ dây vào mũi bò. Khi cảm thấy dây buộc đã chắc chắn ông bèn cưỡi bò đến cung điện, vừa may gặp nhà vua đang đi tản bộ trong vườn.

“Bây tôi hay tin công chúa sắp cử hành hôn lễ,” Peder lễ phép thưa với đức vua, “vì thế mà bây tôi mang đến cho bệ hạ một con bò lớn hơn bất cứ con bò nào trên đời này. Chẳng hay bệ hạ có ý định mua con bò này không?”

Quả thật cả đức vua cũng chưa nhìn thấy một con bò nào to đến thế và ngài vui lòng trả 1000 bảng như bác nông dân ra giá và bác ta không quên mang sợi dây thừng về.

Sau khi bác ra về, vua cho gọi một gã đồ tể đến, lệnh cho gã giết thịt con vật để làm tiệc cưới cho công chúa. Đồ tể vác một cái rìu lớn đến nhưng

đúng lúc gã vung cây rìu lên thì con bò cái biến thành một con chim bồ câu và vỗ cánh bay đi. Đồ tể đứng ngây người nhìn theo như thể chính ông ta cũng hóa đá. Tuy vậy khi không thể tìm thấy con bồ câu, gã buộc phải bám lại với đức vua chuyện gì đã xảy ra, nhà vua lập tức phái người đi bắt ông già giải về cung. Nhưng Peder đã an toàn trong rừng và không ai tìm thấy ông. Cuối cùng khi cảm thấy mọi chuyện đã yên lành, ông mới về nhà. Bà vợ gần như ngất đi vì vui sướng với số tiền mà ông chồng mang về nhà.

“Bây giờ khi chúng ta đã là người giàu có rồi, chúng ta sẽ xây một ngôi nhà to hơn,” bà reo lên và tỏ ra giận dữ khi thấy Peder chỉ lắc đầu, nói: “Không, nếu thế dân làng sẽ xì xào và bảo chúng ta làm giàu bằng cái trò lừa đảo.”

Vài hôm sau vào một buổi sáng Hans lại về nhà. “Cút đi trước khi mà y lời chúng tao vào những chuyện rắc rối,” người cha quát. “Đến bây giờ đồng tiền cũng rủng rinh nhưng tao chẳng dám tin có điều gì tốt đẹp.”

“Đừng lo lắng cha ạ. Ngày mai cha sẽ thấy một con ngựa đứng ngoài cổng. Cha hãy cưỡi nó đi ra chợ bán với giá 1000 bảng. Chỉ có điều cha đừng quên mang bộ yên cương về nhà sau khi bán ngựa.”

Và sáng hôm sau quả nhiên có một con ngựa ngoài cổng. Kirsten chưa hề thấy con ngựa nào đẹp đến thế. “Cẩn thận không nó làm ông bị thương đó Peder.” “Vớ vẩn, đàn bà thì biết gì,” ông già nổi cáu. “Khi còn trẻ tôi chẳng sống với lũ ngựa là gì, tôi chẳng đã cưỡi ngựa đi hơn 20 dặm hay sao?” Nhưng điều này không đúng đâu bởi vì ông chưa bao giờ ngồi trên lưng một con ngựa nào trong đời.

Tuy vậy, con ngựa rất thuần nên Peder có thể cưỡi nó ra chợ mà không có chuyện gì xảy ra. Ở đấy ông gặp một người trả giá đến 999 bảng nhưng Peder quyết không bán kém đi một chình. Cuối cùng có một ông già râu bạc trắng đến gần ngắm nghía con vật và đồng ý mua với cái giá 1000 bảng. Nhưng ông già vừa đặt tay lên mình ngựa nó đã lồng lên, đá hậu. “Tôi phải lấy bộ yên cương lại. Tôi chỉ bán ngựa, không bán yên cương.”

“Tôi sẽ trả ông 100 bảng” ông già nói, móc hầu bao.

“Không, tôi không bán đâu.” Cha của Hans đáp.

“500 bảng thì sao?”

“Không.”

“Vậy 1000 bảng.”

Với cái giá này thì cả sự cứng rắn của Peder cũng phải chịu thua, chỉ có kẻ ngốc mới để mất đi một món tiền lớn như thế. Peder chấp nhận, nhưng ông khó mà cầm cương con ngựa, nó lồng lên dữ tợn. Thế là ông để mặc con ngựa cho người mua giải quyết mà về nhà với 2000 bảng.

Tất nhiên người vui sướng nhất là bà Kirsten và bà khẳng khẳng nói rằng cần phải tậu ngay một ngôi nhà mới cùng với đất đai. Lần này ông chồng bằng lòng và chẳng bao lâu họ đã có cả một nông trại khang trang.

Lại nói về ông già với con ngựa vừa mua. Ông ta đến một lò rèn yêu cầu người thợ rèn đóng móng cho con ngựa. Người thợ rèn gợi ý rằng trước hết họ nên uống với nhau một chén đã và con ngựa được cột lại bên dòng suối trong lúc hai người vào trong nhà chén chú chén anh. Trời hôm ấy rất nóng, cả hai đều rất khát, ngoài ra họ có nhiều chuyện để trao đổi với nhau và nhiều giờ trôi qua mà họ vẫn còn sôi nổi trò chuyện. Một người hầu gái đi ra suối múc nước và vì là một cô gái tốt bụng, cô múc một xô nước cho con ngựa uống. Cô thật ngạc nhiên khi thấy con vật cất tiếng nói:

“Lấy bộ yên cương ra đi, như thế cô sẽ cứu sống tôi.”

“Ta không dám làm thế đâu, chủ người sẽ nổi giận mất.”

“Ông ta không thể làm hại cô mà cô thì là ân nhân cứu mạng của tôi.”

Đến đây thì cô gái xiêu lòng, cô tháo bộ yên cương ra và suýt nữa xỉu vì kinh ngạc khi thấy con ngựa hóa thành một con bồ câu, vụt bay mất vừa đúng lúc ông già ra khỏi quán. Nhìn thấy thế ông ta hóa phép biến thành một con diều hâu, đuổi theo con bồ câu. Bay qua nhiều khu rừng và những

cánh đồng, cuối cùng hai con chim bay đến khu vườn thượng uyển xinh đẹp bao quanh cung điện của nhà vua. Một nàng công chúa đang dạo chơi với các thị tỳ trong vườn hồng thì chim bồ câu hóa thành một chiếc nhẫn vàng rơi xuống chân nàng.

“Lạ chưa, có một cái nhẫn ở đây!” Công chúa kêu lên, “nó từ đâu mà lại rơi xuống đây nhỉ?” Nàng cúi xuống nhặt chiếc nhẫn lên lồng vào ngón tay. Việc làm đó đã tước hết quyền lực của lão chủ đối với Hans, bởi chính lão là một phù thủy và tất nhiên bạn cũng biết rằng chính Hans đã hóa thành con chó, con bò, con ngựa và bồ câu.

“Lạ thật,” công chúa nói. “Nó vừa khít vào ngón tay mình cứ như thể được đánh ra cho mình vậy.”

Vừa lúc đó vua cha đi đến.

“Phụ vương nhìn xem con tìm được cái gì này.”

“Ồ đó là một chiếc nhẫn tầm thường, với lại trăm nghìn con cũng có đủ nhẫn đeo tay rồi.”

“Nhưng mà con thích chiếc này,” công chúa đáp.

Khi công chúa còn lại một mình trong phòng, nàng quá sức ngạc nhiên khi chiếc nhẫn rời khỏi ngón tay nàng biến thành một chàng trai. Bạn có thể hình dung là nàng sợ hãi như thế nào cũng như bạn cũng sẽ sợ hết hồn nếu ở vào hoàn cảnh ấy. Nhưng chỉ trong giây lát, chàng lại hóa thành chiếc nhẫn, rồi lại biến thành một người đàn ông vài lần cho đến khi nàng quen với sự biến hóa ấy.

“Tôi rất tiếc đã làm công chúa hoảng sợ,” Hans nói khi cậu cảm thấy có thể nói chuyện với nàng mà không làm nàng kêu thét lên. “Tôi đến nương tựa chỗ công chúa chỉ vì trốn chạy ông già râu bạc chả là tôi đã phạm lỗi không nhỏ với ông ấy. Ông ta đang tìm cách giết tôi, chỉ có ở đây tôi mới được an toàn.”

“Vậy thì chàng cứ ở lại đây,” công chúa nói. Từ đó hai người trở thành một đôi bạn tốt mặc dù tất nhiên Hans chỉ hiện hình người khi không có ai khác.

Mọi chuyện diễn ra suôn sẻ cho đến một ngày họ đang ngồi tâm sự với nhau thì vua cha bước vào và dù Hans đã nhanh chóng biến thành chiếc nhẫn thì mọi việc cũng đã quá trễ.

Vua nổi trận lôi đình.

“Đó có phải là lí do khiến con từ chối tất cả những ông vua và các hoàng tử đến cầu hôn?” Vua kêu lên. Và không đợi nàng phân bua, vua ùng ùng ra lệnh bắt nốt công chúa và người yêu của nàng trong cung Mùa Hè và để hai người chết vì đói.

Tối hôm ấy nàng công chúa đáng thương, vẫn với chiếc nhẫn đeo trên ngón tay đã bị giải đến cung Mùa Hè với số thức ăn chỉ đủ cho ba ngày, và cánh cửa ở đây bị bịt kín lại. Khoảng một hoặc hai tuần sau nhà vua nghĩ đã đến lúc làm một đám ma linh đình cho con gái dù cho cách cư xử của cô có làm vua mất mặt thế nào chẳng nữa. Người ta phá bỏ bức tường bao quanh Cung Mùa Hè. Vua không thể tin vào mắt mình khi tìm đâu cũng không thấy công chúa cùng tình nhân. Thực ra họ nằm ngay dưới chân nhà vua trong một cái hầm đủ lớn cho hai người đi qua.

Vậy chuyện gì đã xảy ra?

Khi công chúa và Hans đã mất hết hi vọng, họ cùng nhảy lầu để chết bên nhau thì rơi đúng vào căn hầm dưới đất và cuối cùng họ tìm thấy mình ở trong một tòa lâu đài làm toàn bằng vàng ròng ở đâu kia thế giới. Họ sống ở đó thật vui vẻ. Nhưng điều này dĩ nhiên là vua không biết.

Bấy giờ đứng nhìn xuống con đường hầm, Vua hỏi: “Có ai đi xuống tìm hiểu xem con đường này dẫn đến đâu không?” Vua quay nhìn quân lính và triều thần. “Trẫm sẽ trọng thưởng cho kẻ nào đủ can đảm để khám phá ra điều đó.”

Mất một lúc lâu không có ai lên tiếng. Địa đạo tối đen, sâu hun hút và nếu nó dẫn đến chỗ nào đó thì cũng không ai thấy được. Cuối cùng một người lính vốn là một kẻ liều mạng tiến lên xin nhà vua được thử sức một phen và anh thận trọng dò từng bước trong bóng tối. Nhưng chỉ một lúc sau anh ta cứ rơi, rơi mãi. “Mình rơi xuống đâu đây?” Anh tự hỏi. Nhưng may mắn làm sao cuối cùng anh cũng xuống tòa lâu đài vàng gặp công chúa và Hans. Hai người trông rất khỏe mạnh chẳng có vẻ gì đói khát. Người lính thưa với họ là vua lấy làm ân hận vì đã xử tệ với con gái và đêm ngày mong ước ngài có thể gặp mặt con gái.

Thế là cả ba người lên một con tàu, giông buồm trở về nhà. Khi đến đất nước của công chúa, Hans cải trang thành một quốc vương của một nước láng giềng, một mình đến xin triều kiến đức vua. Chàng được đức vua, một người rất tự hào về lòng hiếu khách của mình tiếp đãi rất long trọng và tổ chức một bữa đại tiệc chào đón khách quý. Tối hôm ấy, trong lúc ngồi uống rượu với nhau, Hans nói với vua:

“Tiểu vương đã được nghe nói nhiều về sự anh minh của bệ hạ vì thế mà đường xa lặn lội đến đây xin thỉnh giáo ngài một việc. Có một người cha đã chôn sống con gái mình chỉ vì nàng đem lòng yêu một chàng nông dân. Tiểu vương phải xử lí người cha bất nhân ấy như thế nào, bởi vì tiểu vương có trách nhiệm phán xử.”

Đức vua vốn vẫn âm thầm đau khổ về chuyện con gái mình, nhanh nhẩu đáp:

“Hãy thiêu sống hẳn và đem tro rải đi khắp vương quốc.”

Hans quan sát đức vua hồi lâu rồi bỏ bộ đồ cải trang ra.

“Bệ hạ chính là người đàn ông đó còn thần là người yêu công chúa, cũng là chiếc nhẫn vàng mà công chúa đeo trên tay. Hiện nàng rất khỏe mạnh và đang đợi ở ngoài thành nhưng bệ hạ hãy tuyên bố phán quyết của mình.”

Nghe đến đây vua hạ mình cầu xin tha thứ và bởi vì ở tất cả những mặt khác, vua là một người cha tốt, hai người đã tha thứ cho ngài. Đám cưới của

Hans với công chúa hết sức linh đình, tiệc cưới kéo dài đúng một tháng. Cả ông già sống trong núi cũng đến dự nhưng trên đường đến cung điện một hòn đá đã rơi trúng đầu làm ông ta chết ngay tại chỗ. Thế là Hans và công chúa có cả một chuỗi ngày dài bình yên, hạnh phúc. Khi đức vua qua đời, hai người lên nối ngôi trị vì thiên hạ.

Câu chuyện về ba người ăn mày

Xưa có một thương gia tên là Mark, được mọi người gọi là “Mark - Giàu có.” Lão có một trái tim sắt đá lạnh lùng, lão không thể chịu được những người nghèo và nếu lão thoáng thấy một người hành khất nào lảng vảng quanh nhà, lão liền sai đầy tớ ra đuổi hoặc xua chó ra cắn.

Một hôm có ba người đàn ông già nua, khốn khổ tìm đến nhà lão gõ cửa xin ăn. Lão đang định thả chó dữ ra cho chúng cắn họ thì cô con gái nhỏ của lão, Anastasia đã chạy đến bên lão nói.

“Cha thân yêu, hãy để những ông già khốn khổ này vào nhà ta ngủ đêm nay đi cha, cho con xin mà.”

Lão già độc ác không thể từ chối con gái và ba người ăn mày được phép ngủ lại trong căn phòng áp mái. Đêm đến, khi mọi người trong nhà đã ngủ say, cô bé Anastasia bò dậy, leo lên căn phòng áp mái, ghé mắt nhìn vào.

Ba ông già đang đứng giữa phòng tựa vào cây gậy chống, chòm râu bạc thật dài rủ xuống cả đôi tay của họ. Câu chuyện họ trao đổi với nhau có vẻ rất quan trọng. “Tin tức vùng này như thế nào?” Người già nhất hỏi. “Ở làng bên có một nông dân tên là Ivan vừa sinh đứa con trai thứ bảy. Chúng ta sẽ đặt tên nó là gì và ban cho nó điều may mắn nào đây?” Người thứ hai hỏi. Đến đây người thứ ba thì thào: “Hãy gọi nó là Vassili và ban cho nó tất cả của cải của cái lão nhà giàu độc ác đã muốn đuổi chúng ta ra ngoài cửa.”

Sau khi nói chuyện thêm một lúc nữa họ đã thống nhất với nhau và lặng lẽ bỏ đi.

Cô bé Anastasia nghe được câu chuyện đã chạy thẳng đến chỗ người bố, thuật lại cho lão ta nghe mọi chuyện.

Mark lấy làm ngạc nhiên lắm, lão nằm suy nghĩ mãi và trời mới sáng đã quày quả đi sang làng bên tìm hiểu xem có đứa bé nào mới sinh không. Đầu

tiên lão tìm đến cha chánh xứ hỏi thăm tình hình bọn trẻ con trong giáo xứ của ông.

“Hôm qua,” cha xứ nói. “Có một đứa bé chào đời trong một gia đình nghèo nhất trong làng. Tôi đặt tên cho cái thằng nhỏ không may ấy là Vassili. Nó là đứa con trai thứ bảy mà đứa lớn nhất thì mới 7 tuổi, họ khó mà có thể xoay sở để nuôi thêm một miệng ăn. Đâu có ai muốn làm cha đỡ đầu cho một đứa bé ăn mày như thế.”

Trái tim lão nhà giàu đập mạnh, đầu óc lão quay cuồng những dự tính độc ác về đứa bé. Lão sẽ là cha đỡ đầu của đứa bé, lão nói, và sẽ bỏ tiền ra làm một buổi lễ đặt tên thánh cho đứa nhỏ. Thế là đứa bé được mang đến làm lễ, Mark tỏ ra rất thân thiện đối với cha đứa bé. Sau khi buổi lễ kết thúc, lão kéo Ivan sang một bên, thì thào:

“Coi này người anh em, cậu là một người nghèo rất mừng tơi. Làm sao cậu có thể nuôi dạy đứa bé này? Thôi thì cứ để nó cho tôi, tôi có thể làm một cái gì cho nó, để đổi lại tôi sẽ tặng cậu số tiền 1000 đồng cuaron. Như thế là quá tốt cho cậu rồi, vừa không phải nuôi con vừa có tiền.”

Ivan gãi đầu gãi tai suy nghĩ lung lăm, cuối cùng cũng ưng thuận. Mark đếm tiền đưa cho Ivan rồi quần đứa bé vào một tấm da cáo, đặt nó lên xe trượt phía sau lão và lật đật đi về nhà. Đi được vài dặm, lão dừng lại, bế thằng bé đến một vách đá dựng đứng ném nó xuống vực, miệng lẩm bẩm:

“Đây, bây giờ thì thử chiếm đoạt tài sản của ta xem.”

Đúng lúc ấy có một đoàn nhà buôn người nước ngoài cũng đi trên con đường đó để đến gặp Mark trả cho lão món nợ 12.000 cuaron.

Khi đi ngang qua vách đá họ nghe có tiếng một hài nhi đang khóc và đưa mắt nhìn quanh họ nhìn thấy trên bãi hoang, giữa hai đồng tuyết lớn là một đứa bé nằm giữa bãi cỏ nở đầy hoa dại.

Những người lái buôn bế đứa bé lên, quần thêm vải để nó ấm áp rồi lên đường đi tiếp. Khi gặp Mark họ kể cho lão nghe chuyện lạ dọc đường mà

họ đã gặp. Mark bèn nói đây là đứa con đỡ đầu của lão, và xin được nhìn mặt nó. Lão mặc cả.

“Đây là một đứa bé khá khinh, tôi muốn nuôi nó. Nếu các ông đưa cho tôi, tôi sẽ xóa món nợ cho các ông.”

Các nhà buôn lấy làm vui mừng với sự trao đổi này bèn để đứa bé lại, vui vẻ ra về.

Đêm đến, Mark cho đứa bé vào một cái thùng tônô bịt kín nắp lại rồi ném chiếc thùng xuống biển. Chiếc thùng trôi đi rất xa cuối cùng dạt đến gần một tu viện.

Các thầy tu đang hong lưới cho khô trên bờ thì nghe như có tiếng khóc. Có vẻ như nó vang lên từ chiếc thùng đang đập dềnh bên mép nước. Họ vớt cái thùng lên, mở ra, trong đó có một đứa trẻ. Khi cha tu viện trưởng biết chuyện, ông quyết định nuôi đứa bé, đặt tên nó là Vassili.

Đứa bé lớn lên cùng các thầy tu, trở thành một thanh niên tuấn tú, thông minh và nhân hậu. Không ai có thể đọc sách nhanh, viết chữ đẹp và hát hay như cậu. Vì cậu làm việc gì cũng khéo nên cha viện trưởng giao cho cậu công việc giữ quần áo lễ.

Cũng thời gian đó lão lái buôn Mark đến tu viện trong một lần đi giao dịch. Các thầy tu tiếp đãi lão rất long trọng, dẫn lão đi tham quan trường dòng, nhà thờ và tất cả những gì mà họ có. Lúc lão bước vào nhà thờ, ca đoàn đang hát thánh ca, giọng lĩnh xướng nghe ngọt ngào đến mê li, các nốt luyến láy nghe trong vắt, ngân vang. Lão già bèn hỏi xem ai là người có giọng ca ấy. Đến đây, cha viện trưởng kể lại việc Vassili đã đến với họ một cách lạ lùng ra sao. Mark biết rõ rằng đó chính là đứa con đỡ đầu mà lão đã hai lần âm mưu muốn giết chết nhưng không thành.

Thế là lão bảo với cha tu viện trưởng:

“Con không thể nói với cha con thích giọng hát của cậu ta đến mức nào đâu. Nếu cậu ấy có thể đi theo con, cậu ta sẽ cùng vượt biển với con trong

những chuyến cất hàng. Theo cha nói thì cậu ta thông minh, tốt bụng. Xin hãy nhường cậu ta cho con. Con sẽ gây dựng tương lai cho cậu ta và xin biếu tu viện 20.000 cuaron.”

Tu viện trưởng do dự khá lâu, ông tham khảo ý kiến của tất cả các thầy tu khác, cuối cùng họ quyết định không nên cản con đường may mắn của Vassili.

Sau đó Mark viết một lá thư gửi cho người vợ ở nhà rồi sai Vassili mang về cho bà ta. Trong thư viết: “Khi người mang lá thư này về gặp mình, bà nó hãy dẫn hẫn đến nhà máy xà phòng và khi bà đi gần qua nôi hơi hãy đẩy hẫn vào đó. Nếu bà không làm theo lá thư, tôi sẽ nổi giận thực sự đấy vì thằng nhóc này là một đứa rất xấu, chắc chắn nó sẽ hủy diệt cả gia đình ta chừng nào nó còn sống trên đời.”

Vassili đi theo chỉ dẫn mà không gặp chuyện gì bất trắc. Nhưng khi đến gần nhà Mark thì gặp ba người ăn mày. Họ hỏi chàng: “Cháu đi đâu đấy Vassili?”

“Cháu đến nhà thương gia Mark trao cho bà vợ ông ấy một lá thư.” Vassili đáp.

“Đưa cho bọn ta coi qua nào.”

Vassili đưa cho họ lá thư. Họ bóc thư ra xem và đưa trả lại cho chàng. “Bây giờ thì đi đi và nhớ đưa thư tận tay cho bà ấy. Rồi cháu sẽ không bị bỏ rơi đâu.”

Vassili đi đến nhà Mark, đưa thư cho bà vợ. Khi bà này đọc thư, bà không tin vào mắt mình nữa bèn gọi con gái đến. Lá thư viết rất rõ ràng: “Khi nhà nó nhận được thư này nhớ tổ chức một đám cưới linh đình vào ngày hôm sau để gả Anastasia nhà ta cho người mang thư. Nếu bà nó không làm theo lời tôi, tôi sẽ giận lắm đấy.”

Anastasia ngăm nhìn chàng trai đưa thư và chàng làm nàng ưng bụng lắm. Họ may gấp cho chàng một bộ quần áo đẹp và ngay hôm sau chàng đã

làm lễ thành hôn với Anastasia.

Ít lâu sau, Mark trở về nhà. Vợ, con gái và con rể cùng ra cả bên ngoài đón lão. Khi trông thấy Vassili, lão đổ hết cơn giận lên đầu bà vợ: “Sao bà dám làm đám cưới cho con gái mà không có sự ưng thuận của tôi?”

“Tôi chỉ làm theo lệnh của ông đấy chứ,” bà vợ đáp. “Đây, thư của ông đây này.”

Mark đọc thư, đúng là chữ viết tay của lão nhưng nó lại nói một điều hoàn toàn ngược với ý lão.

“Được,” lão nghĩ thầm, “mày đã ba lần trốn thoát khỏi tay tao, giờ là lúc tao nghĩ tao sẽ đè bẹp được mày.” Lão chờ đợi đúng một tháng, tỏ ra rất tử tế, ân cần với con gái và con rể. Sau đó, lão nói với Vassili: “Cha muốn con thay cha đến thăm Vua Răn – bạn cha – một chuyến. Ông ta đang ở vương quốc tươi đẹp của mình ở mãi nơi tận cùng trái đất. Mười hai năm trước ông ta có xây một tòa lâu đài trên mảnh đất của cha. Nhờ con hãy đến đây hỏi lấy lại số tiền thuê đất trong 12 năm qua và tìm hiểu xem mười hai con tàu của cha nhỡ neo từ đất nước ông ta ba năm trước bây giờ sao rồi.”

Vassili không dám trái ý cha vợ. Chàng từ biệt người vợ trẻ nước mắt ngấn nước mắt dài rồi vắt một tay nải lương khô lên vai bắt đầu chặng đường dài.

Tôi không thể nói với bạn là cuộc hành trình ấy dài ngắn ra sao. Trong lúc chàng đang mãi miết đi đường thì nghe có tiếng hỏi: “Vassili! Cậu đi đâu đấy?”

Vassili nhìn quanh, chẳng thấy ai cả bèn hỏi: “Ai nói chuyện với tôi đấy?”

“Là tôi đây” – Cây sồi già xum xuê xòe tán rộng. “Nói cho tôi biết cậu đi đâu.”

“Tôi đến chỗ Vua Răn để đòi lại 12 năm tiền thuê đất.”

“Khi đến nơi nhớ hỏi vua giùm tôi. Có một cây sồi già rễ đã thối cả, một nửa cây tươi tốt một nửa đã héo tàn. Liệu nó còn sống được bao lâu nữa?”

Vassili đi tiếp. Chàng đến một con sông và bước lên một con đò. Ông già chèo đò hỏi: “Cậu đi xa lắm phải không chàng trai?”

“Cháu đến chỗ Vua Rắn.”

“Nếu vậy hãy nhớ đến lão và hỏi giùm lão câu này: Ba mươi năm qua người chèo đò đã phải lái đò xuôi ngược bến sông. Ông già mệt mỏi ấy sẽ phải chèo thuyền bao năm nữa?”

“Dạ được, cháu sẽ hỏi ngài giúp ông.”

Chàng trai lại lên đường đi tiếp. Sau đó chàng thấy một eo biển chắn ngang trước mặt mình và dẫm mình trong vịnh là một con cá voi lớn; khách bộ hành trèo lên đi lại trên lưng nó như thể nó là một cái cầu hay một con đường. Khi Vassili cũng trèo lên lưng nó, cá voi cất tiếng hỏi: “Chàng trai đi đâu đấy?”

“Tôi đi đến chỗ Vua Rắn đây.”

Cá voi van nài: “Xin hãy nghĩ đến tôi mà có lời hỏi giúp tôi: Con cá voi đáng thương kia đã nằm suốt ba năm trong eo biển, người và ngựa gần như đã giày xéo lên lưng nó làm đau đến tận xương sườn. Như vậy nó còn phải nằm ở đây bao nhiêu năm nữa?”

“Cứ yên tâm, rồi tôi sẽ hỏi giúp cho.” Vassili đáp rồi lại đi tiếp.

Chàng cứ đi, đi mãi cho đến một hôm đặt chân đến một thảo nguyên mênh mông, xanh tốt. Giữa thảo nguyên mọc lên một tòa lâu đài nguy nga, tráng lệ. Những bức tường bằng đá hoa cương sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời, mái nhà phủ xà cừ sáng rực lên như cầu vồng rực rỡ và mặt trời thiếp vàng lên những khung cửa bằng pha lê. Vassili mạnh dạn bước vào trong lâu đài, sự tráng lệ, xa hoa của mỗi căn phòng chàng đi qua làm chàng rất đỗi ngạc nhiên.

Khi đi đến gian phòng cuối cùng chàng gặp một cô gái đẹp đang ngồi trên giường.

Vừa trông thấy chàng, nàng đã nói: “Ôi Vassili, cái gì đem chàng đến tòa lâu đài đáng bị nguyên rủa này vậy?”

Vassili nói cho nàng biết mục đích của mình và những điều chàng đã mắt thấy tai nghe dọc đường.

“Không đâu, chàng không đến đây để đòi nợ mà để nộp mạng đó, bởi vì Vua Rắn chắc chắn sẽ ăn thịt chàng.”

Người con gái không có thời gian nói thêm điều gì nữa bởi vì toàn bộ tòa lâu đài rung chuyển, rồi bỗng vang lên tiếng rít, tiếng rên và tiếng vụn lụng của một con vật khổng lồ. Cô gái nhanh nhẹn đẩy Vassili vào một cái rương để dưới gầm giường, khóa lại và thì thầm: “Hãy nghe câu chuyện giữa Vua Rắn và thiếp nhé.”

Đoạn nàng đứng dậy ra đón tiếp Vua Rắn.

Quái vật nhảy bổ vào phòng, trườn lên giường, thở phì phì rồi nói: “Ta đã đi cả nửa vòng trái đất. Nhọc quá đi mất. Mệt lắm đấy, chỉ muốn ngủ thôi – hãy gãi gãi lên đầu cho ta.”

Cô gái đẹp ngồi xuống bên cạnh rắn, vuốt ve cái đầu quái gỡ của nó và nói bằng giọng ngọt ngào:

“Đức vua chẳng chuyện gì trên đời mà không biết. Sau khi bệ hạ đi, thiếp đã có một giấc mơ kì lạ. Bệ hạ hãy cho thiếp biết nó có ý nghĩa gì nhé.”

“Nói đi, chuyện gì vậy?”

“Thiếp nằm mơ mình đi trên một con đường rộng thênh thang thì gặp một cây sồi già, nó có lời nhờ thiếp hỏi chàng xem tại sao rễ cây đã thối cả mà cây thì nửa xanh tốt nửa héo tàn. Thế nó còn đứng vững được bao lâu nữa?”

“Nó sẽ vẫn còn trụ được cho đến khi có một người đi đến, dùng chân đạp đổ thân cây. Sau khi cây đổ xuống dưới gốc có thể đào được nhiều vàng, bạc hơn là số của cải mà Mark – Giàu có sở hữu.”

“Sau đó thiếp lại mơ thấy mình đi đến một dòng sông, ông già chèo đò nói với thiếp suốt ba mươi năm qua ông ấy đã chèo xuôi chèo ngược trên dòng sông này, bao giờ thì ông già mệt mỏi ấy được nghỉ ngơi đây?”

“Điều này còn phụ thuộc vào lão ta. Nếu như có ai bước xuống thuyền đòi sang bên bên kia thì lão chỉ việc đẩy cho con thuyền trôi đi rồi cứ đường mình mà bước, đừng ngoái đầu nhìn lại. Người nào ở lại trên thuyền sẽ tiếp tục công việc của lão.”

“Cuối cùng thiếp mơ thấy mình đang đi qua một cái cầu chính là lưng của một con cá voi, cái cầu sống này lên tiếng, nhờ thiếp hỏi giùm xem suốt ba năm qua nó đã nằm đấy để cho đàn ông, đàn bà, ngựa, xe giẫm đạp lên lưng, đau đến lồm cả vào xương sườn. Không biết bao giờ nó mới được giải phóng đây?”

“Nó sẽ phải nằm đó cho đến khi nó nôn ra 12 chiếc tàu buôn của Mark – Giàu có mà nó đã nuốt vào bụng. Sau đó nó có thể trở về với biển khơi mà chữa lành cái lưng.”

Nói xong Vua Rắn nhắm mắt, trở mình sang phía bên kia và bắt đầu ngáy to đến nỗi khung cửa sổ của tòa lâu đài rung lên bần bật.

Cô gái đẹp vội vã giúp Vassili chui ra khỏi rương, chỉ đường cho chàng quay về. Chàng trân trọng cảm ơn cô gái rồi vội vã quay về nhà.

Khi đi đến eo biển, cá voi hỏi: “Cậu có nghĩ đến tôi không đấy?”

“Có chứ, khi đặt chân lên bờ bên kia rồi tôi sẽ nói cho người biết.”

Khi đã sang bờ bên kia rồi Vassili nói với cá voi:

“Hãy nhả 12 con tàu của Mark mà ông đã nuốt 3 năm trước.”

Con cá khổng lồ nhảy vọt lên không trung, nhả ra 12 con tàu và các thủy thủ đoàn trên đó. Rồi nó rùng mình sung sướng nhảy tòm xuống biển lặn đi thật xa.

Vassili lại đi tiếp cho đến khi về lại bến đò, nơi đó ông già lái đò run rẩy hỏi: “Cậu có nhớ đến già này không?”

“Có chứ ạ, khi nào ông chở cháu sang bờ bên kia rồi cháu sẽ nói cho ông biết.”

Đến nơi Vassili nhảy lên bờ nói với ông: “Lần sau khi có người nào bước lên thuyền, ông đừng chèo thuyền đi mà nhảy lên bờ đẩy thuyền ra giữa dòng. Người đó sẽ thay ông làm nghề đưa khách qua sông.”

Vassili lại lên đường đi tiếp, chẳng bao lâu đã gặp lại cây sồi già, chàng lấy chân đạp nó một cái. Cây sồi đổ kèn ra. Dưới gốc cây quả là có vô số vàng bạc châu báu còn nhiều hơn của Mark – Giàu có.

Bấy giờ thì 12 con tàu mà cá voi đã nhả ra cũng đã giông buồm trở về quê hương và trên đường về cắm neo nghỉ chân ở một bến đậu gần đây. Trên boong con tàu đi đầu có ba người ăn mày mà Vassili đã gặp, họ nói với chàng: “Chúa sẽ phù hộ cho con Vassili ạ.” Sau đó họ biến mất và chàng không bao giờ gặp lại họ nữa.

Những người thủy thủ mang vàng bạc lên tàu rồi lái tàu về nhà có Vassili đứng trên boong.

Mark lấy làm tức giận lắm. Lão cho thẳng ngựa và lập tức lên đường đến gặp Vua Rắn để hỏi cho ra lẽ. Khi đến bến sông, lão nhảy ngay xuống con đò ngang. Người lái đò không chèo thuyền mà lại nhảy lên bờ đẩy cho con thuyền bơi ra xa.

Vassili sống sung sướng và hạnh phúc với người vợ thân yêu, người mẹ vợ hiền lành cũng cùng sống với họ. Chàng giúp đỡ người nghèo miếng cơm, tấm áo và tất cả của cải của Mark đều thuộc về chàng.

Bao nhiêu năm sau đó Mark vẫn phải chèo đò đưa khách sang ngang. Khuôn mặt lão nhăn nhúm lại, tóc và râu bạc trắng như tuyết, hai mắt lão kéo màng mờ đục nhưng lão vẫn tiếp tục phải chèo đò.

Hoàng tử giàu lòng nghĩa hiệp

Ngày xưa ngày xưa đức vua của Miền đất Vàng bị lạc trong rừng trong một lần đi săn. Ông vua cố hết sức để thoát khỏi rừng rậm. Trong lúc ông đi vào một con đường mòn trông có khả năng dẫn ra bìa rừng hơn những con đường khác thì gặp một người đàn ông đang đi về phía mình.

“Ông bạn đang làm gì ở đây vậy?” Người lạ mặt hỏi, “trời sắp tối rồi, chẳng bao lâu nữa thú dữ sẽ ra khỏi hang đi kiếm mồi.”

“Tôi bị lạc đường,” vua đáp, “và đang cố tìm đường về nhà.”

“Vậy hãy hứa với tôi là sẽ cho tôi cái vật đầu tiên bước ra khi ông về đến nhà, tôi sẽ chỉ đường cho ông.” Người lạ mặt nói.

Vua không trả lời ngay, sau một hồi cân nhắc ông nói: “Tại sao tôi lại phải cho đi con chó săn tốt nhất của mình, chắc chắn tôi có thể tìm được đường về.”

Thế là người lạ để ông ở lại, vua cứ đi hết con đường này đến con đường kia trong suốt ba ngày mà vẫn không có hi vọng gì. Trong lúc ông gần như đã mất hết hi vọng thì người lạ bất thần hiện ra, chặn ngang đường ông.

“Hãy hứa đưa cho tôi vật đầu tiên ông gặp khi về đến nhà.”

Nhưng nhà vua rất ngoan cường, kiên quyết không chấp nhận điều kiện ấy.

Vài ngày nữa trôi qua vua cứ đi quanh đi quẩn mãi trong rừng, thử hết con đường này đến con đường khác. Cuối cùng thì lòng can đảm của ông cũng bị đánh bại, ông ngồi sụp xuống đất, gục bên một gốc cây, cảm thấy giờ cuối cùng của đời mình đã điểm. Đúng lúc ấy người lạ mặt lại xuất hiện lần thứ 3 và nói:

“Sao ông lại ngu ngốc như thế? Thử nghĩ coi, vì một con chó mà hi sinh cuộc đời mình như vậy có đúng không? Hãy hứa là sẽ đưa cho tôi cái vật

đầu tiên ông gặp, tôi sẽ chỉ đường cho ông.”

“Phải, cuộc đời tôi trị giá hơn cuộc sống của một ngàn con chó. Vận mệnh quốc gia trông chờ vào bản thân tôi, tôi chấp nhận điều kiện của ông. Đưa tôi về lâu đài của tôi đi.”

Vua vừa nói dứt lời thì đã thấy mình đứng ở cửa rừng, tòa lâu đài hiện lên mờ mờ ở phía xa. Vua vội vã phóng ngựa về phía đó, nhưng ông vừa về đến cổng thì bảo mẫu bế một đứa trẻ sơ sinh đã chạy về phía ông chìa đứa con ra cho người cha. Vua giật mình lùi lại, ra lệnh cho bảo mẫu lập tức bế đứa bé đi chỗ khác.

Sau đó con chó săn to lớn nhảy nhồm về phía chủ, vẫy đuôi rồi rít nhưng niềm vui của nó chỉ được đáp lại bằng một cú đập thật mạnh.

Khi cơn tức giận qua đi và vua đã có khả năng nghĩ ra được giải pháp tốt nhất, ông bèn đổi con mình – một bé trai khôi ngô kháu khỉnh lấy con gái của một người nông dân. Cậu hoàng tử bé sống đạm bạc như là con trai của một gia đình nghèo trong khi cô bé nông dân lại nằm trong chiếc nôi vàng, đắp những tấm mền bằng lụa quý. Một năm kết thúc, người lạ mặt đến để nhận lại cái thuộc về mình, lão mang bé gái đi, tin tưởng rằng đó chính là máu mủ của nhà vua. Sung sướng vì kết quả trò đánh tráo của mình, vua tổ chức một bữa tiệc lớn để ăn mừng và mang tặng cặp vợ chồng nông dân đang nuôi nấng con mình những món quà quý giá để hoàng tử bé không thiếu thốn vật gì. Nhưng vua vẫn không dám đón con trai về, sợ rằng trò gian lận của mình sẽ bị phát giác. Vợ chồng bác nông dân cũng lấy làm hài lòng với sự trao đổi này, nhờ thế họ có được một cuộc sống sung túc, dư dật.

Năm tháng trôi qua, cậu bé lớn lên trở thành một thanh niên cao lớn vạm vỡ và dường như sống rất vui vẻ dưới mái nhà cha mẹ nuôi. Nhưng có một cái bóng đen vẫn rủ xuống đầu độc niềm vui của chàng. Đó là ý nghĩ về cô gái đáng thương đã phải làm vật thế mạng cho chàng. Gần đây cha mẹ nuôi đã cho chàng biết sự thật rằng chàng chính là con trai duy nhất của đức vua trị vì xứ này.

Hoàng tử quyết định là khi đã đủ khôn lớn để có thể bôn ba một mình trên đời, chàng sẽ đi đến cùng trời cuối đất chỉ khi nào trả lại tự do cho cô gái ấy thì mới chịu dừng lại. Trở thành một ông vua trẻ bằng việc đánh đổi cả cuộc đời của một thiếu nữ vô tội là một cái giá quá nặng nề mà hoàng tử quyết phải trả. Thế là một ngày kia, chàng khoác lên người bộ quần áo nông dân, vác một bao đậu xanh lên lưng và đi thẳng vào khu rừng nơi 18 năm về trước vua cha đã bị lạc đường. Đi được một thôi đường, chàng bắt đầu gào lớn: “Ôi, tôi mới xui xẻo làm sao! Tôi đang ở đâu thế này? Có ai giúp tôi ra khỏi khu rừng không?”

Một lát sau một người lạ với một bộ râu dài bạc trắng, một cái bao da dặt vào thắt lưng xuất hiện. Ông già gật đầu một cái vui vẻ về phía hoàng tử và nói: “Lão biết rõ khu rừng này, lão có thể đưa cậu ra khỏi đây nếu cậu hứa với lão một chuyện.”

“Một kẻ ăn mày như cháu thì còn có gì để trả ơn ông,” hoàng tử đáp. “Cháu chẳng có gì để hứa hẹn, cả đến bộ quần áo mặc trên người cũng là của ông chủ cháu, người mà cháu phục vụ để kiếm cái ăn cái mặc.”

Người lạ ngắm nghía bao đậu xanh trên lưng chàng và nói: “Nhưng người cũng phải sở hữu một vật nào đó chứ. Cái bao người đang vác kia xem ra cũng khá nặng.”

“Nó đựng đầy đậu đấy ạ. Bà dì già nua của cháu mới chết đêm qua mà không để lại đủ tiền để mua đậu cho những người thức canh quan tài như phong tục ở xứ này. Vì thế mà cháu phải vay ông chủ cháu một bao đậu và vì nghĩ có thể đi tắt qua rừng cho nhanh cháu mới bị lạc ở đây.”

“Nếu vậy, người là một đứa mồ côi. Vậy tại sao không đến làm công cho ta? Ta đang cần một đầy tớ nam khỏe mạnh, xốc vác và người cũng vừa mắt ta đó.”

“Thực vậy, tại sao lại không nếu chúng ta có thể thỏa thuận được với nhau? Cháu là một đứa trẻ nông dân, bánh mì của người dưng bao giờ cũng

đăng cay khó nuốt và suy cho cùng việc cháu làm việc cho ai thì cũng thế. Vậy ông trả công phục vụ như thế nào?”

“Ngày nào cũng có thức ăn tươi, thịt hai lần một tuần, ngoài ra còn có bơ và rau tươi; quần áo mát mùa hè, áo ấm mùa đông và một miếng đất thuộc quyền sở hữu của người.”

“Được như thế thì cháu lấy làm mãn nguyện lắm rồi. Chắc hẳn sẽ có một ai đó chôn cất bà dì thôi. Cháu sẽ theo ông.”

Cuộc trả giá xem chừng làm ông già vui lắm, ông ta quay tròn như một con quay và hát to đến nỗi cả khu rừng vang dội tiếng hát ông ổng của ông. Đoạn ông ta cùng người hầu mới đi về nhà, vừa đi vừa chuyện trò không ngớt nên không để ý thấy người đầy tớ mới đều đặn rắc đậu xuống đường đi. Đêm xuống, họ ngủ dưới một gốc thông lớn, mặt trời vừa ló lên là họ đã thức dậy đi tiếp. Đến trưa thì họ tới một tảng đá lớn. Ông già dừng lại, thận trọng nhìn quanh rồi huýt sáo một tiếng lạnh lạnh và giậm chân trái xuống đất ba lần. Bất thành linh một cánh cửa bí mật ở dưới tảng đá mở ra dẫn vào một nơi nom như miệng hang. Ông già nắm lấy cánh tay chàng trai, nói như ra lệnh: “Đi theo ta.”

Bóng đêm dày đặc bao quanh họ, nhưng hoàng tử có cảm giác như con đường dẫn họ vào cõi im lặng chết chóc mỗi lúc một rừng rợn hơn. Sau một đoạn đường dài hoàng tử nghĩ mình thấy có ánh sáng lập lờ nhưng đó không phải là ánh sáng mặt trời hay mặt trăng. Chàng háo hức nhìn về phía đó và thấy đấy chỉ là một đám mây sáng nhờ nhờ và đấy cũng là nguồn ánh sáng duy nhất của cái xứ sở lạ lùng trong lòng đất này. Đất và nước, cây và cỏ, chim và thú mỗi loài đều khác với những gì chàng đã quen thuộc. Nhưng điều làm trái tim chàng như bóp chặt lại vì kinh hoàng lại chính là không khí im lặng tuyệt đối ngự trị ở khắp nơi. Không hề nghe thấy một tiếng sột soạt hay một âm thanh đơn lẻ nào. Đó đây, chàng nhìn thấy một vài con chim đậu trên cành cây, cái đầu vươn ra cứng ngắc, cái ức phồng lên nhưng chẳng có một âm thanh nào thoát ra. Những con chó ngoác mõm ra như muốn sủa, những con bò mệt nhọc dường như sắp rống lên, nhưng

cả tiếng sửa lẫn tiếng rống đều không vọng đến tai chàng. Dòng nước tuôn chảy qua những hòn sỏi, gió thổi qua các tàn cây, ruồi và bọ da bay tới bay lui, tất cả đều không phá vỡ sự im lặng tuyệt đối nơi đây. Cả ông già cũng không thốt ra một lời nào, khi người bạn đồng hành trẻ tuổi của lão cố hỏi ý nghĩa của tất cả những việc này thì chàng cảm thấy lời nói của chàng tắt ngấm ngay trong cổ họng.

Sự im lặng hãi hùng này kéo dài bao lâu, người kể chuyện cũng không rõ chỉ biết rằng nhân vật chính của chúng ta dần dần cảm thấy trái tim mình đông lại thành một cục nước đá, tóc chàng dựng đứng cả lên như lông nhím và một cơn ớn lạnh bò vào suốt chiều dài xương sống. Và cuối cùng – mới nhẹ nhõm làm sao – một âm thanh khó nhận ra vang lên bên tai chàng và cuộc sống của những cái bóng lại hóa ra cuộc đời thực. Cả không gian chợt như có âm vang của một đàn ngựa hoang tung vó qua cánh đồng hoang. Đến lúc này ông già râu bạc mới mở miệng nói: “Nước đang sôi trong ấm, người ta đang đợi chúng ta ở nhà.” Họ lại đi thêm một đoạn đường nữa cho đến lúc hoàng tử nghĩ là mình nghe thấy có tiếng ầm ầm của một nhà máy cưa, tưởng như có vài chục cái máy cưa cùng hoạt động, nhưng người dẫn đường đã nhận xét: “Bà nội ngủ ồn ào như thế đấy, nghe coi bà cụ ngáy như thế nào.”

Khi họ trèo lên trên đỉnh một ngọn đồi nằm chắn trước mặt, hoàng tử thấy ngôi nhà của chủ hiện lên từ đằng xa, nhưng nó được bao quanh bởi các ngôi nhà đủ kiểu dáng làm cho nơi này trông giống một ngôi làng hay thậm chí một thị trấn nhỏ. Cuối cùng họ cũng đi đến nơi, tìm thấy một cái cũi chó để không ở ngay trước cổng. “Bò vào trong cũi đi,” ông chủ ra lệnh, “đợi ở đấy trong lúc ta vào trong nhà thăm bà nội. Giống như tất cả người già, bà cụ bảo thủ lắm, không thể chịu được khi thấy những khuôn mặt mới mẻ xung quanh mình đâu.”

Hoàng tử run rẩy chui vào cũi, không khỏi ân hận là đã liều mạng dẫn thân vào đây.

Rồi cuối cùng ông chủ cũng quay lại bảo chàng ra khỏi chỗ trốn. Có một cái gì đó đã ảnh hưởng đến tâm trạng của ông chủ bởi vì ông ta cau mày nhăn nhó nói: “Mày phải quan sát cẩn thận đường vào nhà và coi chừng đừng có phạm bất cứ một lỗi nhỏ nào, không thì mọi chuyện chỉ có xấu hơn đối với mày. Mở to tai và mắt ra nhưng giữ cho cái miệng câm lại như miệng hến, thực hiện mọi mệnh lệnh mà không có thắc mắc gì hết, nghe rõ chưa. Hãy tỏ ra biết trên biết dưới và nhất là không bao giờ nói khi người ta không yêu cầu.”

Khi hoàng tử bước qua ngưỡng cửa, chàng thoáng thấy bóng một thiếu nữ nhan sắc đẹp tuyệt vời với đôi mắt to màu hạt dẻ và mái tóc quăn bồng bênh. “Chà,” chàng trai tự nhủ “nếu ông già này có nhiều cô con gái như thế mình sẽ không ngại ở lại đây làm con rể lão. Một thiếu nữ như thế này chính là mẫu người lí tưởng trong lòng ta.” Chàng để ý thấy nàng đang dọn bàn ăn, rồi mang thức ăn bày lên bàn. Xong xuôi nàng đến bên lò sưởi như thể nàng không hề nhận ra sự có mặt của một người lạ. Nàng lấy kim chỉ và bắt đầu mạng lại những đôi vớ. Ông chủ ngồi vào bàn, lẳng lặng không mời người đầy tớ mới cũng như cô hầu gái ăn cơm với mình. Chàng chẳng trông thấy bà nội của lão già đâu. Sự ngon miệng của lão thì không có giới hạn, chẳng mấy chốc lão đã ngốn hết số đồ ăn đủ để thỏa mãn dạ dày háu đói của hàng chục người đàn ông. Khi không thể ních thêm được nữa, lão bảo cô gái: “Bây giờ người có thể thu dọn những mẫu đồ ăn thừa, cho tất cả vào cái nồi sắt làm bữa tối cho người, xương thì quăng cho con chó.”

Hoàng tử không thích thú gì với ý nghĩ phải ăn món đồ thừa mà chàng giúp cô gái dọn dẹp, nhưng dù sao chàng thấy rằng còn khá nhiều đồ ăn thừa và mùi vị cũng khá ngon. Trong lúc ngồi ăn, chốc chốc chàng lại đưa mắt liếc nhìn người đẹp, thậm chí còn toan mở miệng làm quen nhưng nàng không tỏ ra có dấu hiệu nào khuyến khích chàng. Mỗi lần chàng định nói câu gì thì nàng lại nhìn chàng rất nghiêm khắc, như muốn nói: “Im lặng!” Thế là chàng chỉ còn biết dùng đôi mắt nói thay cái miệng. Thật ra thì ông chủ đang nằm ườn trên một băng ghế dài bên cạnh lò sưởi sau khi đã cơm no rượu say nhưng vẫn có thể nghe thấy tiếng họ chuyện trò.

Sau đó ông chủ nói với hoàng tử: “Người có hai ngày nghỉ ngơi lấy sức sau một chuyến đi dài và có thể tham quan ngôi nhà. Nhưng sau đó người phải đến chỗ ta, rồi ta sẽ cắt đặt công việc phải làm. Con bé kia sẽ chỉ cho người chỗ ngủ.”

Hoàng tử nghĩ đã đến lúc được mở miệng nói, nhưng ông chủ đã nổi cơn sấm sét, gầm lên.

“Thằng đầy tớ chó má! Nếu mày không tuân theo quy định ở đây mày sẽ sớm thấy đầu mày ngắn hơn trên cổ. Ngậm cái mõm lại và cút đi để cho tao yên.”

Cô gái ra dấu cho chàng đi theo mình, đoạn mở một cánh cửa, gật đầu có ý bảo chàng vào trong. Chàng chỉ muốn nấn ná bên nàng thêm một lúc nữa bởi vì chàng nghĩ nàng có vẻ buồn bã nhưng chàng không dám nói gì, sợ làm ông chủ nổi giận.

“Nàng không thể là con gái của lão già được!” Chàng tự nhủ, “bởi vì nàng có một tấm lòng nhân hậu. Mình đoán chắc là nàng chính là cái cô gái đã được mang đến đây thế mạng cho mình, là cái người mà vì nàng mình đã liều mạng xông pha vào đến tận đây.” Chàng lên giường đi ngủ nhưng vẫn trằn trọc khôn nguôi, thậm chí cả những giấc mơ êm đềm cũng không làm cho chàng dịu đi. Dường như chàng đang ở giữa bao nhiêu nguy hiểm mà chỉ có quyền lực của người con gái đẹp kia mới có thể giúp chàng trải qua nguy khốn.

Khi chàng thức dậy, ý nghĩ đầu tiên của chàng là về cô gái mà sau đó chàng tìm thấy đang làm việc nhà. Chàng kéo nước giếng mang vào trong nhà cho nàng rồi nhóm lửa dưới cái nồi sắt. Chàng làm tất cả mọi việc mà chàng có thể nghĩ ra để giúp nàng. Buổi chiều chàng đi loanh quanh bên ngoài xem có thể phát hiện được điều gì về ngôi nhà mới và hết sức ngạc nhiên khi không gặp bà nội của ông chủ. Đôi chân lang thang đưa chàng đến một cái sân sau rất rộng, nơi đó có một con ngựa bạch đang đứng trong chuồng, trong một cái chuồng khác có một con bò đen với hai con bê đen

mặt trắng, xa xa hơn nữa là hàng bày ngỗng, vịt và gà tung tăng bới đất trên sân.

Bữa sáng, bữa trưa, bữa tối đều rất vừa miệng như trước và hoàng tử sẽ thực sự hài lòng với cuộc sống mới nếu không có chuyện trước mặt người đẹp mà phải im lặng như thóc trong bồ. Vào tối ngày thứ hai chàng tìm đến điện kiến ông chủ theo chỉ thị để nhận nhiệm vụ cho sáng ngày hôm sau.

“Ta sẽ giao cho người một việc rất dễ làm vào ngày mai. Hãy lấy một cái hái cắt cỏ, cắt đủ số cỏ cho con ngựa bạch trong ngày rồi dọn sạch chuồng ngựa cho ta. Nếu ta quay lại mà thấy trong máng không có cỏ thì sẽ có chuyện với người đấy. Hãy liệu hồn.”

Hoàng tử rời phòng chủ, lòng hân hoan vui sướng.

“Chà, tưởng gì chứ chuyện ấy đối với mình có gì là khó. Nếu mình chưa bao giờ cầm bừa hay cầm hái thì ít nhất mình cũng thường thấy người nông dân làm việc với những nông cụ đó và cũng dễ sử dụng thôi.”

Chàng vừa định mở cửa bước vào phòng riêng thì cô gái đi như lướt qua bên cạnh, ghé tai thì thầm hỏi.

“Ông chủ giao việc gì cho chàng vậy?”

“Việc ngày mai cũng không có gì khó. Chỉ cắt cỏ cho ngựa và dọn chuồng cho nó.”

“Ôi, mới xui xẻo làm sao!” Cô gái thở dài nã ruột, “làm sao chàng có thể hoàn thành được. Con ngựa ấy chính là bà nội của ông chủ, nó bao giờ cũng đói. Cần phải có 20 người đàn ông luôn tay cắt cỏ mới đủ cho nó ăn trong một ngày và 20 người khác quét dọn chuồng ngựa cho sạch sẽ. Thế nào, chàng chỉ trông chờ vào mình để hoàn thành nhiệm vụ ư? Nhưng không sao, hãy nghe và làm theo lời thiếp. Đó là cơ hội duy nhất của chàng. Khi đã đổ đầy một máng cỏ lớn, chàng hãy bện một sợi dây thật chắc bằng những loại dây leo mọc trên bãi cỏ và đẽo một cái cọc thật dày bằng một thứ gỗ tốt. Làm sao để cho con ngựa thấy tất cả những việc mà chàng làm.

Nó sẽ hỏi chàng làm như vậy để làm gì và chàng hãy bảo nó: “Vớ sợi dây này ta định sẽ buộc mõm người lại để người không thể ăn được, còn với cái cọc này ta sẽ cột người vào một góc để người không thể phóng uế khắp nơi!” Nói xong cô gái biến mất, lặng lẽ như lúc xuất hiện.

Sáng hôm sau chàng thức dậy rất sớm, chuẩn bị đi làm. Lưỡi hái mùa trên cỏ dễ dàng hơn chàng tưởng, chẳng bao lâu đã đủ cỏ non để đổ dây vào máng. Nhưng với lần cắt cỏ thứ hai chàng ngạc nhiên thấy cái máng khổng lồ đã trống trơn. Bây giờ thì chàng hiểu nếu không làm theo lời khuyên của cô gái, chàng sẽ không có cách nào hoàn thành nhiệm vụ. Thế là chàng bứt một bó dây leo mọc trên đồng cỏ và đem về tết thành dây thừng trước mặt con ngựa. “Con trai của ta, con đang làm gì đấy?” Ngựa ngạc nhiên hỏi.

“À, không có gì. Chỉ là tết một sợi dây để khóa mõm người lại trong trường hợp người lại muốn ăn thêm. Còn với cái cọc này ta sẽ cột người vào một góc.”

Con ngựa bạch thở dài sườn sượt, quyết định rằng nó phải hài lòng với số cỏ người ta mang tới thôi.

Chàng trai bắt tay vào quét dọn chuồng, con ngựa hiểu rằng nó đã tìm ra một ông chủ mới. Chỉ đến trưa thì chuồng ngựa đã sạch sẽ như một cái đình mới và trong máng vẫn còn nhiều cỏ. Chàng vừa làm xong mọi việc thì ông chủ đã bước vào ngạc nhiên đứng ngậy người ngay cửa chuồng.

“Kể ra mày cũng đủ thông minh để hoàn thành nhiệm vụ đấy. Hay là có ai mách bảo mày chẳng?”

“Thưa ông, cháu làm một mình đấy ạ. Chỉ có cái đầu yếu ớt khôn khéo mách nước cho cháu thôi.”

Lão già nhăn nhó quay đi, hoàng tử rất mừng là mọi việc đã trở nên tốt đẹp.

Buổi tối lão già giao việc: “Ngày mai tao cũng chẳng có việc gì đặc biệt giao cho mày, nhưng bởi vì việc nhà đã được con bé kia làm hết rồi thì mày

hãy giúp nó vắt sữa con bò đen. Hãy coi chừng đấy, mày phải vắt không còn một giọt nào không thì lại có chuyện tồi tệ xảy ra với mày đấy.”

“Ồ,” hoàng tử thầm nghĩ trong khi rút về phòng riêng, “trừ khi có cái bẫy nào đằng sau chứ việc này cũng không có gì khó. Mình chưa vắt sữa bò bao giờ nhưng ngón tay mình khỏe lắm.”

Hai mắt chàng díp lại sau một ngày nặng nhọc và vừa bước đến cửa phòng thì cô gái đi đến hỏi nhỏ: “Ngày mai chàng phải làm gì?”

“Ta sẽ giúp nàng vắt sữa con bò đen vì chẳng có nhiệm vụ gì đặc biệt.”

“Ái chà, thế thì chàng nguy to rồi,” cô gái kêu lên. “Dù chàng có làm cật lực từ tinh mơ cho đến tối khuya thì cũng không bao giờ xong việc. Chỉ có một cách thoát khỏi nguy hiểm đó là khi đi vắt sữa hãy mang theo một nồi than nóng và một cái kẹp. Đặt nồi than xuống sàn chuồng bò và cho cái kẹp vào nồi than, thổi hết sức chàng sao cho các hòn than bốc cháy. Con bò cái sẽ hỏi chàng làm thế có ý gì và chàng chỉ cần nói cái điều thiệp sẽ nói khẽ vào tai chàng.” Cô gái kiễng chân lên thì thầm một điều gì đó vào tai chàng rồi nhẹ nhàng đi khuất.

Văng dương vừa đỏ rực ở chân trời đằng đông thì hoàng tử đã trở dậy, với một nồi than nóng và một chiếc kẹp sắt chàng đi thẳng đến chuồng bò, bắt tay vào làm đúng những việc mà cô gái đã khuyên chàng.

Con bò nhìn chàng với sự ngạc nhiên mỗi lúc một tăng. Không nhịn được, nó hỏi: “Con đang làm gì đấy, cậu bé?”

“Chẳng có gì. Ta chỉ nung nóng cái kẹp sắt này phòng trường hợp người lại không muốn tiết ra nhiều sữa như ta muốn.”

Con bò thở dài, nhìn người vắt sữa với đôi mắt sợ sệt nhưng chàng trai không hề để ý, tiếp tục vắt sữa vào xô cho đến khi con bò không còn một giọt sữa nào nữa.

Cũng lúc đó lão chủ bước vào chuồng bò, tự tay vắt sữa nhưng không được lấy một giọt. “Tự tay mày làm hay có ai giúp mày?”

“Cháu chẳng có ai giúp ngoài cái đầu khốn khổ này.”

Lão già đứng dậy, đi thẳng.

Tối hôm ấy khi chàng trai đến nhận việc cho ngày hôm sau, ông chủ nói: “Ta có một cây rơm ở ngoài đồng cỏ cần phải mang đi phơi khô. Ngày mai người phải đánh cả đồng rơm đó về nhà kho và nếu người còn coi trọng cái mạng của người hãy cẩn thận đừng để rơi rớt dù chỉ một cọng rơm.” Hoàng tử lấy làm vui sướng khi thấy chàng không bị rầy la gì.

“Công việc này cũng chẳng đòi hỏi một khả năng gì đặc biệt,” chàng nghĩ, “và nó sẽ không làm cho mình gặp khó khăn bởi vì con ngựa sẽ kéo xe. Chắc chắn mình sẽ không miễn việc này cho con ngựa già.”

Đến một lúc nào đó cô gái cũng tìm được cơ hội hỏi chàng trai về nhiệm vụ ngày hôm sau.

Chàng trai bật cười nói: “Có vẻ như ta phải học tất cả những công việc của nhà nông. Ngày mai ta sẽ phải mang một đồng rơm về nhà kho và không được để lại một cọng rơm ngoài đồng. Đó là công việc của cả ngày.”

“Vậy thì chàng gặp chuyện rồi,” cô gái thảng thốt kêu lên, “sao chàng lại nghĩ mình có khả năng làm được việc đó. Cả khi chàng có tất cả mọi người trên đời này giúp sức thì chàng cũng không có cách gì thu gom được tất cả số rơm đó trong vòng một tuần. Ngay khi chàng bới rơm từ trên ngọn xuống nó sẽ lại mọc lên lần nữa từ dưới chân. Nhưng xin hãy nghe thiếp bày mưu. Sáng mai vào lúc còn mờ đất chàng đã phải trở dậy trốn ra ngoài đồng mang theo con ngựa bạch và những sợi dây thừng thật chắc. Sau đó chàng trèo lên ngọn đồng rơm, quàng dây thừng xung quanh rồi thả con ngựa vào đồng rơm. Kế đến chàng lại trèo lên đồng rơm bắt đầu đếm một, hai, ba. Con ngựa sẽ hỏi tại sao chàng lại đếm như vậy, chàng hãy nói với nó đúng cái điều thiếp sẽ nói sau đây.”

Cô gái ghé vào tai chàng nói nhỏ rồi rời khỏi phòng. Hoàng tử không còn biết làm điều gì tốt hơn là đi ngủ.

Chàng ngủ rất ngon và trong lúc trời vẫn còn nhá nhem chàng đã bò dậy, thực hiện đúng những điều cô gái đã bày vẽ. Đầu tiên chàng chọn mấy sợi dây thật chắc, sau đó dắt ngựa ra khỏi chuồng, phóng đến chỗ đồng rơm to đến mức phải chờ bằng 50 chuyến xe, do đó khó có thể gọi nó là đồng rơm nhỏ. Hoàng tử làm mọi việc theo lời cô gái và cuối cùng khi chàng ngồi chiêm chệ trên đồng rơm đếm đến con số 20 thì chàng nghe con ngựa hỏi với giọng hết sức tò mò: “Con đang làm cái gì vậy, con trai?”

“Chẳng có gì, tôi chỉ mua vui bằng cách đếm những bầy sói trong rừng ấy mà. Nhưng mà lũ sói đông đến mức tôi không nghĩ mình có khả năng đếm xuể.”

Cái từ “chó sói” vừa buột khỏi miệng chàng thì con ngựa đã lao vọt đi như một cơn lốc nhanh đến nỗi chỉ trong chớp mắt nó đã về đến nhà kho, kéo theo cả đồng rơm về. Ông chủ đứng thộn người ra vì kinh ngạc, khi lão đến nhà kho sau bữa điếm tâm và thấy việc mình giao đã được tên đầy tớ làm xong đâu vào đấy.

“Có thật là mày thông minh đến thế không hay là lại có ai bày mưu cho mày?”

“Ồ không, cháu chỉ còn biết hỏi ý kiến chính mình thôi.” Hoàng tử nói và lão già bỏ đi, vừa đi vừa lắc đầu quày quật.

Tối hôm đó chàng trai lại tìm đến phòng ông chủ để nhận việc cho ngày mai.

“Ngày mai ư?” Lão già chậm rãi nói, “ngày mai người phải dắt con bê đầu trắng ra ngoài đồng cỏ và nếu người còn tiếc mạng sống của mình thì nhớ đừng để cho nó trốn mất.”

Chàng hoàng tử không nói gì, trong bụng nghĩ thầm: “Có gì đâu, hầu hết các chàng trai 18 tuổi ở dưới quê đều phải chăn dắt cả một bầy gia súc, chắc chắn là mình làm được việc này.” Chàng đi về phòng mình và cô gái đến gặp chàng.

“Ngày mai ta chỉ phải làm công việc của một thằng ngốc, chẳng phải làm gì ngoài việc dắt con bê đầu trắng ra ngoài đồng cỏ.”

“Ôi, thật bất hạnh thay cho chàng!” Cô gái thở dài nãy nê. “Chàng có biết là con bê ấy chạy nhanh đến nỗi trong một ngày nó chạy được ba vòng quanh trái đất không? Hãy nhớ lời dặn của thiếp: buộc đầu một dải lụa vào chân trước phía bên trái của nó, đầu còn lại buộc vào ngón út chân trái của chàng, làm thế nó không tài nào trốn đi đâu được dù chàng có bước đi, hay đứng lại hoặc nằm xuống cũng vậy.” Sau đó, hoàng tử lên giường đánh một giấc thật ngon lành.

Sáng hôm sau chàng làm đúng như cô gái đã bảo, dắt con bê với một dải lụa buộc vào chân, khiến nó bám gót chàng như một con chó trung thành.

Hoàng hôn buông xuống con bê trở về chuồng, ông chủ chỉ còn biết nhăn nhó hỏi một câu như mọi lần:

“Mày thông minh thật sự hay là lại có ai bày mưu tính kế cho mày?”

“Không ạ, cháu chỉ biết dựa vào cái đầu khốn khổ của mình thôi.” Lần này thì lão già vừa bỏ đi vừa rống lên giận dữ, “Không đâu, tao không tin một lời nào của mày. Nhất định mày đã tìm thấy một người bạn khôn ngoan nào đó.”

Chàng trai ngạc nhiên trước bùng nổ của chủ, tìm đến chỗ cô gái vừa cười vừa kể lại mọi chuyện.

“Chẳng có gì đáng cười đâu,” cô gái thở dài: “Lão muốn ăn thịt chàng đó và chỉ có một cách duy nhất mà thiếp có thể giúp chàng. Hãy nung một cái xẻng bằng sắt cho nóng đỏ lên, chìa ra cho lão thay vì đưa tay ra cho lão.”

Sáng hôm sau chàng trở dậy thật sớm, nung đỏ chiếc xẻng lên trước khi lão già ngủ dậy. Cuối cùng chàng nghe tiếng chủ gọi: “Thằng nhóc lười biếng kia, mày chui vào xó nào vậy? Hãy mau đến đây chúc ta một buổi sáng tốt lành.”

Nhưng khi hoàng tử bước vào phòng với cái xẻng nóng đỏ trên tay, lão chỉ nói: “Hôm nay ta không được khỏe, quá mệt để có thể bắt tay người. Hãy quay lại đây vào buổi tối khi ta đã khỏe hơn.”

Hoàng tử đi vợ vẫn trong nhà cả ngày, đợi đến tối mới y hẹn đi đến phòng chủ. Chàng được tiếp đón lịch thiệp với một vẻ thân thiện nhất và trước sự ngạc nhiên của chàng, ông chủ đã nói giọng tâm tình: “Ta rất hài lòng về người. Sáng mai hãy đến đây, mang cả cô gái đi theo. Ta biết hai đứa phải lòng nhau đã lâu và ta muốn tác hợp hai đứa thành vợ chồng.”

Thiếu chút nữa thì chàng hoàng tử đã nhảy cồm lên vì sung sướng nhưng nhớ đến quy định trong nhà chủ, chàng cố giữ yên lặng. Khi chàng kể cho cô gái nghe mọi chuyện, chàng rất đỗi ngạc nhiên khi thấy mặt cô gái trắng bệch như tấm vải trải giường và nàng đứng lặng không nói nên lời.

“Chết rồi, thế là ông chủ đã phát hiện ra ai là người giúp chàng,” nàng nói, khi cuối cùng cũng mở miệng ra được, “như vậy lão muốn tiêu diệt cả hai chúng ta. Bằng cách này hay cách khác chúng ta cũng phải bỏ trốn nếu không chúng ta chỉ còn nước phải chết. Chàng hãy lấy một cái rìu chặt đứt đầu con bê bằng nhát rìu đầu tiên. Với nhát thứ 2, bổ đầu nó ra làm đôi, trong óc nó chàng sẽ thấy một quả cầu màu đỏ tươi. Mang đến đây cho thiệp, trong khi đó thiệp sẽ chuẩn bị những điều cần thiết.”

Hoàng tử bụng bảo dạ: “Giết một con bê còn hơn để cả hai người bị giết. Nếu có thể trốn thoát, chúng ta sẽ về nhà. Bao đậu mà mình rắc xuống vào lúc này chắc đã nảy mầm, mọc cao, thế là chúng ta sẽ không bị lạc đường.”

Chàng quay lại chuồng bò, với một nhát rìu giết chết con bê, với nhát thứ hai bổ đôi đầu nó ra. Trong khoảnh khắc cả một vùng trần ngập ánh sáng, một quả cầu đỏ lăn ra khỏi óc con bê. Hoàng tử nhặt lên bọc nó vào trong một lớp vải dày rồi giấu vào ngực. May thay con bò mẹ vẫn ngủ say nếu không tiếng rống của nó sẽ làm ông chủ thức giấc. Chàng nhìn quanh, cô gái đang đứng đợi chàng ngoài cửa tay cầm một cái bọc nhỏ.

“Quả cầu đâu?”

“Đây.”

“Chúng ta không nên phí một giây. Cần bỏ trốn ngay!” Cô nói và hé mở cái bọc một chút để ánh sáng từ quả cầu lọt ra ngoài soi đường cho họ đi trong đêm tối.

Như hoàng tử dự đoán, những hạt đậu đã nảy mầm mọc cao thành một hàng mảnh, nhờ thế mà họ không bị lạc đường. Trong lúc chạy trốn, cô gái kể cho hoàng tử nghe rằng cô đã nghe lỏm được câu chuyện giữa ông chủ và bà nội của lão, rằng nàng chính là công chúa con một ông vua mà lão già đã đánh lừa cướp lấy từ tay vua và hoàng hậu. Hoàng tử, người đã biết rõ mọi chuyện vẫn giữ im lặng dù trong lòng chàng vui như mở hội khi biết cuối cùng số phận đã cho phép chàng giải thoát cho nàng. Họ cứ đi mãi miết cho đến khi một ngày mới bắt đầu.

Hôm ấy lão già thức dậy rất muộn, lão còn dụi mắt mãi cho đến khi hoàn toàn tỉnh giấc. Rồi lão nhớ ra là chẳng bao lâu nữa đôi trẻ sẽ trình diện trước mặt lão. Sau khi ngồi đợi một lúc lâu mà vẫn không thấy họ đến, lão cười gằn: “À, thế ra chúng không vội vã cho một đám cưới.” Vì vậy lão lại ngồi kiên nhẫn đợi thêm một lúc nữa.

Cuối cùng lão trở nên bồn chồn và kêu vánh cả nhà lên: “Hai đứa ranh con kia! Lũ chúng bay làm sao thế?” Sau khi lặp đi lặp lại nhiều lần mà vẫn không thấy bóng dáng họ đâu, lão đâm hoảng. Cuối cùng lão nhảy ra khỏi giường đi tìm đôi tình nhân, nhưng chỉ thấy một ngôi nhà trống trải, giường nệm của họ vẫn còn phẳng phiu như chưa có ai nằm.

Thế là lão chạy thẳng đến chuồng gia súc nơi xác con bê đã cho lão biết mọi chuyện. Vừa chửi bới âm ỉ, lão vừa mở ngăn chuồng thứ ba, ra lệnh cho đám yêu tinh hầu hạ lão mau đuổi theo những kẻ đào tẩu: “Mang chúng về đây cho ta ngay bởi vì bọn người có thể tìm ra chúng và ta phải có chúng trong tay.”

Nghe lệnh xong, đám lâu la lao đi như những ngọn gió. Đôi trai gái đang vượt qua một cánh đồng rộng mênh mông thì cô gái đứng lại: “Có một

chuyện gì đó đã xảy ra. Quả cầu chuyển động trong tay thiếp và thiếp chắc là chúng ta đang bị đuổi theo.” Quay đầu lại, họ thấy một đám mây đen bay vùn vụt trước một trận gió. Cô gái quay quả cầu trong tay ba lần rồi kêu lên:

“Cầu ơi cầu ơi nghe ta

Mau biến chàng trai thành cá

Và ta thành dòng suối trong xanh.”

Trong nháy mắt trên cánh đồng hiện lên một dòng suối và một con cá bơi lội tung tăng trong dòng nước. Bọn yêu ma kéo đến ngay sau đó nhưng sau một hồi quần đảo khắp nơi mà vẫn không thấy bóng ai chúng vội vã quay về để lại dòng suối trong lành có con cá sau lưng. Khi yêu tinh đã khuất khỏi tầm nhìn, con suối và con cá lại trở về hình dáng cũ và họ tiếp tục cuộc hành trình.

Lũ yêu tinh về gặp chủ, mệt mỏi chẳng được tích sự gì, lão già căn vặn xem chúng có thấy gì lạ trên đường không.

“Thưa chủ nhân chẳng có gì hết,” chúng đồng thanh đáp: “Cánh đồng hoàn toàn trống trải, chỉ có một dòng suối và một con cá bơi lội.”

“Thật là một lũ ngốc,” ông chủ gầm lên, “tất nhiên đây là bọn chúng!” Nói xong lão đá vào cái chuồng thứ 5, bảo bọn yêu tinh trong đó là chúng phải lập tức đến uống cạn dòng suối và bắt con cá về cho lão. Bọn yêu tinh nhảy lên, bay đi như những trận cuồng phong.

Đôi trai gái đã gần ra khỏi khu rừng thì cô gái dừng lại lần nữa: “Có chuyện gì rồi, quả cầu trên tay thiếp lại chuyển động.” Đưa mắt nhìn lên trời nàng thấy một đám mây to và đen hơn đám trước, có kèm theo những vệt đỏ bay như tên về phía họ.

“Chúng săn đuổi chúng ta đấy,” nàng kêu lên và xoay quả bóng trong tay ba lần, nàng nói với nó:

“Nghe ta, nghe ta, cầu ơi

Nhanh chóng biến hóa tôi

Thành một bụi hoa hồng dại

Còn chàng là một nụ hoa.”

Chỉ trong tích tắc mọi việc đã hoàn tất. Đúng lúc đó bọn yêu tinh kéo đến. Chúng lùng sục khắp nơi không thấy có dòng suối và con cá nhỏ nào ngoài một bụi hồng dại. Thế là chúng tiu nghỉu quay về. Chúng vừa bay đi khuất bụi hồng lại biến thành chàng trai, cô gái và cả hai bước gập sau một khoảng thời gian nghỉ sức.

“Bọn bay có tìm thấy chúng không?” Lão già hỏi khi bọn yêu tinh về đến nhà.

“Thưa không,” tên yêu tinh cầm đầu nói, “thuộc hạ không tìm thấy dòng suối và con cá nào trên đồng hoang.”

“Vậy bọn bay thấy cái gì khác?”

“Chẳng có gì ngoài một bụi hồng dại mọc ngoài bìa rừng, với một bông hoa trên cành.”

“Trời ơi sao mà ngu thế. Chính là bọn chúng đấy.” Lão mở tung cánh cửa chuồng thứ bảy nơi nhốt những con yêu tinh hùng mạnh nhất.

“Hãy mang chúng về đây cho ta ngay, bất kể là chúng còn sống hay đã chết,” lão gầm lên như sấm dậy. “Dù thế nào ta cũng phải có được bọn chúng. Nhổ cây hồng lên, nhổ tận gốc, không để bất cứ thứ gì ở lại, dù nó có lạ đến đâu cũng vậy.”

Hai người đang nghỉ ngơi dưới bóng cây râm mát, ăn uống một chút cho lại sức. Bất thành lình cô gái hoảng hốt giật mình: “Lại có chuyện nữa rồi, quả cầu gần như nhảy ra khỏi ngực thiếp. Có kẻ nào đó đang săn đuổi chúng ta, nguy hiểm đã gần kề nhưng may thay, cây cối sẽ che chở chúng ta.”

Nói xong nàng lấy quả cầu ra cầm trên tay và hát:

“Hãy biến ta thành làn gió mát

Người yêu ta thành con nhặng xanh.”

Ngay lập tức cô gái tan vào trong thinh không còn hoàng tử lao vù vù trong không gian dưới hình dạng một con ruồi. Bầy yêu tinh kéo đến, rà soát khắp nơi tìm một cái gì lạ nhưng cả bụi hồng cũng không thấy và chẳng hề có vật gì lạ. Chúng vừa quay lưng bay về nhà, thì cô gái đã lại đứng trên mặt đất.

“Chúng ta phải nhanh chân hơn trước khi đích thân lão già đi tìm kiếm chúng ta bởi lão sẽ phát giác ra chúng ta dù ở dưới bất cứ hình dạng nào.”

Họ chạy đến khu vực âm u nhất trong rừng. Ở đây tối đen như mực và nếu không nhờ ánh sáng phát ra từ quả cầu, họ sẽ không bao giờ tìm được đường đi. Mệt đến nỗi thở không ra hơi nhưng họ vẫn bước tiếp. Đến một tảng đá lớn, ở đây quả cầu lại chuyển động một cách dữ dội. Cô gái nhìn vào quả cầu, kêu lên:

“Nghe ta, nghe ta cầu ơi

Lăn hòn đá vôi

Cho chúng ta thấy lửa.”

Tảng đá được văng sang một bên, họ lách qua cánh cửa quay về nơi trần thế.

“Bây giờ chúng ta an toàn rồi. Ở đây lão phù thủy già không làm gì được chúng ta hết và chúng ta có thể chống lại pháp thuật của lão. Nhưng bạn thân mến, chúng ta phải chia tay thôi. Chàng sẽ trở về với cha mẹ mình còn tiếp đi tìm cha mẹ thiếp.”

“Không, không.” Hoàng tử vôi vãi kêu lên. “Ta sẽ không bao giờ rời xa nàng. Hãy đi cùng với ta và trở thành vợ ta. Chúng ta đã cùng nhau trải qua bao gian nguy và bây giờ chúng ta sẽ cùng nhau sẻ chia hạnh phúc.” Cô gái cự tuyệt lời yêu cầu của chàng nhưng cuối cùng cũng ưng thuận theo chàng.

Trong rừng họ gặp một bác tiều phu, người này nói cho họ biết về tòa lâu đài cũng như mọi chuyện về xứ sở này. Dân ở đây đang rất đau buồn vì hoàng thái tử của họ bị mất tích, đã nhiều năm trôi qua mà vẫn không có một vết tích gì về chàng. Thế là với sự giúp đỡ của quả cầu thần kì, cô gái hóa phép ra bộ quần áo mà hoàng tử đã mặc vào lúc chàng biến mất để cha con họ dễ dàng nhận ra nhau trong giờ phút trùng phùng. Cô gái ở lại trong túp lều của người tiều phu để hai cha con họ gặp nhau.

Nhưng vua cha không còn nữa, việc con trai biến mất đã giết chết ông. Vào phút lâm chung ông đã thú thật với triều thần việc ông đã đánh tráo hoàng tử lấy con gái một người nông dân, lừa cho lão phù thủy đem đi, để bây giờ ông bị quả báo.

Hoàng tử rất đau đớn trước cái chết của cha, bởi vì chàng rất yêu thương phụ vương mình. Suốt ba ngày chàng không ăn không uống để mặc cho nước mắt tuôn rơi.

Đến ngày thứ tư, chàng ra mắt thần dân của mình như một vị tân vương, triệu tập tất cả các vị nguyên lão lại kể cho họ nghe về những cuộc phiêu lưu kì lạ của mình và về người con gái sinh ra là để giúp chàng vượt qua mọi gian nguy.

Tất cả các vị nguyên lão đều sung sướng hô vang: “Hãy đưa nàng lên ngôi vị hoàng hậu, trở thành bà chúa của chúng thần.”

Và câu chuyện đến đây là hết.

Cái chết của Abu Nowas và người vợ

Lâu thật lâu rồi có một người đàn ông tên là Abu Nowas và ông là người được Sultan sủng ái nhất nước. Sultan có một lâu đài nguy nga ngay trong thành phố nơi Abu Nowas sống.

Một hôm Abu đi vào cung điện nơi Sultan đang ngồi trên ngai vàng, nước mắt chảy giàn giụa trên mặt. Ông cúi đầu bẩm với Sultan:

“Thưa đại vương anh minh, hiền thê của thần đã qua đời.”

“Thật là một tin buồn,” Sultan đáp, “trẫm sẽ cưới cho khanh một người vợ khác.” Nói xong, ngài quay sang một viên đại thần ra lệnh mời hoàng hậu tới.

“Abu Nowas đáng thương của chúng ta vừa mất đi người vợ yêu,” Sultan nói khi hoàng hậu đi vào điện.

“Ồ vậy thì chúng ta phải kiếm cho ông ấy một người khác,” hoàng hậu đáp, “thiếp có một cô gái hoàn toàn phù hợp với ông ấy.” Nói xong bà vỗ hai tay vào nhau. Nghe tiếng vỗ tay một thiếu nữ hiện lên đứng trước mặt hoàng hậu.

“Ta kiếm được một người chồng cho con,” hoàng hậu nói.

“Thưa hoàng hậu, là ai ạ?” Cô gái hỏi.

“Abu Nowas, anh hề.”

“Con bằng lòng,” thiếu nữ đáp còn Abu Nowas thì cũng không phản đối và tất cả được dàn xếp đâu vào đấy. Hoàng hậu cho may những bộ quần áo đẹp nhất cho cô dâu còn Sultan thì ban cho chú rể bộ quần áo cưới đẹp nhất cùng hàng ngàn đồng tiền vàng thưởng và những tấm thảm mềm trải trong ngôi nhà mới của hai vợ chồng.

Thế là Abu Nowas đưa người vợ trẻ về nhà. Trong vài năm hai người sống rất hạnh phúc, họ phóng tay tiêu món tiền mà Sultan đã ban cho,

không bao giờ nghĩ đến chuyện họ phải có một cái nghề kiếm sống một khi tiền dự trữ đã cạn. Cuối cùng, chuyện gì phải đến cũng đến, hai vợ chồng phải đem từng món đồ quý đi bán cho đến khi chẳng còn gì ngoài một chiếc áo khoác rách bươm và một chiếc chăn đắp cũ rích.

“Chúng ta đã phá tán hết cả gia tài rồi,” Abu Nowas nói, “chúng ta phải làm gì đây? Ta sợ không dám đến gặp Sultan đâu bởi vì ngài sẽ sai lính tống cổ ta ra khỏi cửa. Hay là nài nỉ chịu khó quay về gặp hoàng hậu quỳ xuống chân bà khóc lóc, có lẽ bà sẽ mủi lòng, chịu giúp chúng ta chẳng.”

“Không, chàng nên đến gặp vua thì tốt hơn,” người vợ lắc đầu, “thiếp chẳng biết ăn nói đâu.”

“Được, nếu vậy nài nỉ cứ ở nhà theo ý nài nỉ, ta đành đến xin yết kiến Sultan vậy. Nhưng ta phải tâu với vua giữa những tiếng nức nở rằng vợ ta đã chết mà ta không có tiền làm đám ma. Nghe thế chắc Sultan sẽ cho chúng ta một cái gì đó.”

“Đúng, đó là một kế hoạch rất hay,” người vợ tán thành và Abu đi vào cung.

Sultan đang ngồi giữa công đường xử kiện thì Abu bước vào, nước mắt tuôn chảy như mưa vì ông ta đã bôi tiêu bột vào mắt làm cho nó nhức nhối đến nỗi ông ta khó lòng đi thẳng được. Mọi người tự hỏi không hiểu đã có chuyện gì xảy ra với kẻ chuyên chọc cười trong cung đình.

“Abu Nowas! Có chuyện gì ghê gớm đã xảy ra với người à?”

“Ôi Sultan cao quý, vợ của thần lại qua đời rồi.”

“Ồ tất cả chúng ta rồi cũng đều phải chết,” Sultan đáp, nhưng đó không phải là câu trả lời mà Abu Nowas muốn nghe.

“Đúng thế thưa Sultan, nhưng thần lại không có cả đến một miếng vải liệm để quẫn cho nài nỉ cũng chẳng có đồng nào để lo việc ma chay.” Abu tiếp tục kể lể, không bối rối về cách mà Sultan đón nhận cái tin này.

“Hãy ban cho hẳn 100 đồng vàng,” Sultan quay sang quan đại thần Vizir nói. Khi tiền được đếm đủ, Abu cúi đầu chào vua rồi rời khỏi cung, nước mắt vẫn nhỏ tong tong nhưng lần này là vì niềm vui như mở cờ trong bụng.

“Mình có kiếm được cái gì không?” Người vợ trẻ đang sốt ruột chờ chồng vội hỏi ngay.

“Có, 100 đồng vàng,” Abu nói, quẳng túi tiền xuống, “nhưng thế chưa phải là đã hết. Bây giờ nàng hãy mau mau đến cung hoàng hậu, mặc đồ tang và khóc lóc cho thảm thiết vào, tâu với bà rằng chồng nàng Abu Nowas đã chết mà nàng thì không có tiền tiền hẳn xuống sắm vàng. Nghe thế chắc hẳn hoàng hậu sẽ hỏi về số của hồi môn và những bộ quần áo đẹp mà bà đã ban cho nàng trong đám cưới, nàng cứ nói là “trước khi chết ông ấy đã tiêu tán tất cả.”

Người vợ làm theo lời chồng, mặc bộ đồ tang rồi đi đến cung hoàng hậu, bởi vì nàng từng là thị nữ được hoàng hậu yêu mến nhất nên nàng chẳng gặp khó khăn gì trong việc xin gặp riêng hoàng hậu.

“Có chuyện gì vậy?” Hoàng hậu hỏi ngay khi trông thấy dáng điệu sầu não, thảm thương của cô hầu gái cũ.

“Phu quân của nô tì đang nằm chết ở nhà, ông ấy đã tiêu hết số tiền của nô tì, và nô tì chẳng còn gì để lo ma chay.” Người vợ nước nức đáp.

Nghe thế, hoàng hậu lấy ra một cái túi đựng 200 đồng tiền vàng đưa cho nàng và nói: “Chồng người đã tận trung phục vụ chúng ta rất lâu rồi. Người phải hiểu điều đó nghe chưa. Mang số tiền này về làm một đám ma thật đàng hoàng cho ta.”

Người vợ đỡ lấy túi tiền, cúi xuống hôn chân hoàng hậu rồi sung sướng chạy như bay về nhà.

Hai vợ chồng trải qua mấy giờ sung sướng bàn bạc về chuyện tiêu hết số tiền đó và đặc ý với chuyện họ đã thông minh như thế nào.

“Khi Sultan trở về cung hoàng hậu,” Abu nói, “chắc hẳn bà sẽ báo cho vua biết là Abu Nowas đã chết. “Không phải Abu, đó là vợ hẳn,” ngài sẽ sửa lại và hai người sẽ cãi qua cãi lại với nhau, trong khi đó vợ chồng ta ngồi đây khoái chí với số tiền này. Ôi nếu họ biết được chắc họ sẽ giận ngắt trời.”

Đúng như Abu đoán, sau một ngày thiết triều, Sultan đến cung hoàng hậu như thường lệ.

“Abu Nowas đáng thương đã chết,” hoàng hậu nói ngay khi Sultan mới đặt chân vào phòng.

“Không phải là Abu mà là vợ hẳn,” Sultan đáp.

“Không, bệ hạ nhầm rồi. Chính người vợ đến đây nói với thiếp chỉ cách đây vài giờ mà,” hoàng hậu cãi lại, “và bởi vì hẳn đã tiêu hết cả tiền bạc, thiếp đưa cho cô ta một món tiền lo chuyện ma chay.”

“Chắc hậu đang mơ ngủ rồi,” Sultan kêu lên. “Quá trưa một chút Abu Nowas chạy đến chỗ trẫm đang xử kiện, nước mắt lã chã. Khi trẫm hỏi lý do, hẳn nói vợ hẳn đã chết và họ đã bán đi tất cả những thứ mà họ có, hẳn chẳng còn gì, cả đến một miếng vải liệm cũng không, nói gì đến tiền ma chay cho vợ.”

Hai người cãi vã hồi lâu, chẳng ai chịu nghe ai cho đến lúc Sultan cho gọi người gác cổng đến, lệnh cho y lập tức đến nhà Abu Nowas xác nhận xem trong hai người ai là người chết. Lúc ấy Abu Nowas lại tình cờ ngồi với vợ sau tấm lá sách ở cửa sổ, nhìn thấy người được vua sai đi do thám bèn đứng phắt dậy:

“Kia là thị vệ của Sultan. Hẳn được phái đến đây dò xét thực hư. Nhanh lên, nàng hãy lên giường nằm đóng giả người chết.”

Người vợ lập tức nằm ngay đơ trên giường, một tấm vải len trắng đắp lên người trông hệt như người chết.

Tấm vải liệm vừa phủ kín lên người nàng thì cánh cửa mở ra và thị vệ bước vào. “Có chuyện gì vậy?” Người này hỏi.

“Người vợ tội nghiệp của tôi đã chết,” Abu Nowas bù lu bù loa khóc. “Nhìn này, nàng đang nằm ở đây.” Người thị vệ đi về phía chiếc giường kê trong góc, thấy một thân hình cứng ngắc dưới tấm vải liệm.

“Chúng ta ai cũng phải đi đến chỗ đó thôi,” anh ta nói và trở về tâu mọi việc với Sultan.

“Thế nào, người phát hiện ra ai chết chưa?” Sultan hỏi.

“Dạ rồi, thưa Sultan cao quý, đó là người vợ.”

“Hắn nói thế để làm vui lòng bệ hạ,” hoàng hậu giận dữ nói, rồi gọi quan nội cung của bà đến, lệnh cho ông ta lập tức đến nhà Abu Nowas xem trong hai người ai mới là người chết.

“Người phải nhớ là chỉ được báo cáo sự thật,” bà nói thêm, “nếu không mọi việc sẽ chỉ trở nên tồi tệ với người mà thôi.”

Nhưng khi người này đến nhà thì đã bị Abu Nowas phát hiện ra.

“Lại người của hoàng hậu” ông hoảng sợ kêu lên, “bây giờ đến lượt ta chết. Nhanh lên, nàng hãy phủ vải liệm lên người ta.” Nói xong ông nằm ra giường, nhắm mắt, nín thở khi quan nội cung của hoàng hậu bước vào.

“Người đang khóc lóc cái gì vậy?” Người này hỏi khi trông thấy người vợ đang khóc như mưa như gió.

“Chồng tôi đã chết mất rồi,” người đàn bà đáp, chỉ vào giường. Viên quan đến gần, lật tấm vải liệm lên thấy Abu nằm cứng đờ như một khúc gỗ, bất động. Sau đó ông nhẹ nhàng trải lại tấm vải liệm và quay về cung.

“Thế lần này người phát hiện được điều gì?” Sultan hỏi:

“Muôn tâu thánh thượng, chính là người chồng đã chết ạ.”

“Nhưng trăm cho người biết, hắn vừa gặp trăm cách đây mấy tiếng thôi mà.” Sultan giận dữ kêu lên. “Ta phải khám phá ra vụ này trước khi đi ngủ

mới được. Chuẩn bị ngay cho ta một cỗ xe.”

Chỉ trong vòng 5 phút, một cỗ xe lộng lẫy đã đánh đến trước cửa phòng hoàng hậu. Cả vua và hoàng hậu cùng lên xe. Abu Nowas đã hoàn thành xong việc đóng giả người chết, đang nhìn quanh nhìn quất ra đường thì trông thấy cỗ xe của vua đi tới.

“Nhanh lên, nhanh lên,” ông cuống quýt gọi vợ. “Sultan đích thân đến đây, lần này cả hai chúng ta đều là người chết rồi.” Thế là họ nằm xuống, phủ tấm vải liệm lên người và nín thở. Chỉ vài giây sau Sultan bước vào, theo sau là hoàng hậu và quan nội cung, ngài đi đến bên giường nhìn thấy hai xác chết: “Trẫm sẽ thưởng 1000 đồng vàng cho bất cứ ai nói cho trẫm biết rõ sự thật này,” ngài kêu lên và ngay lập tức Abu ngồi bật dậy. “Vậy thì xin bệ hạ hãy ban cho thần,” ông nói và chìa tay ra. “Bệ hạ không thể kiếm được bất cứ ai cần món tiền thưởng đó hơn thần.”

“Ồ, Abu Nowas, người là một con chó hỗn xược,” Sultan kêu lên, bật cười khanh khách làm cho cả hoàng hậu cũng cười theo. “Đáng lí ta phải phát hiện ra đó là một trong những trò lừa đảo của người!” Và ngài vẫn ban cho Abu Nowas số tiền đã hứa. Còn chúng ta hãy cứ hi vọng là lần này số tiền đó không bị tiêu tán nhanh như lần trước.

Câu chuyện về Yara

Xuôi xuống miền Nam, ông mặt trời đổ lửa nóng nực đến cả người lẫn vật đều ngủ li bì cả ngày, thậm chí cả trong những cánh rừng mênh mông cũng chỉ có sự im lặng ngự trị, nhất là vào những lúc tờ mờ sáng và những lúc chiều buông. Phải, ở trong vùng thôn quê thanh bình này vào một thời xa xưa có một chàng trai và một cô gái. Nàng sinh ra ở thành phố và ít khi nào rời đó, còn chàng trai là người ở một nước khác và cũng chỉ vừa đến cái thành phố nằm kề con sông lớn này vì chàng không thể tìm được việc làm ở quê nhà.

Vài tháng sau khi chàng đến đây, thời tiết trở nên mát mẻ hơn, người ta không còn ngủ nhiều như trong những ngày nóng nực nữa. Có một bữa tiệc lớn được tổ chức ở vùng ngoại ô thành phố và để đến được đây người ta phải vượt một quãng đường dài 30 dặm hoặc hơn. Có người cưỡi bộ, có người đi ngựa, có người ngự trên những cỗ xe sơn son thiếp vàng rất đẹp. Dù là đến bằng phương tiện gì thì ai nấy đều diện những bộ quần áo đẹp nhất, màu đỏ rực rỡ hay màu xanh da trời với những vòng hoa tươi cài trên mái tóc. Đây là lần đầu tiên chàng trai được dự một lễ hội lớn như vậy và chàng lặng lẽ lách ra một góc quan sát những vũ điệu duyên dáng, những trò chơi thanh tao thú vị của các chàng trai cô gái. Trong khi đứng nhìn như vậy, chàng để ý đến một cô gái bận một bộ đồ trắng, trên mái tóc cài một cành hoa lựu đỏ rực. Trong đôi mắt chàng, nàng là người đáng yêu hơn tất cả những cô gái còn lại.

Khi lễ hội kết thúc, chàng trai trở về nhà, cung cách của chàng lạ lùng đến nỗi nó thu hút sự chú ý của tất cả những người quen biết.

Mặc dù phải làm việc, chàng trai vẫn tiếp tục thấy hiện lên trước mặt khuôn mặt người đẹp lúc nàng ném bóng cho các bạn hay duyên dáng lách người giữa các bạn nhảy trong lúc khiêu vũ. Đêm đến, giấc ngủ trốn đâu

mất và sau mấy giờ trần trọc trên giường, chàng trở dậy, dầm mình vào một cái hồ sâu nằm cạnh con đường mòn trong rừng.

Tình trạng này kéo dài mấy tuần lễ, cuối cùng cơ hội cũng đến với chàng. Một buổi tối chàng đi ngang qua một ngôi nhà và kia chính là người trong mộng của chàng đang đứng quay lưng vào tường, cố gắng dùng cái quạt chống đỡ cuộc tấn công của một con chó dữ đang nhảy lên, định đập vào cổ nàng.

Alonzo, tên chàng trai, vội lao tới, chỉ với một cú đấm như trời giáng con vật chết thảng cẳng trên đường. Sau đó chàng giúp cô gái đang sợ hãi đến mức suýt ngất xỉu đi vào hàng hiên rộng rãi, mát mẻ nơi bố mẹ nàng đang ngồi chơi. Kể từ đấy, chàng là một người khách quý trong nhà và chẳng bao lâu đã trở thành vị hôn phu của Julia, tên cô gái đó.

Hàng ngày sau khi làm xong việc, chàng thường đến nhà nàng, một ngôi nhà lấp lánh, e ấp giữa những luống hoa và những loài cây leo đơm hoa suốt bốn mùa. Nơi những con chim ruồi bay chuyền từ bụi cây này sang bụi cây khác và những con vẹt đủ màu đỏ, xanh và xám cùng cao giọng hót lạnh lạnh thành từng tràng. Ở đấy, chàng tìm thấy người thiếu nữ đang đợi mình, họ ngồi bên nhau một, hai tiếng đồng hồ. Bầu trời lấm tấm những vì sao tỏa sáng, long lanh, lớn lên dần trong mắt bạn đến nỗi bạn cảm thấy hể cứ vươn tay lên là bạn có thể hái được sao trời.

“Đêm qua chàng làm gì sau khi về tới nhà?” Một đêm, cô gái bất chợt hỏi người yêu.

“Chỉ là những việc ta vẫn thường làm. Trời quá nóng để có thể ngủ được nên có lên giường cũng chẳng ích gì, thế là ta lững thững đi vào rừng, tắm ở một trong những cái hồ vừa sâu vừa tối ven sông. Ta đã tắm như thế được mấy tháng rồi, nhưng đêm qua có một chuyện bất thường xảy ra. Ta đang chuẩn bị lao xuống hồ lần cuối thì nghe có tiếng ai hát còn ngọt ngào say đắm hơn bất cứ một con họa mi nào. Tiếng hát lúc thì vang lên từ bờ bên này lúc lại vắng lại từ bờ bên kia nhưng ta không sao nghe rõ được lời ca. Thế là ta lên bờ, mặc quần áo thật nhanh rồi sục tìm khắp các bụi rậm, gốc

cây quanh hồ xem ai hát. Ta đã tưởng rằng đó là một người bạn nào đó muốn trêu đùa ta nhưng tuyệt không thấy một sinh vật nào, khi về nhà ta thấy người bạn đã ngủ say từ lúc nào.”

Trong lúc nghe người yêu nói, mặt Julia mỗi lúc một tái đi, toàn thân nàng run rẩy như thể gặp một luồng gió lạnh. Từ bé nàng đã nghe kể về các yêu ma kinh khủng lẫn quất trong rừng rú, hoặc ẩn náu bên các bờ đầm có một sức mê hoặc kinh người. Cái giọng hát đã hút hồn Alonzo có phải là của một trong những yêu tinh như vậy? Có lẽ, ai mà biết được, đó lại là giọng hát của chính Yara ma quái, người bao giờ cũng tìm đến những chàng trai sắp làm đám cưới, biến họ thành con mồi của mình.

Lặng đi một lúc, cô gái ghen ngào không nói được nên lời vì một linh cảm chẳng lành, trong khi những ý nghĩ đáng sợ lướt qua óc nàng. Cuối cùng nàng cũng mở miệng ra nói được:

“Alonzo, chàng vui lòng hứa với thiếp một điều chứ?”

“Hứa cái gì?”

“Điều này rất quan trọng, có quan hệ đối với tương lai của chúng ta.”

“Chuyện nghiêm trọng thế sao? Tất nhiên ta xin hứa. Nàng hãy nói cho ta biết đi.”

“Thiếp muốn chàng hứa,” nàng nói rồi hạ thấp giọng thì thầm vào tai chàng, “đừng bao giờ tắm ở một trong những cái hồ ấy nữa.”

“Nhưng tại sao, bà chúa của lòng ta, ta chẳng hôm nào không tắm ở đây mà có chuyện gì đâu.”

“Chưa, nhưng có thể một chuyện gì đó sẽ xảy ra. Nếu chàng không hứa, thiếp sẽ phát điên lên vì sợ hãi. Xin chàng hãy hứa với thiếp.”

“Tại sao? Mà có chuyện gì vậy? Trông nàng tái nhợt đi kìa! Nói cho ta biết vì sao nàng lại sợ hãi quá như vậy?”

“Chàng có nghe bài hát đó không?” Người con gái hỏi, vẫn run rẩy.

“Có chứ, nhưng làm sao nó có thể làm hại ta được. Đó là bài ca hay nhất mà ta từng nghe.”

“Phải, sau bài ca đó yêu tinh sẽ hiện ra và sau đó... sau đó...”.

“Ta không hiểu. Sau đó là cái gì?”

“Sau đó... là cái chết.”

Alonzo trở mắt nhìn người yêu. Nàng bị mất trí rồi chẳng? Nói năng như thế chẳng giống Julia của chàng chút nào, nhưng trước khi chàng định thần thì cô gái đã nói tiếp:

“Đó là lí do tại sao thiệp khẩn khoản xin chàng đừng bao giờ đến đây nữa, trong bất cứ trường hợp nào thì cũng phải đợi đến sau đám cưới của chúng ta.”

“Trước và sau đám cưới thì có gì khác nhau nào?”

“Ồ, sau khi cưới thì không còn nguy hiểm nữa, lúc ấy chàng muốn tắm thế nào cũng được, tùy theo ý chàng.”

“Nhưng nàng hãy cho ta biết điều gì làm nàng sợ hãi đến thế?”

“Bởi vì giọng hát mà chàng đã nghe thấy – thiệp biết chàng sẽ cười, nhưng điều này là thật – là tiếng hát của Yara.”

Nghe những lời này, Alonzo bật ra một tràng cười khô khốc và lạnh lùng đến nỗi Julia rùng mình co dúm người lại. Có vẻ như chàng trai không thể dừng lại được và chàng càng cười to bao nhiêu, cô gái đáng thương càng tái xanh đi bấy nhiêu. Nàng lăm bắm một mình, nhìn người yêu với ánh mắt sợ hãi.

“Ôi trời đất ơi, chàng đã nhìn thấy Yara! Chàng đã nhìn thấy người ấy! Trời đất ơi, tôi biết làm gì bây giờ.”

Dù tiếng nói của nàng nhẹ như hơi thở, nó vẫn vang bên tai Alonzo, lúc này chàng vẫn không nói được vì cơn cười. Chàng nhìn vị hôn thê, vừa cười chảy nước mắt vừa lắc đầu.

“Có thể chàng không biết, nhưng điều đó là thật. Không có ai chưa từng gặp Yara mà lại cười như thế.” Và nàng ngồi sụp xuống đất khóc nức nở không nguôi.

Nhìn cảnh này, Alonzo trở nên nghiêm túc, chàng quỳ xuống bên người yêu, nhẹ nhàng đỡ nàng dậy.

“Đừng khóc nữa thiên thần của ta. Ta sẽ hứa bất cứ điều gì nàng muốn. Chỉ có điều hãy cho ta được nhìn thấy nụ cười của nàng.”

Với một nỗ lực ghê gớm, Julia cố kìm tiếng thốn thức và đứng lên.

“Cảm ơn chàng. Trái tim thiếp lại bừng sáng khi nghe chàng hứa như thế. Thiếp biết chàng sẽ cố giữ lời và tránh xa khu rừng. Nhưng... quyền lực của Yara rất mạnh – tiếng hát của bà ta sẽ khiến người đàn ông quên hết mọi thứ trên đời. Phải, thiếp đã biết hơn một vị hôn thê bị bỏ lại lẻ loi trên đời với một trái tim tan vỡ. Nếu có bao giờ chàng trở lại cái hồ nơi chàng nghe thấy tiếng hát đó lần đầu tiên, xin chàng hãy mang theo vật này.” Và nàng mở một chiếc hộp chạm trổ những hình thù kì lạ, lấy ra một cái vỏ ốc biển lóng lánh nhiều màu sắc và hát một bài ca có âm điệu êm đềm vào vỏ ốc. “Vào lúc chàng nghe thấy tiếng hát của Yara, hãy áp cái vỏ ốc này vào tai và như thế chàng sẽ chỉ nghe thấy tiếng hát của thiếp. Có lẽ – thiếp cũng không biết rõ lắm – biết đâu thiếp còn mạnh hơn cả Yara.”

Đêm đã khuya Alonzo mới chia tay người yêu trở về nhà. Trăng rải đều ánh bạc lên dòng nước xa xa, trông mới mát mẻ và mời gọi làm sao. Cây cối trong rừng dang rộng vòng tay, mời mọc chàng đến gần. Nhưng chàng trai kiên quyết quay mặt đi hướng khác và về nhà đi ngủ.

Cuộc đấu tranh khá gay go nhưng Alonzo đã nhận được phần thưởng là niềm vui và sự nhẹ nhõm khi nàng Julia đón chào chàng ngay từ ngoài cổng. Chàng trấn an nàng rằng một khi đã vượt qua cám dỗ được một lần rồi thì nguy hiểm sẽ không còn nữa. Nhưng Julia hiểu rõ hơn chàng về ma lực của sắc đẹp và giọng hát của Yara nên nhất định bắt chàng lặp lại lời hứa một lần nữa khi từ giã nàng.

Trong ba đêm liền, Alonzo giữ được lời hứa, không phải bởi vì chàng tin vào câu chuyện về Yara – chàng nghĩ tất cả những huyền thoại ấy đều vô lí, ngớ ngẩn – mà bởi vì chàng không thể chịu được cảnh Julia rơi lệ trước mặt chàng nếu chàng thú nhận là đã quay lại khu rừng. Mặc cho những cố gắng ấy, khúc hát đêm nào vẫn văng vẳng bên tai chàng, mỗi ngày một lớn hơn, rõ ràng hơn, thúc bách hơn.

Vào đêm thứ tư, sức hấp dẫn của khu rừng lớn đến nỗi cả ý nghĩ về Julia lẫn lời hứa đình ninh của chàng cũng không cản được chàng. Vào lúc 11 giờ đêm, chàng lao vào những bóng đen mát rượi của hàng cây, đi theo con đường dẫn thẳng đến bờ hồ.

Tuy vậy, lần đầu tiên chàng thấy những lời cảnh báo của Julia từ một góc nào đó trong tâm trí đang vang vọng bên tai chàng dù lúc nàg nói chàng đã cho là ngớ ngẩn. Chàng nhìn những bụi rậm xung quanh với một cảm giác sờ sợ, một điều thật mới mẻ đối với chàng.

Khi đến cái hồ nọ, chàng dừng lại đưa mắt nhìn quanh quất hồi lâu vì chàng có cảm giác lạ lùng rằng có một ai đó đang quan sát chàng. Trăng chiếu sáng từng lá cây, ngọn cỏ, chẳng nhìn thấy ai ngoài cái bóng của chính chàng, chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng rì rào của dòng nước.

Chàng cởi quần áo và đứng lúc trong tư thế lao xuống dòng nước mát lạnh thì có một cái gì đó mà chàng không biết rõ chợt khiến chàng đưa mắt nhìn quanh. Cùng lúc ấy mặt trăng ló ra khỏi một đám mây, rọi ánh sáng xuống một người phụ nữ tóc vàng đẹp lộng lẫy, nửa người giấu trong một bụi dương xỉ.

Với một cú nhảy, chàng chộp vội lấy mớ quần áo, chạy thục mạng ra con đường mà chàng vừa đi qua, sợ cứng cả người với cái cảm giác hể chàng chạy được một bước lại có một bàn tay níu vai chàng lại. Cảm giác này chỉ biến mất khi chàng bỏ lại hàng cây cuối cùng sau lưng.

Chỉ khi đến một khoảng rừng trống, chàng mới dám chạy chậm lại. Đưa mắt nhìn quanh và chàng thấy dường như có một bóng người trong bộ đồ

trắng, dang hai tay ra như muốn ôm chàng vào lòng. Như thế là đủ, chàng vắt chân lên cổ mà chạy về nhà, không dám đứng lại cho đến khi về đến phòng riêng, an toàn. Cùng với những ánh bình minh đầu tiên chàng quay lại khu rừng tìm xem có dấu vết nào của Yara không nhưng mặc cho chàng cố công vạch từng lùm cây, bụi cỏ chẳng may có vật gì gợi đến bóng người đàn bà đêm qua. Không gian hoàn toàn vắng lặng ngoài tiếng vẹt kêu quang quác – giọng hót của chúng chói tai đến mức chỉ xua đuổi người ta đi chỗ khác mà thôi.

“Chắc là mình phát điên,” chàng tự nhủ, “nên mới có giấc mơ điên khùng như thế.” Sau đó chàng trở lại thành phố làm công việc hàng ngày. Nhưng hoặc là công việc nặng nhọc hơn thường lệ hoặc là chàng đã phát bệnh, chàng không thể tập trung vào công việc đang làm. Ai trông thấy chàng trong ngày hôm ấy cũng đều hỏi chuyện gì đã khiến cho chàng có một vẻ xanh xao, thất thần làm vậy.

“Chắc mình bị sốt,” chàng tự nhủ, “thật nguy hiểm khi tắm nước lạnh vào lúc người đang đổ mồ hôi?” Tuy nhiên từ trong thâm tâm chàng biết rằng chàng đang đếm từng giờ chờ đêm đến để có thể trở lại khu rừng.

Buổi tối hôm ấy, như thường lệ, chàng lại đến ngôi nhà ẩn mình dưới những bụi cây dây leo. Lẽ ra chàng không nên đến bởi vì khuôn mặt chàng xanh xao đến dễ sợ, và cung cách của chàng kì lạ đến nỗi cô gái đáng thương biết ngay là đã có chuyện gì rất kinh khủng xảy ra. Tuy vậy, Alonzo từ chối trả lời bất cứ câu hỏi nào của người yêu, và tất cả những gì mà nàng có được chỉ là lời hứa sẽ cho nàng biết tất cả vào ngày hôm sau.

Giả vờ bị một cơn đau đầu dữ dội, chàng từ biệt người vợ chưa cưới sớm hơn mọi ngày rồi ba chân bốn cẳng đi về nhà. Lấy ra một khẩu súng, chàng nạp đạn và giắt vào thắt lưng. Trước nửa đêm một chút chàng rón rén ra khỏi nhà để không làm ai chú ý. Khi đã ra bên ngoài rồi chàng hối hả đi theo con đường dẫn đến khu rừng.

Chàng không dừng lại cho đến khi đi đến chỗ bờ hồ, rồi lăm lăm khẩu súng trên tay, chàng nhìn quanh. Với mỗi tiếng động nhẹ – tiếng một chiếc

lá lìa cành, tiếng sột soạt do một con thú di chuyển trong bụi rậm, tiếng kêu của một con chim ăn đêm – chàng đều nháy lên, chĩa thẳng khẩu súng về hướng có tiếng động. Nhưng dù trăng sáng vằng vặc như ban ngày chàng vẫn không trông thấy gì cả. Dần dần một tình trạng u u mê mê xâm chiếm đầu óc chàng và chàng từ từ tựa lưng vào một gốc cây.

Chàng ở trong tình trạng ấy bao lâu thì chính chàng cũng không biết rõ, nhưng bất thành lình chàng giật thót mình sợ hãi. Nghe như có tiếng ai gọi tên chàng lên với một giọng như có như không vừa ngọt ngào vừa mơn trớn.

“Ai đấy?” Chàng kêu lên, đứng thẳng người, nhưng chỉ có tiếng vọng của chính chàng đáp lại. Sau đó đôi mắt chàng nhìn như bị hút về phía cái hồ với những con sóng lăn tăn đen thẫm ở ngay dưới chân chàng, dường như chàng không thể quay nhìn đi chỗ khác được.

Chàng cứ ngây người nhìn vào dòng nước sâu thẳm như thế vài phút, rồi chàng nhận ra từ dưới đáy sâu đen như bóng đêm có một đốm sáng mỗi lúc một lớn dần lên. Đấu tranh với cảm giác sợ hãi đang chế ngự mình, chàng cố đưa mắt nhìn đi chỗ khác nhưng vô ích. Một cái gì còn mạnh hơn ý chí của chàng, ép buộc chàng phải chú mục vào đấy.

Cuối cùng dòng nước nhẹ nhàng rẽ ra, nhô lên trên mặt nước là người đàn bà đẹp mà chàng mới chạy trốn đêm qua. Chàng quay đầu bỏ chạy nhưng đôi chân chàng đã bị gắn chặt xuống đất.

Người đẹp mỉm cười với chàng, mở rộng hai cánh tay đón chàng, nhưng trong lúc người đàn bà làm như thế thì hình ảnh người yêu lại hiện lên trước mắt chàng, đúng cái hình ảnh mà chàng thấy cách đây mấy tiếng đồng hồ. Lời cảnh cáo và nỗi sợ hãi của nàng về những nguy hiểm mà chàng đang dẫn thân vào lại vọng về.

Trong khi đó bóng người mỗi lúc một tiến lại gần chàng hơn, gần hơn nữa. Nhưng với một cố gắng quyết liệt, Alonzo rút khẩu súng, nhắm thẳng vào vai người đàn bà kéo cò. Tiếng súng đánh thức những tiếng vang đang

thiếp ngủ, lạp lại thành chuỗi trong suốt khu rừng nhưng người đàn bà vẫn mím nụ cười mê hoặc và tiến đến gần hơn. Một lần nữa Alonzo lại nổ súng, viên đạn kêu vèo vèo trong không khí, cái bóng tiến đến gần hơn. Một giây nữa người đàn bà sẽ kề sát bên chàng.

Rồi khẩu súng hết đạn, chàng chộp lấy báng súng bằng cả hai tay, sẵn sàng dùng nó như một cái cuốc bổ xuống khi Yara tiến thêm bước nữa. Nhưng bây giờ thì dường như nỗi sợ hãi lại chuyển sang chế ngự người đàn bà bởi vì bà ta dừng lại một lát trong khi chàng lại bước lên, vẫn giữ khẩu súng trên đầu, sẵn sàng bổ xuống.

Trong lúc kích động chàng quên mất hồ nước, chỉ đến khi dòng nước lạnh chạm vào chân chàng thì chàng mới dừng lại theo bản năng. Yara bối rối, lo sợ nhưng đã nhẹ nhàng xoay người qua lại, tới lui trên mặt nước và cất tiếng hát. Tiếng hát vút qua các tán cây nghe như gần như xa, không ai có thể xác định được là nó đến từ đâu, làm tràn ngập cả đêm đen cái âm thanh huyền thoại đầy ma lực của nó. Alonzo cảm thấy ý chí của chàng vượt mất đầu óc chàng rộng ra. Đôi tay chàng nặng nề rơi xuống hai bên, một tay chạm phải cái vỏ ốc để trong túi áo, cái vật mà chàng đã hứa với Julia là lúc nào cũng mang theo bên mình.

Đầu óc mê mụ của chàng vụt trở nên trong dần ra đến mức có thể nhớ lại những lời người vợ chưa cưới đã dặn và với những ngón tay run rẩy gần như không còn đủ sức để nắm lấy vật gì, chàng lấy vỏ ốc ra. Trong khi chàng làm thế tiếng hát Yara trở nên ngọt ngào hơn, mê li hơn bao giờ hết, nhưng tai chàng đã đóng lại với tiếng hát đó, bị hút về phía cái vỏ ốc. Từ trong cái lòng vụn xoắn của nó cất lên lời ca của Julia khi nàng hát vào vỏ ốc rồi trao cho chàng. Mặc dầu tiếng hát của nàng lúc đầu vang lên yếu ớt, nhưng mỗi lúc nó một cao hơn, mạnh hơn cho đến lúc màn sương mù mê mụ bao quanh chàng bị cuốn mất.

Chàng ngẩng đầu lên, có cảm giác chàng vừa đi qua một vùng đất xa lạ mà chàng sẽ không bao giờ còn muốn lang thang ở đấy nữa. Và chàng đứng thẳng người lên, dáng mạnh mẽ như một thân cây cổ thụ, đưa mắt nhìn

quanh. Chẳng có gì ngoài mặt hồ phẳng lặng sáng lấp lánh dưới ánh trăng và bóng đen của cây cối ngả dài xuống đất, chẳng có âm thanh nào ngoài tiếng rì rầm của lũ côn trùng trong lúc chúng lao đi trong đêm tối.

Nàng Maria thông minh

Ngày xưa cũng đã lâu lắm rồi có một người lái buôn già sống gần cung điện hoàng gia. Ông có ba cô con gái. Tất cả đều xinh đẹp lạ thường, nhưng Maria cô út là xinh đẹp hơn cả. Một hôm vua cho vời người lái buôn này vào triều, giao cho ông trọng trách phải dẫn đường cho một người trong một chuyến đi xa. Ông già không muốn đi vì góa vợ đã lâu, sống trong cảnh gà trống nuôi con, ông không yên tâm khi để ba cô con gái trẻ đẹp lại nhà. Nhưng liệu có ai dám cưỡng lại ý chỉ của nhà vua, thế là với trái tim nặng trĩu ông quay về nhà từ biệt các con. Trước khi đi, ông lấy ra ba cái chậu hoa, đưa cho mỗi con một cái và dặn: “Cha sẽ đi xa một thời gian, nhưng cha để lại cho các con những cái chậu này. Nên nhớ, các con không được cho ai vào nhà. Khi cha quay trở về, những cái chậu này sẽ cho cha biết chuyện gì đã xảy ra.”

“Sẽ không có chuyện gì đâu, thưa cha.” Cả ba cô đồng thanh đáp.

Người cha lên đường. Ngay ngày hôm sau đức vua cùng với hai người bạn đến thăm ba cô gái vào lúc họ đang ngồi ăn tối. Khi biết khách đến chơi là ai, Maria nói với hai chị.

“Chúng ta hãy đi chọn một chai rượu trong hầm rượu. Em sẽ cầm chìa khóa, chị cả cầm nển còn chị hai thì cầm chai rượu.”

Nhưng vua vội ngăn lại: “Ồ, không làm phiền đến các nàng đâu. Bọn ta quả thật không khát.”

“Nếu thế thì thôi, tiểu nữ sẽ không cần phải đi đâu hết,” hai cô chị cùng lên tiếng. Nhưng Maria nói: “Nếu vậy, hãy để em đi.”

Nàng thoăn thoắt rời phòng khách, vừa đi khuất nàng đã vội tắt nển, bỏ chìa khóa và chai rượu xuống rồi chạy sang bên hàng xóm, gõ cửa.

“Ai lại đến đây vào lúc đêm hôm khuya khoắt thế này?” Bà già hàng xóm hỏi, thò đầu ra ngoài cửa sổ.

“Xin bà cho cháu vào nhà,” Maria khẩn khoản. “Cháu có chuyện cãi nhau với chị cả và vì không muốn làm to chuyện hơn nữa nên cháu sang đây xin bà cho cháu ngủ nhờ một đêm.”

Thế là bà lão mở cửa cho Maria và nàng ngủ lại đấy. Nhà vua lấy làm tức giận lắm. Hôm sau về nhà, Maria thấy hoa trồng trong chậu của hai chị đều héo cả vì họ đã không làm theo lời dặn của cha.

Cửa sổ trong phòng người chị cả trông ra vườn thượng uyển. Nhìn những trái táo bắt đầu chín vàng trên cành người chị thèm ăn lắm nên đã năn nỉ Maria đột nhập vào vườn bằng một sợi dây thừng, sau khi hái được vài trái cô chị sẽ kéo cô em lên. Vốn là một người tốt bụng, Maria leo vào vườn bằng một sợi dây dòn xuống từ cửa sổ, hái táo xong nàng đang cột dây thật chặt dưới cánh tay để leo lên thì người chị lại nói: “Ồ có mấy trái chanh ngon quá. Ở cái cây xa xa kia kìa. Em hãy hái cho chị một vài trái.” Maria quay lại chỗ cây chanh nhưng nàng thấy mình đang đứng đối diện với người làm vườn, ông ta chộp lấy cánh tay nàng, kêu to:

“Mày làm cái gì ở đây vậy, quân ăn trộm.”

“Đừng gọi tôi như thế,” Maria cứng cỏi đáp, “không thì ông lại gặp chuyện rắc rối to đấy!” Nói xong nàng xô ông ta một cái thật mạnh làm ông ta ngã vào gốc chanh, thở dốc. Sau đó nàng nhanh nhẹn tóm lấy sợi dây leo qua cửa sổ vào nhà.

Ngày hôm sau người chị thứ hai lại thèm ăn chuối và đã năn nỉ cô em hết lời. Mặc dù Maria đã thề không làm chuyện đại đột ấy một lần nữa, cuối cùng nàng cũng phải xiêu lòng, lại nhảy vào vườn thượng uyển. Lần này nàng chạm trán với chính nhà vua. Ngài kêu lên:

“À thì ra nàng lại vào đây một lần nữa, cô bé ranh mãnh. Bây giờ nàng sẽ phải trả giá cho những hành động rồ dại của mình.”

Nhà vua bắt đầu chất vấn Maria về những việc nàng đã gây ra. Maria thản nhiên nói lại những việc mình đã làm, nghe xong vua phán: “Hãy theo ta vào cung, ở đấy nàng sẽ có được một bài học.” Nói đoạn vua quay lưng

đi về cung, chốc chốc lại quay đầu nhìn lại để biết chắc là Maria không bỏ trốn. Nhưng kìa, khi ngài nhìn lại một lần nữa thì chẳng thấy cô nàng đâu nữa. Nàng đã hoàn toàn biến mất, không để lại một dấu vết gì. Người ta xáo cả kinh thành lên để tìm kiếm nàng, không có một cái hố hay ngõ ngách nào không bị lùng sục nhưng vẫn không hề có dấu gì về nàng. Điều này làm vua tức giận đến mức long thể bất an và trong nhiều tháng trời vua không thể ra khỏi cung cấm.

Trong khi đó hai người chị đã thành hôn với hai người bạn của vua và trở thành mẹ của những bé gái kháu khỉnh. Một hôm Maria lên vào nhà của hai cô chị bắt cóc hai đứa bé cho vào trong một cái lẵng thật đẹp rồi rải hoa tươi lên trên giả làm một lẵng hoa sao cho không ai có thể nghĩ là có trẻ con bên trong. Đoạn nàng cải trang nam nhi rồi đội cái lẵng lên đầu và chậm rãi đi qua đi lại trước cung điện miệng rao to: “Ai có thể dâng những bông hoa này lên nhà vua, người đang ốm liệt giường vì bệnh tương tư nào?”

Tiếng rao vọng đến tận chỗ vua đang nằm, ngài sai người ra ngoài mua hoa. Lẵng hoa được mang vào tận giường nhà vua, vừa khi ngài gượng ngồi dậy được thì nghe có tiếng trẻ con khóc, người ta bỏ lớp hoa ra thì thấy hai đứa trẻ mới sinh. Vua nổi trận lôi đình trước trò lỡm mà Maria bày ra để lừa gạt mình. Trong lúc vẫn đang nhìn hai đứa trẻ, tự hỏi phải làm gì để trả đũa thì cận thần vào báo là người lái buôn, cha của Maria hoàn thành xong công việc vua giao vừa về tới nhà. Đến đây thì vua nhớ ra là Maria đã từ chối không chịu tiếp ngài và hai người bạn như thế nào, rồi nàng lại trèo vào vườn thượng uyển hái trộm trái cây ra sao. Ngài quyết định sẽ buộc nàng phải trả một giá thật đắt. Thế là vua ra lệnh cho một thị đồng đến gặp thương gia truyền ý chỉ của mình: Ngay hôm sau ông phải vào cung tiếp kiến và mang theo một cái áo khoác may bằng đá nếu không ông sẽ bị trừng trị. Lúc này ông già đáng thương đã có đủ chuyện buồn phiền bởi nỗi kể từ lúc về nhà vào tối hôm trước ông đã phát hiện ra hai cô con gái lớn không làm theo lời ông dặn dù đã hứa hẹn đủ điều. Các cô đã vội vã lấy chồng, vội vã đẻ con mà không đợi được đến lúc ông về.

Bây giờ lại còn cái lệnh oái ăm của nhà vua nữa, biết lấy đâu ra chiếc áo khoác may bằng đá bây giờ? Ông đang vịn hai tay vào nhau và tuyên bố ông sẽ tiêu diệt nhà vua bằng chính đôi tay mình thì Maria bất thành linh bước vào.

“Xin cha đừng quá buồn phiền về chuyện cái áo. Hãy mang một viên phấn đến cung điện và bảo cha muốn đo áo cho vua.”

Người cha không rõ liệu điều đó có ích gì không nhưng Maria vẫn thường giúp đỡ ông vượt qua khó khăn nên ông tin tưởng vào con gái. Thế là ông cho một viên phấn vào túi và đi vào cung.

“Như thế không được,” vua phán sau khi nghe ông trình bày mục đích của mình.

“Nếu vậy, thần không thể may cái áo mà bệ hạ muốn.”

“Nếu khanh muốn giữ cái đầu trên cổ thì hãy giao cô con gái út Maria cho trẫm.”

Thương gia không nói gì, trở về nhà mặt buồn rười rượi, ở đó con gái ông đang ngồi chờ tin tức.

“Ôi con gái ơi, ta sinh ra đời để làm gì thế không biết? Nhà vua ra lệnh thay vì may cái áo bằng đá ta phải giao con cho hắn.”

“Đừng thất vọng như thế, cha thân yêu. Cha hãy làm một người nộm giống con như hệt, với một sợi dây gắn lên đầu để con có thể giật thay cho câu trả lời “có” và “không”.

Thế là ông già bắt tay ngay vào việc.

Vua kiên nhẫn ngồi đợi trong cung, chắc chắn rằng lần này Maria sẽ không có cách nào thoát khỏi tay mình. Ngài ra lệnh cho bọn người hầu: “Nếu có một ông già đến đây cùng với con gái xin được vào tiếp kiến trẫm hãy đưa cô gái vào phòng ngủ của trẫm và canh gác sao cho cô ta không thoát ra ngoài được.”

Khi cánh cửa đóng lại, Maria lôi người nộm giấu trong bộ quần áo rộng của mình ra đặt ngồi trên ghế còn nàng thì trốn dưới gầm ghế, giữ thật chặt sợi dây nối với đầu hình nộm.

“Tiểu thư Maria, trăm hy vọng nàng vẫn khỏe,” vua nói khi bước vào phòng. Người nộm gật đầu.

“Nào bây giờ chúng ta hãy tính số những chuyện đã xảy ra giữa hai ta,” vua tiếp tục và bắt đầu ôn lại chuyện nàng đã lừa vua trốn sang nhà hàng xóm rồi kết thúc bằng chuyện cái lăng hoa. Sau mỗi một lời kết luận của vua, Maria lại giật sợi dây một cái, người nộm lại gật đầu về lơ đãng.

“Kẻ nào phạm thượng dám trêu chọc trẫm, kẻ ấy phải chết,” vua tuyên bố khi kết thúc và rút gươm ra chém một nhát bay đầu người nộm. Cái đầu bắn về phía vua. Khi cảm thấy như có một đôi môi chạm vào má mình, ngài kêu lên:

“Ôi Maria, Maria, sao lúc chết rồi thì nàng lại ngọt ngào với ta đến thế, còn lúc sống nàng lại đối với ta quá phũ phàng. Kẻ nào giết nàng đáng phải nhận lấy cái chết.”

Vua vừa quay mũi gươm vào ngực mình thì Maria đã từ gầm ghế nhảy ra, lao đến ôm lấy vua. Ngày hôm sau họ làm đám cưới to chưa từng thấy, đúng như bạn có thể hình dung một đám cưới của các bậc vua chúa. Và họ sống hạnh phúc suốt đời.

Cô gái với cái mũ bằng gỗ

Ở một làng nhỏ tại nước Nhật Bản xa xôi ngày xưa có một cặp vợ chồng nọ. Họ đã hưởng những năm tháng sung sướng và hạnh phúc nhưng rồi giai đoạn khó khăn cũng đến, cuối cùng của cải của họ cũng đội nón ra đi, họ chỉ còn lại mỗi cô con gái đẹp như một buổi bình minh. Hàng xóm láng giềng đều là những người tốt sẵn lòng làm bất cứ việc gì có thể làm được để giúp đỡ, nhưng hai vợ chồng già cảm thấy rằng một khi vận hạn thay đổi thì tốt nhất họ nên từ bỏ quê hương. Thế là một ngày kia họ khăn gói lên đường lánh đến sống ở một vùng quê mới cùng với người con gái.

Hai mẹ con lúc này có nhiều việc phải làm như giữ gìn nhà cửa sạch sẽ và chăm sóc vườn tược, còn người cha thì suốt ngày chỉ ngồi ngầy người nhìn trân trân về phía trước nhớ lại cái thời hoàng kim đã qua. Càng ngày ông càng thấy nuối tiếc, cho đến một hôm ông ngã bệnh rồi qua đời.

Mẹ và con gái cay đắng khóc thầm trước mất mát này và phải mất nhiều tháng trời họ mới có thể thấy lại niềm vui. Một buổi sáng, người mẹ chợt dừng mắt lại ở người con gái, nhận thấy càng lớn lên nàng càng xinh đẹp hơn. Đã có những lúc bà cảm thấy thật sung sướng khi ngắm nhìn gương mặt xinh xắn của con, nhưng bây giờ chỉ còn mẹ góa con côì bà sợ rằng nhan sắc của con chỉ mang lại điều dữ. Vì thế, như một người mẹ hiền biết lo xa, bà dạy cho con tất cả những gì mà mình biết, kiếm việc để cho con gái lúc nào cũng bận rộn, không có thời gian nghĩ đến bản thân nữa. Đó là một cô gái nết na và nàng học nằm lòng những bài học của mẹ. Cứ như thế nhiều năm trôi qua.

Cuối cùng vào một mùa xuân tiết trời ẩm ướt, người mẹ nhuốm bệnh nhưng thoát đầu bà không quan tâm đến bệnh tình lắm và càng ngày bà càng yếu dần. Bà tự biết mình sẽ không còn sống được bao nhiêu ngày nữa. Thế là bà gọi con gái đến bên giường bảo rằng chẳng bao lâu nữa sẽ chỉ còn một mình nàng trên đời và nàng phải học cách tự chăm lo cho bản thân vì

nàng chẳng có nơi nào nương tựa. Và bởi vì đối với một người đẹp, tránh được sự chú ý của người đời là một việc khó khăn hơn những người khác nên bà mẹ gần đất xa trời bảo con gái mang đến cho bà chiếc mũ bằng gỗ để ở phòng bên. Bà cầm lấy, run run đặt lên đầu con gái, ấn xuống thật thấp cho đến tận lông mày, thế là gần như cả khuôn mặt nàng khuất trong cái bóng của nó. Nàng không hề phản đối khi thấy gương mặt xinh đẹp, mái tóc dài óng ả của mình bị chiếc mũ gỗ kì quái giấu kín. Như thế, nàng có đi qua bất cứ đám đông nào cũng không có ai liếc nhìn nàng đến lần thứ hai. Và như vậy, trái tim mệt mỏi của người mẹ có thể yên nghỉ, bà ngả người xuống giường trút hơi thở cuối cùng.

Người con gái khóc thương mẹ trong nhiều ngày trời, nhưng dần dần nàng cảm thấy rằng chỉ còn trơ trọi một mình trên đời nàng phải thôi than khóc mà bắt tay vào làm việc vì giờ đây nàng chỉ còn biết trông cậy vào chính mình. Mẹ chết rồi, ở nhà một mình cũng chẳng ích gì, thế là nàng gói quần áo vào một tay nải, đi qua nhiều ngọn đồi cho đến khi tới nhà một phú ông, chủ nhân của tất cả những cánh đồng trong vùng. Nàng xin vào làm ruộng trong nhà phú ông. Không quản sớm khuya, nàng làm việc rất chăm chỉ và đêm đêm nàng lên giường ngủ với tấm lòng thanh thản bởi vì nàng đã không quên cái điều mình đã hứa với mẹ lúc lâm chung. Dù trời có nóng nực đến mấy nàng cũng không bao giờ bỏ chiếc mũ gỗ ra khỏi đầu nên người ta đặt cho nàng biệt hiệu là “cô gái Mũ Gỗ.”

Nhưng mặc cho những cố gắng ấy, tiếng đồn về sắc đẹp đặc biệt của nàng vẫn lan khắp vùng. Người ta thấy nhiều chàng trai táo tợn tìm đến nhìn trộm nàng lúc nàng làm việc ngoài đồng và cố gỡ chiếc mũ gỗ ra. Nhưng cô gái chẳng có gì để nói với họ cả, nàng chỉ lẳng lặng xua họ đi, dù họ tìm đủ cách để bắt chuyện, nàng vẫn không đáp lời, tiếp tục chăm chỉ làm việc dẫu công xá có thấp và ăn uống kham khổ đến đâu chẳng nữa.

Một hôm, phú ông tình cờ đi qua cánh đồng nơi nàng đang làm việc, ông kinh ngạc khi thấy nàng lao động cật lực như thế làm cho chính nhà mình nên đã dừng lại quan sát. Một lúc sau ông hỏi nàng đôi ba câu, đoạn đưa

nàng về nhà nói rằng từ nay nhiệm vụ duy nhất của nàng là chăm sóc bà chủ đau ốm. Kể từ đấy cô gái cảm thấy rằng những khó khăn của nàng đã chấm dứt nhưng thật ra thử thách gay go nhất vẫn còn chưa đến.

Mũ Gỗ trở thành người hầu gái không được bao lâu thì cậu chủ trở về nhà từ Kyoto – nơi chàng đến để học hỏi tất cả những gì mà một người đàn ông lịch lãm cần biết. Chàng đắm chán sự hào nhoáng của đô thành cùng những thú vui của nó và cảm thấy sung sướng được đắm mình trong không khí thanh bình của một vùng quê xanh biếc, giữa những cây anh đào rực nở và các loài hoa ngát hương khác. Một sáng kia chàng thoáng thấy một cô gái đội cái mũ gỗ kì cục trên đầu và chàng tìm đến bên bà mẹ hỏi xem nàng là ai, từ đâu đến, có sao lạ đội một vật xấu xí như thế.

Người mẹ đáp đó là nét lập dị của cô hầu gái và không người nào có thể thuyết phục nàng bỏ cái mũ ra. Nghe thế chàng trai cất tiếng cười và giữ những ý nghĩ cho riêng mình.

Tuy nhiên vào một trưa hè nóng nực, trên đường đi về nhà chàng thoáng thấy cô hầu gái của mẹ chàng đang cúi lom khom bên một dòng suối nhỏ chảy qua vườn. Nàng đang khoát nước lên mặt. Cái mũ gỗ để sang một bên và cậu chủ – đứng nấp sau một gốc cây – đã được dịp thoáng thấy khuôn mặt tuyệt đẹp của nàng. Chàng quyết định nàng sẽ là vợ mình chứ không phải ai khác. Nhưng khi chàng thông báo với gia đình về ý định đó thì mọi người đều lấy làm giận dữ, họ bịa đặt ra không biết bao nhiêu mẩu chuyện độc địa về nàng. Tuy vậy, họ chỉ tự chuốc rắc rối vào thân bởi vì chàng biết rõ đấy chỉ là những điều đơm đặt. “Chỉ cần mình kiên định trước sau như một,” chàng nghĩ, “cuối cùng mọi người cũng phải nhượng bộ thôi.”

Với một người chồng lí tưởng như thế không ai nghĩ là có một cô gái nào dám khước từ, nhưng sự thật lại không như thế. Mũ Gỗ cảm thấy thật không phải nếu vì mình mà có chuyện bất hòa trong gia đình và mặc dầu vẫn âm thầm nhỏ những giọt lệ cay đắng, nàng kiên quyết từ chối lời cầu hôn. Cuối cùng vào một đêm nọ, người mẹ hiện về trong giấc mơ, khuyên nhủ nàng hãy chấp nhận lời cầu hôn của cậu chủ. Thế là sáng hôm sau, khi

chàng lại ngỏ lời – như hầu như ngày nào chàng cũng làm thế – thì chàng rất đỗi ngạc nhiên, sung sướng vì được nàng ưng thuận. Bậc cha mẹ thấy rằng họ nên làm điều tốt nhất cho đôi trẻ nếu không thể ngăn cản được. Thế là họ tổ chức một đám cưới linh đình xứng đáng với gia thế của họ. Tất nhiên trong vùng lan tràn những lời đồn độc ác về cái mũ gỗ nhưng chú rể quá hạnh phúc để quan tâm đến những chuyện ngớ ngẩn ấy, chỉ cười vào mũi họ.

Khi tiệc cưới đã sẵn sàng và cô dâu đã mặc bộ đồ thêu đẹp nhất có thể tìm thấy trên toàn nước Nhật Bản, các cô hầu gái nhắc cái mũ gỗ ra khỏi đầu cô dâu để họ có thể chải tóc cho cô theo kiểu mới nhất. Nhưng chiếc mũ gỗ không nhúc nhích và họ càng kéo mạnh bao nhiêu nó càng bám chắc bấy nhiêu cho đến khi cô dâu đáng thương kêu thét lên vì đau đớn. Nghe tiếng khóc của nàng, chú rể lao vào phòng, an ủi nàng và tuyên bố rằng nàng sẽ làm đám cưới trong cái mũ gỗ như nàng không thể thành vợ chàng mà không có nó. Thế là thủ tục thành hôn bắt đầu, cô dâu, chú rể ngồi bên nhau, li rượu hợp cần được mang đến cho hai người và họ cùng uống cạn. Khi cả hai đã uống đến giọt cuối cùng, một điều kì diệu đã xảy ra. Cái mũ gỗ bỗng kêu rắc một tiếng rồi vỡ thành từng mảnh rơi xuống đất và khi tất cả khách mời quay lại nhìn, họ thấy trên sàn rải đầy những viên kim cương rơi ra từ cái mũ gỗ. Nhưng vẻ đẹp lấp lánh của những viên kim cương không làm cho họ kinh ngạc bằng sắc đẹp hiếm có của cô dâu, một vẻ đẹp vượt quá những điều họ đã nhìn hoặc nghe nói tới. Đêm tân hôn trôi qua trong tiếng đàn hát và những điệu múa. Sau đó cô dâu chú rể trở về nhà riêng, nơi họ sống hạnh phúc cho đến lúc chết, con cháu đầy nhà, và đều nổi tiếng trên toàn nước Nhật về vẻ đẹp và lòng nhân hậu.

Công chúa Mayblossom

Xưa có một ông vua và một bà hoàng hậu, con cái họ bỗng nhiên thi nhau chết, hết người này đến người khác cho đến khi chỉ còn một người con gái út và hoàng hậu với sự khôn ngoan của mình biết phải tìm ở đâu một người nữ mẫu thật tốt để chăm sóc và nuôi nấng công chúa. Thế là bà cử một sứ giả thổi kèn trumpet ở mọi các góc phố, thông báo tất cả những người bảo mẫu giỏi nhất phải đến trình diện trước mặt hoàng hậu để bà có thể chọn người hoàn hảo nhất cho công chúa. Vào ngày đã định cả cung điện chen chúc các bà bảo mẫu kéo đến từ bốn phương trời để ra mắt hoàng hậu cho đến lúc bà tuyên bố không thể gặp hết một nửa trong số họ. Thế là từng người một được đưa đến trước mặt bà trong lúc bà ngồi trong một khu rừng gần lâu đài.

Mọi việc được tiến hành như thế này: sau khi các bảo mẫu cúi chào cung kính vua và hoàng hậu, họ sắp thành một hàng ngang để hoàng hậu chọn lựa. Đa số mọi người đều dễ coi, mập mạp và duyên dáng nhưng có một người có nước da đen đui, xấu xí nói một thứ tiếng gì rất quái lạ, chẳng ai có thể hiểu được. Hoàng hậu tự hỏi sao người này lại dám ra mắt bà, nhưng khi người đàn bà này bị đuổi đi bà ta nhất định không chịu. Bà ta lăm bắm một cái gì đó, rời khỏi chỗ nhưng không bỏ đi hẳn mà trốn vào một hốc cây. Từ đó bà ta có thể thấy mọi chuyện đang diễn ra. Hoàng hậu không nghi ngờ gì đã chọn một bảo mẫu xinh đẹp có khuôn mặt hồng hào, nhưng bà vừa tuyên bố sự lựa chọn của mình thì một con rắn, trốn trong bụi cỏ đã cắn vào chân người được chọn và cô lăn xuống đất chết ngay tức khắc. Hoàng hậu rất bức bối với tai nạn này nhưng ngay sau khi bà chọn một người khác và người này vừa tách ra khỏi hàng thì một con đại bàng từ đâu bay đến thả một con rùa lớn trúng đầu người này làm cái đầu vỡ ra thành từng mảnh dễ dàng như một cái vỏ trứng. Đến nước này thì hoàng hậu hoảng sợ thật sự nhưng bà vẫn chọn thêm một lần nữa. Lần này cũng không may mắn hơn bởi vì khi cô bảo mẫu bước lên vài bước, một cành cây đâm ngang đã chọc mù

mắt cô bằng những cái gai nhọn. Trong lúc mất tinh thần, hoàng hậu kêu to lên rằng chắc chắn có một thế lực hắc ám nào đó ngăn trở công việc của bà và bà không chọn thêm một ai vào ngày hôm ấy nữa. Trong lúc quay về cung điện bà nghe thấy một chuỗi cười độc ác, tai quái vang lên sau lưng. Bà quay đầu nhìn lại, trông thấy người đàn bà xấu xí mà bà đã đuổi ra khỏi hàng, bây giờ đang thích chí cười nhạo và hả hê trước sự bàng hoàng của mọi người và đặc biệt là của hoàng hậu. Bà vừa lo sợ vừa bực bội, đang định ra lệnh bắt người đàn bà kia thì mù phù thủy – vì bà ta chính là một phù thủy – với hai luồng gió từ cây gậy phép đã gọi ra một cỗ xe phun lửa được những con rồng bay kéo đi và trong không trung nổ ra những tiếng kêu thét, la ó dữ dội. Khi đức vua nhìn thấy cảnh này, ngài thảng thốt kêu lên:

“Trời ơi, bây giờ thì chúng ta chết chắc rồi, bởi vì đây còn là ai nữa nếu không phải là bà tiên ác Carabosse người nuôi một mối thù hằn với trăm kẻ từ khi trăm còn là một đứa trẻ, một hôm đã đùa nghịch bỏ lưu huỳnh vào món cháo của bà ta.”

Nghe thế hoàng hậu bật khóc:

“Nếu thiếp biết được người đó là ai thì thiếp đã làm hết sức mình để làm bạn với bà ấy, bây giờ thì thiếp cho rằng tất cả đã quá muộn rồi.”

Vua rất lấy làm tiếc là đã làm cho hoàng hậu hoảng sợ như thế. Ngài cho rằng họ nên quay về cung điện triệu tập một hội đồng để bàn xem có thể làm gì để đối phó với những tai họa mà chắc chắn Carabosse, sẽ mang đến cho cô công chúa nhỏ.

Thế là tất cả bá quan văn võ đều được triệu hồi về cung, ở đây người ta đóng chặt tất cả cửa lớn cửa nhỏ, bịt cả các lỗ khóa để không ai có thể nghe trộm được cuộc luận bàn quan trọng của họ. Kết luận cuối cùng là tất cả các nàng tiên từ hàng ngàn dặm đường trong vương quốc sẽ được mời đến dự ngày lễ đặt tên thánh của công chúa. Thời điểm của ngày lễ này sẽ được giữ bí mật tuyệt đối phòng trường hợp phù thủy Carabosse quấy phá.

Hoàng hậu và tất cả thị nữ trong triều bắt tay vào việc chuẩn bị các món quà cho những nàng tiên được mời. Mỗi nàng là một chiếc áo khoác bằng nhung xanh biếc, một chiếc váy xa tanh màu hoa đào, một đôi giày cao gót, một sợi kim thêu thật sắc và một cái kéo bằng vàng. Trong tất cả những nàng tiên mà hoàng hậu biết chỉ có 5 người có khả năng đến dự lễ vào ngày đã định, và họ đã bắt tay ngay vào việc chuẩn bị các món quà cho công chúa. Một người cam đoan rằng công chúa sẽ là một tuyệt thế giai nhân bội phần xinh đẹp, người thứ hai khẳng định công chúa có khả năng hiểu bất cứ chuyện gì vào ngay lần đầu tiên người ta nói với nàng, người thứ ba hứa hẹn công chúa sẽ có giọng hát mê li của một con chim họa mi, người thứ tư nói rằng công chúa sẽ thành công trong tất cả những công việc mà nàng nhúng tay vào. Nàng tiên thứ năm đang định mở miệng nói thì có tiếng động lục cục trong ống khói và Carabosse – cả người toàn muội than – lao ra từ ống khói, kêu lên:

“Ta nói rằng con bé sẽ là kẻ đen đui nhất trong những người đen đui cho đến lúc nó được 20 tuổi.”

Nghe thế, tất cả các nàng tiên cùng hoàng hậu đều lên tiếng cầu xin bà tiên ác hãy nghĩ lại không nên độc ác với một cô công chúa bé nhỏ đáng thương chưa từng làm điều gì có hại cho ai. Nhưng bà tiên xấu xí chỉ gầm gừ trong cổ không nói gì cả. Thế là nàng tiên cuối cùng vẫn còn chưa công bố món quà bèn cố gắng cứu vãn lời nguyện độc địa kia bằng lời hứa công chúa sẽ có một cuộc đời dài lâu vô cùng hạnh phúc sau thời hạn trên. Nghe đến đây Carabosse cất tiếng cười tai ác, chui vào ống khói bay lên, để tất cả mọi người ở lại trong sự khiếp hãi, đặc biệt là hoàng hậu. Tuy nhiên bà vẫn tiếp đãi các nàng tiên với tất cả thịnh tình, tặng họ thêm những dải ruy băng đẹp đẽ mà họ rất thích cùng với những món quà đã chuẩn bị trước.

Trước khi từ giã, nàng tiên cao tuổi nhất gợi ý rằng sẽ tốt hơn cho công chúa nếu giam công chúa vào một nơi nào đó chỉ có những người hầu gái, như thế nàng sẽ không gặp bất cứ ai cho đến khi nàng 20 tuổi. Thế là vua cho xây dựng một tòa tháp hoàn toàn không có cửa sổ, được thắp sáng bằng

những ngọn nến, chỉ có một đường độc đạo dẫn đến ngọn tháp này và những cánh cửa sắt đóng chặn con đường này ở cách tháp chừng 5 thước. Lính gác được bố trí ở khắp nơi.

Công chúa được đặt tên là Mayflower bởi vì nàng tươi tắn và rực rỡ như muôn hoa nở vào tháng năm. Đến tuổi cập kê công chúa cao như một cây thông non và bội phần xinh đẹp. Bất cứ điều gì nàng nói và làm đều duyên dáng, đáng yêu. Mỗi lần vua và hoàng hậu đến thăm con, họ lại thêm vui sướng, tự hào về con gái hơn mặc dù nàng đã phát chán ngọn tháp, hết lòng cầu xin cha mẹ hãy cho phép nàng ra ngoài. Nhưng bao giờ họ cũng từ chối. Nhũ mẫu là người không rời công chúa nửa bước, thỉnh thoảng cũng kể cho nàng nghe về thế giới bên ngoài. Dù công chúa chưa bao giờ tận mắt thấy thứ gì nhưng bao giờ nàng cũng nhìn nhận mọi việc như nó đúng là như thế, nhờ món quà của nàng tiên thứ hai. Đức vua thường nói với hoàng hậu: “Sau cùng chúng ta còn khôn ngoan hơn cả Carabosse. Mayflower của chúng ta vẫn là người hạnh phúc mặc cho lời nguyền của bà ta.”

Hoàng hậu cười sung sướng cho đến khi bà phát mệt với ý nghĩ họ đã qua mặt được bà tiên ác. Người ta vẽ những bức chân dung của công chúa và gửi sang tất cả các nước lân bang bởi vì chỉ còn 4 ngày nữa là công chúa tròn 20 tuổi và đó cũng là ngày nàng sẽ quyết định kết hôn với ai. Cả kinh thành hào hứng, say sưa với ý nghĩ công chúa sẽ được giải phóng khỏi tháp canh và khi có tin là vua Merlin đã cử sứ thần sang cầu hôn cho hoàng tử của mình thì không khí còn sôi động hơn. Nhũ mẫu là người luôn luôn kể cho công chúa nghe những chuyện đang diễn ra trong thành phố cũng không bỏ lỡ dịp nói lại cái tên có quan hệ mật thiết đến thế với công chúa. Bà miêu tả không khí chuẩn bị tương bừng trong kinh thành để chào đón sứ thần Fanfaronade thay mặt hoàng tử sang cầu hôn và công chúa không thể chịu đựng được ý nghĩ nàng bị gạt ra khỏi chuyện này.

“Mình chỉ là một kẻ bất hạnh,” nàng kêu lên, “bị nhốt trong chỗ giam cầm này như thể mình phạm phải một tội ác ghê tởm. Mình không bao giờ được trông thấy mặt trời, trăng sao hay một con ngựa, con khỉ, con sư tử

ngoài việc ngắm những thứ đó trong một bức tranh. Mặc dù phụ vương và mẫu hậu hứa sẽ giải thoát cho mình vào ngày mình tròn 20 tuổi nhưng mình tin rằng họ chỉ nói cho mình vui lòng thôi mà chẳng bao giờ có ý định giải thoát cho mình.”

Thế là công chúa bật khóc nức nở làm cho nhũ mẫu và con gái của bà cùng người đưa nô, người thị tỳ – những người yêu mến công chúa rất mực – cũng bật khóc. Trong tháp không còn nghe được gì ngoài những tiếng khóc và thở dài náo nức. Thật là một cảnh tượng thương tâm. Khi công chúa thấy tất cả đều buồn khổ cho mình, nàng quyết định sẽ làm theo cách của mình. Nàng tuyên bố sẽ tuyệt thực cho đến chết nếu họ không tìm ra một cách nào để nàng có thể chứng kiến đoàn người lộng lẫy tiến vào kinh thành.

“Nếu mọi người thật lòng yêu thương tôi, tất phải tìm ra được một cách nào đó. Vua và hoàng hậu tuyệt đối không được biết gì về việc này.”

Nhũ mẫu và những người khác gào khóc to hơn, dùng đủ mọi cách để công chúa từ bỏ ý định. Nhưng họ càng nói bao nhiêu thì công chúa càng thêm kiên quyết bấy nhiêu. Cuối cùng họ đành đục một lỗ nhỏ ở một bên tường trông ra cổng thành.

Sau một ngày một đêm cào cào, đục đục, họ tạo ra được một lỗ nhỏ mà cố gắng lắm họ mới nhét được một cây kim nhỏ nhất vào. Thế là lần đầu tiên trong đời công chúa được thấy ánh nắng mặt trời. Nàng bàng hoàng say sưa với tất cả những gì tận mắt trông thấy đến nỗi nàng quyết không rời chỗ đó, và không lúc nào rời mắt khỏi cái lỗ nhỏ. Rồi cũng đến lúc đám rước của sứ thần hiện ra.

Dẫn đầu đoàn người là chính Fanfaronade trên một con ngựa trắng phau, chốc chốc nó lại dựng hai vó trước lên và xoay nửa vòng theo tiếng kèn trumpet. Không có gì trên đời này lộng lẫy hơn bộ trang phục của sứ thần. Cái áo khoác gập như được giấu sau những đường thêu cần ngọc trai và kim cương lóng lánh, đôi ủng của hãn làm bằng vàng ròng và từ trên chiếc mũ của hãn phát phối những cọng lông chim đỏ rực. Vừa trông thấy hãn công

chúa đã đánh mất cả lí trí và quyết định rằng ngoài Fanfaronade ra nàng nhất định không lấy bất cứ ai.

“Chủ của chàng chắc chắn không thể đẹp đẽ và tuấn tú bằng một nửa chàng,” nàng thầm nhủ. “Mình cũng không phải là kẻ có nhiều tham vọng và sau khi đã sống gần ấy năm trong cái tháp chán chết này thì bất cứ sự thay đổi nào – dù có phải sống trong một túp lều tranh – thì đối với mình cũng là một điểm phúc. Mình chắc chắn rằng bánh mì và nước lã mình cùng ăn với chàng Fanfaronade còn ngon lành hơn tất cả cao lương mỹ vị mà mình cùng ăn với bất cứ ai khác.”

Nàng cứ nói mãi một mình cho đến lúc những người hầu tỳ hỏi không biết có chuyện gì đã xảy ra với nàng. Họ cố gắng ngăn nàng lại, nhắc nhở nàng rằng với địa vị cao quý của mình, nàng tuyệt đối không được làm bất cứ điều gì ngu ngốc như thế nhưng nàng một mực không nghe và ra lệnh cho họ phải im miệng.

Đúng lúc sứ thần tiến vào thành, hoàng hậu dẫn đầu đoàn người đến đón công chúa về cung.

Tất cả các đường phố đều được trải thảm, các cửa sổ chen chúc các quý bà quý cô muốn được thấy mặt công chúa và họ đã chuẩn bị sẵn các lẵng hoa kẹo ngọt để tặng nàng khi nàng đi qua.

Trong không khí tưng bừng đón chào công chúa có một người lùn cười voi đi đến. Ông ta là sứ giả của năm nàng tiên, có nhiệm vụ mang đến cho công chúa một vương miện, một cây quyền trượng, một chiếc áo dài thêu ren lộng lẫy với một chiếc áo khoác tuyệt đẹp có thêu những cánh bướm. Họ cũng gửi cả một lẵng đựng đầy những viên ngọc quý lấp lánh đến nỗi chưa có ai từng thấy những viên ngọc đẹp như thế bao giờ, cả đến hoàng hậu cũng hoa cả mắt khi mở món quà đó. Nhưng công chúa lại không buồn liếc những vật báu đó đến lần thứ hai bởi vì nàng không nghĩ đến điều gì ngoài Fanfaronade. Người lùn được tặng lại một thỏi vàng và quần đầy người những dải ruy băng đến nỗi khó có thể nhìn thấy ông ta trong mớ ren rua bông bành ấy. Công chúa gửi tặng mỗi bà tiên một cái xa quay sợi mới

với một con quay bằng gỗ tuyết tùng, còn hoàng hậu thì nói bà sẽ xem lại trong kho châu báu của mình có vật gì đáng giá để tặng lại các nàng tiên.

Khi công chúa khoác lên người những món đồ mà người lùn mang tới, nàng xinh đẹp hơn bao giờ hết và khi nàng đi ra ngoài phố, tất cả mọi người đều phải trầm trồ kêu lên: “Chao ôi, công chúa mới đẹp làm sao! Đẹp làm sao.”

Đoàn người gồm có hoàng hậu, công chúa và năm chục quận chúa là em họ của nàng cùng một trăm các cô gái đẹp đến từ các nước láng giềng. Trong khi mọi người tiến về cung thì bầu trời tối sầm lại, chợt có tiếng sấm gầm lên, mưa đổ xuống như thác. Hoàng hậu đội áo khoác lên đầu, tất cả các quận chúa và các cô gái khác cũng bắt chước với những đuôi áo dài lê thê. Công chúa Mayflower vừa định làm theo thì trong không gian vang lên tiếng động ghê tai, quái lạ nghe như có tiếng kêu của hàng ngàn những con quạ, ó, diều hâu, cú, tất cả những con chim báo điềm xấu. Cũng lúc đó một con cú khổng lồ bay ngay trên đầu công chúa, ném xuống người nàng một cái khăn quàng dệt bằng mạng nhện thêu những cánh dơi. Một tràng cười độc ác vang lên rồn rảng từ một chỗ nào đó và người ta đoán rằng đó chính là tiếng cười đầy thù hận của phù thủy Carabosse.

Hoàng hậu lấy làm hoảng sợ trước những điềm gở này, cố gắng kéo chiếc khăn quàng đen ra khỏi vai công chúa nhưng chiếc khăn như có móng, bám rất chắc vào người nàng.

“Trời ơi,” hoàng hậu kêu khóc, “không gì có thể làm dịu lòng thù hận của kẻ thù chúng ta sao. Việc ta gửi biếu bà ta hơn 20 ký kẹo và bằng ấy đường, chưa kể hai con heo giống Westphalia cũng chẳng có ích lợi gì sao? Bà ta vẫn giận dữ như hồi nào.”

Trong lúc hoàng hậu than vãn như vậy thì mọi người ai nấy đều ướt sũng như vừa được lôi từ dưới sông lên, còn công chúa vẫn chẳng nghĩ đến điều gì ngoài vị sứ thần đẹp đẽ vừa xuất hiện trước mặt nàng cùng với đức vua, theo sau là cả một đội kèn đồng đang phát lên những khúc nhạc hùng tráng. Tất cả mọi người đều la hét to hơn bao giờ hết. Fanfaronade không phải là

người vụng đường ăn nói nhưng khi nhìn thấy công chúa xinh đẹp và uy nghiêm hơn cả những gì mà hãn hăng tưởng tượng thì hãn chỉ có thể lắp bắp được mấy câu rời rạc mà quên hết cả bài diễn văn hay ho mà hãn đã dày công chuẩn bị suốt mấy tháng nay và học nằm lòng đủ để cả trong mơ cũng lặp lại đúng nguyên văn. Để có thời gian nhớ lại ý tứ của bài phát biểu, sứ thần cúi chào công chúa thật cung kính đến mấy lần. Công chúa nhún gối chào đi chào lại, trong đầu ngổn ngang bao ý nghĩ. Cuối cùng nàng nói khi nhận ra sự bối rối của sứ thần:

“Thưa ngài sứ thần, tôi chắc những điều chàng định nói đều rất duyên dáng vì đó là những điều được chính miệng chàng nói ra. Nhưng tất cả chúng ta hãy đi vào hoàng cung để tránh cơn mưa này đã. Phù thủy Carabosse hãn sẽ vui lắm khi thấy tất cả chúng ta ướt sũng ở đây. Một khi tất cả đã vào bên trong rồi, chúng ta sẽ cười vào mũi bà ta.”

Đến lúc này sứ thần mới tìm thấy cái lưới của mình và trả lời với vẻ phong nhã rằng chỉ có các nàng tiên mới có thể thấy được những tia lửa có gì đó giống với đôi mắt long lanh của công chúa và đã gửi đi những tín hiệu để phân biệt. Sau đó hãn đưa tay ra cho công chúa còn nàng thì dịu dàng nói:

“Bởi vì chàng có thể không đoán biết được thiếp yêu quý chàng như thế nào, thiếp buộc phải nói thật với chàng rằng kể từ lúc thiếp nhìn chàng đi qua cổng thành trên con ngựa chiến tuyệt đẹp kia, thiếp cảm thấy tiếc rằng chàng đến đây cầu hôn cho người khác chứ không phải cho chính bản thân mình. Ôi nếu chàng nghĩ đến mình thì thiếp vui lòng kết tóc xe tơ với chàng thay vì với chủ nhân của chàng. Tất nhiên thiếp biết chàng không phải là hoàng tử, nhưng thiếp yêu quý chàng, và chúng ta có thể cùng nhau đến nơi chân trời góc biển sống trong một nếp nhà ấm cúng cho đến trọn đời.”

Sứ thần nghĩ hãn đang nằm mơ và khó lòng có thể tin vào những lời công chúa đáng yêu vừa nói. Hãn chẳng dám đáp lời chỉ siết chặt bàn tay công chúa đến mức làm đau những ngón tay mảnh dẻ nhưng công chúa không hề kêu đau. Khi họ về đến lâu đài, vua hôn lên đôi má con gái yêu quý và nói:

“Con cừ non của trẫm, con vui lòng kết hôn với hoàng tử con vua Merlin hùng mạnh chứ? Sứ thần của chàng đã nhân danh chàng đến đây cầu hôn.”

“Nếu phụ vương ưng thuận,” công chúa đáp khẽ nhún gối cúi chào.

“Mẫu hậu con cũng bằng lòng, vậy thì hãy mở một đại yến tiệc ăn mừng.”

Các nghi lễ được tiến hành rất nhanh, mọi người ai nấy đều ăn uống vui vẻ trừ công chúa và Fanfaronade chỉ ngồi nhìn nhau quên hết mọi sự trên đời.

Sau bữa tiệc là một buổi vũ hội, tiếp sau đó là một màn trình diễn ba lê. Sau cùng mọi người mệt mỏi đến nỗi ai cũng lăn ra ngủ ở ngay chỗ mình ngồi. Chỉ có những người yêu nhau mới không ngủ cứ rúc rích bên nhau như lũ chuột nhắt và công chúa hoàn toàn không bận khoăn về việc mình làm bèn nói:

“Hai ta hãy cùng nhau cao chạy xa bay bởi vì chúng ta sẽ không còn dịp nào nữa.”

Nói đoạn nàng rút lấy thanh gươm của vua cha để trong một cái vỏ nạm kim cương, lấy chiếc khăn quàng cổ của hoàng hậu rồi đưa tay cho Fanfaronade. Tay còn lại Fanfaronade cầm một cái đèn lồng rồi cả hai chạy qua những đường phố lầy lội sau trận mưa đi về phía bờ biển. Ở đây họ lên một con thuyền nhỏ có một bác đánh cá đang nằm ngủ. Khi bác ta thức dậy nhìn thấy nàng công chúa xinh đẹp với tất cả số châu báu và chiếc khăn quàng rực rỡ trên vai bác không biết phải làm gì đành ngoan ngoãn nghe lệnh của nàng chèo thuyền ra khơi. Đêm không trăng không sao nhưng trên chiếc khăn quàng của hoàng hậu có một viên hồng ngọc phát ra ánh sáng rực rỡ ngang với 50 ngọn đuốc. Fanfaronade hỏi công chúa muốn đi đâu nhưng nàng đáp nàng không quan tâm chỗ hai người đến chừng nào còn được ở bên người yêu.

“Nhưng ta không dám quay về đất nước của vua Merlin. Ngài sẽ nghĩ treo cổ ta lên là một việc làm đúng đắn nhất.”

“Nếu vậy, ta hãy đến đảo Squirell, đó là một nơi khá thanh vắng và quá xa để bất cứ ai có thể đuổi theo ta đến đây.”

Thế là nàng ra lệnh cho người đánh cá chèo thuyền đến đảo Squirell.

Mặt trời rực rỡ nhô lên đánh thức vua, hoàng hậu và tất cả triều thần. Ai nấy đều dụi dụi mắt nhìn quanh cho rằng đã đến lúc hoàn thành việc chuẩn bị cho đám cưới. Lúc; đó hoàng hậu sờ lên cổ không thấy chiếc khăn đầu và bà giật mình lo sợ. Người ta đổ đi khắp nơi để tìm khăn cho hoàng hậu, họ mở từ các tủ áo cho đến tủ trong bếp. Đích thân hoàng hậu chạy đi tìm, từ căn phòng gác mái cho đến hầm rượu nhưng vẫn không thấy chiếc khăn đầu.

Chỉ đến lúc ấy, vua mới phát hiện ra mình bị mất thanh gươm báu, một cuộc lục soát khác lại bắt đầu trong hoàng cung. Người ta mở cả những cái thùng, cái rương mà chìa khóa đã bị mất từ hàng trăm năm trước. Họ tìm ra vô số món đồ kì lạ nhưng vẫn không thấy thanh gươm đầu. Vua bứt râu, hoàng hậu bứt tóc bởi vì hai thứ đó là hai món quốc bảo quý giá nhất.

Khi vua thấy có tìm kiếm nữa cũng chỉ phí công, ngài ra lệnh: “Thôi bỏ đi, chúng ta hãy bắt tay vào việc chuẩn bị đám cưới trước khi có thêm bất cứ cái gì bị mất.” Đoạn ngài quay sang hỏi công chúa ở đâu. Chợt lúc ấy nhũ mẫu đi đến hết hoảng thưa:

“Muôn tâu bệ hạ, hạ thần đã tìm công chúa suốt hai giờ qua mà không thấy.” Điều này quả là quá sức chịu đựng của hoàng hậu. Bà kêu thét lên một tiếng, ngã lăn ra bất tỉnh. Người ta phải đổ hết hai lọ dầu thơm lên người bà mới làm bà tỉnh dậy. Xung quanh bà, mọi việc trở nên hỗn loạn, người ta đi tìm công chúa ở khắp nơi trong cơn hoảng sợ và bối rối. Cuối cùng vua ra lệnh cho một thị đồng:

“Đi tìm sứ thần Fanfaronade, chắc chắn hẳn ta ngủ ở một xó nào đó, báo cho hẳn ta biết tin xấu.”

Thị đồng lao đi ngay nhưng cũng như công chúa và hai vật báu, Fanfaronade cũng biến mất.

Vua triệu tập tất cả bá quan và đội ngự lâm quân rồi cùng hoàng hậu, họ rút vào trong đại sảnh. Bởi vì vua không có thời gian chuẩn bị bài nói nên ngài ra lệnh mọi người ngồi im lặng trong vòng 3 tiếng đồng hồ, hết thời hạn đó ngài nói như sau:

“Các khanh hãy nghe đây! Con gái thân yêu của trẫm, công chúa Mayflower không có ở đây, công chúa bị bắt cóc hay chỉ đơn giản biến mất thì trẫm còn chưa rõ. Chiếc khăn quàng của hoàng hậu và thanh gươm của trẫm – những vật còn quý giá hơn vàng cũng không cánh mà bay. Nhưng điều tệ hại nhất là sứ thần Fanfaronade cũng biến mất tăm. Trẫm cảm thấy lo lắng không yên, nếu vua Merlin không có tin tức gì của sứ thần sẽ cử người sang tìm kiếm và sẽ buộc tội chúng ta làm hại hãn. Có thể trẫm chịu đựng được việc mất đi toàn bộ tiền bạc, nhưng trẫm đoán chắc là phí tổn của đám cưới sẽ hoàn toàn đánh gục trẫm. Các khanh hãy mau nghĩ cách giúp trẫm làm sao để có thể tìm lại công chúa, sứ thần và hai báu vật.”

Đó là một bài diễn văn hùng hồn nhất mà vua từng nói và trong khi mọi người thầm ngưỡng mộ thì tế tướng lên tiếng:

“Tâu bệ hạ, chúng thần rất đau lòng khi thấy bệ hạ lo lắng như thế. Chúng thần sẵn lòng từ bỏ tất cả những thứ quý giá trên đời để xoa đi nỗi đau buồn của bệ hạ nhưng mọi việc xem ra lại có bàn tay độc ác của phù thủy Carabosse. Thời hạn thử thách của công chúa còn chưa qua và nếu nói đúng vào vấn đề thì thần e rằng Fanfaronade và công chúa đem lòng say mê nhau. Có lẽ điều này là một manh mối dẫn đến việc họ biến mất một cách bí ẩn như vậy.”

Nghe đến đây hoàng hậu bực tức cắt ngang: “Hãy ăn nói thận trọng, ngài tế tướng. Tin lời ta đi, công chúa Mayflower lá ngọc cành vàng thân phận cao quý như vậy làm sao có thể nghĩ đến chuyện đem lòng yêu một sứ giả kia chứ.”

Nghe đến đây nhũ mầu chạy lên, phủ phục trước mặt vua và hoàng hậu thú nhận rằng họ đã đục một lỗ nhỏ chỉ vừa bằng cái kim để công chúa nhìn ra và khi thấy viên sứ thần nàng đã tuyên bố chỉ cưới người này chứ nhất định không thành hôn với ai khác. Hoàng hậu nổi giận mắng té tát lũ người theo hầu công chúa làm cho họ quỳ cũng không vững nữa. Nhưng viên đô đốc hải quân đã vội vã lên tiếng:

“Tâu bệ hạ, chúng ta hãy lập tức đuổi theo viên sứ thần tráo trở này, bởi vì không còn nghi ngờ gì nữa, hắn đã bỏ chạy cùng công chúa của chúng ta.”

Tất cả vỗ tay tán thưởng, người ta nhao nhao cả lên: “Bằng mọi cách chúng ta phải đuổi theo bắt hắn.” Trong khi một số người lên thuyền đi ra biển, những người còn lại rong ruổi đi hết nước này sang nước khác, vừa đánh trống, thổi kèn vừa rao to khi có một đám đông tụ tập xem họ:

“Loa loa loa! Ai muốn có một con búp bê thật đẹp, tất cả các loại kẹo bánh, một cái kéo sắc, một cái áo choàng, một chiếc mũ xa tanh, chỉ cần nói Fanfaronade giấu công chúa Mayflower ở đâu.” Nhưng câu trả lời họ nhận được chỉ là: “Các ông cần đi xa hơn, chúng tôi không gặp họ.”

Tuy vậy những người đi ra biển gặp may hơn, sau khi tàu của họ chạy được một thời gian ngắn họ thấy trước mặt một luồng ánh sáng chói trong đêm như một đám lửa lớn. Thoạt tiên họ không dám đến gần vì không biết đó là cái gì nhưng dần dần họ thấy rõ trước mặt là đảo Squirell và như bạn có thể đoán được, ánh sáng đó phát ra từ viên ngọc đỏ trên chiếc khăn của hoàng hậu.

Công chúa và Fanfaronade đặt chân lên đảo, cho người đánh cá 100 đồng vàng và bắt bác ta phải thề độc là sẽ không nói cho bất cứ ai biết chỗ bác đã đưa họ tới. Nhưng vừa rời khỏi đảo bác ta đã lọt ngay vào giữa một đội tàu chiến và trước khi có thể trốn thoát, viên đô đốc đã ra lệnh cho một chiếc thuyền đuổi theo bác.

Khi khám người bác họ tìm thấy nhiều đồng tiền vàng, đó là những đồng tiền mới đúc nhân dịp đám cưới công chúa vì thế mà đô đốc biết chắc đó là những đồng tiền do công chúa trả công người đã giúp nàng chạy trốn. Bác đánh cá không trả lời bất cứ câu hỏi nào với dáng điệu của một người câm điếc.

Thấy vậy đô đốc nói: “Ồ, đây là một kẻ câm điếc hả? Hãy trói ông ta vào cột buồm và lấy roi chín dài ra quất cho ông ta một trận nên thân. Ta không biết phải xử lí thế nào với người vừa câm vừa điếc.”

Đến nước này thì bác đánh cá thấy rằng mình không còn có thể giữ lời hứa được nữa vội đem chuyện một gã trai vẻ phong tình và một công nương xinh đẹp mà bác đã đem lên đảo kể lại từ đầu đến cuối. Đô đốc biết chắc đó là công chúa và Fanfaronade. Vì thế ông ra lệnh cho các tàu chiến phong tỏa hòn đảo.

Trong khi đó công chúa Mayflower buồn ngủ díp cả mắt sau một ngày đầy biến cố. Nàng tìm thấy một bãi cỏ xanh dưới bóng cây râm mát bèn ngã lưng xuống và ngay lập tức chìm vào một giấc ngủ mê mị. Fanfaronade ngược lại không buồn ngủ mà đói cồn cào, hẳn đến chỗ nàng nằm, đánh thức nàng dậy và cầu nhàu:

“Này cô nương, nàng định ở lại đây bao lâu đây? Ta chẳng thấy có gì có thể ăn được và mặc dầu nàng rất xinh đẹp nhưng chỉ nhìn nàng thôi thì làm sao no bụng được.”

“Chàng nói gì vậy Fanfaronade?” Công chúa ngồi dậy, dụi dụi mắt, “có thể nào khi thiếp ở bên chàng mà chàng còn cần bất cứ thứ gì khác? Lẽ ra chàng phải tâm niệm suốt đời rằng mình là người hạnh phúc chứ.”

“Hạnh phúc! Bất hạnh thì có. Tôi mong muốn với tất cả tâm hồn mình là cô trở về cái tháp tối tăm của mình cho rồi.”

“Chàng ơi đừng giận thiếp nữa. Để thiếp đi quanh xem có tìm được loại trái cây dại nào cho chàng không.”

“Tôi chỉ mong cô tìm được một con sói để nó ăn thịt cô.” Fanfaronade làu bàu.

Trong tâm trạng phiền muộn, công chúa chạy đi chạy lại trong rừng, cành cây móc vào rách cả áo nàng, gai góc và bụi mâm xôi xù xì làm trầy trụa cả đôi bàn tay trắng trẻo thanh tú của nàng vậy mà nàng vẫn không tìm thấy gì có thể ăn được. Cuối cùng nàng đành quay về chỗ Fanfaronade, mặt buồn thiu. Thấy nàng trở về với hai bàn tay không hẳn đứng dậy, bỏ đi, làu bàu trong miệng.

Ngày hôm sau họ lại tiếp tục tìm kiếm nhưng tình hình vẫn không khá hơn.

“Trời ơi nếu thiếp có thể tìm cái gì cho chàng ăn thì dầu bản thân mình có đói thiếp cũng cam lòng.”

“Không, tôi cũng chẳng quan tâm đến việc cô no hay đói.”

“Lẽ nào chàng lại không quan tâm đến chuyện thiếp có thể chết vì đói? Ôi Fanfaronade, chàng từng nói là yêu thiếp mà.”

“Đó là khi chúng ta ở một nơi khác và tôi không đói. Có một sự khác biệt lớn trong suy nghĩ của một người sắp chết đói chết khát ở một hoang đảo.”

Bây giờ thì công chúa hoàn toàn thất vọng, nàng ngồi xuống dưới một bụi hồng trắng bắt đầu khóc thầm tức. “Những bông hồng này thật hạnh phúc,” nàng thầm nhủ, “chúng chỉ biết đua nở dưới ánh mặt trời để mọi người chiêm ngưỡng và chẳng có ai đối xử không tốt đối với chúng.” Nước mắt chảy giàn giụa trên má nàng tưới xuống gốc hồng. Nàng ngạc nhiên thấy bụi hồng lay động và một giọng nói trù mẫn cất lên từ một nụ hồng đẹp nhất:

“Công chúa đáng thương ơi! Hãy nhìn lên thân cây kia kìa, nàng sẽ tìm thấy một bông mặt ong, nhưng đừng ngốc đến mức chia sẻ nó với Fanfaronade.”

Mayflower chạy đến gốc cây nhìn lên, quả nhiên có một bông mật ong. Không lãng phí một giây, nàng chạy về phía Fanfaronade, vui sướng kêu lên:

“Nhìn coi! Đây là bông mật ong thiếp đã tìm thấy. Thiếp có thể ăn hết một mình nhưng thiếp muốn cùng chia sẻ với chàng.”

Không nhìn công chúa mà cũng không buồn cảm ơn, hắn giật lấy bông mật trên tay nàng và chén một mạch không để lại cho nàng một chút gì. Cả khi nàng rụt rè hỏi xin một miếng hắn còn mỉa mai nói lại là mật quá ngọt có thể làm hư răng công chúa.

Cảm thấy bơ vơ, bị ruồng bỏ hơn bao giờ hết, công chúa buồn bã bỏ đi đến ngồi dưới gốc cây sồi. Nước mắt và tiếng thở dài não ruột của nàng làm cho cây sồi già cũng động lòng thương, nó xào xạc những tàu lá trên cành làm quạt phe phẩy cho nàng và nói qua những tiếng rì rào:

“Can đảm lên công chúa xinh đẹp, tất cả chưa phải là đã hết. Hãy hái cái cây nắp ấm kia mà uống hết chỗ sữa trong đó đi. Dù thế nào thì cũng đừng để cho Fanfaronade uống dù chỉ một giọt.”

Công chúa ngạc nhiên đưa mắt nhìn quanh, trông thấy một cây nắp ấm trong đưng đầy sữa, nhưng trước khi đưa lên môi uống nàng lại nghĩ có thể Fanfaronade cũng rất khát sau khi hắn đã chén ít nhất là vài ký mật. Nàng chạy về chỗ hắn, nói:

“Đây là một ít sữa, chàng hãy uống trước đi vì chắc chàng đang rất khát, nhưng xin chàng hãy để lại cho thiếp một ít vì thiếp cũng sắp chết vì đói và khát đây.”

Fanfaronade giằng lấy cây nắp ấm uống một hơi cạn sạch rồi thẳng tay ném xuống một hòn đá lớn làm cho nó nát vụn và nói với một nụ cười đều cáng.

“Vì cô chưa ăn gì nên cô cũng chẳng khát đâu.”

“Trời ơi,” công chúa kêu lên, “rõ ràng mình đã bị trừng phạt vì tội phản bội lại cha mẹ – bỏ chạy với một người mà mình chưa hề quen biết.”

Nàng vào rừng sâu, ngồi dưới một bụi cây đầy gai, nơi một con chim họa mi đang hót líu lo. Chợt nàng nghe chim hót: “Tìm dưới bụi cây này đi công chúa, nàng sẽ thấy một ít đường, hạnh nhân, bánh tạc. Nhưng đừng quá ngu ngốc mà đưa cho Fanfaronade ăn nhé.” Lần này thì nàng công chúa suýt ngắt xiù vì đói đã làm theo lời khuyên của họa mi, ăn một mình tất cả những thứ nàng tìm được. Nhưng Fanfaronade thấy nàng tìm được những món ngon mà không định mời hăn bèn giận dữ đuổi theo nàng. Công chúa hoảng đến mức tung chiếc khăn quàng của hoàng hậu lên. Chiếc khăn có một đặc tính là biến người ta thành vô hình khi người có nó trong tay đang trong cơn nguy hiểm. Khi nàng đã trốn khỏi sự vây bắt của hăn nàng bắt đầu trách oán sự độc ác, vô tình của hăn.

Trong khi đó thì đô đốc đã phái người về báo cáo với tế tướng và đức vua rằng công chúa và sứ thần đã đặt chân lên đảo Squirell, nhưng ông không dám tấn công vì không biết tình hình trên đảo và sợ sẽ bị mai phục bởi những kẻ thù giấu mặt. Hay tin vua rất mừng và sai mang ra một cuốn sách vĩ đại, mỗi trang dài tới 8 en [1]. Đó là công trình của một bà tiên thông thái mô tả mọi chuyện trên đời này. Chẳng bao lâu vua được biết đảo Squirell không có người.

“Đi đi,” vua ra lệnh cho sứ giả, “truyền lệnh của ta cho đô đốc là hãy lập tức đổ bộ lên đảo. Ta thật ngạc nhiên là ông ta không làm điều đó sớm hơn.”

Khi mệnh lệnh được truyền tới đội chiến thuyền, người ta náo nức chuẩn bị cho một cuộc chiến, gây nên những tiếng động lớn đến nỗi vang đến tận chỗ công chúa. Nàng vội vã chạy đến che chở cho người mình yêu. Bởi vì hăn ta rất hèn nhát, hăn vui lòng chấp nhận sự che chở của nàng.

“Chàng hãy đứng sau lưng thiếp. Thiếp sẽ giơ cái khăn quàng có hòn ngọc lớn này lên, nó sẽ làm cho chúng ta trở nên vô hình và với thanh gươm của vua cha, thiếp có thể bảo vệ chàng.”

Khi quân lính xông lên đảo họ không trông thấy ai hết, trong khi đó với cây gươm thần, công chúa đánh ngã hết người này tới người khác. Họ nằm lăn ra đất bất tỉnh. Cuối cùng đô đốc nhận thấy ở đây có phép thần thông gì đó bèn hạ lệnh rút lui và lệnh lũ thu quân về những chiếc thuyền của mình, lòng bối rối, hoang mang.

Một lần nữa Fanfaronade bị bỏ lại một mình với công chúa, hấn bèn nảy lòng tham: Nếu hấn có thể trừ khử được công chúa, hấn sẽ sở hữu hai báu vật này và có thể cao chạy xa bay. Thế là trong lúc họ đang men theo vách đá cheo leo bên bờ biển, hấn lén đẩy công chúa một cái, hi vọng nàng sẽ ngã xuống biển. May thay công chúa nhanh chân nhảy sang một bên làm cho hấn mất đà, lộn cổ khỏi vách đá rơi xuống biển sâu như một cục chì và không có ai nghe nói gì về hấn nữa. Công chúa đứng lặng trên bờ, kinh hoàng dõi tìm hấn trong biển sâu cồn cào sóng dữ. Chợt có những tiếng động lạ vang lên trên đầu thu hút sự chú ý của nàng. Ngược nhìn lên nàng thấy hai cỗ xe đi đến từ hai hướng ngược nhau. Một cỗ xe rực rỡ bốn chung quanh thiếp vàng chói lọi do những con thiên nga và chim công kéo, nàng tiên ngồi trên xe tỏa sáng một vẻ đẹp như ánh mặt trời trong khi cỗ xe còn lại do dơi và quạ kéo. Ngồi trên xe là một người lùn xấu xí đến mức quái dị. Bà ta mặc một cái áo làm bằng da rắn và đội một con cóc to tướng trên đầu thay cho mũ. Hai chiếc xe đâm sầm vào nhau giữa không trung và công chúa ngây người lo lắng theo dõi cuộc chiến dữ dội giữa nàng tiên xinh đẹp cầm cây giáo bằng vàng và mù phù thủy xấu xí với lưới móc gỉ sét. Chẳng bao lâu nàng đã hết lo lắng vì thế trận nghiêng về nàng tiên xinh đẹp và mù phù thủy đành quay cỗ xe do dơi và quạ kéo bỏ chạy trong một tâm trạng lo âu, bối rối. Nàng tiên xinh đẹp bay xuống chỗ công chúa, mỉm cười nói: “Công chúa thân yêu, con thấy đấy, ta đã hoàn toàn đánh bại bà phù thủy già độc ác Carabosse. Con có tin được không, mẹ ta muốn bắt con làm nô lệ suốt đời bởi vì con đã ra khỏi tháp 4 ngày trước thời hạn 20 năm. Tuy vậy ta nghĩ mình đã không chế được tính tự phụ của mẹ. Ta hi vọng con sẽ hạnh phúc và tận hưởng tự do mà ta đã giành cho con.”

Công chúa hết lời cảm ơn nàng tiên, bà phái một con chim công về lâu đài mang một chiếc áo thật đẹp đến cho Mayflower. Nàng đang rất cần đến nó bởi vì chiếc áo nàng đang mặc đã bị gai và cành cây cào rách lỗ chỗ. Một con công khác đến báo tin cho đô đốc là ông có thể đổ bộ an toàn lên đảo và đô đốc lập tức đưa quân lên đảo, trong đó có cả người đưa tin mang theo bữa ăn tối của đô đốc.

Ông rất đỗi ngạc nhiên khi thấy trước mặt mình một cỗ xe bằng vàng lộng lẫy và còn ngạc nhiên hơn nữa khi thấy hai người phụ nữ sắc đẹp tuyệt trần đang đi dưới hàng cây phía xa. Khi đến gần ông nhận ra một người là công chúa bèn quỳ gối hôn tay nàng thật trân trọng. Công chúa giới thiệu ông với nàng tiên và thông báo phù thủy Carabosse đã bị đánh bại. Đô đốc quay sang cảm ơn và chúc mừng nàng tiên – một người quyến rũ nhất mà ông từng gặp trong đời. Trong khi họ đang nói chuyện, công chúa kêu lên:

“Ta cam đoan có người thấy mùi của một bữa ăn tối ngon lành.”

“Thưa vâng, nó đây ạ.” Một người lính nhanh nhẩu đáp, giơ cái khay thức ăn lên trong đó có đủ những món ăn. “Hai nàng có vui lòng dùng qua một chút không ạ.”

“Tất nhiên,” nàng tiên đáp, “đặc biệt là công chúa, chắc chắn nàng cần một bữa ăn ngon.”

Thế là đô đốc cho người trở về tàu lấy tất cả những món cần dùng và họ có một bữa tiệc vui vẻ dưới hàng cây râm mát. Vào lúc họ ăn xong, con công trở về với một cái áo cho công chúa mà nàng tiên đã chuẩn bị sẵn. Đó là một chiếc áo gấm thêu kim tuyến màu xanh và vàng có đính ngọc trai và hồng ngọc. Nàng tiên trang điểm cho công chúa: mái tóc dài vàng óng của nàng được tết ra sau với những dải ruy băng đính kim cương và ngọc lục bảo. Trên đầu nàng đội một vương miện bằng hoa tươi. Nàng tiên giúp công chúa trèo lên cỗ xe của mình để bay ra boong tàu của đô đốc. Ở đây hai người từ biệt nhau, nàng tiên gửi cho hoàng hậu nhiều lời chào và bảo công chúa nói với hoàng hậu là nàng chính là nàng tiên thứ 5 tham dự lễ đặt tên cho công chúa. Sau màn chào tạm biệt, đội tàu chiến nhổ neo và chằng bao

lâu đoàn tàu đã về đến bến. Vua và hoàng hậu đã đợi sẵn ở đó. Họ đón chào đứa con gái lưu lạc trở về với biết bao vui sướng và ân cần làm cho công chúa không có dịp mở miệng nói nàng xấu hổ như thế nào vì đã bỏ đi cùng với tên sứ thần hèn nhát. Khoảnh khắc vui sướng nhất là lúc hoàng tử con trai của vua Merlin ra mắt hoàng gia. Chàng trở nên lo lắng khi không nhận được tin tức gì của sứ thần đã quyết định đích thân mình phải ra đi cùng với sự hộ tống của 1000 kỵ sĩ và ba mươi người hầu cận trong những bộ đồng phục màu vàng và đỏ. Bởi vì chàng đẹp và can đảm hơn sứ thần 100 lần nên công chúa đem lòng yêu chàng say đắm. Thế là đám cưới được tổ chức ngay lập tức với tất cả vẻ xa hoa, tráng lệ và vui vẻ của hai hoàng tộc và những điều không may trước kia đều trôi vào quên lãng.

[1] Đơn vị đo lường, một en bằng 113 cm

Công chúa không lời

Ngày xưa ngày xưa ở nước Thổ Nhĩ Kỳ có một pasha [1] chỉ có một đứa con trai độc nhất, vì thế mà bạn hiểu ông yêu chiều nó như thế nào. Ông để cho con rong chơi lê lổng suốt ngày thay vì phải học hành chăm chỉ để trở thành người có ích.

Có một thời gian món đồ chơi ưa thích nhất của đứa bé là một quả bóng vàng và với quả bóng ấy nó đùa chơi suốt từ sáng sớm cho đến tối khuya mà không làm phiền bất cứ ai. Một hôm, trong lúc ngồi chơi trong đình hóng mát dựng ở giữa vườn, vừa ném quả bóng vào tường vừa bắt bóng, cậu bé thấy có một bà già đang múc nước từ cái giếng trong góc vườn bằng một cái ấm đất. Nó chụp vội lấy quả bóng và ném thẳng vào cái ấm làm ấm vỡ vụn ra thành hàng ngàn mảnh. Bà già giật mình ngạc nhiên nhưng không nói gì chỉ lẳng lặng đi tìm một cái ấm khác. Ngay khi bà đi khuất, thằng bé vội vã nhặt quả bóng lên. Khi nó quay lại đình hóng mát nó lại trông thấy bà già, đang đi lại gần giếng với một cái ấm đất đặt trên vai. Bà cúi xuống định múc nước thì choang một cái, ấm đất vỡ thành từng mảnh dưới chân bà. Tất nhiên bà lấy làm giận dữ lắm, nhưng vì sợ pasha, bà vẫn làm ngơ mà bỏ ra đồng xu cuối cùng để mua một cái ấm mới. Cả lần này nữa với một cú ném, quả bóng lại làm chiếc ấm vỡ tan tành xác pháo. Đến nước này thì bà già không chịu đựng hơn được nữa, cơn giận của bà bùng lên, bà run rẩy giơ nắm đấm về phía nhà hóng mát, nơi thằng nhóc đang nấp ở đấy, hét lên:

“Tao ước gì mày sẽ bị trừng phạt bằng cách đem lòng yêu công chúa im lặng.” Nói xong bà lão biến mất.

Trong một khoảng thời gian dài thằng bé không để ý đến lời nguyện này, thực sự nó đã quên. Nhưng năm tháng trôi qua và nó bắt đầu nghĩ về chuyện đó nhiều hơn, kí ức về lời nguyện rủa của bà già lại trở về trong tâm trí nó.

“Ai là công chúa Im Lặng?” Cậu thắc mắc, “tại sao yêu một người như vậy lại là một hình phạt?” Không có lời giải đáp. Tuy vậy, điều đó không ngăn cản cậu suy nghĩ lo lắng đến mức ngày càng ốm yếu rồi lâm bệnh nặng cuối cùng nằm liệt giường. Pasha rất hoảng sợ không hiểu con mình mắc bệnh gì. Ông cho mời tất cả những danh y trong nước đến chữa trị cho con trai nhưng ai cũng bó tay.

“Bệnh tình của con bắt đầu như thế nào con trai?” Một hôm pasha hỏi cậu. “Có lẽ nếu chúng ta biết rõ chúng ta sẽ có cách giúp con.”

Thế là chàng trai kể cho cha nghe câu chuyện xảy ra nhiều năm về trước lúc cậu còn là một đứa bé và những lời bà già nói.

“Hãy cho con, con cầu xin cha hãy cho con đi chu du thiên hạ.” Sau khi kể xong câu chuyện, người con nài nỉ, “nếu con có thể tìm được một công chúa như vậy có thể tình trạng này sẽ chấm dứt.”

Dù rất đau lòng phải xa đứa con yêu dấu, người cha cảm thấy rằng con trai mình chắc không qua nổi nếu cứ để cậu ở nhà thêm một thời gian nữa.

“Thôi thì con cứ đi đi và chúc con thượng lộ bình an,” pasha đáp rồi đi ra ngoài gọi người đầy tớ tâm phúc nhất của mình lệnh cho ông ta đi cùng với con trai.

Mọi sự chuẩn bị diễn ra rất chóng vánh và sớm hôm sau cả hai lên đường. Nhưng cả lão bộc già lẫn chàng trai trẻ đều không mảy may biết mình sẽ đi đâu hoặc cần phải làm gì. Đầu tiên họ bị lạc trong một khu rừng rậm rạp. Từ khu rừng đó họ đi vào một vùng hoang vu, nơi họ lang thang trong 6 tháng trời không gặp một sinh vật nào và khó có thể tìm ra một thứ gì ăn uống cho đến khi họ chỉ còn da bọc xương. Bộ quần áo họ mặc trên người thì biến thành những miếng vải rách treo trên vai. Cả hai quên tất cả mọi chuyện về nàng công chúa, mong ước duy nhất của họ là thấy mình lại có mặt ở lâu đài của pasha như xưa. Rồi một hôm họ phát hiện ra mình đang đứng ở lưng chừng núi. Những hòn đá dưới chân họ sáng lên lấp lánh như kim cương, tim họ đập dồn dập vì vui sướng khi trông thấy một ông già

bé nhỏ đi về phía họ. Cảnh tượng này đánh thức trong họ tất cả những kí ức xa xưa và cảm giác mệt mỏi buồn nản chợt tan biến như có phép màu. Với giọng nói xiết bao sung sướng, họ chào đón người mới đến. “Chúng tôi đang ở đâu vậy ông bạn?” Họ hỏi và người già đáp lại đây là ngọn núi nơi con gái sultan [2] ngồi với bảy tấm mạng che mặt và sở dĩ những hòn đá sáng lên là do chúng phản chiếu sắc đẹp rực rỡ của nàng.

Nghe những lời này tất cả những khó khăn, nguy hiểm vừa qua đều biến khỏi tâm trí họ.

“Làm cách nào cháu có thể sớm gặp nàng đây?”

Chàng trai nóng lòng hỏi, nhưng ông già chỉ thủng thẳng đáp:

“Hãy kiên nhẫn một thời gian con trai ạ. Sáu tháng nữa lại trôi qua trước khi con có thể đến được tòa lâu đài nơi công chúa ở cùng với các nữ tì của nàng. Nhưng thử nghĩ coi nếu cháu gặp mặt nàng mà lại không làm cho nàng mở miệng nói thì cháu sẽ phải mất mạng như bao chàng trai khác. Vì vậy hãy suy nghĩ cho kĩ!”

Nhưng chàng trai trẻ chỉ mỉm cười trước lời khuyên ấy – như những lần trước.

Ba tháng sau họ thấy mình đang ở trên đỉnh một ngọn núi khác và con trai của pasha ngạc nhiên thấy khắp các sườn núi phủ một màu đỏ tuyệt đẹp. Cách đây không xa, bám vào vách núi là một ngôi làng nhỏ và chàng trai gợi ý với lão bộc trung thành là họ hãy đến ngủ đêm ở đó. Về phần mình dân làng tiếp đón khách lạ rất nồng hậu, mang đồ ăn ra mời và dọn giường cho họ nghỉ lưng. Thật là một dịp may hiếm có khi hai khách bộ hành có thể để cho đôi chân mỏi rã rời nghỉ trong chốc lát.

Sáng hôm sau họ hỏi chủ nhà xem ông có thể cho họ biết họ còn phải đi bao lâu mới đến được chỗ ở của công chúa và liệu ông có biết lí do tại sao mà ngọn núi này lại đỏ hơn những ngọn núi khác không.

“Trong vòng ba tháng rưỡi nữa cậu vẫn phải tiếp tục rong ruổi đường dài,” chủ nhà đáp, “cuối thời hạn đó cậu sẽ thấy mình đứng trước cổng tòa lâu đài. Còn về màu của ngọn núi này là do màu hồng mịn màng từ đôi má và đôi môi của công chúa chiếu sáng qua bảy tấm mạng che mặt nàng. Chưa có ai từng được thấy khuôn mặt ấy bởi vì nàng chỉ ngồi đó, không nói một lời dù người ta đồn rằng có nhiều người đã bỏ mạng vì nàng”.

Đến đây, chàng trai không muốn nghe thêm điều gì nữa, vội vàng cảm ơn lòng tốt của chủ nhà và cùng với lão bộc, chàng hăm hở lên đường.

Ngày đêm họ tiếp bước, mệt thì ngủ dưới gốc cây hoặc trong hang động, đói thì ăn dâu rừng hoặc bất cứ một con cá nào mà họ có thể bắt được trong các dòng suối. Cuối cùng khi quần áo của họ rách tả tơi như miếng giẻ và đôi chân họ mỏi đến không thể đi thêm một bước nào nữa thì họ thấy phía xa xa trước mắt mình, trên đỉnh núi cao ngất là một tòa lâu đài xây bằng đá hoa cương màu vàng.

“Cuối cùng thì nó đây rồi,” chàng trai reo lên, dòng máu nóng dường như dâng lên trong huyết quản của chàng. Nhưng khi chàng trai và người bạn đồng hành bắt đầu trèo lên đỉnh núi, họ phải dừng lại vì kinh hoàng bởi vì mặt đất trắng xoá những chiếc đầu lâu. Chàng trai là người đầu tiên tìm thấy tiếng nói của mình và chàng cố lấy giọng bình tĩnh nói với lão bộc:

“Chắc chắn đây là đầu lâu của những người đã cố công làm cho công chúa mở miệng nói nhưng đã thất bại. Phải, nếu chúng ta thất bại thì xương của chúng ta cũng trắng xóa nơi này.”

“Ôi trời ơi, xin công tử hãy quay lại trong khi vẫn còn chưa muộn,” lão bộc khẩn khoản van nài. “Pasha đã giao cho tôi trách nhiệm trông nom công tử và khi khởi hành tôi đã không nghĩ là cái chết đang chờ đợi chúng ta như vậy.”

“Kiên cường lên, ông bạn già, hãy kiên cường lên!” Chàng trai cất tiếng cười: “Là người ai mà không phải chết. Với lại, lão cũng biết là dù sao đến một lúc nào đó, công chúa cũng phải nói chứ.”

Sau đó họ lại can đảm bước tiếp, đi qua những cái đầu lâu và những bộ xương đủ kích cỡ nhưng tất cả đều có màu trắng nhợt. Dần dần họ đi đến một ngôi làng nơi họ dự định dừng chân trong chốc lát để cho đầu óc có thể hưng phấn và tỉnh táo trước nhiệm vụ khó khăn đang đợi họ. Nhưng lần này, dù dân làng ai cũng tử tế, thân thiện, gương mặt họ vẫn không dấu được vẻ buồn thảm, chốc chốc tiếng kêu khóc thảm thương của họ lại vang lên trong thình không.

“Ôi người anh em, tôi lại mất bạn nữa sao?” “Ôi con trai, ta lại không được thấy con lần nữa ư?”

Khi những người khách lạ hỏi ý nghĩa của những lời than khóc này – những lời than thật sự sâu thẳm – họ nhận được câu trả lời như sau:

“Ôi! Hai người lại đến đây tìm cái chết sao! Nơi này thuộc về sultan cha của công chúa và khi có bất cứ người thanh niên nào liều mạng đến đây hòang làm cho công chúa cất tiếng nói đều được đến trình diện sultan. Chính ngài sẽ đưa chàng trai đó đến gặp công chúa. Việc gì xảy ra sau đó thì có lẽ những bộ xương ngoài kia có thể giúp các vị đoán ra.”

Chàng trai trẻ cúi đầu cảm ơn và đứng suy nghĩ hồi lâu, rồi quay sang lão bộc chàng nói:

“Phải, thế là số phận của chúng ta đã được quyết định rồi. Trong lúc này chúng ta phải nghĩ xem cần làm gì và tuyệt đối không được phạm sai lầm”.

Hai, ba ngày sau đó họ đi lang thang ngoài chợ, mở to mắt ra nhìn ngó, nghe ngóng. Rồi một buổi sáng, họ gặp một người đàn ông mang một cái lồng trong có một con chim họa mi. Tiếng chim hót rộn ràng náo nức đến nỗi, chàng trai trẻ phải dừng lại lắng nghe và hỏi mua con chim đó.

“Trời ơi, sao công tử lại chắt thêm vào đầu mình một chuyện vô bổ như vậy?” Lão bộc kêu lên vẻ bức bối: “Công tử còn chưa có đủ chuyện phải lo hay sao mà còn đèo bồng thêm chuyện này?”

Nhưng cậu chủ trẻ vốn thích làm theo ý mình, không để ý đến lời than, trả đúng cái giá cao mà người đàn ông đòi, rồi mang chim về treo trong phòng trọ của mình. Tối hôm ấy chàng ngồi một mình, tuyệt vọng cố nghĩ ra một cách nào đó để cho công chúa mở miệng nói, nhưng vẫn chẳng nghĩ ra được gì. Chợt con họa mi mổ vào cửa lồng chỉ được cài bằng một cái que nhỏ và bay ra đậu trên vai chàng, nhẹ nhàng thì thầm vào tai chàng:

“Có điều gì làm chàng phải suy tư vậy, công tử?” Chàng trai giật mình, ở quê hương chàng, chim không biết nói và như nhiều người chàng rất sợ những gì mà mình không hiểu. Nhưng chàng cảm thấy xấu hổ cho sự ngu ngốc của mình và giải thích rằng chàng đã đi qua hàng ngàn dặm đường trong hơn một năm trời để chinh phục trái tim con gái của sultan. Nhưng bây giờ khi đến được bên nàng thì chàng lại chưa nghĩ ra được cách gì làm cho công chúa Im Lặng phải nói.

“Đừng làm cho đầu óc chàng phải vướng víu về chuyện này. Việc này dễ như trở bàn tay. Đêm nay chàng hãy đến chỗ nàng, mang tôi đi cùng và khi vào trong khuê phòng của công chúa, chàng hãy giấu tôi dưới cái bệ để những cây nến bằng vàng. Công chúa che mặt rất dày bằng bảy cái mạng vì thế nàng chẳng nhìn thấy gì mà cũng chẳng ai trông thấy mặt nàng. Sau đó chàng hãy chào hỏi nàng, công chúa sẽ không nói gì đâu. Vì thế mà chàng nói là chàng rất tiếc đã quấy rầy nàng và chàng sẽ nói chuyện với cái bệ để nến. Khi chàng nói tôi sẽ trả lời.”

Chàng trai giấu con chim trong áo và bắt đầu đi đến hoàng cung, cầu xin được ra mắt sultan. Lời cầu xin mau chóng được ân chuẩn. Chàng giấu con chim trong áo khoác để lại ở một góc tối ngoài hành lang và bước vào chính điện nơi sultan đang ngự trên ngai vàng, chàng quỳ lạy trước đức vua.

“Nhà người cầu xin điều gì?” Sultan hỏi, nhìn thật kỹ người lạ - một chàng trai cao lớn, đẹp đẽ. Nhưng khi nghe lời thỉnh cầu của chàng, nhà vua lắc đầu thương xót.

“Nếu người có thể làm công chúa nói, nàng sẽ trở thành vợ người, còn nếu không... người có thấy hàng đồng xương chắt ngoài kia không?”

“Phải có một ngày nào đó có một người có thể làm nên một kì tích, thừa sultan,” chàng trai đáp với vẻ cứng cỏi, “và tại sao thần lại không thể khác với những người khác? Dù sao thì một khi lời nói đã phát ra, thần cũng không thể rút lại được.”

“Được, vậy thì cứ làm theo ý nhà người.” Sultan phán, rồi lệnh cho quân hầu dẫn chàng trai đến khuê phòng của công chúa và cho phép chàng bước vào một mình.

Thế là không để cho ai thấy, chàng trai cùng cái áo khoác và con chim đi qua dãy hành lang tối om vì đêm cũng đã khuya. Chàng thấy mình đứng trong một căn phòng trống trải chỉ có một chõng nệm bằng lụa và một cây nến cao cắm trên cái giá bằng vàng. Tim chàng đập thình thịch trong lồng ngực khi chàng nhìn vào chõng nệm và biết rằng dưới những tấm mạng kia là nàng công chúa mà chàng hằng khao khát. Sợ rằng những con mắt kia có thể trông thấy mình, chàng vội vã đẩy cái lồng chim vào dưới cái bệ để ngỏ, trên đó ngọn nến đang cháy sáng. Lấy lại bình tĩnh, chàng trịnh trọng cúi chào công chúa và hỏi thăm sức khỏe của nàng.

Chẳng cần căn cứ vào cử động của bàn tay, chàng cũng biết nàng đang lắng nghe. Vì đã biết trước điều đó chàng tiếp tục nói về những chặng đường bôn ba của mình và những miền đất kì lạ mà chàng đã đi qua, nhưng chàng tuyệt không nghe được một lời nào của nàng.

“Tôi thấy rằng nàng chẳng thích thú gì những chuyện này,” cuối cùng chàng nói, “và cũng vì tôi đã bị buộc phải giữ im lặng trong bao tháng qua, tôi cảm thấy mình muốn nói chuyện với một ai đó. Vì thế tôi sẽ đến nói chuyện với cây nến vậy.” Nói xong chàng đi vòng ra phía sau công chúa và kêu lên: “Ôi đây là cây nến đẹp nhất, anh bạn khỏe không?”

“Khỏe lắm thưa ngài,” họa mi véo von đáp, “tôi ngạc nhiên lắm bởi vì bao nhiêu năm qua chẳng có ai trò chuyện với tôi. Bây giờ ngài đã đến đây thì tôi xin ngài hãy nghỉ ngơi một lúc và lắng nghe câu chuyện của tôi.”

“Rất sẵn lòng,” chàng trai đáp, ngồi bệt xuống sàn vì chẳng có tấm nệm nào dành cho chàng cả.

“Ngày xưa ngày xưa,” chim họa mi bắt đầu “có một pasha có một người con gái là một thiếu nữ xinh đẹp nhất vương quốc. Người theo đuổi nàng thì nhiều vô số nhưng nàng không dễ gì đồng ý, cuối cùng chỉ còn lại ba người mà nàng có thể nghĩ đến chuyện hôn ước. Không biết trong ba người đó, ai là người thích hợp với mình nhất, nàng bèn hỏi ý kiến cha và pasha cho vời ba chàng trai đến tiếp kiến và ra một điều kiện. Mỗi người trong bọn phải học một nghề nào đó, trong vòng 6 tháng ai chứng minh được mình là người thông minh nhất sẽ được sánh duyên cùng cô gái.

Mặc dầu những chàng trai này có phần nản chí, nhưng họ cũng thấy rằng thử thách này hoàn toàn hợp lý, và khi rời lâu đài, họ thảo luận với nhau xem ai sẽ theo đuổi nghề nào. Ngày hôm ấy trời rất nóng nực, khi đến một dòng suối chảy từ trên một triền núi xuống, họ dừng lại uống nước và nghỉ ngơi. Một người trong bọn nói: “Tôi thấy tốt nhất là chúng ta hãy chia nhau đi tìm kiếm vận may của mình. Vì thế chúng ta hãy đặt chiếc nhẫn của mình dưới hòn đá này và ai đi đường nấy. Ai xong việc sẽ trở lại đây lấy chiếc nhẫn của mình. Nhờ thế người này sẽ biết tin của người kia hoặc là biết có chuyện gì xảy ra với bất cứ ai trong bọn không.”

“Được,” hai người còn lại đáp. Ba chiếc nhẫn được cho vào một cái lỗ nhỏ và được một hòn đá bịt lại một cách cẩn thận.

Thế rồi họ chia tay nhau, đến ngày đã hẹn họ gặp nhau ở bờ suối nọ. Ai nấy đều hân hoan vui sướng, tíu tít kể cho nhau nghe về việc mình đã làm và mọi chuyện xảy ra trong thời gian qua.

“Tôi nghĩ tôi sẽ là người có được mỹ nhân,” người lớn tuổi nhất nói với một tiếng cười “bởi vì chẳng có ai có khả năng thực hiện một chuyến đi dài một năm trong vòng một giờ.”

“Như thế cũng tuyệt lắm,” người thứ hai đáp. “Nhưng nếu anh trị vì một vương quốc thì việc có ích hơn vẫn là khả năng nhìn thấy mọi việc đang

diễn ra ở một nơi xa và đó là điều mà tôi đã học được.”

“Không đâu các bạn thân mến,” người thứ ba kêu lên, “việc các anh làm là rất tốt nhưng khi pasha biết tôi có thể cải tử hoàn sinh thì ngài sẽ biết ai mới xứng đáng là con rể quý của ngài. Nhưng mà chúng ta hãy mau quay về lâu đài. Chỉ còn có mấy tiếng nữa là hết thời hạn 6 tháng. Vì vậy chúng ta phải mau lên kéo trễ.”

“Hượm đã,” người thứ hai nói, “để tôi nhìn xem chuyện gì đang diễn ra ở lâu đài.” Nói đoạn người này ngắt vào chiếc lá trên một cái cây mọc gần đấy, lầm bầm đọc thần chú và làm dấu rồi để lên mắt. Mặt chàng biến sắc và chàng thảng thốt kêu lên: “Thôi chết rồi.”

“Có chuyện gì vậy? Có chuyện gì vậy?” Hai người kia hỏi dồn dập.

“Tiểu thư đang nằm hấp hối trên giường, và chỉ còn sống được vài phút nữa.” Người thứ hai đáp với giọng run rẩy. “Làm thế nào đây? Ai có thể cứu sống nàng?”

“Tôi,” người thứ ba đáp, rút từ trong áo choàng ra một cái hộp nhỏ, “thứ dầu này sẽ chữa được bách bệnh nhưng làm sao tôi về kịp đây?”

“Cứ đưa nó cho tôi,” người thứ nhất nói. Chỉ trong nháy mắt anh ta đã có mặt bên tiểu thư cùng pasha và những người thân đang nước mắt lưng tròng. Rõ ràng là không thể phí một giây bởi vì tiểu thư đã bất tỉnh và khuôn mặt nàng đã lạnh ngắt. Cho một ngón tay vào trong lọ, chàng lấy dầu xoa lên mắt, miệng và hai tai, rồi với trái tim đập thùm thụp trong lồng ngực chàng ta đợi kết quả.

Mọi việc diễn ra nhanh hơn chàng nghĩ. Màu hồng đã trở về trên đôi má người con gái và nàng mỉm cười với cha. Pasha sung sướng với việc cải tử hoàn sinh này đến nỗi không thể nói lên lời, chỉ biết ôm chầm lấy con gái. Đoạn quay sang chàng trai trẻ đã cứu sống con gái, ông nói:

“Tráng sĩ có phải là một trong những người mà ta đã phái đi học nghề vào 6 tháng trước?”

“Thưa vâng. Còn có hai người nữa cũng đang trên đường về đây để pasha có thể phân định.”

Kể đến đây, họa mi dừng lại, hỏi chàng trai xem theo ý chàng ai là người xứng đáng với người đẹp.

“Đó là người đã học được cách chế ra thuốc cải tử hoàn sinh.” Chàng đáp.

“Nhưng nếu không có người có thể thấy được chuyện gì đang xảy ra từ một nơi rất xa thì làm sao họ biết được người con gái đang bị bệnh!” Họa mi vặn lại.

“Tôi thì tôi nghĩ anh ta mới là người xứng đáng.” Cứ thế hai người cãi qua cãi lại mỗi lúc một kịch liệt cho đến khi bất thành linh công chúa im lặng suốt từ đầu đến giờ, đứng phắt lên và bảo:

“Các người ngu lắm, không hiểu là nếu không có chàng trai đi nhanh như gió thì dầu thuốc tiên cũng vô dụng bởi vì cái chết đâu có đợi lâu hơn nữa. Chỉ có chàng ta mới xứng đáng làm chồng cô gái.”

Ngay khi câu đầu tiên bật ra khỏi miệng công chúa, một nô lệ đứng ngay ngoài cửa đã chạy hết tốc lực đến báo cho Sultan biết phép màu đã xảy ra và người cha vui mừng khôn xiết tức tốc chạy đến. Nhưng công chúa hiểu là mình đã rơi vào một cái bẫy giăng ra rất khéo và quyết không thốt ra một lời nào nữa. Nàng ra dấu rằng chàng trai muốn lấy nàng làm vợ thì cần phải thắng được nàng ba lần. Và nàng mỉm cười dưới bảy lớp mạng bởi vì nàng nghĩ đó là điều không thể xảy ra.

Khi Sultan truyền rằng chàng trai đã qua một thử thách và còn phải trải qua hai lần nữa, mặt chàng trai sa sầm xuống như có đám mây giông lướt qua. Có vẻ như đây là một cuộc chơi không công bằng nhưng chàng không dám phản đối, chỉ cúi đầu chào và cố ý bước giật lùi đến gần chỗ giấu con chim họa mi. Đợi lúc không có ai để ý chàng bèn nhét cái lồng chim vào trong áo khoác và rời khỏi cung điện.

“Sao trông chàng buồn bã thế?” Họa mi hỏi, ngay khi họ ra ngoài an toàn. “Mọi chuyện đều xảy ra như đã định mà! Tất nhiên công chúa nổi giận vì nàng đã buột miệng nói. Chàng có thấy rằng ngay từ lời đầu tiên tấ mạng mà công chúa che mặt đã rách toạc. Tối mai cứ mang tôi trở lại, để tôi trên cái cột cạnh hàng rào. Đừng sợ gì hết, chàng chỉ cần tin tưởng vào tôi!”

Tối hôm sau khi mặt trời vừa lặn, chàng trai để cái lồng lại nhà, giấu con chim trong nếp áo gấp chàng lên vào cung điện, tiến thẳng tới phòng công chúa. Những người gác cửa cho phép chàng vào trong và chàng cố ý đi cạnh cửa sổ để họa mi có thể nhảy lên cái cột mà không ai nhìn thấy. Sau đó chàng quay lại, cúi thật thấp chào công chúa và hỏi nàng vài câu nhưng cũng như lần trước, nàng không nói gì mà cũng không tỏ dấu hiệu gì là nàng có nghe. Vài phút sau chàng lại cúi chào lần nữa và đi ngang qua cửa sổ, chàng nói:

“Chào bạn cột! Nói chuyện với công chúa cũng chẳng có ích gì, nàng sẽ không nói lấy một tiếng mà ta thì lại cần phải nói với một ai đó. Vì vậy mà ta đến với anh bạn. Hãy cho ta biết suốt thời gian qua, anh bạn có được khỏe không?”

“Cám ơn,” giọng nói vang lên từ cái cột, “tôi cảm thấy mình vẫn như thường. Cũng may là công chúa nhất định giữ im lặng chứ không thì anh cũng chẳng muốn trò chuyện gì với tôi đâu. Để cảm ơn, tôi sẽ kể cho anh nghe một câu chuyện thú vị mà tôi vừa mới nghe được và tôi muốn biết ý kiến của anh.”

“Thế thì thú vị quá,” chàng trai đáp, “làm ơn bắt đầu ngay đi.”

“Xưa có một người con gái xinh đẹp đến nỗi bất cứ ai thấy nàng cũng đem lòng say mê. Nhưng khó có ai có thể làm nàng xiêu lòng, nàng từ chối bất cứ lời cầu hôn nào tuy vẫn cố giữ quan hệ thân thiện với họ. Với cung cách ấy cùng với năm tháng trôi qua, lần lượt từng người một cũng đâm mệt mỏi với sự chờ đợi vô vọng mà kiếm cho mình một người vợ có thể kém bề nhan sắc hơn nhưng lại bớt kiêu kì hơn. Và cuối cùng nàng chỉ còn

lại ba người theo đuổi, đó là: Baldschi, Jagdschi, và Fireschi. Nhưng nàng vẫn nghĩ mình cao giá lắm, cho rằng nàng đẹp hơn, tốt hơn tất cả phụ nữ trên đời. Rồi một tối nọ, nàng đã phải mở to mắt trước sự thật. Nàng đang ngồi trước gương chải mái tóc quăn dợn sóng và trong suốt tóc đen nhánh như lông quạ lẫn một sợi tóc bạc. Thấy thế, trái tim nàng nảy lên một cái rồi đứng im. “Mình đã già rồi ư?” nàng tự hỏi, “nếu như mình không vội chọn lấy một người mình sẽ ở giá suốt đời sao? Mình biết ai trong số những người rắp ranh bắn sẻ sẽ vui lòng cưới mình ngay ngày mai, nhưng mình không thể quyết định chọn ai. Chắc phải nghĩ ra một cách nào đó để tìm ra người tốt nhất và không được để mất thời gian.”

Thế là thay vì đi ngủ, nàng đã thao thức suốt đêm để nghĩ ra những kế hoạch khác nhau và trời vừa hừng sáng nàng đã trở dậy mặc quần áo.

“Đây là việc đầu tiên phải làm,” nàng lẩm bẩm trong lúc nhổ sợi tóc bạc đã gây cho nàng bao nỗi phiền muộn. “Làm thế này cũng không được chính đáng lắm nhưng mình chẳng nghĩ ra được cái gì tốt hơn. Phải, chẳng có ai trong số họ thông minh hơn ta và ta dám chắc họ dễ dàng lọt vào bẫy.”

Sau đó nàng gọi một nữ tì và ra lệnh cho cô ta đến báo cho Jagdschi biết là nàng đã sẵn sàng đón tiếp chàng trong vòng một tiếng đồng hồ. Rồi nàng ra ngoài vườn đào một ngôi mộ cạnh một gốc cây và chôn xuống đấy một tấm vải liệm.

Jagdschi vô cùng vui sướng với lời hò hẹn này và diện bộ quần áo mới nhất, chàng vội vã đi đến nhà người trong mộng. Nhưng tâm trạng vui sướng của chàng biến mất khi thấy nàng đang nằm dài trên trường kỉ khóc tức tưởi.

“Có chuyện gì vậy, người đẹp?” Chàng hỏi, cúi đầu thật thấp để chào nàng.

“Một điều khủng khiếp đã xảy ra,” nàng nói, giọng nghẹn ngào vì tiếng nước nở. “Cha thiếp đã chết hai đêm trước và thiếp chôn cất ông trong vườn. Nhưng bây giờ thiếp mới biết ông là một thầy phù thủy chưa bao giờ chết

bởi vì ngôi mộ của ông trống rỗng và ông đi lang thang đây đó trên thế giới này.”

“Đó là một tin xấu, thật thế. Nhưng mà ta biết làm gì để an ủi nàng đây?”

“Chàng chỉ có thể làm được một điều, đó là quấn mình trong tấm vải liệm và nằm vào quan tài. Nếu ông ấy không thể trở về sau 3 tiếng, ông ấy sẽ mất hết quyền lực đối với thiếp, hồn sẽ buộc phải ra đi và lang thang trong thế giới này.”

Jagdschi rất tự hào vì người đẹp đã tin tưởng mình, bèn quấn quanh mình một tấm vải liệm rồi nằm dài trong mộ. Sau đó đến lượt Baldschi, chàng cũng thấy người mình yêu thương đang khóc than rất sầu thảm. Sau đó nàng cũng bảo anh chàng này rằng cha mình là một phù thủy và rất có thể ông ta sẽ rời khỏi mộ mà theo ám nàng vì vậy Baldschi phải cầm sẵn một hòn đá lớn đập vào đầu ông ta nếu ông ta có dấu hiệu đội mồ đi lên.

Baldschi quá si mê người đẹp nên sẵn lòng làm bất cứ việc gì để làm nàng vui lòng, vội nhặt lên một hòn đá và ngồi xuống cạnh ngôi mộ trong đó Jagdschi đang nằm. Một tiếng sau Firedschi lại đến để bày tỏ tình yêu của mình và cũng như hai trường hợp trên, chàng thấy người trong mơ của mình đang đau khổ nằn. Với chàng, người đàn bà cũng nói cha mình là một thầy phù thủy và kẻ thù của cha nàng đã ném xác ông ra khỏi mộ để thay thế vị trí của ông. “Nhưng,” nàng nói thêm, “nếu chàng có thể khiến phù thủy đến gặp thiếp thì tất cả phép thuật của ông ta sẽ bị tiêu biến, còn nếu không thiếp sẽ thiệt mạng.”

“Ôi người đẹp, có điều gì trên đời này mà ta không thể làm cho nàng.” Firedschi kêu lên rồi chạy ngay ra ngôi mộ, đào lên tóm lấy anh chàng thứ nhất đang nằm trong đó, vác lên vai rồi vội vã chạy vào nhà. Thoạt đầu anh thứ hai quá bàng hoàng khi sự việc diễn ra như thế nên cứ ngồi im như phỗng. Nhưng chỉ ít giây sau anh ta đã nhảy lên, ném hòn đá theo hai người, hi vọng nó có thể giết cả hai. May thay, hòn đá không trúng vào ai hết và chẳng bao lâu sau cả ba đã đứng trước mặt người đàn bà đẹp. Lúc

này người thứ nhất nghĩ rằng mình đã giải thoát người đàn bà khỏi quyền lực của thầy phù thủy bèn ném tấm vải liệm đi.

“Nào bây giờ thì cho tôi biết đi chàng trai,” họa mi nói khi kể xong câu chuyện “trong ba người ai là người xứng đáng lấy người đẹp? Tôi thì tôi chọn người thứ ba.”

“Không, không,” chàng trai nói khi hiểu ngụ ý của họa mi “người thứ hai mới chịu nhiều khó nhọc nhất, chắc chắn anh ta xứng với người đàn bà hơn.”

Họa mi không đồng ý, hai người cãi qua cãi lại cho đến lúc một giọng thứ ba vang lên:

“Sao các người lại nói những điều ngớ ngẩn đến thế!” Công chúa kêu lên và khi nàng nói, có tiếng một cái gì bị xé rách. “Tại sao các người không nghĩ đến anh chàng thứ nhất nhỉ? Anh ta chịu nằm trong mộ ba tiếng đồng hồ với một tảng đá trên đầu! Tất nhiên anh ta mới đáng được chọn làm chồng.”

Chỉ vài phút sau tin tức đã bay đến tai Sulton nhưng lúc này ngài không đồng ý với cuộc hôn nhân cho đến khi con gái mở miệng nói đến lần thứ ba. Nghe lệnh, chàng trai lại đến xin lời khuyên của họa mi: Làm thế nào để vượt qua thử thách này, chim bảo với chàng rằng công chúa trong lúc giận dữ đã cho đập nát cây cột và lần này chim phải trốn trong nếp gấp của tấm rèm treo ngoài cửa.

Tối hôm sau, chàng trai đi đến cung điện với những bước chân vững vàng, quả cảm. Khi chàng bước vào phòng công chúa, họa mi bay lên đậu trên bệ cửa, hoàn toàn bị che khuất bởi tấm màn đen. Chàng trai lại nói nói cười cười như mọi lần và tất nhiên công chúa không đáp lại câu nào, cuối cùng chàng rời chỗ công chúa đang ngả mình trên tấm nệm, khuôn mặt che kín dưới những lớp mạng sáng màu – vừa mới được thay. Chàng đi đến bên cửa, từ đó có một giọng nói vui tươi trả lời chàng.

Hai người chào hỏi nhau một lúc, đoạn họa mi hỏi xem chàng trai có thích nghe chuyện không bởi vì nó vừa được nghe một câu chuyện rất thú vị làm cho nó phải suy nghĩ. Để trả lời, chàng trai nói chàng nóng lòng muốn nghe chuyện đó ngay lập tức và không phí một giây, họa mi bắt đầu:

“Đã lâu lắm rồi có một người thợ mộc, thợ may và một anh học trò rủ nhau đi chu du khắp thiên hạ để xem xét mọi việc trên đời. Sau vài tháng trời đi lang thang khắp nơi, họ chán không muốn đi phiêu du nữa, quyết định trụ lại một thành phố nhỏ mà họ ưa thích. Ở đây họ thuê một căn nhà nhỏ, tìm công việc làm và trở về vào lúc mặt trời lặn, ngồi hút thuốc và trò chuyện với nhau về những sự việc xảy ra trong ngày.

Một đêm vào giữa mùa hè, trời nóng hơn thường lệ, người thợ mộc lăn qua lăn lại không thể ngủ được. Thay vì ném đi chiếc nệm đã làm cho mình khó chịu, anh ta làm một việc khôn ngoan hơn là uống một li cà phê và mỗi một tẩu thuốc dài. Chợt đôi mắt anh nhìn vào một vài mẫu gỗ để trong góc nhà và với đôi tay khéo léo anh tạc một bức tượng thật đẹp hình một cô gái khoảng 14 tuổi. Tác phẩm này đã làm anh cảm thấy lòng dịu đi đến nỗi anh thấy buồn ngủ và đi về giường nằm xuống ngủ thật say.

Nhưng người thợ mộc không phải là người duy nhất thức dậy vào đêm ấy. Khi có một tiếng sấm vang lên, người thợ may thức dậy, lòng bồn chồn bất an và anh nghĩ mình nên xuống cầu thang, nhúng đôi chân vào vòi nước ngoài vườn. Để đi ra cửa, anh ta phải đi qua căn phòng nơi người thợ mộc vừa ngồi hút thuốc và anh nhìn thấy một cô gái đẹp đứng tựa vào tường. Anh đứng lại, lặng yên không nói lời nào trước khi giơ tay chạm vào người cô và thật ngạc nhiên thấy cô gái được tạc bằng gỗ.

“À ta có thể làm cho nàng còn đẹp hơn nữa,” anh nói rồi tìm trên giá một súc lụa vàng óng mà anh vừa mua được của một thương gia. Anh đo, cắt và may một chiếc áo dài tuyệt đẹp cho cô gái. Làm xong thì cũng thấm mệt và anh đi ngủ.

Trời vừa rạng sáng thì anh học trò thức dậy chuẩn bị đi đến thánh đường của người Hồi Giáo. Nhưng kìa anh trông thấy một thiếu nữ đang đứng đấy.

Trong lúc tâm hồn lâng lâng vui sướng, anh quỳ xuống trước mặt người đẹp, giơ hai tay lên:

“Trời ơi, nàng còn đẹp hơn cả màn đêm nhưng huyền được bọc trong vẻ đẹp của mười ngàn ngôi sao,” chàng lâm bẫm. “Chắc chắn là một vẻ đẹp hiếm hoi như thế này sẽ không bao giờ đến với đời mà không có linh hồn.”

Nói xong, chàng quỳ xuống cầu nguyện với tất cả tấm lòng mình để cuộc sống hà hơi thở của nó vào người con gái bằng gỗ.

Anh vừa cầu nguyện xong thì bức tượng gỗ tuyệt đẹp biến ngay thành một thiếu nữ. Cả ba người đều yêu cô đến mất trí và đều mong muốn được cưới cô. “Bây giờ thì chàng hãy cho tôi biết,” họa mi hỏi, “cô gái sẽ thuộc về ai? Với tôi có vẻ như người thợ mộc mới là người có điểm phúc đó”.

“Nhưng mà người học trò sẽ không nghĩ đến chuyện cầu nguyện nếu người thợ may không làm cho cô ấy đẹp hơn bằng bộ quần áo tuyệt đẹp do chính tay mình làm ra,” chàng trai lí sự, vì đã hiểu được luật chơi và thế là họ lại cãi nhau rất rôm rả. Bất thành linh, công chúa bực tức vì cả hai không nói gì đến người học trò bèn quên mất lời thề mà kêu to lên: “Các người thật ngu ngốc! Cô gái không thể thuộc về ai ngoài người học trò. Nếu không có anh ta thì liệu những người kia còn có ích gì. Tất nhiên anh ta mới là người được cưới cô gái.” Nàng vừa nói xong thì cả bảy lớp mạng che mặt đều rơi xuống. Và đứng đó là nàng công chúa đẹp nhất trên đời.

“Chàng đã thắng thiếp rồi,” nàng nói với nụ cười e lệ và đưa tay ra cho chàng.

Và thế là họ tổ chức hôn lễ. Sau tiệc cưới họ cho người đi tìm bà già có cái ấm đất mà chàng trai đã ném vỡ nhiều năm về trước. Bà đến sống trong tòa lâu đài của họ, trở thành vú nuôi cho những đứa bé kháu khỉnh lần lượt ra đời và sống hạnh phúc cho đến tận lúc chết.

[1] *Pasha*: Quan tổng trấn ở Thổ Nhĩ Kỳ

[2] *Sultan*: Vua ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Thiên đường bị đánh mất

Ở giữa một khu rừng rộng mênh mông nọ có một cặp vợ chồng người đốt than. Cả hai đều trẻ, đẹp, mạnh khỏe và khi lấy nhau họ những tưởng công việc làm ăn của mình sẽ suôn sẻ. Nhưng sau đó là một thời kì khó khăn và càng ngày họ càng nghèo hơn. Những đêm họ phải nhịn đói đi ngủ mỗi lúc một thường xuyên hơn.

Một đêm kia nhà vua đi săn ở gần túp lều của hai vợ chồng nọ. Đi ngang qua cửa vua nghe như có tiếng khóc than. Vua dừng lại lắng nghe, nghĩ rằng có thể mình giúp được điều gì chẳng.

“Vợ chồng ta là hai kẻ thật bất hạnh!” Một giọng nữ nói. “Thì đấy, chúng ta lúc nào cũng sẵn sàng làm việc như cu li suốt ngày nhưng có ai mướn chúng ta đâu. Mà tất cả cũng chỉ tại mẹ già Eve kì cục! Chỉ cần bà giống như tôi – không thóc mách chuyện gì hết – thì có phải hôm nay tất cả chúng ta đã sướng như vua rồi không, có cơm no, áo ấm này. Tại sao vậy hả trời...”

Nhưng có tiếng gõ lớn vào cánh cửa cắt ngang lời than vãn của người đàn bà.

“Ai ở ngoài đấy?” Người đàn bà hỏi.

“Là tôi. Là vua. Cho trẫm vào đi.”

Xiết bao ngạc nhiên, người đàn bà nhảy xuống giường, kéo gióng ngang mở cửa. Khi vua bước vào chòi, ngài nhận thấy trong căn chòi không hề có đồ đạc gì, kể cả một cái ghế đâu. Vì thế ngài giả bộ đang rất vội vã liếc nhanh xung quanh và nói một cách giản dị: “Các người không nên để ta quấy rầy mới phải. Trẫm không có thời gian nán lại đây lâu đâu, nhưng hình như các người đang gặp khó khăn. Cho trẫm biết, có phải các người rất bất hạnh?”

“Ồ, tâu bệ hạ, vợ chồng dân nữ không thể tìm ra việc làm và chẳng có gì cho vào bụng đã hai ngày rồi,” người đàn bà đáp. “Trong nhà chẳng còn lại cái gì và đánh giá chúng thần đành nằm chờ chết.”

“Không, không, các người không nên nghĩ như thế,” vua nói, “còn nếu các người khoanh tay chờ chết thì đó là lỗi của các người. Bọn người có thể theo trẫm về cung. Ở nơi ấy các người sẽ cảm thấy như là trên thiên đường. Trẫm hứa đấy. Nhưng có một điều kiện, các người phải tuyệt đối tuân theo lệnh của trẫm.”

Người đốt than và vợ chỉ còn biết giương mắt nhìn vua hồi lâu như thể họ không tin vào tai mình mà điều đó thì cũng dễ hiểu thôi. Rồi họ cũng tìm thấy lưỡi của mình và đồng thanh kêu lên:

“Thưa vâng, thưa vâng, tâu bệ hạ! Chúng thần sẽ làm tất cả những điều thánh thượng sai khiến. Sao chúng thần có thể vô ơn đến mức không tận trung với thánh thượng trong khi người tốt với chúng thần như thế.”

Nhà vua mỉm cười, đôi mắt sáng long lanh.

“Được, vậy ta hãy bắt đầu ngay. Khóa cửa lại và cho chìa khóa vào trong túi.”

Vẻ mặt của người đàn bà cho thấy chị ta nghĩ điều này không cần thiết bởi vì chắc chắn họ sẽ không quay về đây nữa. Nhưng chị ta không dám nói gì, lẳng lặng làm theo lời vua.

Sau khi ra khỏi khu rừng được vài dặm, cả ba đi đến cung điện. Theo lệnh vua ban, vợ chồng người đốt than được quân hầu trong cung dẫn vào những căn phòng trang hoàng toàn những món đồ đẹp đến mức cả đời họ chưa bao giờ dám mơ tưởng đến. Đầu tiên họ ngâm cả người trong những chiếc bồn tắm bằng đá hoa cương màu xanh lá cây, làm cho nước trong bồn có màu xanh ngọc của nước biển. Sau đó họ mặc những bộ đồ bằng lụa vừa mềm mại vừa thoải mái. Khi họ đã sẵn sàng, một trong những kẻ hầu cận của đức vua bước vào dẫn họ đến một sảnh nhỏ nơi một bữa tiệc đã dọn sẵn và điều này làm cho họ sung sướng hơn bất cứ điều gì khác.

Họ vừa ngồi vào bàn ăn thì vua bước vào phòng. “Trẫm hi vọng các người được phục vụ chu đáo và ăn ngon miệng. Người hầu của trẫm sẽ quan tâm đến cả những ước muốn nhỏ nhất của các người, và trẫm mong các người cứ làm đúng những gì mình muốn. Nhưng có một điều. Các người có thấy cái liễn đựng súp ở giữa bàn không? Phải, hãy cẩn thận đừng nhắc cái nắp lên. Chỉ cần một lần các người nâng nắp đậy lên, vận may của các người sẽ chấm dứt.”

Đoạn cúi đầu chào khách, vua rời khỏi phòng.

“Nhà nó nghe đức vua nói gì chưa?” Người đốt than hỏi bằng giọng khiếp sợ. “Chúng mình sẽ có điều mà mình muốn và những cái khiến chúng mình hài lòng. Chỉ có điều không được đụng vào liễn súp.”

“Không, tất nhiên là không rồi,” người vợ đáp. “Việc gì chúng ta lại muốn làm thế chứ? Nhưng kể ra điều này cũng đến lạ, người ta không thể không thắc mắc có cái gì ở bên trong.”

Nhiều ngày trôi qua, cuộc sống diễn ra như trong một giấc mơ tuyệt đẹp đối với vợ chồng người đốt than. Giường nệm của họ quá êm ấm để họ có thể tự buộc mình thức dậy, áo quần thì đẹp đến nỗi chẳng nỡ lòng nào cởi ra, còn bữa ăn thì sao mà ngon lành đến thế, không sao có thể bỏ bát đĩa xuống được. Ngay bên ngoài cung điện là khu vườn ngự uyển mọc đầy những loài hoa quý hiếm, nặng trĩu trái trên cành và không gian vang rộn tiếng chim ca. Nếu họ muốn đi dạo xa hơn nữa thì một cỗ xe thiếp vàng, điểm những bông hoa xin-đừng-quên-tôi cùng những dải xa tanh xanh lúc nào cũng sẵn sàng rước họ. Thịnh thoàng chính đức vua cũng sa giá đến thăm họ, mỉm cười ý nhị khi liếc nhìn người đàn ông mỗi ngày một mập mạp và hồng hào hơn. Nhưng khi mắt ngài dừng lại ở người đàn bà thì nó có vẻ như muốn nói: “Mình biết thế mà,” nhưng cả người đốt than lẫn người vợ đều không bao giờ nhận ra cái nhìn của nhà vua có ý nghĩa gì.

“Sao nhà nó lại lặng lẽ quá vậy?” Một sáng nọ người chồng hỏi khi thấy trong suốt bữa ăn điểm tâm người vợ không nói một lời. “Chỉ mới đây thôi

nhà nó còn riu rít như chim khướu cả ngày mà giờ đây tôi gần như đã quên mất giọng nói của mình rồi.”

“Không, chẳng có gì. Chỉ là tôi chẳng thiết nói, thế thôi.” Người vợ dừng lại, rồi hấp tấp nói thêm sau một lúc im lặng. “Mà có bao giờ nhà tự hỏi có cái gì trong liễn súp không?”

“Không, không bao giờ,” người chồng gạt đi. “Đó không phải là việc của chúng ta, nhà nó ạ.”

Câu chuyện dừng lại ở đó, nhưng thời gian trôi qua, người đàn bà càng ngày càng nói ít hơn và có vẻ âu sầu phiền muộn đến nỗi người chồng đâm lo lắng cho vợ. Cả đến việc ăn uống bây giờ chị ta cũng hững hờ. “Này mình ơi,” cuối cùng người chồng phải dỗ dành vợ, “mình phải ăn cái gì đi chứ. Có chuyện gì trên đời này làm mình phải đau khổ đến vậy? Nếu cứ như thế này mình sẽ chết mất thôi.”

“Tôi thà chết còn hơn không được biết có cái gì trong cái liễn súp kia,” người vợ hét lên, giọng dữ dội đến nỗi người chồng giật mình hoảng sợ.

“Cái gì vậy? Thì ra mình tự làm khổ bản thân vì chuyện đó? Mình cũng biết là nếu làm thế chúng ta sẽ bị đuổi cổ khỏi đây và lâm vào cảnh chết đói.”

“Không, không đến nỗi thế đâu. Đức vua là người rất nhân từ mà. Tất nhiên, ngài không chấp nê một chuyện vặt như thế. Với lại đâu có cần nhắc cả cái nắp lên, chỉ cần kênh một góc lên để tôi ghé mắt nhìn vào thôi mà. Trong phòng chỉ có vợ chồng ta nào có ai đâu mà biết được chuyện đó.”

Người chồng do dự: quả thật đây chỉ là “chuyện nhỏ”, và nếu nó có thể làm người vợ yêu đẹp lòng, miễn ý thì cũng đáng liều một phen. Thế là người chồng cầm cái núm trên nắp xịch ra một chút, rất thận trọng và từ tốn trong khi người đàn bà cúi xuống ghé mắt nhìn. Bất thành lình người đàn bà giật bắn người và kêu lên một tiếng bởi vì có một con chuột nhảy ra từ trong cái liễn, thiếu chút nữa thì dớp ngay vào mắt chị ta. Con chuột nhắt chạy vòng vòng quanh phòng và hai vợ chồng cũng lạch bạch chạy theo bắt

nó lại, họ đánh đổ cả bàn ghế và mấy cái bình trong khi quyết tâm bắt nó cho bằng được để cho vào trong liễn. Đang giữa lúc đuổi bắt ồn ào như vậy thì cánh cửa phòng bật mở, con chuột phóng thẳng ngay vào chân nhà vua. Cả vợ lẫn chồng nhanh như sóc chạy đến trốn dưới gầm bàn và căn phòng có vẻ rất trống trải.

“Các người có thể chui ra nghe điều ta sắp nói đây.”

“Tâu bệ hạ, thần biết tội rồi,” người đốt than nói, đầu cúi gục xuống. “Con chuột trốn mất rồi ạ.”

“Lính canh sẽ đưa các người trở về lều của mình ở trong rừng. Vợ người vẫn còn giữ chìa khóa đấy.”

“Có phải họ quá ngu ngốc không?” Con cháu của nhà người đốt than bao giờ cũng kêu lên khi nghe đến đoạn này. “Ước gì chúng ta có cơ hội nhỉ? Chúng ta sẽ không bao giờ muốn biết có cái gì trong liễn súp đâu.”

Chiếc ấm thần kỳ

Ở trong lòng nước Nhật Bản, cao cao trên đỉnh núi có một ông già sống trong một ngôi nhà nhỏ. Ông tự hào về nếp nhà của mình lắm, không bao giờ ông cảm thấy chán khi chiêm ngưỡng chiếc nệm rơm trắng muốt và những bức tường dán giấy bồi rất đẹp. Khi trời ấm áp, những bức tường trượt được đẩy ra để cho hương của cỏ cây hoa lá vùng sơn cước ùa vào nhà.

Một hôm trong lúc đang đứng nhìn về đỉnh núi đối diện, ông nghe có tiếng lịch bạch trong căn phòng sau lưng. Quay đầu lại ông thấy một cái ấm sắt cũ kĩ sét rỉ có vẻ như không được ở dưới ánh mặt trời đã nhiều năm rồi. Làm thế nào chiếc ấm lại rơi vào nhà ông thì ông không biết, nhưng ông vẫn cầm lên, xem xét kỹ càng và thấy rằng chiếc ấm vẫn còn nguyên vẹn. Ông đánh hết rỉ sét rồi mang vào trong bếp.

“Cũng là một may mắn,” ông mỉm cười sung sướng, “một cái ấm tốt đáng giá khối tiền, và thật là tốt khi có thêm một cái nữa phòng khi cần đến. Cái ấm cũ nhà mình đã mòn hết rồi còn gì, nước cứ nhỏ tong tong từ lỗ thủng dưới đáy ấm.”

Ông nhắc cái ấm cũ ra khỏi bếp lò, đổ đầy nước vào ấm mới rồi đặt lên bếp. Chẳng bao lâu, sau khi nước trong ấm nóng lên có một điều kì lạ xảy ra làm cho ông đứng ngây người ra nhìn, ngỡ như mình đang nằm mơ. Đầu tiên quai ấm từ từ thay đổi, biến thành một cái đầu, còn vòi ấm thì mọc dài ra thành một cái đuôi, trong khi ở mình ấm từ từ thò ra bốn cái chân và chỉ trong vài phút, ông già thấy trước mắt mình không phải là cái ấm nước mà là một con khỉ. Con vật nhảy thoát một cái ra khỏi bếp lửa, chạy vòng vòng quanh nhà như một con mèo con, thoăn thoắt leo lên tường và đi trên trần nhà cho đến khi ông lão đau khổ nhận thấy nếp nhà xinh xinh mà ông rất tự hào đã bị con vật phá hủy. Ông gọi hàng xóm sang giúp, cả mấy người hợp sức nhau lại mới bắt được con thú quậy phá và nhốt nó vào trong một cái tủ

gỗ. Sau đó, một nhòai vì cuộc đuồi bắt, họ ngồi bệt xuống thảm bàn bạc với nhau xem có thể làm gì với con vật quý quái này. Cuối cùng họ quyết định đem bán nó đi và sai một thằng nhỏ mời một nhà buôn tên là Jimmu tới.

Khi Jimmu có mặt, chủ nhà nói ông có một vật mà ông chỉ muốn đẩy đi đâu cho khuất mắt rồi mở cái tủ gỗ nơi ông nhốt con khi. Nhưng lạ chưa, chẳng có con khi nào hết ngoài một cái ấm nước hiền lành nằm trong góc. Điều này hết sức kì lạ nhưng ông già nhớ đến chuyện đã xảy ra trên bếp lửa nên không muốn giữ vật này trong nhà nữa, thế là cuộc mua bán được ngã giá và Jimmu ra về mang theo cái ấm nước.

Chưa đi được bao xa Jimmu đã cảm thấy mỗi lúc cái ấm lại thêm nặng hơn. Về đến nhà thì ông đã mỏi rã rời và nhẹ cả người khi có thể đặt cái ấm vào góc phòng rồi cũng quên mọi chuyện về nó. Tuy vậy vào lúc nửa đêm ông thức dậy bởi một tiếng động lớn vang lên từ cái góc để chiếc ấm, ông bèn ngồi dậy đi quanh xem có chuyện gì. Chẳng có gì ngoại trừ cái ấm, lúc này đang đứng yên ở góc phòng. Jimmu cho là mình nằm mơ nên lại vào giường ngủ tiếp, nhưng sau đó lại phải thức dậy lần thứ hai vì cũng cái điều phiến toái ấy. Ông bật dậy đi thẳng đến góc nhà và dưới ánh sáng ngọn đèn ngủ mờ mờ, ông nhìn thấy cái ấm đã biến thành một con khi đang chạy vòng vòng, quấy đuồi nghịch ngợm. Sau khi đùa nghịch chán trong nhà nó chạy ra ban công biểu diễn vài màn nhào lộn. Ông lái buôn quá bực bội vì nổi bị con vật phá mất giấc ngủ mãi đến gần sáng mới chợp mắt được một chút, nhưng khi mở mắt ra ông chẳng thấy con khi nào mà chỉ có cái ấm cũ kĩ nằm trong góc nhà.

Sau khi dọn dẹp nhà cửa xong, Jimmu sang nhà hàng xóm kể lại câu chuyện của mình. Người bạn lặng lẽ lắng nghe, không biểu thị một vẻ ngạc nhiên nào như Jimmu chờ đợi bởi vì ngày còn trẻ ông này đã từng nghe một chuyện gì đó về cái ấm thần kì.

“Bác hãy cùng với cái ấm làm một cuộc phiêu du đi,” người bạn khuyên, “rồi bác sẽ trở nên giàu có bằng việc diễn trò với nó, chỉ có điều bác hãy cẩn thận điều đình với nó trước khi yêu cầu nó biến hóa và cũng cần phải

tiến hành một số nghi lễ thần bí để ngăn không cho nó bỏ chạy khi thấy đông người.”

Jimmu cảm ơn và làm theo lời khuyên của bạn. Con khỉ bằng lòng với việc diễn trò, thế là một cái rạp được dựng lên, bên ngoài có treo biển mời chư vị khán giả đến chứng kiến một màn biến hóa kì ảo chưa từng thấy trên đời.

Đám đông tụ tập quanh rạp, người ta chuyền tay nhau cái ấm, được phép xem xét thật kỹ, thậm chí nhìn cả vào bên trong nữa. Sau đó Jimmu lấy lại chiếc ấm, đặt nó lên sàn, ra lệnh cho nó biến thành một con khỉ. Trong nháy mắt quai ấm biến thành cái đầu, vòi ấm biến thành cái đuôi, rồi bốn chân thò ra từ bụng ấm. “Nhảy múa đi!” Jimmu điều khiển. Nghe lệnh con khỉ bắt đầu đi từng bước theo nhịp, đầu tiên nó bước về một phía, sau đó lại đi về phía bên kia, cho đến khi khán giả không thể cưỡng được nữa, cũng lắc lư nhảy múa theo con vật. Một cách duyên dáng, nó làm mẫu cho đám đông hâm mộ nhảy theo rồi không dừng lại, nó chuyển sang một vũ điệu bóng râm và sau đó là vũ điệu cái dù. Có vẻ như nó có thể nhảy múa mãi như vậy mà không biết mệt. Chắc chắn là nó muốn thế nếu Jimmu không tuyên bố với khán giả hôm nay như thế là đủ và đã đến lúc phải đóng cửa rạp.

Ngày nào cũng như ngày nào, rạp của ông chủ Jimmu đều chật ních đến mức khó có thể chen vào và điều người hàng xóm dự đoán đã thành hiện thực: Jimmu trở nên giàu có. Tuy vậy ông không cảm thấy hạnh phúc. Là một người trung hậu ông nghĩ mình giàu có được như vậy một phần cũng nhờ vào cái người đã bán cho ông cái ấm. Thế là một buổi sớm tinh mơ, ông trở dậy cho 100 đồng vàng vào trong ấm, đeo tòng teng nó vào cánh tay và một lần nữa ông leo lên núi gặp người đã bán ấm. “Tôi không có quyền giữ nó lâu hơn nữa,” ông nói thêm khi kể câu chuyện của mình, “vì thế tôi mang nó trả lại ông, trong ấm ông sẽ tìm thấy 100 đồng vàng, xem như số tiền tôi đã thuê ấm.”

Ông già cảm ơn Jimmu, nói rằng trên đời này ít có ai trung hậu hơn Jimmu và đó mới là điều kì diệu. Chiếc ấm đã đem lại may mắn cho cả hai

người và mọi chuyện đều diễn ra rất tốt đẹp với họ cho đến khi họ chết vào lúc rất già trong sự kính trọng của mọi người chung quanh.

Yêu tinh ơn trả nghĩa đền

Ở một miền quê nước Pháp vào thời xưa có một người tên là Jalm Riou. Bạn có thể đi suốt cả ngày mà không gặp được người nào sung sướng hay mãi nguyện hơn ông bởi vì ông có một nông trại lớn, trong túi rừng rinh khá nhiều tiền và trên tất cả ông có một ái nữ tên là Barbaik. Cô ta không chỉ khiêu vũ giỏi nhất mà còn là người ăn mặc đẹp nhất vùng. Khi cô xuất hiện trong các lễ hội, đội chiếc mũ thêu, mặc 5 lần váy lót, cái này ngắn hơn cái kia một chút và mang đôi giày có khóa bạc thì cánh phụ nữ chỉ có mà tức uất lên vì ganh tị. Nhưng Barbaik chả quan tâm đến những chuyện họ xì xầm sau lưng mình chừng nào cô còn tin rằng quần áo của mình đẹp nhất, nổi bật nhất trong vũ hội và rằng cô có nhiều người theo đuổi hơn bất cứ cô gái nào.

Trong số những người đàn ông theo đuổi Barbaik có một người làm công ở điền trang. Anh là người si mê cô nhất, nhưng vì tác phong của anh vụng về, quê kệch, hình dong lại hết sức xấu xí nên người đẹp không bao giờ thèm để mắt đến. Không những thế cô lại còn đem anh ra làm trò cười trước mặt những người khác.

Jegu, tên anh chàng khốn khổ này, nghe được những chuyện đó thì lấy làm phiền lòng lắm. Nhưng anh vẫn không rời bỏ trang trại để kiếm việc làm ở nơi khác như anh có thể làm. Vì nếu vậy anh sẽ không bao giờ gặp được Barbaik mà không gặp được người mình thầm yêu trộm nhớ thì cuộc đời phỏng còn ý nghĩa gì nữa.

Một chiều tối, trong lúc lừa đàn ngựa tản mát trên cánh đồng về chuồng, anh dừng lại bên một hồ nước nhỏ trên đường về nhà cho lũ ngựa uống nước. Toàn thân mệt nhoài sau một ngày dài lao lực, anh đứng bên hồ, đặt tay lên bờm một con ngựa, chờ cho chúng uống nước xong. Trong khi anh miên man suy nghĩ về Barbaik thì có một giọng nói đột ngột cất lên từ một bụi kim tước:

“Có chuyện gì vậy, Jegu? Cậu không được phép tuyệt vọng như vậy chứ.”

Chàng trai ngạc nhiên nhìn quanh, lên tiếng hỏi: “Ai đấy?”

“Là tôi đây, một yêu tinh.”

“Nhưng mà ông ở đâu mới được chứ?”

“Cúi xuống đi, cậu sẽ thấy tôi giữa đám lau sậy trong hình thù của một con ếch nhỏ màu xanh.” Yêu tinh nói giọng tự hào. “Tôi có thể có bất cứ hình dáng nào mà mình muốn, thậm chí cả những việc khó khăn hơn như trở nên vô hình chẳng hạn.”

“Nếu vậy ông hãy hiện thành cái hình dáng quen thuộc với những người bạn thân thuộc đi,” Jegu đáp.

“Được thôi, nếu cậu muốn,” nói xong con ếch nhảy ngay lên lưng một con ngựa rồi biến thành một người lùn trong bộ đồ xanh lá cây.

Sự biến hóa này làm Jegu phát hoảng thật sự nhưng yêu tinh xin anh đừng sợ hãi bởi vì nó sẽ không làm điều gì hại đến anh mà ngược lại nó hi vọng Jegu có thể tìm thấy sự giúp đỡ hữu ích của nó.

“Nhưng tại sao ông lại quan tâm đến tôi như vậy?” Chàng nông dân hỏi với giọng nghi hoặc.

“Bởi vì việc cậu đã làm cho tôi năm ngoái khiến tôi không sao quên được,” người lùn đáp. “Cậu biết đấy, tôi dám chắc rằng bọn yêu tinh sống ở vùng White Corn đã tuyên chiến với người của tôi. Bởi vì chúng cho rằng chỉ có bọn chúng mới là bạn của con người. Vì vậy mà chúng tôi buộc phải bỏ đi đến những miền đất xa hơn, phải che giấu thân phận mình dưới lốt những con vật khác nhau. Kể từ đấy, phần vì thói quen, phần để mua vui, chúng tôi tiếp tục biến hóa và nhờ thế mà tôi biết được cậu.”

“Thật thế sao?” Jegu kêu lên, rất đỗi kinh ngạc.

“Cậu có nhớ cách đây ba tháng cậu đang đào đất trên một cánh đồng bên dòng sông thì thấy một con chim cổ đỏ bị đánh bẫy không?”

“Có, tôi còn nhớ rất rõ và tôi đã mở lưới thả cho chim bay đi.”

“Thế thì tôi chính là con chim đó. Tôi đã thề là sẽ trở thành bạn tốt của cậu thì tôi sẽ giúp cậu cưới được nàng Barbaik nếu quả tình cậu rất tha thiết được làm chồng cô ấy.”

“Ôi, thiên thần bé nhỏ, nếu ông giúp tôi việc đó thì tôi chẳng có gì đền đáp lại ngoài tấm lòng chân thật này.”

“Cứ để việc đó cho tôi,” người lùn vui sướng nói, “tôi hứa chỉ trong vòng một vài tháng cậu sẽ trở thành điền chủ và phu quân của Barbaik.”

“Nhưng mà ông sẽ làm thế nào?” Jegu nói với giọng hân hoan, không phải là không có chút băn khoăn.

“Đó là việc của tôi. Có lẽ tôi sẽ cho cậu biết sau. Trong khi đó cậu cứ việc ăn no, ngủ kỹ, đừng lo lắng về bất cứ chuyện gì hết.”

Jegu nhiệt tình kêu lên là không có việc gì dễ hơn chuyện đó, đoạn anh cảm ơn yêu tinh rồi dẫn đàn ngựa trở về nông trại.

Sáng hôm sau là ngày lễ, Barbaik dậy sớm hơn thường lệ, cô muốn làm xong mọi việc thật sớm để có thể chuẩn bị cho một vũ hội được tổ chức cách nhà cô không xa. Đầu tiên cô đến chuồng bò bởi vì nhiệm vụ của cô là quét dọn nơi đây thật sạch sẽ. Trước sự ngạc nhiên của cô, mọi thứ ở đây đều thơm tất đâu vào đấy: trên sàn rải đều một lớp rơm mới, các máng ăn đầy cỏ tươi, bò đã được vắt sữa, xô đựng sữa xếp ngay hàng thẳng lối. “Tất nhiên Jegu đã làm tất cả những việc này với hi vọng ta sẽ cho phép anh chàng được mời ta nhảy một điệu tối nay,” cô thầm nhủ. Khi gặp anh ở ngoài cửa, cô dừng lại cảm ơn sự giúp đỡ của anh. Chắc chắn Jegu chỉ đáp lại một cách vụng về rằng anh chẳng hiểu cô nói gì cả, nhưng điều này càng làm cô thêm tin chắc là ngoài anh ra thì không có ai làm điều đó.

Việc tương tự như thế xảy ra hàng ngày, chưa bao giờ chuông bò lại sạch sẽ tinh tươm đến thế và lũ bò lại béo mượt đến thế. Sáng cũng như tối Barbaik thấy xô, thùng đựng sữa trong nhà lúc nào cũng đầy ắp một thứ sữa vừa béo vừa thơm và một thùng bơ béo ngậy vừa được đánh lên, đấy là chưa kể nó còn được trang điểm bởi những cành lá tươi còn long lanh sương sớm. Cứ thế sau vài tuần cô đã quen với những chuyện này và chỉ việc thức dậy đúng giờ để chuẩn bị bữa sáng.

Nhưng chẳng bao lâu sau, cả việc này cũng trở nên không cần thiết nữa bởi vì một hôm trong lúc xuống cầu thang cô phát hiện nhà cửa đã được quét dọn sạch sẽ, đồ đạc được lau chùi sáng bóng như gương, lò sưởi cháy bập bùng, thức ăn ngon lành đã dọn sẵn và cô chẳng có việc gì làm ngoài việc rung chuông gọi những người làm công từ những cánh đồng xung quanh trở về dùng bữa. Cả việc này nữa cô cũng nghĩ là do Jegu làm để lấy lòng cô và cô không khỏi có suy nghĩ rằng đấy mới là mẫu người chồng đặc dụng cho một cô gái chỉ thích nằm ườn trên giường và tự chiêm ngưỡng bản thân.

Trong thực tế Barbaik chỉ cần biểu lộ ý muốn của mình là được thỏa mãn ngay. Nếu như trời trở gió lạnh hay bỗng chốc lại oi nồng khó chịu mà cô lại sợ ra ngoài vì nắng gió sẽ làm hồng làn da mịn, cô chỉ cần chạy ra con suối gần nhà nhẹ nhàng nói: “Ta muốn các thùng nước trong nhà đầy nước mát, tắm xong cái khăn tắm lại được phơi trên hàng rào cho mau khô,” chỉ thế thôi là ý muốn của cô được thỏa mãn ngay, không cần phải thêm một chỉ dẫn nào nữa. Nếu cô thấy bánh mì lúa mạch đen quá cứng khi nướng, hoặc cái lò làm cô mất quá nhiều thời gian để nhóm lửa, cô chỉ cần thì thầm: “Ta muốn nhìn thấy 6 ổ bánh mì thơm phức để trên kệ phía trên thùng đựng bánh mì,” thế là 2 giờ sau, số bánh trên đã nằm đúng vị trí.

Giả sử cô ngại đi ra chợ vì con đường lầy lội, bẩn thỉu, cô sẽ nói to lên thành tiếng vào đêm hôm trước: “Sao mình chẳng muốn lếch thếch từ chợ Morlaix rồi khệ nệ trở về nhà với cái thùng sữa rỗng trong có nhét một bình bơ đến thế. Ước gì có thêm nửa cân sery rừng đặt sẵn trên cái đĩa gỗ và một

ít tiền tiêu vặt trong túi tạp dề.” Thế là sáng hôm sau thức dậy, ngay cạnh chân giường là một thùng sữa rỗng, trong có đặt một thùng bơ béo vàng còn sery đen mọng để ngay ngắn trên đĩa gỗ và sáu đồng xu bạc bỏ trong túi tạp dề. Cô đinh ninh là tất cả những điều này cô đều nợ Jegu, một người mà cô chưa hề làm điều gì cho anh, ngay cả trong một ý nghĩ thoáng qua cũng vậy.

Khi mọi việc đã chín muồi, yêu tinh bảo với chàng trai là chàng nên ngỏ lời cầu hôn người đẹp Barbaik. Lần này cô nàng không từ chối một cách thẳng thừng, thô lỗ mà kiên nhẫn lắng nghe cho đến hết. Trong mắt cô, anh vẫn là một kẻ xấu xí và vụng về như trước, nhưng rõ ràng anh là một người chồng được việc nhất và cô có thể ngủ nướng cho đến tận giờ ăn sáng giống như một đại tiểu thư, và phần ngày còn lại sẽ chỉ dài bằng một nửa mà thôi. Những bộ quần áo đẹp sẽ tự động có khi cô mong muốn để cô có thể diện vào đi đi lại lại trong vùng làm cho các bà các cô khác phải tức uất người vì ganh tỵ và cuối cùng cô muốn nhảy múa bao nhiêu cũng được. Jegu bao giờ cũng sẽ ở đây làm việc cho cô, phục vụ cô, chăm sóc cô. Thế là như một cô gái con nhà gia giáo, Barbaik trả lời việc này nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha, vì cô biết quá rõ rằng cha cô luôn miệng giục cô lấy chồng để nếu ông có bề nào thì còn có người đứng ra trông nom mọi việc trong điền trang.

Đám cưới được tổ chức vào tháng sau, vài ngày sau đám cưới người cha lăn ra chết rất đột ngột. Bây giờ thì Jegu có thể tự thấy rằng mọi việc có vẻ không dễ dàng như khi nhạc phụ của anh còn sống. Nhưng một lần nữa yêu tinh lại vào cuộc và chỉ một mình nó còn tốt hơn 10 lực điền. Nó cày ruộng, gieo mạ và gặt hái và nếu như mọi việc cần phải hoàn thành gấp thì yêu tinh lại nhờ mấy người bạn đến giúp sức. Chẳng bao lâu sau đã có thể thấy một đám người lùn trên các cánh đồng của nhà Riou, bận rộn với cuốc, xẻng, chĩa hoặc liềm. Vào lúc công việc nhà nông đã hòm hòm, thì bây yêu tinh bé nhỏ cũng biến mất.

Vậy mà tất cả những sự đền bù nếu yêu tinh có đòi hỏi cũng chỉ là một tô nước lèo.

Nhưng cũng kể từ ngày cưới, Barbaik ngạc nhiên và giận dữ nhận thấy mọi chuyện không còn bày sẵn cho cô như mấy tháng trước nữa. Khi cô than thở về thói lười biếng của chồng, Jegu chỉ trở mặt nhìn lại, không hiểu cô vợ mới cưới nói cái gì nữa. Còn yêu tinh, đứng ngay bên cạnh thì rũ ra cười, thú thật rằng tất cả những việc làm tốt đẹp mà cô vừa kể đều do mình làm nhân danh Jegu, nhưng bây giờ nó có việc khác phải làm và đã đến lúc tự cô phải chăm sóc việc nhà như một người vợ đảm.

Barbaik tức điên lên vì cảm thấy mình bị lừa một vợ nhớ đời. Hàng ngày cô buộc phải dậy từ lúc trời mới tờ mờ sáng để vắt sữa bò rồi mang ra chợ bán, tối tối cô phải thức đến tận nửa đêm để đánh bớ. Trái tim cô sôi sục phần nộ dành cho yêu tinh, kẻ đã khiến cô trông mong, hi vọng vào một cuộc sống nhàn hạ chỉ có niềm vui thú. Và mỗi khi đưa mắt sang nhìn chồng thấy bộ mặt đỏ gay, đôi mắt lác, mái tóc bù xù, cơn giận của cô lại nhân lên gấp đôi.

“Nếu không phải tại người, tên lùn thảm hại kia,” cô nguyên rủa, hai hàm răng nghiến lại, “nếu không vì người thì đời nào ta lại đâm đầu lấy người này, ta vẫn còn được nhờ như lui tới các buổi vũ hội, nơi các chàng trai tuấn tú sẵn đón chiều chuộng ta, mang đến cho ta nào hạt dẻ, sêry và thì thầm vào tai ta rằng ta là cô gái xinh đẹp nhất trong xứ đạo. Bây giờ ta chẳng còn được nhận quà của ai ngoài người chồng xấu xí. Ta chẳng được nhảy với ai ngoài với ông chồng vụng thối vụng tha. Ôi, người là một tên lùn quỷ quái, đáng chết, ta sẽ không bao giờ... không bao giờ tha thứ cho người!”

Mặc dù thốt ra những lời giận dữ, tức tối như thế, nhưng không có ai biết rõ hơn Barbaik cách dẹp lòng tự ái sang một bên khi cần thiết. Sau khi nhận được lời mời đến dự một đám cưới, cô năn nỉ yêu tinh mang đến cho cô một con ngựa đẹp để cưới đến đám cưới. Trước niềm vui vô tận của cô, yêu tinh đồng ý, mời cô đến lãnh địa của các yêu tinh để cô có thể nói một cách chính xác những điều cô muốn. Hết sức phấn chấn, Barbaik bắt đầu cuộc hành trình của mình. Không phải là một chuyến đi dài và khi đi đến nơi cô

tới thẳng chỗ những người lùn, họ đang họp hội đồng trên một bãi cỏ rộng xanh rờn. Cô nói với họ: “Nghe đây, những người bạn của tôi! Tôi đến đây yêu cầu các vị cho tôi mượn một con ngựa đen tuyền, có hai mắt, mõm, hai tai, dây cương và yên ngựa.”

Cô chưa nói dứt lời thì con ngựa đã hiện ra, cô nhảy lên lưng ngựa và cưỡi về làng nơi tổ chức đám cưới. Đầu tiên cô quá sung sướng với cơ hội có được một ngày hội hè, thoát khỏi công việc nhàm chán hàng ngày mà cô rất ghét nên cô không để ý đến chung quanh. Nhưng chẳng bao lâu cô cảm thấy có điều gì kì cục vì trong khi cô đi trên đường, hàng người đứng hai bên đường cười cợt, chỉ trỏ khi ngựa của cô đi qua. Cuối cùng cô nghe được lời của một người đàn ông nói với một người khác: “Kỳ nhỉ, lẽ nào bà nông dân này lại ra chợ bán cả đuôi ngựa.” Cô ngoái đầu ra sau: Ồ đúng vậy. Ngựa của cô không có đuôi! Cô đã quên không yêu cầu đuôi ngựa và những người lùn tai quái đã làm đúng từng lời theo yêu cầu của cô!

“Nhưng dù sao thì ta cũng sắp đến nơi rồi,” cô nghĩ, giật dây cương giục con ngựa phi nước đại. Nhưng vô ích, nó từ chối, chỉ thủng thẳng đi bước một và cô buộc phải nghe những lời chế giễu mà người ta nhắm vào mình.

Đến tối cô quay về nhà, giận dữ hơn bao giờ hết, định bụng sẽ trả thù yêu tinh mỗi khi cô có dịp và cơ hội đến ngay sau đó.

Đang vào tiết xuân và cũng là lúc các thủy thần tổ chức hội hè. Thế là một ngày yêu tinh hỏi Jegu xem anh có thể mời bạn bè của nó đến dự tiệc ở nông trại không và liệu anh có cho phép họ nhảy múa ở đấy không. Tất nhiên, Jegu quá vui sướng khi có dịp làm bất cứ điều gì cho ân nhân của mình và anh ra lệnh cho cô vợ hãy mang ra những bộ khăn trải bàn đẹp nhất làm thật nhiều những ổ bánh mì, bánh kẹp và giữ lại tất cả sữa bò vắt vào buổi sáng. Anh nghĩ cô sẽ từ chối vì anh biết vợ mình rất ghét các yêu tinh nhưng cô không phản đối gì, chỉ lẳng lặng chuẩn bị bữa tiệc như anh đã yêu cầu.

Khi tất cả đã sẵn sàng, các yêu tinh trong những bộ đồ mới tinh màu xanh lá cây từ đâu đâu kéo đến với điệu bộ vui vẻ, hạnh phúc và họ ngồi

vào bàn tiệc. Nhưng tất cả nhảy dựng lên với một tiếng kêu đau đớn và tản mát chạy đi bởi vì Barbaik đã đặt những hòn than nóng dưới chân họ và tất cả những đôi chân bé nhỏ của họ đều bị cháy.

“Các người sẽ không quên chuyện này trong lúc vội vã đâu,” cô nói, mỉm cười đắc chí nhưng chỉ một lát sau họ đã quay lại với những nồi nước lớn cùng dập lửa. Sau đó họ cầm tay nhau, xoay tròn quanh đống lửa trại, miệng hát véo von:

“Kẻ vô ơn, độc ác kia ơi

Đôi chân ta bị cháy mất rồi

Khi chúng ta rời chân đi khỏi

Vận may quay lưng lại với người.”

Tối hôm đó họ rời khỏi vùng này vĩnh viễn và Jegu không có sự giúp đỡ của họ làm ăn ngày càng lụn bại. Cuối cùng cũng chết trong đói nghèo cùng quẫn, còn Barbaik thì hết sức sung sướng khi tìm được một công việc ở chợ phiên Morlaix.

Chàng ngốc Peronnik

Peronnik là một chàng ngốc chẳng có bà con thân thuộc gì cả, cậu sẽ chết đói nếu không nhờ có lòng tốt của bà con láng giềng vẫn thường cho cậu miếng ăn khi cậu hỏi xin. Còn về chỗ ngủ ư, khi đêm xuống và cơn buồn ngủ đến, cậu sẽ tìm một đồng rơm, khoét một lỗ rồi chui vào trong như một con thằn lằn. Dù là một kẻ ngốc nghếch, cậu không lấy gì làm buồn lòng về điều đó và bao giờ cũng biết cách bày tỏ lòng biết ơn đối với những người đã cho mình miếng ăn vào lúc đói lòng. Cậu thường đứng lại, hát cho họ nghe. Cậu biết bắt chước tiếng hót của chim sơn ca hay đến nỗi không có ai phân biệt được đâu là tiếng của cậu đâu là tiếng của chim sơn ca.

Một hôm cậu lang thang trong một khu rừng suốt mấy giờ liền, khi chiều bắt đầu buông xuống cậu bỗng thấy như có kiến bò bụng. May thay, ở quãng rừng này cây cối đã thưa dần và cậu có thể nhìn thấy một nông trại nhỏ cách đây không xa. Peronnik đi thẳng về phía đó, trông thấy vợ một bác nông dân đang đứng ngoài cổng, tay cầm một cái tô lớn đựng thức ăn thừa của lũ con.

“Cháu đói quá, bác có gì cho cháu ăn không?” Peronnik ngỏ lời.

“Nếu cậu có thể thấy trong này có gì ăn được thì xin mời” bà đáp, chìa cái tô đựng đồ ăn thừa ra. Quả thật, chẳng còn gì nhiều để người ta có thể thọc muống vào. Nhưng Peronnik ăn rất ngon lành và nghĩ rằng mình chưa được nếm một cái gì ngon hơn thế.

“Món này được làm từ một thứ bột mì hảo hạng, trộn với loại sữa béo nhất và được nhào bằng đôi tay của một người đầu bếp cừ nhất nước,” cậu lẩm bẩm nói một mình nhưng người đàn bà đã nghe thấy.

“Thằng bé tội nghiệp này đến là khờ” bà lẩm bẩm trong miệng, “nó chẳng biết mình đang nói gì nữa. Nhưng mình sẽ cắt cho nó một lát bánh mới ra lò.” Khi bà đưa cho cậu miếng bánh, cậu ăn đến cả những mẩu vụn li ti và tuyên bố rằng, có lẽ chỉ có người thợ làm bánh của đức giám mục có

thể làm ra được một cái bánh ngon đến thế. Lời khen làm cho bà chủ sướng đến nỗi bà cho thêm cậu một khoanh bánh nữa cùng với một lát bơ để cậu trét lên. Trong lúc cậu bé vẫn đứng ăn ngoài cửa thì một hiệp sĩ mặc bộ áo giáp và mang một thanh gươm dài đi đến.

“Quý vị có thể chỉ đường cho tôi đến lâu đài Kerglas không?”

“Đến Kerglas? Chẳng lẽ tráng sĩ thực sự muốn đến chỗ ấy?” Người đàn bà kêu lên, mặt tái xanh tái mét.

“Phải và chỉ vì muốn đến đấy mà tôi đã phải ra đi từ một vùng đất xa xôi, rông rã suốt ba tháng trời không nghỉ, làm cho con ngựa này phải chạy đến kiệt sức.”

“Nhưng tại sao ngài lại muốn đến đấy?”

“Tôi đi tìm cái tô bằng vàng và cái giáo bằng kim cương giấu trong tòa lâu đài đó” tráng sĩ đáp và nghe đến đây Peronnik ngẩng đầu lên.

“Đó có phải là những vật có giá trị không?” cậu hỏi.

“Còn đắt giá và quý báu hơn cả các vương miện trên đời này,” người lạ mặt hào hứng đáp, “bởi vì cái tô vàng không những cung cấp cho cậu tất cả những món ngon vật lạ mà cậu có thể mơ ước, khi cậu uống nước đựng trong đó, nó còn chữa cho cậu bất cứ căn bệnh nào có thể nguy hiểm đến tính mạng. Hơn nữa nó còn có phép cải tử hoàn sinh nếu cậu chạm cái tô ấy vào môi người chết. Còn về chiếc giáo kim cương, nó có thể chặt được cả đá và kim loại.”

“Vậy những vật kì tuyệt đó thuộc về ai?” Peronnik hỏi giọng kinh ngạc.

“Về một pháp sư tên là Rogear, sống trong tòa lâu đài Kerglas,” người đàn bà đáp. “Hàng ngày, ông ta vẫn đi qua đây, cưỡi trên lưng một con ngựa đen tuyền có một con ngựa non chừng 13 tháng tuổi lẻo đẻo theo sau. Chẳng có ai dám đến gần thầy pháp vì ông ấy bao giờ cũng mang kè kè cây giáo bên người.”

“Đúng thế,” tráng sĩ nói, “nhưng may thay vẫn còn có một quy định không cho phép ông ta dùng ngọn giáo trong phạm vi tòa lâu đài. Ngay cái lúc ông ta bước vào lâu đài, cả tô vàng lẫn ngọn giáo sẽ được di chuyển đến một tầng hầm đen tối mà không có một chiếc chìa khóa nào có thể mở được cánh cửa. Và đó là nơi tôi muốn chiến đấu với pháp sư.”

“Ngài sẽ không bao giờ được đón chào đâu, thưa hiệp sĩ,” người đàn bà vừa nói vừa lắc đầu quày quật. “Có đến hàng trăm chàng trai dũng mãnh đã đi qua ngôi nhà này để đến đây, nhưng rốt cục chẳng có ai còn có ngày về.”

“Tôi cũng biết thế, bà chủ nhân hậu ạ,” tráng sĩ đáp, “nhưng người ta như tôi giống tôi, không có được lời chỉ dẫn của đạo sĩ Bluvet.”

“Đạo sĩ bảo ngài cái gì vậy?” Peronnik hỏi.

“Ngài bảo tôi rằng tôi sẽ phải qua một khu rừng có đủ những trò ma quái và những tiếng nói làm tôi hoảng sợ mà lạc đường. Đó chính là những hồn ma của những người đi trước tôi giờ đây lang thang không có chốn đi về, họ thật sự khốn khổ vì cái đói cái rét và bị kiệt sức.”

“Phải, giả sử ngài đi qua rừng an toàn, chuyện gì sẽ xảy ra?” Peronnik ngốc nghếch hỏi.

“À, sau đó tôi sẽ gặp một sơn thần bé nhỏ có một mũi kim lửa có thể đốt thành tro những gì chạm vào nó. Sơn thần này canh gác một cây táo mà tôi phải hái cho được một quả.”

“Còn sau đó?”

“Sau đó tôi sẽ gặp một bông hoa biết cười, được một con sư tử có cái bờm là những con rắn độc bảo vệ. Tôi cần phải hái được bông hoa này, sau đó đi đến cái hồ của những con rồng để chiến đấu với một người da đen. Hắn nắm trong tay một quả bóng sắt không bao giờ lạc đường, bao giờ nó cũng sẽ trở về với người sở hữu nó. Sau đó, tôi đến thung lũng khoái lạc, nơi những kẻ không chế ngự được những cám dỗ sẽ phải nằm lại đây phơi xương trắng xóa. Nếu tôi qua được những thử thách này tôi sẽ đến một

dòng sông chỉ có một chỗ có thể lội qua được, nơi đó có một người đàn bà áo đen ngồi đợi. Bà ta sẽ nhảy lên lưng ngựa, ngồi phía sau tôi và bảo tôi phải làm gì tiếp theo.”

Tráng sĩ dừng lại, người đàn bà lắc đầu.

“Ngài sẽ không có khả năng làm tất cả những chuyện đó,” bà nói. Nhưng hiệp sĩ nhắc bà nhớ rằng đó là vấn đề của những người anh hùng rồi phóng ngựa đi theo con đường người đàn bà chỉ.

Vợ bác nông dân thở dài, đoan cho Peronnik thêm một ít thức ăn nữa và chúc cậu ngủ ngon. Chàng ngốc đứng dậy ra về, vừa lúc đó cánh cổng mở ra, ông chủ trang trại bước vào.

“Tôi cần một cậu bé chăn đàn bò cho tôi,” ông vào đề ngắn gọn, “bởi vì thằng nhỏ làm việc cho tôi đã bỏ đi. Cậu có muốn ở lại đây làm việc này không?”

Dù Peronnik chỉ thích rong chơi và ngại làm việc, cậu nhớ lại những món ngon lành mà mình vừa được nếm và đồng ý ở lại.

Mặt trời vừa mới mọc cậu đã cẩn thận tập hợp đàn bò lại, lừa chúng đến một đồng cỏ tươi tốt nằm ven rừng rồi chặt cho mình một cây gậy bằng gỗ phi dùng để điều khiển đàn bò.

Công việc của cậu không dễ dàng như cậu nghĩ bởi vì lũ bò thường tản mát vào trong rừng, kiếm được con này về thì con khác lại xổng mất. Nhiều khi cậu phải lặn lội vào sâu trong rừng. Một lần chạy đi tìm một con bò đen khiến cho cậu bực bội, khó nhọc hơn tất cả những con khác, cậu nghe có tiếng vó ngựa và nhìn qua các kẽ lá cậu thấy pháp sư Rogear ngồi trên lưng con ngựa cái có một con ngựa non đi theo sau. Chiếc tô bằng vàng móc vào một sợi dây xích quàng quanh cổ, bàn tay hộ pháp nắm chặt chiếc giáo bằng kim cương phát ra những tia sáng chói lòa như mặt trời. Người và ngựa vừa đi khuất khỏi tầm nhìn thì chàng ngốc không sao tìm ra con đường ông ta vừa đi qua.

Chuyện cứ lặp đi lặp lại nhiều lần cho đến khi chàng ngốc quen với nhân vật này và không gặp khó khăn gì trong chuyện theo dõi ông ta. Nhưng cũng chính điều này đã khiến cho nỗi khát khao có được trong tay chiếc tô bằng vàng và ngọn giáo của cậu thêm mãnh liệt hơn.

Một buổi tối khi cậu đang một mình ngoài bìa rừng thì có một người đàn ông râu tóc bạc phơ dừng chân bên cạnh cậu. “Ông có muốn biết đường đi đến Kerglas không?” Cậu hỏi, còn người đàn ông thì đáp: “Ồ, lão biết rất rõ.”

“Và ông sẽ đến được đó mà không bị pháp sư giết chết chứ?” Peronnik kêu lên.

“Ồ, lão chẳng có gì phải sợ ông ta cả,” người râu bạc đáp, “lão chính là anh của Rogear, là phù thủy Bryak. Khi lão muốn đến gặp em, lão bao giờ cũng đi qua con đường này và kể cả khi không qua được khu rừng thiêng vì bị lạc lão có thể gọi con ngựa non đến dẫn đường cho lão.”

Vừa nói ông già vừa cúi xuống vẽ ba vòng tròn trên mặt đất lấm bầm mấy câu rất chậm mà Peronnik không thể nghe ra được. Đoạn ông ta nói thêm, giọng to hơn:

“Ngựa non, mày muốn tự do

Nhanh nhanh chạy đến cho ta gặp nào.”

Ngay lập tức con ngựa non hiện ra, vẫy đuôi rồi rít và nhảy cồm lên vui mừng. Lão phù thủy ném một sợi dây thòng lọng vào cổ con vật và nhảy lên lưng nó, phóng đi.

Peronnik không nói với ai về việc này, nhưng cậu hiểu rất rõ rằng nếu có bao giờ cậu đến được Kerglas, đầu tiên cậu phải bắt cho được con ngựa non vì nó biết rõ đường đi lối về. Nhưng thật đáng tiếc, cậu chẳng nhớ được một câu thần chú mà lão phù thủy đã đọc, cậu cũng không biết vẽ ba vòng tròn màu nhiệm, vì thế cậu phải nghĩ ra cách nào đó để bắt cho được con ngựa non. Suốt cả ngày trong lúc đi chăn đàn bò, cậu cứ nghĩ đi nghĩ lại mãi về

chuyện này, cảm thấy rằng một khi đã ngồi lên lưng ngựa rồi cậu sẽ vượt qua được những nguy hiểm khác. Cậu chuẩn bị sẵn sàng để chờ thời cơ và cậu làm những việc này vào ban đêm, trong lúc mọi người đang ngủ. Nhớ lại những gì mà cậu đã thấy lão phù thủy làm, cậu kết một sợi dây thòng lọng và treo ở một góc chuồng bò, một sợi dây thừng để trói chân ngựa và một cái lưới dùng để bẫy chim. Việc tiếp theo là khâu mấy miếng vải bố với nhau thành một cái túi, rồi cậu cho vào đấy keo dính và lông chim thiên chiện, một chuỗi hạt, một cái còi làm bằng gỗ già, một lát bánh mì bóp nát trộn với mỡ heo muối. Sau đó cậu đi theo con đường mà pháp sư Rogear cùng hai con ngựa ngày nào cũng đi qua, vừa đi vừa rải vụn bánh mì một bên lề đường.

Chính xác đến từng phút, cả ba xuất hiện và Peronnik trốn trong một bụi rậm, chăm chú quan sát. Giả sử cách này chẳng có tích sự gì, giả sử cả con ngựa cái lẫn ngựa non đều không màng đến vụn bánh mì? Nhưng mà không, con ngựa cái và ông chủ của nó lững thững đi qua, biến mất sau một lối rẽ, trong khi con ngựa non cúi đầu xuống sát đất, hít hít mấy cái và bắt đầu tham lam ăn từng miếng bánh. Chao ôi bánh mới ngon lành làm sao! Chưa có ai từng rải những mẩu bánh như vậy và con ngựa non nót hoàn toàn chú mục vào việc tìm thêm những miếng bánh vụn khác nên không nghe thấy tiếng động sột soạt. Chàng ngốc bò ra khỏi bụi rậm, tròng sợi dây vào cổ nó và quăng một sợi dây trói quanh chân nó đó. Và thế rồi thoát một cái, một kị sĩ nhảy lên lưng nó.

Phi nhanh như bộ vó mảnh khảnh bị tròng dây cho phép, con ngựa non rẽ vào một khu vực rộng nhất trong rừng, trong khi người kị sĩ trên lưng nó run bắn cả người khi thấy cảnh tượng trước mặt. Đôi khi mặt đất dường như mở ngoác cái miệng ra trước mắt họ và cậu bé nhìn xuống một cái hố sâu không đáy, thỉnh thoảng cậu lại gặp các thân cây bốc cháy rừng rục như những bó đuốc và cậu thấy mình trong một biển lửa. Thường thì họ phải vượt qua những dòng thác hung dữ, nước chồm lên đe dọa cuốn cả người lẫn ngựa. Lại nữa, khi họ đến chân một ngọn núi, những tảng đá lớn từ trên đỉnh lăn xuống như thể chúng chỉ muốn nghiền nát cả người lẫn ngựa dưới

sức nặng của nó. Cho đến ngày chết, Peronnik cũng không bao giờ biết rõ được đó là những điều đã xảy ra hay cậu chỉ tưởng tượng. Cậu kéo cái mũ len xuống che mắt, hoàn toàn tin vào con ngựa non, cứ để nó đưa cậu đi đâu thì đi.

Cuối cùng khu rừng cũng bị bỏ lại phía sau, họ đến một trảng rừng thưa nơi không khí trở nên trong lành, mát rượi. Chàng ngốc mạnh dạn hé mắt nhìn ra, nhẹ người thấy rằng khu rừng ma quái đã chấm dứt, mặc dù vậy cậu vẫn rùng mình ớn lạnh khi thấy những bộ xương người nằm rải rác trên mặt đất, cạnh những bộ xương ngựa. Và những cái bóng xám đang chạy ở phía xa kia là cái gì vậy? Có phải là... có lẽ nào họ lại là ma sói?

Vạt rừng rộng, dầu vậy, có vẻ rất đơn điệu không phải là một đoạn đường dài. Chẳng bao lâu sau con ngựa non đã đi vào một vườn cây sum suê tỏa bóng trong đó có mọc một cây táo, cành sà thấp xuống sát đất với vô số quả chín mọng. Đứng trước cây táo trĩu quả là một Korigan – một sơn thần bé nhỏ – lăm lăm trên tay một thanh gươm sáng loáng, sẵn sàng biến thành tro tất cả những gì chạm đến cây táo. Nhìn thấy Peronnik, sơn thần hét lên một tiếng dữ tợn, vung thanh gươm lên hùng hổ nhưng chàng ngốc chẳng hề tỏ vẻ ngạc nhiên chỉ giở chiếc mũ lên, cúi chào, nói cho đúng thì cậu cũng giữ một khoảng cách an toàn với người này.

“Đừng sợ, thưa hoàng tử,” Peronnik cung kính nói, “tôi đang trên đường đến lâu đài Kerglas, chả là ngài Rogear cao quý đã có lời mời tôi đến gặp ngài bàn chuyện làm ăn ấy mà.”

“Mời người tới,” người lùn lặp lại “vậy người là ai mới được chứ?”

“Tôi là người đầy tớ mà ngài mới thuê, chắc hoàng tử cũng biết rõ.”

“Ta chẳng biết gì hết,” sơn thần sa sầm nét mặt nói, “theo chỗ ta biết, người có thể là một tên cướp lăm.”

“Tôi xin lỗi,” Peronnik nhũn nhặn cúi đầu nói, “có thể tôi đã không đúng khi gọi mình là đầy tớ, bởi vì thực ra tôi là người bẫy chim. Xin hoàng tử đừng cản đường tôi bởi vì pháp sư Rogear thần thông quảng đại đang chờ

tôi. Hoàng tử thấy đấy ngài đã cho tôi mượn con ngựa non để tôi có thể đi đến tòa lâu đài nhanh chóng hơn.”

Nghe đến đây, lần đầu tiên, Korigan đưa mắt xuống nhìn con ngựa non mà hẳn biết rất rõ rằng nó thuộc về pháp sư. Có lẽ chàng trai trẻ này nói thật chẳng? Sau khi xem xét con ngựa, người lùn lại soi mói nhìn người cười, một thanh niên ngây thơ, thật ra thì lại có vẻ ngờ nghệch, ngốc nghếch, không có cái vẻ có thể bịa chuyện. Nhưng người lùn vẫn chưa cảm thấy yên tâm cho lắm bèn hỏi xem pháp sư cần một kẻ bẫy chim để làm gì.

“Theo những gì mà ngài nói thì ngài cần một người như thế ghê lắm.” Peronnik đáp, “vì rằng ngài nói tất cả ngũ cốc và cây trái trong vườn của ngài đều bị lũ chim ăn sạch.”

“Vậy làm thế nào mà người anh em có thể ngăn chặn được việc này?” Korigan hỏi. Peronnik chìa ra chiếc lưới bắt chim mà cậu đã chuẩn bị sẵn, nhấn mạnh rằng không một con chim nào có thể trốn thoát cái lưới này.

“Đó chính là điều ta muốn thử trước xem sao,” Korigan đáp, “những trái táo quý báu của ta bị lũ chim đen và chim hét chén sạch. Giăng lưới ra, nếu người có thể bắt được chúng, ta sẽ để cho người đi qua đây.”

“Đó là một cuộc trao đổi công bằng,” Peronnik nói, nhảy xuống đất, cột con ngựa vào một gốc cây, đoạn cậu giăng một đầu lưới dưới gốc cây táo, nhờ người lùn giữ đầu lưới bên kia trong lúc cậu lôi ra một cái chốt. Người lùn làm theo lời cậu, bất thành lình Peronnik quăng thòng lọng, thít chặt vào cổ người lùn và người này bị tóm gọn như con chim nằm trong lưới.

Vùng vẫy và la hét như điên, người lùn cố thoát ra khỏi sợi dây thừng nhưng chỉ làm cho nó thít chặt hơn. Hẳn phải buông lưới gờm xuống đất trong khi Peronnik khéo léo giữ chặt đầu lưới bên kia sao cho cậu có thể dễ dàng hái một quả táo và nhảy lên lưng ngựa mà không bị sơn thần lùn cản trở vì cậu quyết định để mặc hẳn cho số phận xử lý.

Sau khi bỏ lại sau lưng trắng rừng thưa, Peronnik và con ngựa đi đến một thung lũng hẹp có mọc um tùm nhiều loài cây, tất cả đều tỏa hương thơm

ngát – hoa hồng đủ màu sắc, hoa đậu chồi vàng ươm, hoa kim ngân hồng tươi – nhưng nổi bật hơn tất cả và vươn lên như một ngọn tháp là một bông hoa păng xê đỏ rực, tuyệt đẹp, có một vẻ gì rất kì lạ. Đó là bông hoa – cười, không có ai trông thấy nó mà lại không thấy lòng hân hoan chỉ muốn cười. Trái tim Peronnik đập thành thịch, cậu biết rằng mình đã qua được thử thách thứ hai, và cậu bình tĩnh liếc nhìn con sư tử có cái bờm và vô số con rắn độc đang vẩy đầu, ngoáy đuôi còn bản thân sư tử thì bệ vệ đi đi lại lại trước lùm cây.

Chàng trai bước lại gần, bỏ mũ ra vì mặc dù ngốc nghếch cậu cũng hiểu rằng khi tiếp xúc với một người mạnh hơn mình, cái mũ sẽ có ích khi nằm trên tay bạn chứ không phải trên đầu bạn. Rồi sau khi trịnh trọng hỏi thăm sức khỏe và bày tỏ ước muốn sư tử và gia đình gặp được những điều may mắn, tốt đẹp, Peronnik hỏi xem có phải cậu đang đi đúng con đường dẫn đến Kerglas không.

“Nhà người có việc gì ở Kerglas?” Sư tử hỏi với một tiếng gầm, nhe cả hai hàm răng dữ tợn.

“Chỉ để bày tỏ lòng ngưỡng mộ,” Peronnik đáp, vờ sợ hãi, “tôi là đầy tớ của một mệnh phụ vốn là bạn của ngài Rogear rất mực cao quý, tôi có nhiệm vụ trao tận tay ngài mấy con chim chiền chiện để làm món chả nướng.”

“Chim chiền chiện!” Sư tử kêu lên, liếm mép. “Có đến hàng trăm năm rồi ta chưa hề thấy một con nào! Chẳng lẽ người mang rất nhiều chim đến đây!”

“Nhiều như cái bị này cho phép đấy ạ.” Peronnik đáp, hé mở cái bị mà cậu nhét vào đấy đầy lông chim và keo dán. Để chứng minh điều mình nói, cậu xoay lưng về phía sư tử nhại lại khúc hát của con chim chiền chiện.

“Đâu đưa đây,” sư tử rít kêu lên, nước miếng ứa ra trong miệng “cho ta coi mấy con chim nào! Ta cần biết chắc xem nó có đủ mập đối với ông chủ của ta không?”

“Tôi rất vui sướng được làm thế,” chàng ngốc đáp, “nhưng nếu tôi mở to miệng túi, lũ chim sẽ bay hết ra ngoài mất.”

“Được, vậy thì chỉ cần mở vừa đủ để ta liếc nhìn vào thôi.”

Cho đến lúc này mọi việc đều diễn ra như chàng ngốc đã hi vọng, thế là cậu chìa cái túi ra trong khi con sư tử cẩn thận mở rộng miệng túi rồi chui tọt đầu vào để có thể chỉ một miếng mà đớp hết những con chim béo núc ngon lành. Nhưng đám lông chim và keo dán đã dính chặt vào mặt nó và trước khi nó có thể chui đầu ra, Peronnik đã thít chặt sợi dây thòng lọng quanh cổ nó rồi buộc chặt nút mà không một ai có thể cởi ra được.

Nhanh nhẹn hái bông hoa cười, chàng ngốc vội vã phóng đi như con ngựa có thể bay trên đôi chân của nó.

Chẳng bao lâu con đường dẫn đến cái hồ do những con rồng canh giữ mà Peronnik sẽ phải vượt qua. Con ngựa non đã quen với việc này, nhảy tùm ngay xuống nước không để phí một giây do dự. Nhưng chẳng mấy chốc bầy rồng đã phát hiện có kẻ xâm nhập, không biết từ đâu chúng kéo đến mỗi lúc một đông hòng ăn sống nuốt tươi cả người lẫn ngựa.

Lần này Peronnik không mất công ngả mũ chào làm gì, cậu ném chuỗi hạt mang theo người xuống nước như cái cách bạn ném hạt bắp đen cho vịt và hễ nuốt phải hạt nào là có một con rồng quằn quại giãy giụa và chết ngay. Nhờ thế chàng ngốc sang được bờ bên kia mà không gặp khó khăn gì.

Qua khỏi hồ một đoạn Peronnik thấy trước mặt một thung lũng rộng mênh mông vốn do một người da đen canh giữ. Từ xa cậu đã thấy người này, một chân bị xích vào một tảng đá ở ngoài cổng, một tay nắm chặt quả cầu sắt không khi nào mất dấu, bao giờ cũng sẽ trở về trong tay chủ nó.

Người da đen có 6 con mắt, không lúc nào cùng nhắm một lúc, bao giờ cũng có một con mắt mở ra quan sát. Vào lúc này cả 6 con mắt đều mở và Peronnik biết rõ rằng nếu người da đen trông thấy cậu, hẳn sẽ ném quả bóng về phía cậu. Vì thế, sau khi giấu con ngựa vào trong một bụi cây rậm

rạp, cậu bò dọc theo một cái hào và lên đến sau tảng đá lớn mà người da đen bị xích vào.

Trời hôm ấy rất oi ả, chỉ một lúc sau, người đàn ông bắt đầu gà gât. Hai con mắt nhắm lại. Peronnik cất tiếng hát một khúc nhạc êm tai, dịu ngọt. Con mắt thứ ba khép lại. Peronnik lại tiếp tục hát, còn nhẹ nhàng êm dịu hơn. Mí mắt của con mắt thứ tư trĩu xuống rồi cả con mắt thứ năm thứ sáu đều díp cả lại. Người da đen chìm vào một giấc ngủ sâu.

Chỉ chờ có thế, chàng ngốc rón rén đi trên đầu ngón chân lên đến chỗ giấu ngựa rồi cậu khéo léo dắt ngựa đi qua một thảm rêu xanh mượt, vượt qua chỗ người da đen, đi vào thung lũng của niềm vui, một vườn địa đàng mọc đầy những loại cây. Quả sai trĩu cành, vàng mọng, lung lẳng mời gọi bạn, những vòi phun nước phun ra thứ rượu quý được ủ lâu năm và chỗ nào cũng nở đầy những loài hoa đang rì rào ca hát bằng cái giọng mượt mà ấm áp của chúng. Xa hơn là những chiếc bàn chất đầy thức ăn, các cô gái xinh đẹp đang nhẹ nhàng uốn lượn những thân hình mềm mại theo điệu múa, mỉm cười mời gọi cậu tham gia trò chơi với họ.

Peronnik nghe tiếng mời chào tha thiết của họ, không hề nhận ra là cậu đã bất giác ghìm cương khiến ngựa đi chậm lại. Cậu háo hức hít hít mùi vị ngon lành của đủ các loại thức ăn và ngهن cổ lên để nhìn các vũ nữ cho rõ hơn. Chỉ một tích tắc nữa là cậu đã dừng ngựa lại và để mình lạc mất đường đi lối về. Nhưng bất thành lình chiếc tô vàng và ngọn giáo kim cương hiện lên trong óc cậu. Rút chiếc còi gỗ từ trong túi áo ra, cậu phồng miệng thổi thật to, tiếng còi lanh lảnh át hẳn những khúc nhạc mê li của những đóa hoa, cậu lấy những mẫu bánh vụn còn lại trong túi ra ăn để xua tan nỗi thèm khát những trái cây chín mọng trong vườn địa đàng. Đôi mắt cậu cảm xuống nhìn đôi tai ngựa để không phải thấy các cô gái xinh đẹp.

Cứ như thế cậu ra khỏi vườn địa đàng và cuối cùng cậu cũng đến được tòa lâu đài Kerglas. Nhưng trước mặt cậu là một con sông chảy xiết, chỉ có một khúc cạn có thể lội qua. Có một người phụ nữ ngồi đợi ở đây như chàng hiệp sĩ đã bảo cậu không? Phải, chắc chắn là có rồi và bà ta đang

ngồi trên một tảng đá, mặc một chiếc váy xa tanh đen. Bà có nước da và dáng điệu của một phụ nữ người Moore. Chàng ngốc thúc ngựa đến gần, bỏ mũ ra cúi chào lịch thiệp hơn bao giờ hết, đoạn hỏi xem người đàn bà có muốn đi qua sông không?

“Ta đang đợi cháu đến giúp ta đây. Lại gần đây để ta nhảy lên ngồi sau lưng cháu.”

“Cháu có biết cách giết chết pháp sư không?” Người đàn bà hỏi khi họ lội qua khúc sông cạn.

“Cháu nghĩ rằng là một pháp sư ông ta là người không bao giờ chết vì vậy không ai có thể giết được ông ta.”

“Hãy thuyết phục hăn ăn quả táo này, hăn sẽ chết ngay, và nếu như điều đó cũng vẫn chưa đủ ta chỉ cần chạm một ngón tay vào người hăn, vì ta chính là bệnh dịch.”

“Nhưng nếu cháu giết ông ta thì cháu làm thế nào để lấy được cái tô vàng và giáo kim cương giấu trong tầng hầm lâu đài trong khi không có chìa khóa?”

“Bông-hoa-cười sẽ mở được tất cả các cánh cửa và thắp sáng tầng hầm,” người đàn bà nói. Cũng lúc đó họ đã sang được bờ bên kia và tiến về phía tòa lâu đài sừng sững trước mặt.

Ngay trước lối đi vào lâu đài là một cái lều vải được dựng lên với những cây sào, trong lều chính là pháp sư khổng lồ đang ngồi sưởi nắng. Vừa nhìn thấy con ngựa non đi tới mang trên lưng Peronnik và người đàn bà áo đen, hăn đã ngẩng đầu lên, hét vang như sấm rền:

“Cái gì thế này... thằng ngốc... cười con ngựa 13 tháng tuổi của ta!”

“Chào pháp sư kì tài nhất trong các pháp sư, ngài nói đúng đấy ạ.” Peronnik lễ phép đáp.

“Vậy làm sao người có thể bắt được nó.”

“Dạ thưa, chỉ bằng cách lập lại câu thần chú mà kẻ bầy tôi này học được của anh ngài, phù thủy Bryak ở bìa rừng ạ. Tôi chỉ cần đọc:

“Ngựa non mà muốn tự do

Nhanh nhanh chạy đến cho ta gặp nào.”

là nó đến ngay lập tức.”

“VẬY... vậy người biết anh trai ta? Nói cho ta biết tại sao Bryak lại bảo người đến đây.”

“Dạ thưa, chỉ để mang biểu ngài hai món quà mà anh ngài có được từ đất nước của người Moore,” Peronnik kính cẩn đáp, “đó là quả táo của niềm vui sướng và người đàn bà phục tùng. Nếu ngài xơi quả táo này ngài sẽ không còn ao ước điều gì trên đời này nữa và nếu ngài đồng ý để người đàn bà này làm đầy tớ cho ngài thì trên đời này chẳng còn điều gì khiến ngài mong ước nữa.”

“Nếu vậy hãy đưa quả táo cho ta và bảo người đàn bà này xuống ngựa đi,” Rogear ra lệnh.

Chàng ngốc sẵn sàng làm theo. Mới cắn miếng táo đầu tiên người khổng lồ đã lão đảo, đứng không vững nữa và khi ngón tay dài màu vàng vàng của người đàn bà chạm vào thì hấn ngã xuống đất, chết thảng thảng.

Để pháp sư năm đó, Peronnik nhanh nhẹn bước vào tòa lâu đài, mang theo bông-hoa-cười. Năm mươi cánh cửa mở ra trước mắt cậu. Cuối cùng cậu đi đến một cầu thang dài hình như dẫn cậu vào sâu trong lòng đất. Đi mãi, đi mãi cuối cùng cậu thấy trước mặt một cánh cửa bằng bạc không có then cài hoặc khóa gì cả. Đến đây cậu giơ cao bông-hoa-cười lên trên đầu, cánh cửa từ từ bật mở, phơi ra trước mắt cậu một cái hang sâu thẳm nhưng sáng trưng như giữa ban ngày nhờ ánh sáng từ chiếc tô vàng và cây giáo kim cương. Chàng ngốc hấp tấp chạy lên cầu thang, chiếc tô vàng đeo trên cổ nhờ có sợi dây xích gắn vào, chiếc giáo trứ danh cầm trên tay. Cậu vừa cầm lấy cây giáo thì mặt đất đã rung chuyển dưới chân và với một cái vạn

mình dữ dội cả tòa lâu đài biến mất, Peronnik thấy mình đang đứng gần khu rừng nơi cậu vẫn dẫn đàn bò đến đây gặm cỏ.

Mặc dầu nền trời mỗi lúc một tối lại, Peronnik không nghĩ đến chuyện quay về nông trại mà đi theo con đường dẫn đến nơi đóng đô của công tước xứ Britany. Khi đi ngang qua thành phố Vanner, cậu dừng lại ở một hiệu may, sắm một bộ triều phục bằng nhung nâu và một con ngựa trắng như tuyết với một năm tiền vàng mà cậu nhặt được ở hành lang lâu đài Kerglas. Từ đây cậu tìm đường đến xứ Nontes vào lúc ấy đang trong vòng vây của người Pháp.

Đi được một đoạn đường, cậu dừng lại, đưa mắt nhìn quanh. Cả một vùng đất kéo dài hết dặm đường này đến dặm đường khác hoàn toàn trơ trọi vì quân thù đã chặt không còn một ngọn cây, đốt trụi không còn một cọng cỏ và mặc dù ngốc nghếch, Peronnik vẫn biết được là bên trong các cánh cổng của các ngôi nhà ven đường là những người chết vì đói. Cậu vẫn còn đang bàng hoàng trước cảnh tượng hoang tàn thì một người cầm cờ hiệu, thổi kèn trumpet hiện ra. Sau một hồi kèn cấp bách, khẩn trương, người này thông báo công tước sẽ truyền ngôi vị cho ai đánh đuổi được quân xâm lược Pháp.

Sau khi nghĩ sứ giả loan tin như thế là đủ, Peronnik phóng ngựa tiến đến gần người này, nói:

“Anh không cần thổi kèn nữa, bởi vì chính tôi sẽ ra tay giết giặc ngoại xâm.”

Nói xong chàng phóng ngựa như bay về tên lính đầu tiên, tay giơ cây giáo lên. Cây giáo màu nhiệm vừa chạm vào người hấn đã lộn khỏi lưng ngựa chết không kịp ngáp. Những người đi theo cậu đứng ngây người, kinh ngạc. Chiếc áo giáp của người lính vẫn còn nguyên vẹn nhưng mà rõ ràng người ấy đã hồn lìa khỏi xác như thể anh ta bị một phát trúng tim. Nhưng trước khi họ hoàn hồn lại Peronnik đã kêu lên:

“Mọi người thấy kẻ thù của tôi sẽ chịu số phận như thế nào, còn bây giờ thì hãy nhìn xem tôi có thể làm gì cho bạn bè.” Nói đoạn, cậu cúi xuống, chạm cái tô vàng vào môi người chết, người này lập tức đứng dậy, khỏe mạnh hơn bao giờ hết. Peronnik nhảy phắt lên lưng ngựa, phóng qua chiến hào, tiến về phía trước, công thành chọt mở rộng cả hai cánh để đón cậu.

Tin tức về những chuyện kì lạ này nhanh chóng lan đi khắp thành phố làm cho dân trong thành lấy lại được tinh thần thượng võ và ai nấy đều tuyên bố họ sẵn sàng chiến đấu dưới ngọn cờ của chàng thanh niên lạ mặt. Vì chiếc tô thần đã cứu được tất cả những người đã chết, chẳng bao lâu Peronnik có một đội quân đủ đông và mạnh để đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi và hoàn thành lời hứa của cậu với những người ngay sau đó đã trở thành thần dân trung thành của cậu.

Còn về chiếc tô và cây giáo thần, không ai biết chuyện gì đã xảy ra với những thứ đó. Nhưng có lời đồn rằng phù thủy Bryak đang cố chiếm đoạt lại và bất cứ ai muốn sở hữu hai vật báu đó đều phải làm những điều như Peronnik đã làm.

Hoàng tử và ba số phận

Ngày xưa có một ông vua trị vì một vương quốc rộng lớn có một con sông rộng chảy qua. Vào một ngày kia đứa con trai hăng mong đợi của ngài chào đời. Nhà vua gần như phát điên lên vì vui sướng, bởi vì ước mơ lớn nhất của ông là sinh ra được một đứa con trai để kế vị ngai vàng. Nhà vua gửi sứ giả đi mời tất cả những nàng tiên quyền phép nhất trong vương quốc đến chào mừng hoàng nam. Chỉ trong vòng một hoặc hai giờ đã có rất nhiều bà tiên vây quanh nô và cậu bé dường như có nguy cơ bị chết ngạt. Đức vua luôn để mắt đến các bà tiên, cảm thấy lo lắng khi họ có vẻ buồn bã.

Các bà tiên nhìn vua, đồng loạt lắc đầu.

“Đó là một cậu bé kháu khỉnh nhưng thật đáng tiếc, cái gì xảy ra sẽ xảy ra,” họ nói. “Theo mệnh trời được viết trong sách thì cậu bé phải chết không phải do chó cắn thì cũng do cá sấu hoặc rắn độc. Nếu có thể cứu được cậu chúng tôi sẽ cố sức nhưng mà điều này ngoài khả năng chúng tôi.”

Nói xong họ biến mất.

Vua đứng lặng hồi lâu, hồn bay phách lạc trước những gì nghe được. Nhưng là một người rất lạc quan, vua bắt đầu tìm đủ mọi kế để cứu hoàng tử khỏi số mệnh thảm khốc đang chờ ở phía trước. Ngài lập tức truyền lệnh gọi viên quan phụ trách nội cung, ra lệnh cho ông ta xây một tòa lâu đài kiên cố và trang bị tất cả những món đồ đặc đẹp nhất từ cung điện của ngài, trong đó không thể thiếu các loại đồ chơi cho một đứa trẻ. Tòa lâu đài đó cũng tựa như một pháo đài, bốn mặt đều có tháp canh và đám lính canh gác suốt ngày cũng như đêm.

Hoàng tử sống 4, 5 năm trong tòa lâu đài với những người phục vụ chỉ có một chiếc cầu rút nổi họ với thế giới bên ngoài. Một hôm, khi hoàng tử đủ tuổi để có thể chạy chơi một mình, cậu nhìn thấy bên kia hào nước một bộ lông trắng như bông của một chú cún đang nhảy lên nhảy xuống thật đáng

yêu. Tất nhiên, tất cả lũ chó đều không được phép đến gần hoàng tử vì sợ lời tiên đoán của các bà tiên thành sự thật, vì vậy mà cậu chưa bao giờ trông thấy một con chó. Thế là cậu bé quay sang tên thị đồng đang đi bên cạnh, hỏi:

“Cái vật bé nhỏ trông đến buồn cười đang chạy nhảy kia là cái gì vậy?”

“Đó là con chó, thưa hoàng tử.”

“Vậy hãy mang đến cho ta một con như thế để ta xem giữa ta và nó, ai chạy nhanh hơn.” Và cậu bé cứ đứng đấy nhìn theo cho đến lúc con chó biến mất.

Thị đồng bối rối không biết phải làm gì. Anh ta được lệnh không được phép từ chối hoàng tử bất cứ điều gì, tuy vậy anh vẫn nhớ lời tiên đoán và cảm thấy đây là một vấn đề rất nghiêm trọng. Cuối cùng, anh nghĩ tốt nhất là nên tâu chuyện này với vua để ngài tự quyết định. “Được, cứ tìm cho hoàng tử một con chó con, khi hoàng tử yêu cầu,” vua phán “nếu không hoàng tử sẽ khóc hết nước mắt.” Thế là người ta mang đến cho cậu bé một con cún, giống hệt cái con cậu nhìn thấy hôm trước, có lẽ đó là hai con chó sinh đôi, thật thế.

Năm tháng vùn vụt trôi qua, cậu bé và con chó quấn quýt bên nhau cho đến khi cậu trở thành một thanh niên cao lớn, cường tráng. Rồi cũng đến lúc chàng tìm đến vua cha chất vấn:

“Tại sao phụ vương lại nhốt con ở đây, ăn không ngồi rồi? Con đã biết rõ chuyện lời tiên đoán vào ngày con ra đời, nhưng con thà chết ngay còn hơn sống một cuộc sống nhàn hạ vô nghĩa như thế này. Xin phụ vương hãy cho con vũ khí và để cho con ra đi – con và con chó của mình.”

Cả lần này nữa nhà vua cũng hiểu nguyện vọng của con. Thế là người và chó được mang lên một con tàu chở sang bờ bên kia dòng sông rộng mênh mông gần như biển cả. Có một con ngựa đen tuyền đang cột vào một gốc cây đứng đợi chàng. Hoàng tử nhảy lên mình ngựa và cưỡi đi đến bất cứ chỗ nào mà trí tưởng tượng dẫn dắt chàng đi, với con chó lúc nào cũng theo

sát gót chủ. Chưa bao giờ hoàng tử cảm thấy hạnh phúc như thế. Chàng cứ đi, đi mãi cho đến khi tới cung điện của một ông vua nọ.

Ông vua này chỉ sống trong cung cấm mà không buồn ngó ngàng đến việc nước và cho rằng tất cả thần dân của mình đều có một cuộc đời vui vẻ, mãn nguyện. Ông dành hết thời gian của mình vào việc làm ra những câu đố và nghĩ ra nhiều cách để ông có thể ở một mình. Vào lúc mà hoàng tử đến kinh thành thì vua vừa cho hoàn thành một lâu đài cho người con duy nhất – một công chúa. Lâu đài có 70 cửa sổ, mỗi cửa sổ cách mặt đất 70 phút [1] và ông cho người đi loan báo đến cả các nước láng giềng là kẻ nào trèo qua được bức tường, đến đúng cái cửa sổ công chúa ngồi, kẻ ấy sẽ trở thành phò mã.

Tiếng đồn về sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành của công chúa đã lan đi rất xa và không thiếu gì những hoàng tử muốn thử vận may. Quang cảnh tòa lâu đài vào một buổi sáng thật buồn cười với những khối màu sắc khác nhau bám lên bức tường bằng đá hoa cương trắng. Đó là những chàng hoàng tử đang cố sức leo tường đến chỗ công chúa ngồi. Mặc dù có một số người trèo cao hơn những người khác, nhưng chẳng có ai đến được đích.

Đám người cầu hôn đã làm như thế được vài ngày thì chàng hoàng tử của chúng ta đi đến. Bởi vì chàng rất điển trai, tác phong lại hòa nhã, đáng mến nên người ta mời chàng vào khu nhà dành cho những vương tôn công tử, đổ bồn nước thơm cho chàng tắm sau một chặng đường dài.

“Tráng sĩ từ đâu tới?” Cuối cùng họ hỏi. “Tráng sĩ là con ai?” Nhưng hoàng tử có đủ lí do để giữ gìn bí mật của mình nên chàng đáp:

“Cha tôi chỉ là người quản ngựa trong hoàng cung ở đất nước tôi và sau khi mẹ tôi qua đời đã cưới một người khác. Đầu tiên mọi việc rất tốt đẹp nhưng chẳng bao lâu sau, kế mẫu có con và bà đâm ra thù ghét tôi. Thế là tôi bỏ nhà ra đi, tránh không cho bà ta làm hại.”

Những người cầu hôn trẻ tuổi cảm thương khi nghe chuyện và họ làm tất cả những điều có thể nghĩ ra để khiến chàng trai quên đi mối sầu riêng.

“Mọi người đang làm gì ở đây vậy?” Một hôm hoàng tử hỏi.

“Chúng tôi suốt ngày chỉ trèo lên bức tường tòa lâu đài kia để có thể leo lên cửa sổ nơi công chúa ngồi,” các chàng trai đáp, “nhưng cho đến bây giờ không có ai trong chúng tôi đến được độ cao cách cửa sổ 10 phút.”

“Ồ tôi cũng muốn thử một phen,” hoàng tử kêu lên, “nhưng ngày mai tôi sẽ đợi xem mọi người làm thế nào, trước khi tôi vào cuộc.”

Thế là ngày hôm sau, chàng hoàng tử đứng ở một vị trí có thể nhìn thấy tất cả mọi người, chàng ghi nhớ những chỗ khó leo nhất và quyết định đến lượt mình, chàng sẽ tìm một cách khác.

Ngày qua ngày chàng quan sát cố gắng của những người cầu hôn cho đến một hôm khi cảm thấy mình đã thuộc nằm lòng đặc tính của các bức tường, chàng quyết định nhập cuộc. Vì chàng đã học được đôi điều từ thất bại của những người khác, chàng cố gắng bám chặt lấy những cái gì khó nhận ra với những đôi mắt không tập trung. Cuối cùng trước sự ngạc nhiên, ghen tị của các bạn, chàng đã đứng lên được bệ cửa sổ nơi công chúa ngồi. Từ dưới nhìn lên họ thấy một bàn tay trắng treo chìa ra kéo chàng vào.

Sau đó một trong những người cầu hôn chạy đến cung vua, thông báo. “Bức tường đã được chinh phục, và phần thưởng đã có người đoạt được.”

“Ai vậy?” Vua kêu lên, nháy ra khỏi ngai vàng. “Trẫm có thể tuyên bố hoàng tử nào trở thành phò mã của trẫm đây?”

“Chàng trai trèo lên cửa sổ của công chúa hoàn toàn không phải là một hoàng tử,” người đưa tin đáp. “Đó là con của người quản mã trong hoàng cung một vương quốc bên kia dòng sông lớn. Chàng ta rời bỏ đất nước là để trốn thoát sự đối xử tệ bạc của người mẹ kế.”

Nghe thấy thế, vua lấy làm phẫn nộ lắm, bởi vì chưa bao giờ vua thoáng có ý nghĩ là có một tên hạ lưu nào đó chứ không phải là một hoàng tử có thể sánh duyên cùng công chúa.

“Đuổi hẳn về cái nơi mà hẳn từ đó ra đi,” vua giận dữ hét lên, “chẳng lẽ hẳn lại nghĩ ta mà đi gả con gái cho một kẻ tha phương cầu thực.” Trong lúc điên tiết vua đập vỡ cả những bình rượu quý. Thực ra, ngài làm cho chàng trai trẻ sợ hết hồn nên đã ba chân bốn cẳng chạy đến chỗ bạn bè thông báo những điều vua vừa nói.

Lúc bấy giờ nàng công chúa đang đứng trên lầu cao nhìn xuống nên nghe thấy hết. Nàng bảo người đưa tin đến thưa với vua rằng nàng thề độc sẽ không ăn không uống nếu bị ngăn cản mối lương duyên. Vua còn điên tiết hơn nữa khi nhận được lời đe dọa bèn ra lệnh cho ngự lâm quân lập tức đến tòa lâu đài của công chúa giết chết người cầu hôn thẳng cuộc. Nhưng công chúa đã lao vào đứng giữa chàng trai và những kẻ định giết chàng.

“Chỉ cần các người đặt một ngón tay lên người chàng là ta sẽ quyên sinh trước khi mặt trời lặn,” nàng tuyên bố rất đanh thép khiến quân ngự lâm đành phải rời lâu đài về kể lại câu chuyện cho phụ vương nàng.

Vào lúc này thì cơn giận của vua đã lắng xuống, ngài bắt đầu cân nhắc xem thần dân của ngài sẽ nghĩ gì nếu ngài phản bội lời hứa mà mình đã công khai trước bàn dân thiên hạ. Thế là ngài ra lệnh mang công chúa và chàng trai trẻ vào cung. Khi họ cùng tiến vào cung, vẻ cao quý, vương giả của người chiến thắng đã làm cho cơn giận của vua hoàn toàn tan biến. Ngài chạy lên trước ôm chàng trai thăm thiết.

“Cho trẫm biết người là ai?” Vua hỏi khi đã trở lại phong thái của một ông vua, “bởi vì trẫm không bao giờ có thể tin là trong huyết quản của người không có dòng máu vương giả.”

Nhưng hoàng tử với những lí do riêng của mình vẫn không tiết lộ danh tính, chỉ nói đúng cái điều chàng đã nói trước đó. Tuy vậy, nhà vua thông cảm cho ý nguyện của chàng trai và ngài không nói thêm gì nữa. Đám cưới được tổ chức vào ngay ngày hôm sau. Đôi vợ chồng trẻ được vua ban cho một vùng đất rộng lớn và hàng đàn gia súc.

Sau đó ít lâu hoàng tử nói với vợ: “Cuộc đời ta ở trong tay ba loài vật: cá sấu, rắn độc và chó.”

“Trời ơi, sao chàng có thể nói ầu như vậy được!” Công chúa kêu lên, quàng tay lên cổ chồng. “Nếu chàng đã biết thế thì cứ làm sao chàng lại nuôi con vật gớm ghiếc kia? Thiếp sẽ ra lệnh giết nó ngay lập tức.”

Nhưng hoàng tử lắc đầu:

“Giết con chó thân yêu, người bạn đã chơi đùa với ta từ lúc nó còn là một con cún ư? Không bao giờ ta cho phép điều đó xảy ra đâu.” Tất cả những điều công chúa có thể làm cho người chồng là bắt chàng bao giờ cũng mang theo người một thanh gươm và lúc nào cũng có một người hầu bên cạnh những lúc chàng ra khỏi tòa lâu đài.

Hai người đã chung sống với nhau được vài tháng, thì một hôm hoàng tử nghe được tin kể mẩu của chàng đã chết và người cha già lâm bệnh đang mong người con duy nhất có mặt bên mình lúc lâm chung. Chàng trai không thể làm ngơ trước cái tin này bèn tạm biệt người vợ mới cưới, lên đường về nhà. Đó là cả một chặng đường dài muôn dặm và chàng thường xuyên phải nghỉ lại dọc đường. Một đêm nọ, trong lúc chàng nghỉ đêm ở một thành phố nằm trên bờ con sông rộng lớn, một con cá sấu khổng lồ đã lặng lẽ trườn lên bờ, bò qua một hành lang dài đến phòng hoàng tử. May sao một trong những tên lính hầu cận đã thức giấc vào lúc cá sấu cố trườn qua, đã nhốt nó vào một gian phòng lớn. Người ta giao cho một người khổng lồ nhiệm vụ canh giữ cá sấu, không bao giờ được rời khỏi chỗ kể cả vào những lúc đêm khuya. Việc này diễn ra hơn một tháng.

Lúc này, hoàng tử biết là mình không thể tiếp tục một mình được. Chàng sai người đến báo cho vợ là chàng sẽ đợi nàng ở thành phố nằm trên bờ con sông lớn. Đó cũng là lí do chàng kéo dài cuộc hành trình của mình và nhờ thế trốn được hàm răng cá sấu trong đường tơ kẽ tóc. Trong suốt mấy tuần lễ tiếp theo, hoàng tử giải khuây bằng tất cả mọi cách mà chàng có thể nghĩ ra, dù chàng vẫn đếm từng phút mong đến lúc gặp lại được công chúa. Và khi nàng vừa đến nơi, chàng lập tức ra lệnh cho đoàn người về cung. Nhưng

đêm ấy trong lúc chàng đang ngủ, công chúa nhận thấy có một cái gì đó là lạ trong một góc phòng. Một vật gì đen đen và khi nàng nhìn kỹ dường như nó mỗi lúc mỗi dài hơn. Vật đó di chuyển về phía tấm nệm chỒNG nàng đang nằm. Nàng co dúm người lại vì sợ và gây nên một tiếng động nhẹ. Con vật nghe thấy, vờn đầu lên nghe ngóng. Rồi nàng thấy hiện lên một cái đầu dài, bèn bẹt của một con rắn hổ mang. Nàng chợt nhớ đến lời nói về số phận đã được báo trước của hoàng tử. Không đánh thức chỒNG dậy, nàng nhẹ nhàng ra khỏi giường lấy một cái tô đựng sữa ở trên bàn, bỏ xuống đất ngay trên đường đi của rắn – bởi vì nàng biết rằng trên đời này không có con rắn nào cưỡng lại được sữa. Nàng nín thở khi con rắn bò đến gần, quan sát nó vờn đầu lên như thể đánh hơi thấy một cái gì ngon lành, trong khi cái lưỡi nhỏ của nó lia ra ngoài liên tục với một vẻ tham lam. Cuối cùng đôi mắt nó nhìn xuống tô sữa, trong một tích tắc nó tớp nhanh đến nỗi việc nó không bị nghệt thở cũng là một điều lạ, bởi vì nó không thể cất đầu lên khỏi tô sữa chừng nào trong tô còn một giọt. Sau đó con rắn cuộn tròn dưới đất ngủ li bì. Công chúa cũng chỉ đợi có thế, nàng rút cây kiếm của chỒNG, chém một phát làm đầu rắn văng ra khỏi cổ.

Sáng hôm sau công chúa và hoàng tử tiếp tục cuộc hành trình, về đến nơi họ hay tin đức vua đã băng hà. Họ tổ chức một đám tang xứng đáng với địa vị của ngài. Sau đó hoàng tử xem lại những điều luật mới được ban hành trong thời gian chàng vắng mặt và làm việc không kể ngày đêm cho đến lúc chàng phát bệnh vì kiệt sức, buộc phải đến một trong những lâu đài của mình bên bờ sông để nghỉ ngơi. Ở đây chàng mau chóng hồi phục sức khỏe và bắt đầu đi săn. Chàng thích dùng tên bắn vịt trời. Mỗi khi chàng đi săn, con chó lại lẻo đẻo theo chủ dù bây giờ nó đã già lắm rồi.

Một sớm nọ, hoàng tử và con chó trung thành ra ngoài đi săn như thường lệ và trong khi theo đuổi trò chơi họ đến gần bờ sông. Trong lúc hoàng tử chạy hết tốc lực theo sau con chó, chàng suýt ngã vào một vật trông giống như một khúc gỗ nằm chắn ngang đường. Trước sự ngạc nhiên đến sững sờ của chàng, khúc gỗ lên tiếng. Khi nhìn thật kỹ cái vật chàng cho là khúc gỗ, chàng nhận ra đó là một con cá sấu.

“Người không thể trốn thoát được ta,” cá sấu nói. “Ta chính là số phận của người, dù người có đi đâu, dù người có làm gì bao giờ người cũng sẽ tìm thấy ta ở trước mặt người. Chỉ có một cách duy nhất có thể phá hủy quyền lực của ta. Nếu người có thể đào một cái hố trên sa mạc và làm cho nó đầy nước, quyền lực của ta sẽ không còn nữa. Nếu không cái chết sẽ đợi chờ người ở ngay phía trước. Ta cho người một cơ hội đấy. Thôi đi đi!”

Chàng trai trẻ buồn bã quay đi, về đến lâu đài chàng nhốt mình trong phòng và suốt cả ngày hôm ấy từ chối không gặp ai kể cả công chúa. Tuy vậy chờ đến tận chiều tối mà vẫn không nghe thấy một động tĩnh gì trong phòng, công chúa không thể cầm lòng được nữa, nàng bật lên khóc nức nở làm cho hoàng tử buộc phải nhượng bộ để cho nàng vào phòng.

“Trông chàng xanh xao quá. Có cái gì làm chàng bị tổn thương vậy? Làm ơn nói cho thiếp nghe xem đó là chuyện gì, biết đâu thiếp có thể giúp chàng.”

Thế là hoàng tử kể cho vợ nghe toàn bộ câu chuyện và thử thách không thể vượt qua mà cá sấu đặt ra cho chàng.

“Làm sao mà một hố cát lại giữ được đầy nước?” Chàng hỏi. “Tất nhiên cát sẽ hút hết nước. Cá sấu bảo đó là một “cơ hội” nhưng có thể nó sẽ lôi ta đến bờ sông ngay thôi. Nó đã nói rất đúng là ta không có cách nào thoát khỏi bàn tay của số phận.”

“Ồ, nếu tất cả chỉ có thế thì thiếp có thể giúp chàng thoát khỏi số mệnh bởi vì một bà tiên là mẹ đỡ đầu của thiếp đã dạy thiếp về thảo mộc và trong một hoang mạc cách đây không xa có mọc một loài cỏ thơm bốn nhánh có thể giữ nước trong cát trong vòng một năm. Sáng sớm mai thiếp sẽ lên đường đi tìm loại cây đó rồi chàng có thể bắt tay vào đào hố như chàng muốn.”

Để trấn an chồng, công chúa đã cố nói với giọng phấn chấn, tươi vui nhưng nàng biết rõ nhiệm vụ trước mắt không nhẹ nhàng chút nào. Tuy vậy,

nàng tràn đầy quyết tâm và nghị lực vì biết rằng bằng cách này hay cách khác chồng nàng phải được cứu sống.

Trời vẫn còn bàng bạc chưa sáng hẳn nàng đã rời khỏi cung trên con lờ trắng như tuyết, từ bờ sông hướng thẳng về phía Tây. Mất một lúc nàng không phân biệt được vật gì phía trước bởi một vùng cát trắng mênh mông mỗi lúc một nóng hơn khi mặt trời lên cao. Cả người lẫn lờ đều bị cơn khát hành hạ nhưng tuyệt nhiên không có lấy một dòng suối nhỏ hay một vũng nước để uống cho đỡ khát. Mà nếu có đi chẳng nữa thì nàng cũng chẳng có thời gian dừng lại bởi vì chẳng đường trước mắt còn rất xa xôi, nàng buộc phải trở về trước lúc trời tối nếu không cá sấu sẽ tuyên bố hoàng tử không vượt qua được thử thách. Thế là nàng nói những lời động viên con lờ, nó be be lên đáp lại lời nàng và cả hai lại dần bước trên đường xa.

Người và vật sung sướng đến nhẹ cả người khi họ trông thấy một tảng đá lớn đặng xa. Họ quên cả cái khát và mặt trời nóng bỏng, mặt đất dường như lao đi vun vút dưới chân lờ cho đến khi nó dừng lại ở một chỗ có bóng râm mát mẻ. Nhưng chỉ có lờ được nghỉ ngơi còn công chúa thì không bởi vì loài cỏ thơm như nàng biết lại mọc trên đỉnh ngọn núi đá mà bốn chung quanh là vực sâu thăm thẳm. May thay nàng có đem theo một sợi dây thừng. Nàng thắt một đầu dây thòng lọng và lấy hết sức quăng nó đi xa. Đầu tiên nó từ từ trượt xuống một hố sâu và nàng lại phải kéo lên. Nàng lại ném thêm lần nữa, lần này sợi dây bám vào được một vật nào đó nhưng từ chỗ mình đứng nàng không thể nhìn rõ vật gì. Nàng phải tin tưởng trao cả thân mình lên chiếc cầu mong manh đó, nó có thể đứt giữa chừng, ném nàng xuống những tảng đá xù xì sắc nhọn dưới đáy vực. Và cái chết chắc chắn đến với nàng cũng như với hoàng tử vậy.

May thay, không có chuyện gì như thế. Công chúa sang đầu dây bên kia một cách an toàn nhưng bây giờ mới là lúc bắt đầu phần việc khó khăn nhất. Mỗi khi nàng đặt chân lên một gờ đá thì nó lại vỡ vụn dưới chân nàng, đẩy nàng về lại vị trí cũ. Nhiều giờ trôi qua, mặt trời đã lên gần đến đỉnh đầu.

Công chúa vừa mệt mỏi vừa tuyệt vọng nhưng nàng quyết không bỏ cuộc. Nàng nhìn quanh cho đến khi thấy một tảng đá nhỏ chìa ra trên đầu có vẻ vững chắc hơn cả và bằng cách nhẹ nhàng đặt một bước chân vào giữa khoảng cách đó nàng cố gắng bấu vào được tảng đá. Cứ như thế với đôi bàn tay trầy trụa rớm máu nàng lên được đến đỉnh, nhưng ở đây gió hung hãn đến nỗi nàng gần như không thấy gì bởi làn bụi cay xè. Nàng phải quỳ mọp xuống đất, dùng tay quờ quạng để tìm cây cỏ thơm quý báu.

Thời gian trôi qua nàng đã tưởng đỉnh núi chỉ là một hòn đá trơ trụi và chuyến đi vất vả của nàng trở nên công cốc. Sờ đâu cũng chỉ thấy cát và đá dăm nhưng kia, ngón tay nàng chạm vào một vật gì mềm mại ở giữa một khe nứt. Chính là một cái cây nhỏ, nhưng có phải đúng loại cây đó không? Nàng không thể mở mắt vì gió thổi rát hơn lúc nào hết, vì thế nàng nằm rạp xuống đất lấy từng chiếc lá. Một, hai, ba – ồ phải có bốn cái lá cả thảy! Và bút xong bốn chiếc lá nàng giữ thật cẩn thận trong tay và gần như tê liệt cả người vì gió – tìm đường đi xuống.

Một khi nàng đã an toàn ở một bên triền núi, tất cả trở nên yên tĩnh. Nàng trườn xuống nhanh đến nỗi nàng không hiểu vì sao mình không bị rơi thẳng xuống vực. Nhờ vào một sự may mắn hiếm có nàng đặt chân được xuống mặt đất. Con lừa be lên một tiếng vui mừng khi thấy nàng và đem nàng về nhà với nước kiệu nhanh nhất của nó, không cần biết là dưới bốn vó của nó mặt đất nóng bỏng bởi ánh mặt trời rực lửa.

Đến bờ sông, lừa dừng lại và công chúa nhảy xuống chạy ngay đến chỗ hoàng tử đang đứng cạnh một cái hố chàng đã đào trên cát khô cùng với một bình đựng nước thật lớn để đổ xuống hố. Cách đây không xa một con cá sấu đang hấp háy mắt dưới ánh mặt trời, cái miệng ngoác ra để lộ hàm răng sắc nhọn. Công chúa ra hiệu, hoàng tử đổ nước xuống hố. Vào đúng lúc nước dâng lên đến miệng hố, công chúa ném chiếc lá kì diệu xuống. Liệu nó có làm nên được một kì tích hay là nước sẽ từ từ thấm vào lớp cát khô háo nước và hoàng tử sẽ là miếng mồi ngon của con cá sấu đáng sợ? Trong vòng nửa tiếng đồng hồ, họ đứng đấy, mắt dán xuống hố nước và kì

lạ thay nó vẫn đầy ắp như trước với chiếc lá nhỏ nổi bập bềnh trên mặt. Đến đây hoàng tử quay lại phía con cá sấu reo lên một tiếng kêu chiến thắng và con cá sấu tiu ngiũ trườn xuống sông.

Hoàng tử đã trốn thoát hai trong số ba kẻ thù của số phận!

Chàng đứng đó nhìn theo con cá sấu, sung sướng vì đã được giải phóng khỏi hàm răng của nó. Chợt chàng giật mình bởi tiếng kêu của một con ngỗng trời bay qua tìm chỗ trú giữa những bụi cây rậm rạp mọc bên bờ sông. Con chó trung thành của chàng trong lúc đuổi theo đã xô rất mạnh vào chân chủ. Hoàng tử mất thăng bằng rơi xuống dòng nước, nơi bùn và sóng nuốt chửng chàng vào bụng rồi cuốn đi rất nhanh. Chàng thét lên gọi vợ cầu cứu. Nàng lao tới, may thay nàng vẫn cầm sợi dây thừng quý báu, vội ném cho chàng đầu dây kia. Con chó già tội nghiệp chết đuối còn hoàng tử được công chúa kéo vào bờ.

“Vợ ta,” sau đó chàng thường nói, “còn mạnh hơn số phận của ta.”

[1] Phút (foot) đơn vị đo lường bằng 0,3048m.

Kẻ nói dối tài tình nhất trên đời

Ở cuối cánh rừng nọ có một ông già sống với đứa con trai duy nhất. Một hôm ông lão gọi đứa nhỏ đến và bảo ông muốn xay một ít bắp, nhưng cậu bé phải nhớ là không được xay ở bất cứ cối xay nào có người không để râu.

Thằng bé vác bao bắp lên lưng ra khỏi nhà. Cậu đi được một đoạn đường dài thì trông thấy một cối xay lớn trước mặt, có một người đàn ông mặt mày nhẵn nhụi đang đứng ngay trên lối đi.

“Chào bác không râu!” Thằng bé nói.

“Chào con trai,” người đàn ông đáp.

“Cháu có thể xay bắp ở đây không?”

“Hẳn rồi! Bác sẽ kết thúc việc đang làm, sau đó cháu có thể xay bao lâu tùy thích.”

Nhưng cậu bé chợt nhớ ra lời dặn của cha bèn chào người đàn ông rồi vác bao tải bắp đi dọc theo bờ sông cho đến khi nó đến một cối xay khác, không hề biết là nó vừa quay lưng đi thì người đàn ông không có râu đã vội vác lên vai một bao tải bắp chạy đến cái cối xay ấy trước nó. Khi thằng bé thấy có một người đàn ông không râu đứng ở cối xay thứ hai, nó không dừng lại, tiếp tục đi đến cối xay thứ ba. Nhưng lần này người đàn ông khôn ngoan kia bằng một con đường tắt cũng đến cối xay trước nó. Đến lần thứ tư lại cũng thế thì thằng bé phát cáu, nó bưng bảo dạ: “Cứ như thế này chẳng được việc gì cả, hình như ở cối xay nào cũng có một người không râu.” Thế là nó hất bao tải bắp xuống đất và quyết định sẽ xay bắp ở đây.

Người đàn ông đã xay xong bắp của mình, quay qua nói với cậu bé mới bắt đầu xay: “Này con, chúng ta có thể làm một cái bánh bằng bột của con ở đây hè.”

Cậu bé cảm thấy khó chịu khi nhớ lại lời cảnh cáo của cha nhưng nó tự nhủ: “Cái gì phải làm thì không thể không làm.” Và nó trả lời: “Được thôi, cứ làm một cái bánh đi.”

Người đàn ông đứng dậy, đổ bột vào một cái chậu, rồi bảo thằng bé ra sông bụm hai tay lại mang nước về nhào bột. Khi bánh đã làm xong chỉ còn việc cho vào nướng, họ đặt bánh vào trong lò rồi phủ những hòn than nóng lên cho đến khi bánh chín. Sau đó họ lấy bánh ra để tựa vào tường bởi vì bánh quá to không thể cho vào trong tủ. Người không râu nói với cậu bé.

“Coi này, con trai, nếu chúng ta chia nhau cái bánh này thì không ai trong chúng ta đủ no. Bây giờ ta hãy thi nói láo, ai là người nói láo giỏi hơn sẽ được ăn cả cái bánh này.”

Cậu bé không biết làm gì hơn, đành gật đầu ưng thuận. “Được, bác bắt đầu đi.”

Người đàn ông bắt đầu khua môi múa mép hết khả năng của mình và khi ông ta đã mệt với việc bịa đặt ra một cái gì mới mẻ, cậu bé nói:

“Này ông bạn già, nếu đó là tất cả những gì bác có thể nghĩ ra thì nó ẹ lăm. Nghe đây, cháu sẽ kể một câu chuyện thật đến 100%.

“Lúc cháu còn trẻ cháu đã là một ông già, nhà cháu có rất nhiều tổ ong. Sáng nào thức dậy cháu cũng đếm, thật dễ dàng đếm số ong nhưng cháu không bao giờ có thể đếm số tổ ong một cách chính xác. Một hôm trong lúc đang đếm ong cháu phát hiện con ong giỏi nhất đã biến mất và không phí một giây cháu nhảy lên một con gà trống đi tìm ong. Cháu thúc gà đi thật xa đến tận một bờ biển và bác hãy biết là con gà công cháu lên lưng bơi qua biển. Sang đến bờ biển bên kia cháu gặp một người đàn ông đang thả con ong của cháu vào một cái cày và với sự giúp đỡ của ông con ong gieo hạt kê xuống ruộng.

“Đây là con ong của tôi!” Cháu hét lên. “Ông bắt nó ở đâu vậy?”

“Người anh em,” người đàn ông đáp. “Nếu nó là của anh thì anh lấy lại đi.” Không những ông ta trả lại cháu con ông mà còn cho cả một bao kê bởi vì ông ta đã sử dụng sức lao động của con ông. Thế là cháu đặt bao kê lên vai, lấy bộ yên cương từ con gà thăng lên con ông rồi trèo lên ngòi, một tay dóng một sợi dây dắt con gà, nhờ thế nó có thể nghỉ ngơi. Trong lúc chúng cháu bay qua biển về nhà, một trong những sợi dây buộc bao kê bị đứt và cả bao kê rơi tùm xuống biển. Tất nhiên nó biến mất trong lòng biển mênh mông. Khi chúng cháu về đến nhà an toàn thì trời đã tối. Cháu nhảy khỏi lưng ông, tháo cương ra, để nó có thể ăn tối, cho con gà mấy cọng rơm rồi cũng lên giường đi ngủ. Nhưng sáng hôm sau khi mặt trời đánh thức cháu dậy, cháu đã thấy gì? Trong đêm qua bọn chó sói đã tìm tới ăn con ông của cháu. Ngoài thung lũng mật ong ngập đến mắt cá chân còn ở trên các ngọn đồi thì mật ngập đến đầu gối. Cháu phải cân nhắc xem cách nào là tốt nhất để gom mật về nhà.

Cũng may lúc đó cháu có mang theo một cái rìu nhỏ và cùng với rìu cháu đi vào rừng hi vọng có thể gặp một con thú nào đó, giết đi lấy da may một cái túi. Khi vào rừng cháu thấy hai con hoẵng đang nhảy bằng một chân thế là cháu giết chúng chỉ với một cú đánh rồi lột da hoẵng may được ba cái túi, cho tất cả mật ong vào đấy rồi đặt lên lưng con gà trống. Về đến nhà cháu được thông báo là cha cháu vừa mới chào đời và như thế cháu phải tức tốc đi lấy nước thánh về tưới lên người cha. Trong lúc đi lấy nước có một vấn đề làm cháu bận tâm, liệu cháu có thể lấy lại bao kê đã rơi hết xuống biển không. Vậy mà khi cháu đi đến chỗ lấy nước thánh cháu thấy kê được rải trên mảnh đất màu mỡ, đã mọc mầm và lớn nhanh trước mắt cháu. Hơn thế nữa, nó còn được gặt hái bởi một bàn tay vô hình và làm thành một cái bánh to tướng.

Thế là cháu lấy cả bánh cùng nước thánh và bay qua mặt biển. Chợt trời đổ mưa, mặt biển dềnh lên cuốn cái bánh kê trên tay cháu. Ái chà, cháu mới bực tức làm sao khi đã đặt chân lên đất liền mà không còn bánh.

Chợt cháu nhớ là tóc cháu đã mọc dài quá rồi. Nếu cháu đứng thì tóc chấm đất nhưng khi cháu ngồi nó chỉ chạm vành tai. Cháu bèn vớ lấy một con dao, xén một nạm tóc lớn rồi tết lại với nhau và khi đêm về cháu buộc nó thành một nút dùng nó thay cho chiếc gối. Nhưng còn lửa thì sao? Cháu có một cái hộp đánh lửa nhưng không có củi. Đoạn cháu nhớ ra là mình có giắt một cây kim trong áo thế là cháu lấy cái kim ra chẻ thật nhỏ, nhóm lửa lên rồi ngả lưng cạnh đống lửa ngủ thiếp đi. Nhưng vận đen vẫn theo đuổi cháu. Trong lúc ngủ như vậy, một đốm lửa bắt vào nút tóc, tóc bốc cháy. Trong lúc tuyệt vọng cháu lăn xuống đất làm lửa cháy xuống tận thắt lưng. Cháu cố dập tắt nhưng chỉ lăn đi xa hơn về đến tận nhà. Ở đấy cháu vớ lấy một cái xẻng, moi mình ra và mang ra bình nước thánh.

Bằng một cách nào đó cháu nhận thấy những cánh đồng lúa chín vàng đầy những người gặt hái và bất chợt thời tiết trở nên nóng nực, ngọt ngọt đến nỗi người ta ngã xuống ngất xỉu hàng loạt. Thế là cháu nói to: “Sao các ông các bà không mang con ngựa cái của chúng tôi ra, nó cao như được hai ngày tuổi và to như được nửa ngày có thể làm bóng mát che cho các người?” Cha cháu nghe cháu nói thế bèn nhảy vội lên lưng con ngựa cái, những người thợ gặt lại làm việc hăng say dưới bóng râm trong khi cháu lấy một cái thùng gỗ để múc một ít nước mang đến cho họ uống. Nhưng khi cháu đến cạnh giếng mới thấy nước đã đóng thành băng và để múc được ít nước cháu phải vặn đầu mình ra để đập vỡ lớp băng trên mặt. Khi cháu đi đến gần họ để mang nước đến cho họ, họ đồng thanh kêu lên: “Này, cái đầu mày đâu rồi?” Cháu đưa tay lên phát hiện rằng mình không có đầu, thì ra cháu đã để quên ngoài giếng. Cháu chạy về giếng tìm, nhưng trong lúc cháu xách nước đi về phía những người thợ gặt, một con cáo đi ngang qua đã lôi cái đầu cháu lên khỏi giếng và đang ngồi ghè não cháu ra. Cháu bèn đến gần, đá cho nó một cú làm nó la ôi ôi và nó đánh rơi một mảnh giấy da trên có dòng chữ: “Cái bánh này của tôi. Người không râu phải trở về tay trắng.”

Nói xong những lời này, cậu bé đứng lên, cầm lấy cái bánh to tướng và vác bao bắp đã xay về nhà trong lúc người không râu ở lại cay đắng nuốt nỗi thất vọng ê chề.

1\ Jigmé Khyentsé Rinpoché, bài giảng tại Bồ Đào Nha, tháng 9.2007. 2\ Một tác giả Phật tử khác của thế kỷ thứ VII có tác phẩm chính là “Nhập Bồ tát hạnh” (Bodhicharyâvatâra) hay “Nhập môn về cuộc đời dẫn tới Đại giác”. Đây là một tác phẩm cổ điển. 1\ Yongey Mingyou Rinpoché, Phúc lạc của thiền, NXB Fayard, 2008. 2\ Shantidéva, “Nhập Bồ tát hạnh” (Bodhicharyâvatâra) hay “Nhập môn về cuộc đời dẫn tới Đại giác”, NXB Padmakara, 2007, I, 28. 3\ Dilgo Khyentsé Rinpoché (1910 - 1991) là một trong những vị thầy tâm linh lỗi lạc nhất của Tây Tạng thế kỷ XX. Xem Tâm linh Tây Tạng, tủ sách Points Sagesse, NXB Le Seuil, 1996. 4\ Edwin Schroedinger, Quan niệm của tôi về thế giới, NXB Mercure de France, 1982 (dịch từ My view of the world, Londres, Cambridge University Press, 1922, tr.22). 5\ Bhante Henepola Gunaratna, Thiền trong cuộc sống thường ngày: một cách thực hành đơn giản của đạo Phật, NXB Marabout, 2007. 6\ Thích Nhất Hạnh, Hướng dẫn về thiền hành, NXB Lá Bối, Làng Mai, 1983. 7\ Trong tiếng sanskrit, ba thành phần này được gọi theo thứ tự là manaskara, smriti và samprajnana (từ tương đương trong tiếng Phạn là manasikara, sati và sampajanna, và từ tương đương trong tiếng Tây Tạng là yid, la byed pa, dran pa và shes bzhin). 8\ Nói chung, không nên hiểu một câu thần chú (mantra) theo nghĩa đen như một câu thông thường. Ở đây, “Om” là một từ mở đầu một câu thần chú và cho nó quyền năng chuyển hóa. “Mani” hay “châu báu”, muốn nói tới châu báu của tình thương vị tha và lòng bi mẫn. “Padmé”, gốc từ padma hoặc “hoa sen”, muốn chỉ bản chất nền tảng của tâm thức, tức là “chân thiện tâm” của chúng ta được ví như bông hoa sen, dù mọc trong bùn lầy vẫn vươn lên tinh khiết, ngay cả giữa những độc tố của tâm thức do chúng ta tạo nên. “Hung” là một từ khiến câu chú có sức mạnh hiện thực hóa lời cầu nguyện. 9\ Bokar Rinpoché, Thiền định, lời khuyên cho những người mới tập, NXB Claire Lumière, 1999, tr.73. 10\ Yongey Mingyou Rinpoché, sách đã dẫn. 11\ ETTY Millesum, Một cuộc đời bị đảo lộn, NXB Le Seuil, Points, 1995, tr.308. 12\ Shatidéva, sách đã dẫn, III, 18-22. 13\ Shatidéva, sách đã dẫn, X, 55. 14\ “Pain”, BBC World Service Radio, trong phần “Tư liệu”, do Andrew North thực hiện, tháng 2.2008. 15\ Banthe Henepola Gunaratna, sách đã dẫn. 16\

Longchen Rabjam, (1308 - 1363), một trong những vị thầy thông thái nhất của Phật giáo Tây Tạng; trích trong *Gsung thor bu*, tr.351 - 352, do M.Ricard chuyển ngữ. 17\ Trích trong “Những lời dạy của các vị thầy thuộc tông phái Kadampas”, *Mkha' gdams kyi skyes bu dam pa rnam kyi gsung bgros thor bu ba rnam*, tr. 89, do M. Ricard chuyển ngữ. 18\ Đức Dalai Lama, những bài giảng tại Schvenedingen, Đức, 1998, do M. Ricard chuyển ngữ. 19\ Thích Nhất Hạnh, *Cái nhìn Tuệ giác*, do Philippe Kerforme chuyển ngữ từ cuốn *The Sun in my Heart (Mặt trời trong trái tim tôi)*, 1988, từ sách *Spiritualités Vivantes*, NXB Albin Michel, 1995. 20\ Bhante Henepola Gunaratna, sách đã dẫn. 21\ Nagarjouna, Suhrlleka, “Thư gửi một người bạn”, dịch từ tiếng Tây Tạng. 22\ Ety Hillesum, *Một cuộc đời bị đảo lộn*, sách đã dẫn, tr.218. 23\ Ety Hillesum, như trên, tr.104. 24\ Dalai Lama, *Những lời khuyên chân thành*, NXB Presses de la Renaissance, tr.130 - 131. 25\ Dilgo Khyentsé Rinpoché, *Kho báu của trái tim những người giác ngộ*, từ sách *Point Sagesse*, NXB Le Seuil, 1997. 26\ Như trên. 27\ Han F. De Wit, *Hoa Sen và hoa Hồng*, do C. Francken, Huy chuyển ngữ từ tiếng Hà Lan, NXB Kunchap, 2002. 28\ Dilgo Khyentsé Rinpoché, *Giữa lòng cảm thông*, NXB Padmakara, 2008. 1\ Romain Rolland, *Jean-Christophe*, Paris, NXB Albin Michel, 1952, tập VIII. 2\ Về những tác động có hại của trạng thái căng thẳng (stress), xem Sephton, S.E., Sapolsky, R., Kraemer, H.C., et Spiegel, D., “Diurnal Cortisol Rhythm as a Predictor of Breast Cancer Survival”, *Tờ báo của Viện ung thư quốc gia* 92 (12), 2000, tr.994 - 1000. Về ảnh hưởng của thiền định, xem: Carlson, L.E., Speca, M., Patel, K.D., Goodey, E., “Mindfulness - Based Stress Reduction in Relation to Quality of Live, Mood, Symptoms of Stress and Levels of Cortisol, Dehydroepiandrostrone - Sulfate (DHEAS) and Melatonin in Breast and Prostate Cancer Out - patients”, *Psychoneuroendocrinology*, tập 29, Issue 4, 2004; Speca, M., Carlson, L.E., Goodey, E., Angen M., “A Randomized, Wait-list Controlled Clinical Trial: the Effect of a Mindfulness Meditation - based Stress Reduction Program on Mood and Symptoms of Stress in Cancer Outpatients”, *Psychosomatic medicine - Y học tâm thể* -, 62 (5), tháng 9 - 10.2000, tr.613-622; Orsillo, S.M. et Roemer, L.

Acceptance and Mindfulness - based Approaches to Anxiety, Springer 2005. 3\ Teasdale, J.D. và cộng sự., “Metacognitive awareness and prevention of relapse in depression: empirical evidence”; J. Consult. Clin. Psychol., 70,2002, tr.275-287; Grossman, P., Niemann, L., Schmidt, S., và Walach, H., “Mindfulness-based stress reduction and health benefits. Ameta-analysis”, Bản tin nghiên cứu tâm thể, 57 (1), 2004, tr. 35-43; Sephton, S.E., Salmon, P., Weissbecker, I., Ulmer, C., Hoover, K., và Studts, J., “Mindfulness Meditation Alleviates Depressive Symptoms in Women with Fibromyalgia: Results of a Randomized Clinical Trial”, Arthritis Care Research, 57 (1), 2004, tr.77-85; M.A. Kenny, J.M.G. Williams, “Treatment-resistant depressed patients show a good response to Mindfulness-based Cognitive Therapy”, Behaviour Research and Therapy, tập 45, Issue 3m 2007, tr. 617-625. 4\ MBSR, “Mindfulness Based Stress Reduction”, là luyện tập thiền định ở ngoài đời về ý thức trọn vẹn, được đặt trên cơ sở thiền định Phật giáo. Nó đã được Jon Kabat-Zinn phát triển trong hệ thống bệnh viện ở Mỹ từ hai chục năm nay, và ngày nay, ông đã thành công trong việc làm giảm những cơn đau hậu phẫu và đau đốn liên quan tới ung thư và các bệnh nan y khác ở hơn 200 bệnh viện. 5\ Davidson, R.J., Kabat-Zinn, J., Schumacher, J. Rosenkranz, M., Muller, D., Santorelli, S.R., Urbanowski, F., Harrington, A., Bonus, K., và Sheridan, J.F., “Alterations in brain and immune function produced by mindfulness meditation”, Psychosomatic Medecine, 65, 2003, tr.564-570. Về những ảnh hưởng lâu dài của thiền định, xem: Lutz, A., Greischar, L. L., Rawlings, N.B., Ricard, M. và Davidson, R. J., “Long - term Mediators Self - induced High-amplitude Gamma Synchrony During Mental Practice”, PNAS, tập 101, số 46, tháng 11.2004; Brefczynski-Lewis, J.A., Lutz, A., Schaefer, H.S., Levinson, D.B. và Davidson, R.J., “Neural Correlates Of Attentional Expertise in Long-Term Meditation Practitioners”, PNAS, tập 104, số 27, tháng 7.2007, tr.11483 - 11488; Ekman, P., Davidson, R.J., Ricard, M. và Wallace, B.A., “Buddhist and psychological perspectives on emotions and well - being”, Current Directions in Psychological Science, 14, 2004, tr.59-63. 6\ Lutz, A., Slagter, H.A., Dunne, J.D. và Davidson, R.J. “Attention

regulation and monitoring en meditation”, Trend in Cognitive Science, tập 12, số 4, tháng 4.2008, tr.163-169; Jha, A.P. và các cộng sự, “Mindfulness’training modifies subsystems on attention”, Cogn.Affect.Behav.Neurosci, 7, 2007, tr.109-119; Slagter, H.A., Lutz, A., Greischar, L.L., Francis, A.D., Nieuwenhuis, S., Davis, J.M., Davidson, R.J., “Mental Training Affects Distribution of Limited Brain Resources”, Plos Biology, tập 5, Issue 6, e 138, www.plosbiology.org, tháng 6.2007. 7\.

Carlson, L.E. và các cộng sự, “One year pre-post intervention follow-up of psychological, immune, endocrine and blood pressure outcomes of mindfulness-based stress reduction (MBSR) in breast and prostate cancer out patients”, Brain Behav. Immun., 21, 2007, tr. 1038 - 1049. 8\.

Xem Grossman, P. và cộng sự, sách đã dẫn. 9\.

Lutz, A., Dunne, J.D. và Davidson, R.J., “Meditation and the Neuroscience of Consciousness: An Introduction” in The Cambridge Handbook of Consciousness, chương 19, tr.497 - 549, 2007.

1. Đào Hành Tri (1891-1946) là nhà giáo dục nhân dân vĩ đại của Trung Quốc. Ông đưa ra ba chủ trương lớn: “Cuộc sống là giáo dục”, “Xã hội là trường học”, “Dạy và học cùng hợp nhất”. Lý luận “Cuộc sống là giáo dục” là hạt nhân lý luận trong hệ thống tư tưởng giáo dục của Đào Hành Tri. Tư tưởng giáo dục của Đào Hành Tri đã trở thành một trong những cơ sở quan trọng để xây dựng nên hệ thống lý luận giáo dục một cách khoa học.

2. Vương Dương Minh (1472-1528) là nhà chính trị, nhà triết học, nhà tư tưởng xuất sắc thời nhà Minh ở Trung Quốc.

1. Suzuki Chinza (1898-1998) là nhà giáo dục người Nhật, ông đã dành tâm huyết cả đời để nghiên cứu giáo dục sớm ở lứa tuổi nhi đồng. Phương pháp giáo dục tài năng âm nhạc của ông đã góp phần nâng cao trí tuệ cùng tài năng của hàng ngàn hàng vạn trẻ em Nhật Bản.

2. Mạnh Mẫu, tức mẹ của Mạnh Tử đã ba lần chuyển nhà để đem đến môi trường học tập tốt nhất cho con.

3. Đây là một trường hợp đồng âm khác nghĩa, chữ Tôn Tử vừa là tên nhà quân sự lỗi lạc thời Trung Quốc cổ đại vừa có nghĩa là cháu.

4. Mai Vũ Đàm là một thác nước sâu nằm trong dãy núi Nhạn Thương, cách thành phố Ôn Châu và thành Thụy An khoảng 30km. Màu nước xanh thăm thẳm của thác nước đã được nhà văn Chu Tự Thanh miêu tả trong tác phẩm cùng tên

của mình. 5. Ánh trăng nói hộ lòng tôi là một bài hát nổi tiếng về tình yêu được ca sĩ Đặng Lệ Quân của Đài Loan thể hiện. Cô gái trong bài hát mượn ánh trăng để bày tỏ tình yêu sâu đậm của mình với người yêu. 6. Nhà vật lý và hoá học của Viện Hoàng gia và Hội Hoàng gia Anh. 7. Nhà vật lý, nhà hoá học người Anh, có nhiều cống hiến trong lĩnh vực điện tử học. 8. Hùng Khánh Lai, 1893-1969, là một nhà toán học của Trung Quốc nổi tiếng với “Lý luận hàm số”. Ông đồng thời còn là một nhà giáo dục đã bồi dưỡng nên nhiều tài năng toán học cho đất nước Trung Quốc. 9. Hoa La Canh, 1910-1975, nhà toán học nổi tiếng thế giới và là người sáng lập ra Lý thuyết số giải tích. 10. Sau khi giành chiến thắng trong cuộc chiến chinh phục vùng Ô Hăng - một cuộc chiến quan trọng trong sự nghiệp thống nhất phương Bắc, Ngụy Vũ Đế Tào Tháo lên thăm ngọn núi Kiệt Thạch đã làm bài thơ này. 11. Binh pháp Thái Công do Khương Tử Nha, quân sư của Chu Vũ Vương – người sáng lập nhà Chu biên soạn và được coi là một trong những cuốn binh pháp kinh điển về nghệ thuật quân sự của Trung Hoa. 12. Galois, 1811-1832, là một thiên tài toán học người Pháp, các công trình toán học ông để lại là một đề tài rất quan trọng cho việc tìm nghiệm của các phương trình đa thức bậc cao hơn 4 thông qua việc xây dựng lý thuyết nhóm trừu tượng mà ngày nay được gọi là lý thuyết nhóm Galois. 1. Nhà bác học Vật lý người Mỹ gốc Hoa. 2. Nhà vật lý học nổi tiếng Trung Quốc, chuyên gia tên lửa nổi tiếng thế giới. 1. Năm 1975, Bill Gates đã bỏ ngang khoá học để theo đuổi giấc mơ Microsoft. Đến năm 2007, ông đã quay lại trường để nhận bằng Tiến sĩ. 1. Phương pháp giáo dục sớm của Carl Weter có sự kết hợp hoàn hảo giữa lý luận và thực tiễn, đã ảnh hưởng sâu sắc đến vô số các bậc phụ huynh, được rất nhiều nhà giáo dục nổi tiếng ca ngợi. Cuốn sách Phương pháp giáo dục thần đồng của Carl Weter là tác phẩm đầu tiên trên thế giới về giáo dục sớm, ghi lại một cách trọn vẹn quá trình giáo dục một đứa trẻ kém trí tuệ trở thành một kỳ tài nổi tiếng khắp nước Đức. 2. Thành ngữ của Trung Quốc, ý nói cố gắng làm những việc ngược lại quy luật khách quan của tự nhiên để mong đạt được kết quả sớm, sẽ dẫn đến hậu quả ngược lại. (ND) 1. Kimura Kyuichi (1883 - 1977) là nhà tâm lý học, nhà giáo dục học nổi tiếng của Nhật, người đặt nền móng cho việc giáo dục sớm

ở trẻ nhỏ. 2. Do Vương Ứng Lâm biên soạn, tập hợp những tinh hoa của đạo Nho, đạo Khổng, dùng để dạy cho học sinh vỡ lòng của Trung Quốc. 3. Được Nhà xuất bản Lao động – Xã hội và Công ty Cổ phần Sách Thái Hà phát hành tại Việt Nam. 4. tham khảo thêm cuốn Phát triển ngôn ngữ từ trong nôi của Giáo sư Phùng Đức Toàn, do Công ty Cổ phần Sách thái Hà phát hành. 5. Tên đầy đủ là Jean-Jacques Rousseau, một nhà giáo dục, nhà văn, nhà triết học và nhà tư tưởng nổi tiếng người Pháp và là một nhân vật tiêu biểu trong Phong trào Khai sáng người Pháp thế kỷ XVIII. (1) Cụm từ 'tâm hồn' được sử dụng trong quyển sách này cũng có thể được diễn tả theo nhiều cách khác nhau như: Năng lượng sống, Linh hồn, Ý thức, Bản thân,... Xin cứ hiểu theo bất cứ từ ngữ nào mà bạn cho là thích hợp nhất đối với mình. Từ gốc trong tiếng Anh là 'soul', trong tiếng Sanskrit (tiếng Phạn) là 'atma', nhưng với mục đích cần hiểu rõ để tránh gây ra nhầm lẫn và phù hợp theo tiếng Việt, chúng ta sẽ sử dụng từ 'tâm hồn' trong quyển sách này. (2) Như đã giải thích về lý do tại sao 'tâm hồn' ('soul') được sử dụng trong quyển sách này, chúng tôi đã xem xét và tìm từ mang ý nghĩa chính xác nhất để chuyển dịch cụm từ 'Supreme Being'. 'Đấng Tối cao, Tâm hồn Thánh thiện, Ánh sáng Thánh thiện, Cội nguồn Năng lượng Sống, Năng lượng Thánh thiện' là những từ thích hợp nhất cho quyển sách này, nhưng độc giả có thể thay thế những từ này bằng những từ khác mà mình cho rằng thích hợp hơn... (1) Thành ngữ chỉ sự nghiệp đang đà tiến lên, càng ngày càng cao. (2) Tên nhân vật chính trong truyện ngắn nổi tiếng Hoa Uy tiên sinh của nhà văn Trung Quốc Trương Thiệu Dực (1906 - 1985). (3) Nguyên văn: đầu Vạn Kim, chỉ người cái gì cũng biết nhưng không giỏi việc gì. (4) Doctor of Philosophy: chữ viết tắt chỉ “tiến sĩ” trong tiếng Anh. (5) “Nhã đạt đến mức cao thì như là tục, biển đạt đến mức lớn thì như đất liền.” (6) Chỉ công nhân, người lao động chân tay. (7) “Hoặc có sóng gợn vào ngày rằm hay mồng một chứ không có khí huyết để theo đuổi chìm nổi cùng thói tục.” (8) “Tái ông mất ngựa sao biết không phải phúc.” (9) “Nghèo hèn không thể thay đổi, oai và võ lực không thể khuất phục nổi.” Chữ trong Luận ngữ. (10) Nguyên văn: “sinh tụ giáo huấn”. Chữ trong Tả truyện kể về nước Việt: nước Việt để dân sinh sôi, tích tụ và dạy bảo họ

trong mười năm, sau đó phục thù đánh thắng nước Ngô. (11) Không có việc gì làm, không có hứng thú gì, không có tài năng gì. (12) Chỉ riêng mình là tôn quý. (13) Ba người đi cùng nhau, trong số đó ắt có thầy của ta. (14) Nguyên văn: “thiên hữu bất trắc phong vân, nhân hữu đản tịch họa phúc.” (15) Nguyên văn: “phúc vô song chí, họa bất đơn hành”, nghĩa là “phúc không lại đến, họa chẳng đi lẻ.” (16) Vận đi, vàng thành đất; thời đến đất thành vàng. (17) Nhà giột lại gặp mưa liền mấy đêm, thuyền chậm lại thêm gió ngược. (18) Nghiêm Phục (1853 - 1921): nhà phiên dịch nổi tiếng Trung Quốc, từng giới thiệu khá nhiều sách về hệ thống tư tưởng học thuật tư sản phương Tây. (1) Đạo không phải là đạo không biến đổi, thuật không phải là thuật không biến đổi. (2) Nguyên văn: hành vân lưu thủy, có ý nói tự nhiên, không câu thúc, gò bó. (3) Đại phương vô ngưng: phương là đạo hoặc đất, đại đạo (hoặc nơi đất rộng lớn), không có góc, gấp khúc; đại khí vân thành: tài lớn làm nên muện, hoặc tài lớn không cần làm nên; đại âm hy thanh: âm lớn ít tiếng; đại tượng vô hình: hình tượng lớn không có bóng hình. (4) “Người đời đều biết thiện là tốt lành thì không còn là thiện nữa; đều biết mỹ là đẹp thì không còn là đẹp nữa.” (5) Sinh ra sao thì thuận theo như thế, nghĩa là thuận theo tự nhiên. (6) Nhân vật chính trong truyện A.Q chính truyện của đại văn hào Lỗ Tấn, Trung Quốc. (7) “Vì đại nghĩa mà hy sinh người thân.” (8) Nữ nhà văn đương đại Trung Quốc, nổi tiếng với truyện vừa Người đến tuổi trung niên. (9) Con lừa đất Kiềm, truyện ngụ ngôn của Liễu Tông Nguyên đời Đường. Truyện kể đất Kiềm (vùng Quý Châu hiện nay) không có lừa, có người đưa lừa từ nơi khác về, hồ trông thấy rất sợ, lánh xa, sau dần dần đến gần, lừa đá cho hồ một cú. Nhưng lừa chỉ có tài đó mà thôi nên sau đó hồ đã ăn thịt được lừa. Đời sau dùng điển này để ví người bản lĩnh có hạn. (1) Sống mà như trong cơn say, trong giấc mộng, hồ đồ, được chẳng hay chớ. (2) Nguyên văn: “Sự hậu Gia Cát Lượng” với ý “nói vượt đuôi” vì Gia Cát Lượng bao giờ cũng dự đoán trước khi sự việc xảy ra. (3) Nguyên văn: “đê điệu”, có nghĩa là điệu thấp, ví với luận điệu hòa hoãn. (4) Hương nguyệt: kẻ đạo đức giả. (5) Cương cường, chính trực (6) Một chủ trương của nhà Nho, đề cao thái độ chiết trung, trung hòa, không quá mức, không thiên lệch trong đối xử với người và việc. (7)

Nguyên văn: “hoàng kim phân cát”. Công thức chia đôi một đoạn dây theo tỉ lệ $(\sqrt{5}-1)/2 = 0,618\dots$ là đẹp nhất về mặt tạo hình, bởi vậy có tên là cách phân chia vàng (8) Lối tự xưng của vua chúa. (9) Tính linh: chỉ chung tinh thần, tính tình, tình cảm của con người. (1) Độc phu: vị vua vô đạo. (2) Tiêu Hà: tướng quốc nhà Hán. Ở đây mượn âm, có nghĩa là “chẳng ra sao”. (3) Chờ khuyết chỗ thì bổ sung vào (4) Lời Khổng Tử: Luận ngữ, thiên Thuật nhi, điều 37. Nguyên văn: “Quân tử thân đấng đấng, tiểu nhân trường thích thích.” (5) Can: mộc, khiên; Qua: giáo. Ý nói hóa giải chiến tranh thành quan hệ ngoại giao tốt. (1) Hóa cảnh: nơi thanh tân, u nhã, cực kỳ cao siêu. (2) Như ta nói làm trâu, ngựa. (3) “Thuật lại mà không nói.” (4) “Đạo mà nói ra được không phải đạo hằng thường.” (5) “Được ý thì quên lời.” (6) “Lời nói có thể hết, còn ý thì vô cùng tận.” (7) “Hỏi đến sách lược giúp nước giúp đời, thì như rơi vào đám khói sương.” (8) Liễu cũng là ngộ, tức hiểu rõ. (9) Chữ này là nhạ (vướng vào) mới đúng. ND. (10) Một loại động vật có mai, hình dáng giống tôm hùm nhưng nhỏ hơn, đôi càng giống càng cua, sống ở vùng nước ngọt. (1) Thơ của Lý Thương Ẩn đời Đường trong bài Lạc Du Nguyên (tên một bình nguyên đời xưa). Nguyên văn: “Tịch dương vô hạn hảo, chỉ thị cận hoàng hôn.” (2) Ý tương tự câu “một người làm quan, cả họ được nhờ”. (3) “Tình bạn bè của người quân tử nhạt như nước”. Câu này có từ sách Luận ngữ ghi lại lời Khổng Tử. (4) “Biết dừng thì sau đó mới có ổn định.” (5) “Ổn định thì sau đó mới có tĩnh, tĩnh thì sau đó mới có an, an thì sau đó mới có suy nghĩ, suy nghĩ thì sau đó mới có được cái muốn có.” (6) “Cái gì mình muốn thì ắt làm cho người.” (7) “Cái gì mình không muốn thì cứ làm cho người.” (8) Trước và sau đều không có ai bằng mình. (9) Một cách bị phạt khi thua bài. (10) “Thường ngoạn thứ yêu thích đến nỗi mất cả chí khí.” (11) Lỗ Tấn có bài bàn về fair play trong Tạp văn của Lỗ Tấn. (12) Đế quốc, phong kiến, quan liêu. (13) Võ Đại, anh trai Võ Tòng trong chuyện Thủy hử, người lùn. (14) “Trăng sáng nhô lên từ mặt biển, chân trời cũng chung thời khắc này”. Hai câu đầu trong bài Vọng nguyệt hoài viễn của Trương Cửu Linh, nhà thơ đời Đường. (15) “Trăng sáng trên biển xanh, hạt trai có lệ, nắng ấm trên núi Lam Điền, ngọc bốc khói”. Theo truyền thuyết, mỗi khi trăng sáng, trai hé mở ra hứng lấy ánh

trăng để nuôi ngọc, ngọc được ánh trăng chiếu nên sáng thêm. Trăng vốn là ngọc trai sáng trên biển, ngọc trai chẳng khác gì trăng sáng dưới nước, còn nước mắt thường được ví với ngọc trai, người xưa cho rằng người cá mập (giao nhân) khóc thì từng giọt nước mắt ấy biến thành ngọc trai. Vậy thì ở đây là trăng, là ngọc trai hay nước mắt? Còn Lam Điền thuộc tỉnh Thiểm Tây ngày nay, nổi tiếng vì có ngọc đẹp; ánh nắng chiếu xuống núi, ngọc khí (người xưa cho rằng bảo vật đều có hơi sáng bốc ra, mắt thường không thể nhìn thấy) uốn lượn bốc lên, nhưng tinh khí ấy ở xa thì có, đến gần lại không. Cả hai câu thơ nói đến một nơi tuyệt diệu và huyền diệu, một cảnh sắc lý tưởng, đẹp khác thường song không thể nắm bắt. Đây là hai câu đầu trong bài thơ thất ngôn bát cú Cầm sắt của nhà thơ đời Đường mà từ đời Tống đến nay có vô vàn cách giải thích vẫn chưa có cách nào thuyết phục tuyệt đối. (16) Đoạn này lấy ý từ nhiều bài thơ cổ, chẳng hạn hai câu “Hai con chim hoàng ly...” mà nguyên văn là “Lưỡng cá hoàng ly minh thúy liễu, Nhất hàng bạch lộ thượng thanh thiên” được rút trong bài Tuyệt cú (bài 3) của Đỗ Phủ; “Khói bốc lên thẳng đứng...” nguyên văn là “Đại mặc cô yên trực, Trường hà lạc nhật viên” rút trong bài Sứ chí tái thượng (Đi sứ đến biên ải) của Vương Duy. (17) “Hỏi ngài có bao nhiêu sâu, vừa đúng như một dòng sông xuân chảy về hướng Đông.” (18) “Trước mặt cổ nhân đừng nghĩ về cố quốc. Hãy lấy nước mới thử pha trà mới. Thơ và rượu chờ tháng năm!” (19) “Ôm tài mà không gặp thời, gặp người biết đến.” (20) “Núi trùng điệp, sông quanh co, ngõ hết lối. Hóa ra lại có một thôn nữa ở nơi liễu rậm, hoa sáng.” Đây là hai câu thơ của Lục Du (1125 - 1210), nhà thơ nổi tiếng đời Tống. (21) “Lúc này không có âm thanh hơn hẳn có âm thanh.” (22) Nguyên văn: “Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng. Thiên kim tán tận hoàn phục lai”, là hai câu trong bài Tương tiến tửu của Lý Bạch. (23) Người đời Hán, được Văn Đế tin dùng, đề xuất nhiều cải cách như đổi ngày mồng một, đổi ngày quần áo, đặt ra pháp độ, phát triển lễ nhạc song bị đồng liêu ghen ghét không được dùng. Khi qua sông Tương làm bài phú điệu Khuất nguyên, có ý ví mình có tài mà không được dùng như Khuất Nguyên. (1) Lời than thở của Hạng Vũ khi thất trận ở Cai Hạ. (2) “Người sinh ở đời không được vừa ý, sáng mai từ chức lên một lá thuyền.” (3) “Mỗi con chó

đều có thời của mình.” (4) Người sáng lập nền triết học của nước Đức, sinh năm 1724, mất năm 1804. (5) Thu Cẩn (1875 - 1907), nhà nữ cách mạng; Lý Đại Chiêu (1888 - 1927), kỹ sư thủy lợi kiệt xuất. (6) Hàn Dũ: đại văn hào đời Đường. (7) Hải Thụy: quan thanh liêm đời Minh. (1) Nguyên văn: dã nhân hiến bọc. (2) Nguyên là tiếng nhà Phật. Ở đây có nghĩa là dùng kinh nghiệm, cảm ngộ của mình làm thí dụ, dẫn chứng, nhằm giảng giải, khuyên răn. (1) Nhạc sĩ hiện đại nổi tiếng của Trung Quốc (1905 - 1945), thành danh với hai bài hát 'Hoàng Hà đại hợp xướng' và 'Tối hậu phương quân thu'. Chú thích dưới đây đều của người dịch. (2) Mức độ mà sự vật đạt tới. (1) Nguyên văn: “Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc.” (2) Nguyên văn: “Phần nộ xuất thi nhân.” (3) Nguyên văn: “Văn chương tăng mệnh đạt.” (4) Nguyên văn: “Tài mệnh lưỡng tương phương.” Tác giả có lẽ đọc 'Truyện Kiều' bản Trung văn do giáo sư Hoàng Dật Cầu dịch lại từ bản tiếng Việt. (1) Lỗ Tấn (188 - 1936), đại văn hào Trung Quốc, tự đặt cho mình nhiệm vụ thức tỉnh dân chúng bằng văn chương. (2) Có nghĩa nhận mình yếu đuối, bất tài. (3) Chữ trong sách Lão Tử: “vô vi mà thái bình.” (4) Nguyên văn “bất diệc lạc hồ” là một câu trong sách Luận ngữ, thiên Học nhi: “Hữu bằng tự viễn phương lai bất diệc lạc hồ?” (Có bạn từ phương xa đến chẳng vui sao.) Về sau dùng chỉ niềm vui. (5) Lửa tam muội: chữ trong truyện Thủy hử, có nghĩa nổi giận dữ dội. (6) Nhân vật chính trong truyện Chúc phúc của Lỗ Tấn, vì mãi làm để con bị sói tha đi mất, đâm lẩn thẩn, gặp ai cũng kể khiến người nghe phát chán. (7) Các cán bộ cấp cao của Đảng Cộng sản Trung Quốc và chiến sĩ cách mạng (chị Giang). (8) Ý nói người nôn nóng, muốn việc thành ngay mà bất chấp cả quy luật phát triển. Điển cố này có từ chương Công Tôn Sửu của sách Mạnh Tử. (9) Nguyên văn: chúng khẩu làm chảy vàng. (10) Nguyên văn: “bất tranh cổ thiên hạ mạc năng dữ chi tranh vô tư dư, cổ năng thành kỳ tư và tương dục thủ chi cố dữ chi.” (11) Trích từ Kinh Thi. (12) Nguyên văn: thổ miết. Tên một loại côn trùng mình dẹt, màu nâu, con đực có cánh, thường sống trong đất dưới chân tường. Có thể làm thuốc (1) Chỉ những thứ có hình chất, ý nói thấp hèn, đối lập với “hình nhi thượng” - chỉ những thứ vô hình, không có hình chất, ý nói cao siêu, thuộc về tinh thần. (2) Có nghĩa

là lẽ trời, tức luân lý phong kiến, cần được bảo tồn, còn dục vọng con người cần phải tiêu diệt. (3) Ông là bác sĩ người Canada, nhận lời ủy thác của Đảng Cộng sản Canada và Mỹ sang Trung Quốc trong thời gian chống Nhật để cứu chữa cho thương bệnh binh Trung Quốc. (4) Đốn ngộ: danh từ nhà Phật chỉ sự đột nhiên phá trừ vọng niệm, hiểu ra chân lý. Nay dùng để chỉ sự đột nhiên bừng tỉnh, hiểu ra. (5) “Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác.” (6) “Mình muốn được đứng vững thì cũng làm cho người khác đứng vững, mình muốn thành đạt thì cũng giúp người khác thành đạt.” (7) “Biển thu nạp trăm sông, có bao dung thì mới lớn được.” (1) Có nghĩa là không chính thống. (2) Ý nói chỉ có mỗi một thứ. (3) “Sáu kinh (Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu) đổ dồn vào ta”, ý nói chỉ mình là thông thái. (4) Người quân tử luôn bình thản thư thái, kẻ tiểu nhân thường hay buồn bực. (5) Dùng để ví con người cạnh tranh mà thực lực còn khó đoán. (6) Nguyên văn: “bôi cung xà ảnh”. Sách Phong tục thông nghị chép: một người mời khách ăn cơm, chiếc cung treo trên tường chiếu bóng vào chén rượu của khách, khách tưởng rắn trong chén, về nhà vẫn không cởi bỏ được mỗi ngờ, đâm ốm. Sau điển tích này dùng để chỉ sự đa nghi. (7) Sách Sử ký chép: đời Hán, trong số các nước láng giềng phía Tây có nước Dạ Lang (nay thuộc tỉnh Quý Châu) là lớn nhất. Vua nước ấy hỏi sứ thần nhà Hán. “Nhà Hán các ông lớn hay nước Dạ Lang chúng tôi lớn”. Sau điển này dùng để chỉ không biết gì mà tự cao tự đại. (8) Truyện Con sói Trung Sơn kể ông Đông Quách tốt bụng cứu con sói bị người ta săn đuổi, suýt nữa bị chính con sói ấy ăn thịt. (9) Phòng tuyến thép của nước Pháp trong chiến tranh thế giới thứ hai. (10) Tên Trung Quốc thời cổ. (11) Dùng lời hoặc hành động để khóa lấp việc mà người khác chế giễu mình. (12) Nguyên văn: “nhị tiêm biện”. (13) Nguyên văn: “thất chi tang du, đắc chi đông ngưng”. Câu này xuất xứ từ truyện Phùng Dị trong Hậu Hán thư, vốn là “thất chi đông ngưng, thu chi tang du” (mất ở góc phía đông thì thu được ở cây dâu cây du), ý nói lúc này thất bại, lúc khác thành công. (14) Nguyên văn: “cao hứng”. (15) Nguyên văn: “khoái lạc”. (16) Nguyên văn: “hoan hỉ”. (17) Nguyên văn: “hỉ duyệt”. (18) Xưa kia cao phết trên một miếng da chó nhỏ là thứ cao dán rất hiệu nghiệm, sau đó nhiều kẻ làm giả, vì thế cao

da chó chỉ sự gian dối, lừa bịp. (19) “Đơn thuần” trong Trung văn còn có nghĩa là “trong sáng, giản đơn”. (20) Có nghĩa là thân nạp tinh túy, phiên âm từ tiếng Đức Nazi. (21) Nguyên văn: “lượng tướng”, chỉ việc diễn viên đang diễn thì ngừng lại, giữ yên trong chốc lát để gây ấn tượng. (22) Nguyên văn: “giá tử hoa”, một loại mặt đợc vẽ rất kỹ. (23) Tên cô gái viết đồng thoại một ngày mùa xuân, một ngày mùa đông trong “Cách mạng Văn hóa” (24) Có nghĩa là phong tục tập quán nói chung (hàm nghĩa xấu). (25) “Ở với nhau suốt ngày mà chỉ thích làm ơn nhỏ, không nói tới điều nghĩa thì đến gần đạo khó lắm thay!” (26) Thơ của Mao Trạch Đông: “không thích áo đỏ mà thích vũ trang”. (27) Vương Thực Vị (1906-1947): nhà văn Trung Quốc (28) Một nhân vật của nhà văn Liên Xô cũ Fadeyev. (29) Hợp nhất giữa trời và người trong bản thể của vũ trụ. (30) Đạo buôn bán tức là đạo làm người. (31) Francis Fukuyama, người Mỹ gốc Nhật, tác giả cuốn Sự cáo chung của lịch sử. (32) Tuổi ba mươi, xuất xứ từ câu “tam thập nhi lập” trong Luận ngữ . (33) Huyện là cấp dưới của tỉnh và khu tự trị, thật ra cũng không phải là chức quan quá nhỏ. (34) Trong “Cách mạng Văn hóa”, trí thức bị xếp xuống loại 9, bị gọi là Chín thối. (35) Leo dòng kẻ trên giấy, chỉ việc viết văn, viết sách... (36) Một phong tục để trừ tà ma (37) Không còn là tình cảm thông thường của con người. (38) Hy sinh tính mạng cho chính nghĩa cao cả. (39) Hy sinh sự sống để chọn lấy điều nghĩa. (40) Đời người từ xưa ai chẳng chết, lưu lại lòng son chiếu sử xanh. (1) Lục hợp: trên, dưới và đông, tây, nam, bắc; chỉ chung thiên hạ hoặc vũ trụ. (2) Bờ bên kia: tức bị ngạn. Phật giáo gọi nơi vượt lên trên sống chết, tức niết bàn. (3) Nguyên văn: “một nhân”, nghĩa đen là không có mắt, nghĩa bóng là ngu. (4) Nguyên văn: “nhân giả thọ”, chữ trong thiên Ung dã sách Luận ngữ. (5) Chỉ biết làm điều ác. (6) Nguyên văn: “ngưu thị”, dịch từ “bull market”, một thuật ngữ trong chứng khoán chỉ thị trường đang lên. (7) “Văn nhân khinh lẫn nhau”. (8) Không có một thú vui nào. (9) Đọc đến chỗ sâu xa trong sách thì ý chí và tính cách sẽ bằng lặng, không nóng nảy. (10) Nguyên văn: “thiên đạo thù cần”. (1) Phạm Tiến là nhân vật trong Nho lâm ngoại sử của Ngô Kính Tử, thi hai mươi lần không đỗ, đến khi đỗ thì hóa điên. (2) Ý nói học như cắt gọt, mài giữa ngọc thì ắt tới lúc gió xuân hóa thành mưa,

ban ơn huệ cho ta thật nhiều. (3) Cách làm cho khỏi buồn ngủ của người xưa khi học khuya, từng được ca ngợi. (4) Huấn luyện viên nổi tiếng người Serbia, từng dẫn dắt năm đội tuyển quốc gia khác nhau tham dự World Cup. (5) Một loài cá cực lớn trong truyền thuyết xưa.

Table of Contents

[Lời nói đầu](#)

[Công chúa Bella-Flor](#)

[Cuốn sách pháp thuật](#)

[Câu chuyện về ba người ăn mày](#)

[Hoàng tử giàu lòng nghĩa hiệp](#)

[Cái chết của Abu Nowas và người vợ](#)

[Câu chuyện về Yara](#)

[Nàng Maria thông minh](#)

[Cô gái với cái mũ bằng gỗ](#)

[Công chúa Mayblossom](#)

[Công chúa không lời](#)

[Thiên đường bị đánh mất](#)

[Chiếc ấm thần kỳ](#)

[Yêu tinh ớn trả nghĩa đền](#)

[Chàng ngọc Peronnik](#)

[Hoàng tử và ba số phận](#)

[Kẻ nói dối tài tình nhất trên đời](#)